MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU 3

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HUỐNG VÀ GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG 9

1.1. Khái niệm 9

1.1.1. Tình huống và tình huống có vấn đề 9

1.1.1.1. Tình huống 9

1.1.1.2. Tình huống có vấn đề 11

1.1.1.3. Phân loại tình huống 13

1.1.2. Xử lý tình huống 16

1.1.3. Xử lý tình huống trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở 17

1.1.3.1. Hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở 17

1.1.3.2. Xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở ở cơ sở 24

1.2. Mục tiêu, nguyên tắc xử lý tình huống ở cơ sở 26

1.2.1. Mục tiêu xử lý tình huống 26

1.2.2. Nguyên tắc xử lý tình huống 28

1.3. Kỹ năng , quy trình giải quyết tình huống ở cơ sở 32

1.3.1. Kỹ năng giải quyết tình huống ở cơ sở 32

1.3.2. Quy trình giải quyết tình huống ở cơ sở 35

1.3.3. Các yếu tố tác động đến quá trình xử lý tình huống ở cơ sở. 43

1.3.3.1. Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo của chính quyền 43

1.3.3.2. Sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể 44

1.3.3.3. Năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở 45

1.3.3.4. Đặc điểm, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng, tập thể 47

1.4. Kinh nghiệm thực tiễn trong giải quyết tình huống ở cơ sở hiện nay 49

1.4.1. Về các tình huống thường gặp ở cơ sở 49

1.4.2. Một số kinh nghiệm xử lý tình huống ở cơ sở 50

1.4.2.1. Thuận lợi và khó khăn trong công tác xử lý tình huống 50

1.4.2.2. Kết quả trong xử lý tình huống ở cơ sở 51

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 52

CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG VÀ PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG. 53

2.1. Dự báo xu hướng xuất hiện tình huống ở cơ sở 53

2.2. Xây dựng và phương án xử lý tình huống cụ thể 60

2.2.1. Tình huống công tác Đảng 60

2.2.2. Tình huống hành chính, pháp lý 95

2.2.3. Tình huống công tác Mặt trận, đoàn thể 158

2.2.4. Các tình huống khác 209

KẾT LUẬN 283

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 284

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp cơ sở, luôn có sự tác động đặc biệt đến quá trình đổi mới hệ thống chính trị. Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X: "*Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao hơn nữa tính chiến đấu, tính thuyết phục của công tác tuyên truyền, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*"[1], công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học của Trường Chính trị luôn đề cao chất lượng, hiệu quả, gắn lý luận với thực tiễn.

Việc đổi mới tư duy đào tạo theo hướng chú trọng thực hành về kỹ năng, nghiệp vụ công tác, vận dụng những kiến thức lý luận vào giải quyết các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, các chương trình đào tạo, bồi dưỡng hiện hành chỉ đáp ứng một phần yêu cầu cấp thiết về công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở hiện nay.

Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, giảng viên Trường Chính trị Bình Phước đã sử dụng nhiều phương pháp để chuyển hóa kiến thức lý luận thành kỹ năng, nghiệp vụ. Trong đó, phương pháp tình huống được sử dụng khá thường xuyên, hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện phương châm giảng dạy: gắn lý luận với thực tiễn, vận dụng tri thức để xử lý các tình huống trong thực tiễn, nhằm giảm bớt sự nhàm chán, khô cứng trong giảng dạy lý luận chính trị. Việc vận dụng, đưa các tình huống vào hoạt động giảng dạy, học tập góp phần xây dựng môi trường học tập sinh động, lôi cuốn học viên chủ động nghiên cứu, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với kinh nghiệm thực tiễn công tác để xử lý các tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Thực tiễn hiện nay, hạn chế chung của các khung chương trình, giáo trình hiện hành, biên soạn chủ yếu nhằm trang bị hệ thống kiến thức lý luận, lý thuyết về

[1] Đảng bộ tỉnh Bình Phước, Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ X

nghiệp vụ, chưa chú trọng rèn luyện kỹ năng trong thực tiễn, nhất là việc vận dụng, xử lý các tình huống trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Chính vì vậy, khi nghiên cứu, giảng dạy, giảng viên phải tự tìm hiểu, thiết kế các tình huống (giả định hoặc thực tế) để phục vụ các nội dung giảng dạy. Tuy nhiên, mỗi giảng viên với trình độ, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn khác nhau nên khi xây dựng tình huống có nội dung, tính chất, mức độ cũng rất khác nhau, đôi khi dẫn đến thiếu tính nhất quán, đồng bộ trong cách tiếp cận và xử lý các tình huống từ phía người giảng dạy và người học. Mặc khác, thời gian học tập trên lớp có giới hạn, rất khó để học viên học tập, rèn luyện, hình thành kỹ năng, nghiệp vụ. Vì vậy, học viên cần phải có thời gian tự học, tự nghiên cứu, họ cần có những tài liệu chính thống, phù hợp để phục vụ quá trình tự học, nhất là việc rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra.

Qua khảo sát, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, thiếu kỹ năng giải quyết tình huống, nhất là việc xử lý những tình huống phát sinh từ thực tiễn ở cơ sở làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

Từ những yêu cầu nhiệm vụ trong công tác nghiên cứu, giảng dạy của Trường Chính trị và những vấn đề đặt ra từ thực tiễn ở cơ sở. Với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Trường Chính trị tỉnh, là đơn vị thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn và các đơn vị tương đương); trưởng, phó phòng huyện và các ban ngành cấp tỉnh; cán bộ dự nguồn các chức danh trên. Trường Chính trị tỉnh Bình Phước không ngừng đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh nói chung, cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã nói riêng đáp ứng yêu cầu thực tế đặt ra, góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh nhà đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Chính vì vậy, Trường Chính trị tỉnh Bình Phước đã lựa chọn và đề xuất nghiên cứu đề tài: "***Cẩm nang xử lý tình huống dành cho cán bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước***". Đây là một đề tài

mới, khác với cách tiếp cận và nghiên cứu của các đề tài khoa học xã hội khác về kết cấu, bố cục nội dung của đề tài, cách tiếp cận và giải quyết vấn đề theo mô phỏng, nhận diện các tình huống xảy ra từ thực tiễn ở cơ sở để xây dựng và hướng dẫn xử lý. Đây có thể nói là một đề tài có ý nghĩa và giá trị ứng dụng cao trong thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Mục tiêu của đề tài hướng đến việc nghiên cứu, xây dựng các tình huống mẫu, quy trình xử lý hiệu quả trong công tác lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở.

- Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài:

+ Nghiên cứu cơ sở lý luận về tình huống và giải quyết tình huống

+ Khảo sát thực trạng, nhận diện và xây dựng các tình huống mẫu từ thực tiễn ở cơ sở.

+ Đề xuất phương án, quy trình giải quyết tình huống mẫu.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: các tình huống xảy ra trong quá trình lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở.

- Phạm vi nghiên cứu: Tại tỉnh Bình Phước

4. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác Lênin.

- Sử dụng phương pháp nghiên cứu, phân tích tổng quan tài liệu, nghiên cứu tài liệu sơ cấp, tài liệu thứ cấp để tổng hợp, nhận diện, hệ thống hóa tình huống; xây dựng khung căn cứ pháp lý để đề xuất phương án giải quyết tình huống đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý với từng tình huống mẫu cụ thể.

- Bên cạnh đó, đề tài còn sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin, khảo sát thực tế, điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, hội thảo khoa học, tổ chức thảo luận nhóm…để lấy ý kiến góp ý của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, ý kiến góp ý của các chuyên gia để xây

dựng và xử lý tình huống đảm bảo tính khách quan, toàn diện, phù hợp với thực tiễn ở cơ sở.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Về mặt lý luận, đề tài nhằm góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận về tình huống và giải quyết tình huống trong công tác lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

- Về mặt thực tiễn:

+ Kết quả nghiên cứu của đề tài là cẩm nang công tác cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở, là tài liệu tham khảo phổ biến, giúp cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở vận dụng, áp dụng tương tự trong xử lý tình huống ở cơ sở, đảm bảo tính thống nhất, tính thực tiễn trên cơ sở lý luận và căn cứ pháp lý hiện hành để lựa chọn phương án tối ưu, tránh hành động cảm tính trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở địa phương, cơ sở.

+ Thông qua kết quả nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn, đề tài sẽ góp phần tác động đến chất lượng, hiệu quả làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở; thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng, củng cố quốc phòng ở địa phương, cơ sở.

6. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Nghiên cứu xây dựng các tình huống trong công tác lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở cho đến nay chưa có một công trình nghiên cứu cụ thể mà mới chỉ tiếp cận ở một vài khía cạnh có liên quan đến nội dung nghiên cứu đề tài cụ thể như sau:

- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở.* Đây là giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - Hành chính với đối tượng chủ yếu là cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở. Giáo trình chủ yếu đề cập đến vấn đề lý luận trên cả nước.

- Bài viết "*Kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề trong quản lý*" của TS. Nguyễn Thị Thúy Dung, Trường Đại học Sài Gòn. Bài viết đã phân tích, làm rõ khái niệm tình huống, vấn đề, tình huống có vấn đề và hệ thống hóa các giai đoạn giải quyết tình huống quản lý.

- Ban Dân vận Trung ương biên soạn cuốn sách *Cẩm nang công tác dân*

vận. Cuốn sách tập hợp những văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận và một số nghiệp vụ công tác dân vận ở cơ sở. Đây là những tài liệu thiết yếu góp phần phục vụ đắc lực cho cán bộ làm công tác dân vận và công tác vận động quần chúng trong giai đoạn cách mạng mới.

- Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin xuất bản cuốn sách *Cẩm nang nghiệp vụ công tác Đảng dành cho Bí thư Đảng bộ, Chi bộ các cấp*. Đây là tài liệu tham khảo dành cho cán bộ, đảng viên, các cấp uỷ, tổ chức cơ sở đảng, Bí thư Đảng bộ, chi bộ các cấp nhằm nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng.

- Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam đã biên soạn cuốn sách: "*100 tình huống tư tưởng có thể nảy sinh ở đơn vị và gợi ý biện pháp xử lý của cán bộ cơ sở",* tập hợp, trình bày các kinh nghiệm, các tình huống tư tưởng nảy sinh trong quá trình huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, công tác sinh hoạt tại đơn vị, quan hệ giữa quân nhân với nhau, giải quyết các mối quan hệ nảy sinh từ phía hậu phương, gia đình, xã hội và gợi ý một số biện pháp xử lý.

- Tác giả Tăng Bình và Ngọc Tuyền biên soạn cuốn sách: *"Cẩm nang nghiệp vụ công tác và hệ thống các tình huống thường gặp trong mọi lĩnh vực dành cho chủ tịch xã, phường, thị trấn*" do Nhà xuất bản Lao Động ấn hành.

- Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Tập bài giảng xử lý tình huống chính trị*. Tập bài giảng đã trang bị những kiến thức về xử lý tình huống chính trị, xử lý các điểm nóng chính trị xã hội trong đó gồm có khái niệm và phương pháp tiếp cận điểm nóng chính trị xã hội, những yêu cầu và quy trình giải pháp xử lý điểm nóng chính trị xã hội.

Cho đến thời điểm hiện nay, vẫn chưa có một đề tài nghiên cứu nào khai thác vấn đề cụ thể là xây dựng và hướng dẫn xử lý các tình huống dành cho cán bộ cơ sở nói chung và trên địa bàn tỉnh Bình Phước nói riêng, Vì vậy, đề tài:

" *Nghiên cứu xây dựng Cẩm nang xử lý tình huống dành cho cán bộ cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước"* là công trình nghiên cứu mới, có tính ứng dụng thực tiễn cho công tác lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

7. Nội dung, bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, đề tài được cấu trúc thành 2 chương.

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về tình huống và giải quyết tình huống

Chương 2: Nhận diện, xây dựng tình huống và phương án giải quyết tình huống.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TÌNH HUỐNG VÀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

1.1. Khái niệm

1.1.1. Tình huống và tình huống có vấn đề

1.1.1.1. Tình huống

Có nhiều khái niệm và cách hiểu khác nhau về thuật ngữ "tình huống" trong từng bối cảnh sử dụng cụ thể.

Một cách chung nhất, tình huống được cho là tất cả các vấn đề, các sự kiện, sự việc xảy ra xung quanh hoạt động cuộc sống của con người, nó chứa đựng các mâu thuẫn diễn ra tại một hay nhiều yếu tố của hệ thống sinh thái (đất, khí hậu, động vật…), hoặc của hệ thống xã hội nhân văn (dân cư, mức sống, trình độ, tổ chức xã hội…) hoặc cả hai hệ thống buộc con người phải tìm ra phương án giải quyết.

Theo Từ điển Tiếng Việt, tình huống là "toàn thể những sự việc xảy ra tại một nơi, trong một thời gian, buộc người ta phải suy nghĩ, hành động, đối phó, chịu đựng…"[2]. Quan điểm này cho rằng tất cả mọi hoạt động của con người đều là xử lý tình huống, không phân biệt những sự kiện, biến cố bình thường cần áp dụng những giải pháp bình thường với những sự kiện, biến cố gây cấn, phức tạp đòi hỏi có giải pháp đặc biệt.

Theo Đại Từ điển Tiếng Việt tình huống là "hoàn cảnh diễn biến thường bất lợi, cần đối phó".[3] Cách hiểu này chỉ xem những sự kiện, những biến cố xảy ra không bình thường, có vấn đề gay cấn , phức tạp, đòi hỏi con người phải nhận thức và xử lý băng những giải pháp không bình thường mới là tình huống.

Theo Từ điển tâm lý học, tình huống là "hệ thống các sự kiện bên ngoài chủ thể, có tác dụng thúc đẩy tính tích cực của người đó. Bên ngoài chủ thể được hiểu theo ba góc độ: về mặt không gian (tình huống nằm ngoài chủ thể); về mặt thời gian (tình huống xảy ra trước so với hành động của chủ thể) và về mặt chức năng

[2] Từ điển Tiếng Việt (1977), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.774
[3] Nguyễn Như Ý. *Đại Từ điển tiếng Việt*. (1998), Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, tr. 1649

(tình huống độc lập với các điều kiện tương ứng ở thời điểm chủ thể hành động)"[4]. Như vậy, tình huống mang tính khách quan, là những sự việc nảy sinh ngoài ý muốn con người, đòi hỏi con người phải đối phó.

Theo Nguyễn Hữu Lam, trong hoạt động dạy học, tình huống là "mô tả một trường hợp có thật, thường bao gồm một quyết định, thách thức, cơ hội, hay vấn đề mà một hay nhiều người trong tổ chức phải đối phó. Tình huống yêu cầu người đọc phải từng bước nhập vai người ra quyết định cụ thể".[5]

Theo Gomez-Ibanez, trong hoạt động quản lý, tình huống là " một hoàn cảnh thực tế trong đó một quyết định cụ thể phải được thực hiện bởi một nhà quản lý tư nhân hay một viên chức nhà nước. Các tình huống tóm tắt những áp lực và những yếu tố cân nhắc khác nhau mà viên chức hay nhà quản lý phải xem xét khi ra quyết định và những thông tin hiện có lúc bấy giờ thường không hoàn chỉnh hay mâu thuẫn nhau".[6]

Như vậy, có thể thấy rằng, thuật ngữ "tình huống" dù được quan niệm theo cách nào thì trong nội hàm của nó cũng đều chứa đựng một "tình trạng/ trạng thái" cần đưa ra quyết định để giải quyết các vấn đề. Tình huống vừa chứa đựng yếu tố khách quan (sự việc, hoàn cảnh chứa mâu thuẫn nảy sinh ngoài ý muốn của chủ thể) vừa chứa đựng yếu tố chủ quan thuộc về chủ thể. Khi nói về tình huống là nói tới một sự kiện thực tế khách quan nào đó xuất hiện, đặt ra yêu cầu phải xử lý, giải quyết một cách cụ thể. Trong cuộc sống, con người thường đặt vấn đề: có tình huống, đã xuất hiện tình huống; hoặc: khi có tình huống, nếu có tình huống; để thể hiện một sự kiện đột biến trong quá trình vận động, phát triển hoặc để thể hiện ý chí phải giải quyết một vấn đề nào đó không bình thường, xảy ra trong quá trình vận động, phát triển của thực tiễn.

Từ quan niệm về tình huống của các tác giả nói trên có thể thấy rằng nói đến tình huống là nói đến mâu thuẫn, đến vấn đề trong tình huống. Tình huống tồn tại

---

[4] Vũ Dũng (Chủ biên), Từ điển tâm lý học. H.2008, Tr.876.

[5] Nguyễn Hữu Lam. *Phương pháp nghiên cứu tình huống*, Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright. - 2004.

[6] Gomez-Ibanez, J. A. *Learning by the Case Method*. - Kennedy School of Government, 1986.

khách quan trong hiện thực, không phụ thuộc vào ý muốn của con người, nhưng nhận thức về tình huống lại mang tính chủ quan. Cùng một tình huống đối với người này, trong thời điểm này là có mâu thuẫn, nhưng đối với người khác hoặc trong thời điểm khác lại không có mâu thuẫn cần giải quyết. Mặt khác, mỗi người khi xem xét một tình huống cũng có thể phát hiện ra các vấn đề khác nhau do họ nhìn nhận các khía cạnh khác nhau trong tình huống nhằm các mục đích khác nhau.

Trên cơ sở những quan niệm chung nhất, có thể đi đến cách hiểu về tình huống như sau: *Tình huống là những sự việc, câu chuyện xảy ra trong xã hội, liên quan đến hoạt động sống của con người trong một thời gian, không gian xác định, có thể xuất hiện hoặc không có những biến cố bất thường, đặt ra yêu cầu xử lý, giải quyết.*

Những tình huống không xuất hiện biến cố bất thường đặt ra cho con người những yêu cầu giải quyết thông thường, theo các quy định, luật lệ đã có sẵn. Những tình huống tiềm ẩn hoặc xuất hiện những khó khăn, biến cố bất thường bắt buộc con người phải giải quyết nó với những biện pháp, giải pháp, cách thức đặc biệt, khẩn cấp, có thể nằm ngoài quy định chung của hệ thống.

1.2.1.2. Tình huống có vấn đề

Vấn đề là sự phản ánh mâu thuẫn trong quá trình nhận thức của chủ thể đối với khách thể nào đó. Đây là mâu thuẫn giữa "cái đã biết" và "cái chưa biết". Cái chưa biết đó chỉ trở thành vấn đề đối với nhận thức của con người khi con người có nhu cầu và có khả năng tìm ra cái chưa biết. Như vậy, vấn đề mang tính chủ quan (chủ thể nhận thức được mâu thuẫn, có nhu cầu và có điều kiện, khả năng giải quyết mâu thuẫn).

Một tình huống nảy sinh trong hoạt động của con người, ngoài ý muốn của con người. Đối với người này, đó là tình huống bình thường, nhưng đối với người khác đó lại là tình huống có vấn đề. Tình huống là tình huống có vấn đề khi nó chứa đựng mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái chưa biết (có thể có nhiều phương hướng tìm lời giải và có khi có nhiều lời giải), mâu thuẫn được chủ thể nhận thức, từ đó nảy sinh nhu cầu giải quyết và có khả năng giải quyết mâu thuẫn dựa trên

vốn tri thức, kinh nghiệm của mình. Như vậy, tình huống có vấn đề vừa chứa đựng yếu tố khách quan (sự việc, hoàn cảnh chứa mâu thuẫn nảy sinh ngoài ý muốn của chủ thể) vừa chứa đựng yếu tố chủ quan thuộc về chủ thể.

Theo từ điển Tiếng Việt, tình huống có vấn đề được hiểu là "tổng thể nói chung những sự kiện, hiện tượng có quan hệ với nhau diễn ra trong không gian, thời gian nào đó mà sự diễn biến của nó cần đối phó"[7].

Sổ tay Tâm lý học cho rằng: "Tình huống có vấn đề là tình huống đòi hỏi cá nhân hay tập thể phải tìm kiếm và sử dụng các phương tiện, phương pháp mới cho hoạt động của mình. tình huống có vấn đề thể hiện tác động tương hỗ giữa chủ thể và môi trường xung quanh, cũng như trạng thái tâm lý của chủ thể trong các tác động đó. Khi đã nhận thức được mâu thuẫn nào đó trong quá trình hoạt động sẽ làm xuất hiện nhu cầu về những tri thức mới, về cái chưa biết để giải quyết những mâu thuẫn đó. Cái chưa biết trong tình huống có vấn đề thường tồn tại ở dạng câu hỏi đặt ra đối với chủ thể và đây là khâu đầu tiên của quá trình tư duy. Trong tình huống có vấn đề chủ thể phải tìm lời giải đáp cho câu hỏi tức là lựa chọn những phương pháp cần thiết để giải quyết nó"[8].

Theo các tác giả nói trên, tình huống có vấn đề đưa con người vào trạng thái tâm lý thắc mắc, cần phải giải quyết một vấn đề nào đó. Tuy nhiên nếu quan niệm tình huống có vấn đề chỉ là một trạng thái tâm lý thì chỉ mới nói lên được mối quan hệ giữa chủ thể với chính nhiệm vụ nhận thức. Thực tế tình huống có vấn đề nảy sinh từ thế giới khách quan trong hoạt động của chủ thể, do đó cần xem xét nó trong mối quan hệ của chủ thể với thực tế khách quan. Mặt khác không phải mọi mối quan hệ của chủ thể với thực tế khách quan đều là có vấn đề, mà chỉ có mối quan hệ nào chứa đựng những nhu cầu nhận thức chưa được thoả mãn của chủ thể mời trở thành vấn đề đối với họ. Do vậy hạt nhân của tình huống có vấn đề là mâu thuẫn giữa nhu cầu nhất định của chủ thể với phương tiện thoả mãn nhu cầu này.

Bất cứ một tình huống có vấn đề nào cũng bao gồm các yếu tố sau:

---

[7]Hoàng Phê (2000), Từ điển Tiếng Việt. Nxb. Đà Nẵng, Tr.996

[8] Sổ tay Tâm lý học (1994), NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.

Một là, có chứa đựng mâu thuẫn.

Hai là, có tính chủ quan. Cùng ở trong tình huống nhưng có thể xuất hiện mâu thuẫn ở người này, mà không làm xuất hiện mâu thuẫn ở người khác.

Ba là, phá vỡ cân bằng trong nhận thức của chủ thể.

Mỗi khi nhận thấy có bất cứ mâu thuẫn nào trong hoạt động của mình, chủ thể sẽ có nhu cầu tìm kiếm những kiến thức mới, những phương tiện, phương pháp mới để làm sao giải quyết được mâu thuẫn nảy sinh. Do vậy, tình huống có vấn đề mang tính tất yếu trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, thúc đẩy sự phát triển của xã hội. Bên cạnh tác động tích cực, tình huống có vấn đề sẽ trở nên tiêu cực khi không tìm được lời giải cho những câu hỏi của nó. Khi mà mâu thuẫn sẽ trở thành xung đột và tình huống có vấn đề có nguy cơ trở thành những khủng hoảng tâm lý đối với cá nhân và thành khủng hoảng chính trị - xã hội đối với một nhóm người hay toàn xã hội.

Việc quan tâm, phát hiện và giải quyết kịp thời tình huống có vấn đề sẽ giữ gìn sự ổn định, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của xã hội, nhưng nếu thiếu quan tâm, bỏ qua, bưng bít...sẽ mang lại những hậu quả khôn lường. Đó là tính chất hai mặt, rất tích cực, đồng thời rất nguy hiểm của tình huống có vấn đề.

1.1.1.3. Phân loại tình huống

Tình huống được phân loại dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau. Dựa trên mục đích phân loại tình huống, mỗi hệ thống tiêu chí sẽ cho thấy các loại tình huống khác nhau có những đặc trưng riêng phục vụ mục tiêu hoạt động của chủ thể.

(1) Dựa vào diễn biến, tính chất của tình huống có các loại:

- Tình huống bình thường: là những sự việc, những câu chuyện xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, không xuất hiện biến cố bất thường, hoặc không bắt buộc con người phải áp dụng những giải pháp, cách thức xử lý khác thường, đặc biệt, hoặc không làm cho con người bị động, bất ngờ, không gây hậu quả lớn cho cá nhân và xã hội.

- Tình huống bất thường: là hiện tượng, sự kiện, sự việc diễn ra trong đời sống xã hội có nguyên nhân từ tự nhiên khách quan hoặc xuất phát từ chính đời

sống xã hội hoặc chủ quan do con người tạo ra, mang đến những hậu quả xã hội ở mức độ khác nhau. Tình huống bất thường diễn ra mang tính đột biến, tức thời như các hiện tượng tự nhiên (động đất, sóng thần, núi lửa…) hoặc hiện tượng xã hội (dịch bệnh mới lạ); các tai nạn xây dựng, trên sông, trên biển, các hỏa hoạn do yếu tố chủ quan… Có những tình huống không phải tức thời nhưng bất khả kháng như: thảm họa sau động đất, sóng thần, mưa, bão, lũ, cháy rừng bị lây lan… mang lại những hậu quả thiệt hại về kinh tế, xã hội và con người.

(2) Dựa vào lĩnh vực hoạt động xảy ra tình huống: khi các hoạt động xã hội diễn ra, trong từng lĩnh vực hoạt động sẽ nảy sinh các tình huống cần giải quyết. Theo đó sẽ có các loại: Tình huống chính trị, tình huống xã hội, tình huống chính trị - xã hội, tình huống quân sự, tình huống tôn giáo, dân tộc, tình huống y tế, tình huống giáo dục, tình huống lãnh đạo, quản lý…

(3) Dựa vào mức độ phức tạp của tình huống

- Tình huống đơn giản: Nội dung đơn giản, đòi hỏi giải quyết một yêu cầu.
- Tình huống phức tạp: Nội dung đòi hỏi giải quyết nhiều yêu cầu.

(4) Dựa vào tính chất thực tế của sự kiện

- Tình huống thực tế: Tình huống được chọn lọc từ những sự kiện, những hiện thực trong cuộc sống.
- Tình huống giả định: Tình huống được gia công tạo dựng lên (hư cấu, không có thực) nhằm phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu, huấn luyện, diễn tập...

(5). Dựa vào nội dung của tình huống

- Tình huống liên quan đến đời sống sinh hoạt thường ngày.
- Tình huống liên quan đến học tập, nghiên cứu.
- Tình huống liên quan đến an toàn lao động và sức khỏe cộng đồng.
- Tình huống liên quan đến khoa học ứng dụng và sản xuất.
- Tình huống liên quan đến các hiện tượng tự nhiên.

Trong phạm vi của đề tài này, *tình huống được xác định là những tình huống thực tế hoặc giả định, có vấn đề, có tính bất thường xảy ra trong các lĩnh vực hoạt động trong xã hội, đặt ra yêu cầu phải xử lý, giải quyết.* Những tình

huống được xác định trong khuôn khổ đề tài có thể là hiện tượng đơn nhất, hoặc phổ biến (xảy ra trong một thời điểm, tại một địa điểm nhất định/ hoặc giả định), mang tới hậu quả tiêu cực cho xã hội và con người (hoặc giả định sẽ mang lại hậu quả tiêu cực).

Tính chất bất thường của các tình huống được xem xét trên các khía cạnh sau: (1) Tình huống xảy ra nằm ngoài sự nhận thức, sự chủ động ứng phó của con người do diễn biến hay xuất hiện đột ngột, tức thì như cúp điện đột ngột, động đất, sóng thần, núi lửa…(2)Tình huống bất thường do nó xuất hiện ngoài quy luật bình thường, nhưng vẫn nằm trong dự báo, tính toán trên cơ sở nhận thức quy luật, ví dụ: bão trái mùa, số người tử vong vì một loại dịch bệnh vượt xa các con số dự báo và sự chuẩn bị gây ra những thiệt hại không lường trước; những tình huống này có thể không trở thành bất thường nếu có sự tái diễn, vì con người đã cẩn trọng, cảnh giác ứng phó hoặc rút ra bài học. (3) Tình huống bất thường xảy ra từ sự khác nhau trong cách tiếp cận (hoặc năng lực) của con người đối với việc giải quyết một vấn đề nhất định. Nếu tiếp cận thụ động (không đủ khả năng nắm bắt, giải quyết hiệu quả) thì trở thành bất thường. (4) Tình huống bất thường xảy ra từ sự mâu thuẫn về lợi ích của các cá nhân - cá nhân, cá nhân - tập thể hay giữa các tập thể với nhau như sự mất niềm tin của người dân và chế độ, sự phát sinh lợi ích nhóm trong xã hội, tình trạng tham nhũng…Trong thực tế, khi thực hiện một số hoạt động kinh tế - xã hội sẽ gây những tác động nghiêm trọng tới hoạt động bình thường của xã hội hay lợi ích của con người (ô nhiễm môi trường tại các làng nghề truyền thống, các khu công nghiệp…). Có những tình huống nếu xét theo một hiện tượng nhất định thì là đơn lẻ, cụ thể nhưng hậu quả của nó vượt xa những thiệt hại có thể tính đếm được đối với kinh tế - xã hội (Dịch bệnh Covid-19 kéo theo hàng loạt các thiệt hại về kinh tế, chính trị, giáo dục…).

Hoạt động sống của con người trong xã hội vốn phức tạp, có các quan hệ đan xen (các mối quan hệ xã hội, tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa, sinh hoạt dân sự.v.v...), các biểu hiện khác nhau trong xã hội, các tình huống nảy sinh trong hoạt

động xã hội đều đòi hỏi sự chủ động và ứng phó của cá nhân, cộng đồng và các chủ thể lãnh đạo, quản lý.

1.1.2. Xử lý tình huống

Đứng trước các tình huống, nhất là các tình huống có vấn đề, có tính bất thường, con người bắt buộc phải trải qua quá trình nhận thức và tìm ra những cách thức, phương pháp giải quyết nó một cách kịp thời, hiệu quả. Nếu không, các chủ thể sẽ rơi có nguy cơ vào trạng thái bị động, tiêu cực, thậm chí nguy hiểm cho cá nhân mình và cho cộng đồng, xã hội. Quá trình ấy được gọi là xử lý tình huống.

Trong Từ điển bách khoa tâm lý học của Mỹ do tác giả Alan E. Kazdin chủ biên (2000), "xử lý tình huống" được hiểu là quá trình "đi từ tình huống có vấn đề, vượt qua các trở ngại, đến chỗ giải quyết vấn đề"[9]

Một số nhà nghiên cứu Việt Nam như Nguyễn Đình Chỉnh - Phạm Ngọc Uyển trong sách "Tâm lí học quản lý"[10], Phan Thế Sủng trong sách "Nghệ thuật ứng xử tình huống trong quản lý trường phổ thông"[11], xem xét quá trình xử lý tình huống là một quá trình với các giai đoạn diễn ra như sau:

- Giai đoạn 1: Nhận thức vấn đề. Giai đoạn này bao gồm việc chủ thể phát hiện và nhận dạng vấn đề và xác định được mục tiêu cần đạt khi giải quyết vấn đề.

- Giai đoạn 2: Xác định rõ vấn đề và biểu đạt vấn đề cần giải quyết. Thao tác trí óc chủ yếu diễn ra ở khâu này là phân tích. Trên cơ sở những thông tin thu nhận được, chủ thể tiến hành phân tích những mâu thuẫn chứa đựng trong tình huống, xác định tất cả các yếu tố, các sự kiện, các hiện tượng liên quan đến tình huống và mối quan hệ nhân quả giữa chúng, tìm ra tất cả các nguyên nhân khách quan, chủ quan, trực tiếp, gián tiếp, sâu xa tiềm ẩn... của tình huống. Chủ thể biểu đạt vấn đề trong tư duy hoặc bằng ngôn ngữ nói hoặc viết bên ngoài.

- Giai đoạn 3: Đề ra các phương án giải quyết.

- Giai đoạn 4: Lựa chọn phương án tối ưu.

---

[9] Kazdin, A.E. (Editor in chief) (2000), Encyclopedia of Psychology, Volume 8, Oxford University Press. Tr.68

[10] Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Ngọc Uyển (1998), Tâm lí học quản lí, NXB Giáo dục

[11] Phan Thế Sủng (1996), Nghệ thuật ứng xử tình huống trong quản lý trường phổ thông, Hà Nội.

- Giai đoạn 5: Tổ chức thực hiện phương án đã lựa chọn.

- Giai đoạn 6: Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

Như vậy, *xử lý tình huống là quá trình con người sử dụng trí tuệ để tìm ra phương án tối ưu và tổ chức thực hiện những biện pháp để giải quyết những vấn đề phát sinh trong tình huống nhằm đạt được mục tiêu đặt ra, đưa các chủ thể trở lại trạng thái ổn định, bình thường*.

Xử lý tình huống bao gồm nhiều giai đoạn, thể hiện hai hoạt động chính của chủ thể. *Một là,* hoạt động bên trong, mang tính tư duy, trí tuệ. Chủ thể huy động kiến thức, kinh nghiệm của cá nhân, hoặc tập thể suy nghĩ, bàn bạc tìm ra những cách thức tốt nhất để giải quyết tình huống. *Hai là*, hoạt động bên ngoài, mang tính hành động, hiện thực hóa những nội dung đã tư duy. Sau khi đã có được phương án xử lý, các chủ thể huy động nguồn lực để thực hiện. Hoạt động này có thể do chính chủ thể trực tiếp thực hiện, hoặc do những người khác thừa hành, giúp đỡ.

Tuy nhiên, suy đến cùng, quá trình xử lý tình huống chủ yếu vẫn là một quá trình trí tuệ. Vì để tổ chức thực hiện xử lý tình huống (giai đoạn 5), các chủ thể vẫn phải tiếp tục suy nghĩ xây dựng kế hoạch hành động (xác định các việc cụ thể cần làm, phân công phân nhiệm, xác định thời điểm thực hiện), hay để kiểm tra, đánh giá việc thực hiện (giai đoạn 6), thì các chủ thể phải suy nghĩ xác định các yếu tố cần theo dõi kiểm tra đánh giá.

1.1.3. Xử lý tình huống trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

1.1.3.1. Hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

(1) Khái niệm và đặc điểm cơ sở

* Khái niệm cơ sở

"Cơ sở" được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Một cách chung nhất, "cơ sở" thường được nhìn nhận là nền tảng, là chỗ dựa cho một người, vật hoặc việc trong diễn biến, hoạt động.

Theo Từ điển Tiếng Việt, "cơ sở" là "Cái làm nền tảng, trong quan hệ với những cái xây dựng trên đó hoặc dựa trên đó mà tồn tại, phát triển"[12].

Một nghĩa khác, "cơ sở" còn được hiểu là "Đơn vị ở cấp dưới cùng, nơi trực tiếp thực hiện các hoạt động như sản xuất, công tác, v. v. của một hệ thống tổ chức, trong quan hệ với các bộ phận lãnh đạo cấp trên".[13] Với cách tiếp cận này, người ta thường dùng để gọi các chi, đảng bộ là *tổ chức cơ sở đảng,* cấp cuối cùng trong hệ thống chính trị ở Việt Nam là *cấp cơ sở...* Khi đề cập đến vấn đề xây dựng đời sống văn hóa *ở cơ sở*, Đại hội lần thứ V của Đảng khẳng định: "Đặc biệt chú trọng xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, đảm bảo mỗi nhà máy, công trường, lâm trường, đơn vị lực lượng vũ trang, cơ quan, trường học, xã, phường, hợp tác xã, ấp đều phải có đời sống văn hóa"[14].

Như vậy, trong phạm vi đề tài này, có thể hiểu *"cơ sở" chính là các đơn vị hành chính cấp cơ sở (các xã, phường, thị trấn), các đơn vị tự quản dưới cấp cơ sở (khu phố, ấp, thôn, làng, bản, sóc...) và các đơn vị công tác, lao động, sản xuất của người dân (cơ quan, đơn vị, nhà máy, công ty, trường học...)*.

*Đặc điểm của cơ sở

Với cách nhìn nhận về "cơ sở" như trên, có thể thấy, cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý. Sự thành công hay thất bại của hệ thống lãnh đạo, quản lý phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của cơ sở, bởi lẽ:

Cơ sở là nơi người dân sinh sống và làm việc do đó các hoạt động diễn ra ở cơ sở vô cùng đa dạng, phong phú. Trong sinh hoạt và lao động của người dân cũng thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, tranh chấp gay gắt cần phải giải quyết, điều hòa nếu không sẽ có nguy cơ dẫn đến những xung đột, khủng hoảng ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển của xã hội.

---

[12] Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển Tiếng Việt (1992), Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội, tr.225

[13] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt* (1992), Trung tâm Từ điển Ngôn ngữ, Hà Nội, tr.225

[14] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, (1981) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Cơ sở là nơi triển khai thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, đưa những chủ trương, chính sách từ dạng tư duy lý luận đi vào thực tiễn cuộc sống đến với các tầng lớp nhân dân, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách trong điều kiện thực tế để kiểm nghiệm, đánh giá tính đúng đắn, mức độ phù hợp để từ đó điều chỉnh chủ trương, chính sách nếu cần thiết. Cho nên, nếu việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách ở cơ sở không đúng đắn, không hiệu quả hoặc sự phản hồi không chính xác, kịp thời sẽ dẫn đến tình trạng xa rời thực tế, duy ý chí trong lãnh đạo, quản lý của cả hệ thống.

Cơ sở cũng là nơi gần nhất với thực tiễn và trực tiếp nhất với hoạt động sống của người dân, nơi hiểu biết rõ nhất những bức xúc mà cuộc sống, lao động, sinh hoạt của mỗi người dân đang đặt ra, hiểu những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân nắm thông tin nhanh, trực tiếp và trung thực nên cho phép xử lý chính xác và linh hoạt các tình huống thực tiễn. So với các cấp quản lý ở trên thì quy mô của cấp cơ sở nhỏ hơn nhưng các vấn đề cần phải giải quyết phức tạp hơn, bởi vì nó liên quan đến nhu cầu, lợi ích, tâm trạng, hoàn cảnh…của mỗi một người dân.

(2) Hoạt động lãnh đạo:

Từ khi Khoa học lãnh đạo ra đời (những năm 60 của thế kỷ XX), đã có hàng trăm định nghĩa về lãnh đạo xuất hiện. “Lãnh đạo” được xem là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong khoa học về tổ chức - nhân sự, được nhiều người nghiên cứu, tìm hiểu. Một cách chung nhất, có thể hiểu lãnh đạo là khả năng giành được sự tin tưởng và ủng hộ từ những người cần thiết để thực hiện thành công các mục tiêu của tổ chức.

Tác giả Gary Yuki cho rằng: “Lãnh đạo là một quá trình ảnh hưởng mang tính xã hội trong đó lãnh đạo tìm kiếm sự tham gia tự nguyện của cấp dưới nhằm đạt mục tiêu của tổ chức”[15]. Theo đó, lãnh đạo là quá trình sử dụng và phối hợp hoạt động của các cá nhân trong tổ chức bằng cách gây ảnh hưởng và dẫn dắt hành vi của cá nhân hay nhóm người nhằm hướng tới mục tiêu của tổ chức.

[15] Gary Yuki, Lãnh đạo trong tổ chức, (2002), 5th editions, Prentice Hall.

Theo các tác giả Andrew J Dubrin, Carol Dalglísh và Peter Miller, lãnh đạo được hiểu là "nghệ thuật gây ảnh hưởng đến người khác thông qua biện pháp thuyết phục hoặc làm gương để tuân thủ cùng một chuỗi mô hình hành động"[16].

Giáo trình "Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở", chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính đưa ra cách tiếp cận về hoạt động lãnh đạo như sau: "là hoạt động của người lãnh đạo mang tính định hướng, gây ảnh hưởng, tạo dựng niềm tin, thuyết phục người khác để họ đồng thuận với người lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương hướng tới mục tiêu nào đó. Lãnh đạo tạo hiệu ứng điều khiển, dẫn dắt người khác dựa trên cơ chế nhận thức, niềm tin, tiêu chuẩn đạo đức, tư tưởng…mà không mang tính cưỡng bức đối với người khác"[17].

Như vậy, lãnh đạo trước hết là quá trình gây ảnh hưởng của một chủ thể đến người khác. Ảnh hưởng này có thể chính thức hoặc không chính thức. Ảnh hưởng chính thức khi chủ thể giữ một vị trí lãnh đạo, quản lý nào đó trong tổ chức, được công nhận bởi các thủ tục pháp lý cần thiết, kèm theo một số thẩm quyền nhất định. Ảnh hưởng không chính thức được tạo ra khi chủ thể là người có những phẩm chất, đặc điểm, yếu tố nổi trội, có sức thuyết phục và hấp dẫn những người khác, khiến họ tự giác đi theo.

(3) Hoạt động quản lý

Nguồn gốc phát triển loài người là lao động của cá nhân và lao động chung. Lao động chung cần có tổ chức và thống nhất nhằm tạo ra sức mạnh để đạt được mục đích chung. Trong lịch sử phát triển loài người xuất hiện một dạng lao động mang tính đặc thù là tổ chức - điều khiển con người với các hoạt động theo những yêu cầu nhất định; dạng lao động đó được gọi là quản lý.

---

[16] Andrew J Dubrin, Carol Dalglísh và Peter Miller, *Lãnh đạo học* (bản dịch lần 1) (2010), Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Trường Quản lý nhà nước Mark O Hatfield, Hà Nội, tr.20

[17] Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình "Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở", (2017), Nxb. LLCT, Hà Nội, tr.

Quản lý là một chức năng lao động bắt nguồn từ tính chất lao động của xã hội. Từ khi con người bắt đầu hình thành các nhóm để thực hiện những mục tiêu mà họ không thể đạt được với tư cách là những cá nhân riêng lẻ, thì nhu cầu quản lý cũng hình thành như một yếu tố cần thiết để phối hợp những nỗ lực cá nhân hướng tới những mục tiêu chung. Xã hội phát triển qua các phương thức sản xuất từ cộng sản nguyên thủy đến nền văn minh hiện đại, trong đó quản lý luôn là một thuộc tính tất yếu lịch sử khách quan gắn liền với xã hội ở mọi giai đoạn phát triển của nó.

Thuộc tính đó bắt nguồn từ bản chất của hệ thống xã hội, đó là hoạt động lao động tập thể - lao động xã hội của con người. Trong quá trình lao động con người buộc phải liên kết lại với nhau, kết hợp lại thành tập thể. Điều đó đòi hỏi phải có sự tổ chức, phải có sự phân công và hợp tác trong lao động, phải có sự quản lý.

Như vậy, quản lý là một hoạt động xã hội bắt nguồn từ tính chất cộng đồng dựa trên sự phân công và hợp tác để làm một công việc nhằm đạt được mục tiêu chung đề ra. Mặc dù quản lý là một thuộc tính tất yếu gắn liền với xã hội nhưng chỉ khi xã hội phát triển đến một trình độ nhất định thì quản lý mới được tách ra thành một chức năng riêng của lao động xã hội; dần dần hình thành những tập thể, những tổ chức và cơ quan chuyên hoạt động quản lý - hệ thống quản lý (chủ thể quản lý).

Xã hội càng phát triển về trình độ và quy mô sản xuất, về văn hóa, khoa học, kỹ thuật công nghệ, thì trình độ quản lý, tổ chức, điều hành và công nghệ quản lý cũng càng được nâng lên và phát triển không ngừng. Quản lý là một trong những hoạt động vừa khó khăn, phức tạp; vừa là một nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại và phát triển xã hội, suy thoái hay thịnh vượng của một tổ chức, một quốc gia, thậm chí là toàn cầu. Sự phát triển xã hội dựa vào nhiều yếu tố: sức lao động, tri thức, nguồn vốn, tài nguyên, năng lực quản lý. Trong đó năng lực quản lý được xếp hàng đầu. Năng lực quản lý là sự tổ chức, điều hành, kết hợp tri thức với việc sử dụng sức lao động, nguồn vốn và tài nguyên để phát triển xã hội. Quản lý tốt thì xã hội phát triển, ngược lại nếu buông lỏng hay quản lý tồi thì sẽ mở đường cho sự rối loạn, kìm hãm sự phát triển xã hội.

Tác giả Richard Winter cho rằng: “Quản lý là việc thực hiện các mục tiêu của tổ chức theo cách có hiệu quả và hiệu suất cao thông qua việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các nguồn lực của tổ chức”[18].

Tác giả Nguyễn Minh Đạo nêu ý kiến: "Quản lý là sự tác động chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người nhằm đạt tới mục tiêu đã đề ra"[19].

Giáo trình “Khoa học quản lý” đưa ra khái niệm: “Quản lý là sự tác động có hướng đích của chủ thể quản lý đến một hệ thống nào đó nhằm biến đổi nó từ trạng thái này sang trạng thái khác theo nguyên lý phá vỡ hệ thống cũ để tạo lập hệ thống mới và điều khiển hệ thống”[20]

Như vậy, “Quản lý” là hoạt động của các chủ thể tác động đến các sự vật, sự việc, con người theo những quy tắc, quy định của hệ thống để đạt được những mục tiêu mà tổ chức đề ra.

(4) Mối quan hệ giữa lãnh đạo và quản lý

Hoạt động lãnh đạo và hoạt động quản lý đều là những hoạt động “đạt mục đích thông qua việc “điều khiển” người khác”. Hoạt động quản lý chủ yếu gắn với việc sử dụng quyền lực được giao, mang tính cưỡng chế, mệnh lệnh, hành chính nhằm giải quyết những công việc cụ thể, có thể định lượng được; còn hoạt động lãnh đạo chủ yếu gắn với việc sử dụng quyền lực tự thân (hoặc có thể kết hợp với quyền lực được giao) để gây ảnh hưởng, lôi cuốn, thuyết phục người khác đi theo nhà lãnh đạo để tạo ra những sự thay đổi. Chính vì vậy mà hoạt động lãnh đạo có tính bao trùm, rộng hơn so với hoạt động quản lý. Theo đó, một nhà lãnh đạo giỏi trước hết phải là nhà quản lý giỏi hoặc phải nhận được sự giúp đỡ của những nhà quản lý giỏi, ngược lại một nhà quản lý giỏi không nhất thiết phải là nhà lãnh đạo

[18] Dẫn theo: Học viện Chính trị -Hành chính QG HCM: Tập bài giảng “Phát triển lãnh đạo và quản lý”(2007), Hà Nội.
[19] Cơ sở khoa học quản lý (1997, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
[20] Giáo trình Khoa học quản lý, Tập 2 (2001) NXB KHKT. Hà Nội.

giỏi. Trong thực tế, gần đây các kết quả nghiên cứu cho thấy, chỉ có dưới 10% các nhà quản lý có thể làm được công tác lãnh đạo[21].

Tuy hai hoạt động lãnh đạo và quản lý của những người đứng đầu là khác nhau về độ phức tạp, nhưng chúng đều có vai trò quan trọng như nhau trong các tổ chức, đơn vị, các cơ quan hành chính nhà nước. Điều này cũng đã được các nhà nghiên cứu về lãnh đạo học khẳng định: "Nếu không có sự lãnh đạo và quản lý thì tổ chức có thể đối mặt với mối nguy cơ bị tiêu diệt"[22].

Ở nước ta, với đặc điểm thể chế chính trị do một đảng duy nhất cầm quyền, Đảng lãnh đạo toàn diện về mọi mặt, nhất là công tác cán bộ cho nên mỗi một người cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong hệ thống chính trị vừa thực hiện vai trò của nhà quản lý, nhà tổ chức, nhà chuyên môn vừa đồng thời phải thực hiện vai trò của người lãnh đạo. Nhất là ở cơ sở, nơi đặc điểm công tác của cán bộ mang tính tổng hợp, tính chuyên biệt không cao thì càng khó tách biệt hai hoạt động này trong một người cán bộ. Vì thế, người ta thường gọi chung là hoạt động lãnh đạo, quản lý.

(5) Nội dung của hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở

Lãnh đạo, quản lý ở cơ sở bao gồm 3 hoạt động chính: *Một là,* hoạch định mục tiêu phương hướng kế hoạch hoạt động của cơ sở, với 3 nhiệm vụ: Dự báo, xác định mục tiêu và lập kế hoạch, chương trình hành động thực hiện mục tiêu. *Hai là*, tổ chức thực hiện phương hướng, mục tiêu kế hoạch của cơ sở, với 4 nhiệm vụ: huy động, bố trí, sử dụng nguồn lực, tài chính và vật tư, thiết bị, thiết lập và củng cố, đổi mới bộ máy tổ chức, quản lý, hoạt động đối ngoại và điều hành và điều chỉnh hoạt động của cơ sở. *Ba là*, thực hiện kiểm tra, đánh giá, khuyến khích, động viên ở cơ sở với 3 nhiệm vụ: xây dựng và điều hành chế độ kiểm tra, xây dựng và điều hành chế độ đánh giá và xây dựng môi trường làm việc hiệu quả ở cơ sở.

---

[21] Phạm Ngọc Thanh: Văn hóa lãnh đạo, quản lý trước yêu cầu đổi mới và phát triển xã hội hiện nay, Tạp chí Lý luận Chính trị, số 12-2011, tr.35-36.

[22] Andrew J Dubrin, Carol Dalglísh và Peter Miller, *Lãnh đạo học* (bản dịch lần 1) (2010), Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Trường Quản lý nhà nước Mark O Hatfield, Hà Nội, tr.22

1.1.3.2. Xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở ở cơ sở

Lãnh đạo, quản lý là hoạt động mang tính chủ động, sáng tạo. Chủ thể lãnh đạo, quản lý phải luôn luôn dự tính những công việc của tương lai phù hợp với sự vận động, phát triển của thực tế khách quan, nhưng trên thực tế người lãnh đạo, quản lý chỉ dự tính được những đường hướng cơ bản, những vấn đề có tính tất yếu, tính quy luật, không thể dự tính hết được những sự kiện không bình thường, những "cái ngẫu nhiên" trong quá trình phát triển - những sự kiện không bình thường đó là tình huống.

Tình huống trong lãnh đạo, quản lý là những sự kiện thực tế khách quan có tính chất bất thường và có tác động chủ yếu là cản trở sự vận động, phát triển bình thường của xã hội, gây khó khăn cho hoạt động lãnh đạo, quản lý.

Từ những khái niệm tình huống nêu trên, từ đặc điểm của hoạt động lãnh đạo, quản lý, có thể thống nhất quan niệm về tình huống lãnh đạo, quản lý như sau: *Tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở là những sự kiện thực tế khách quan diễn ra ở cơ sở, có tính chất bất thường liên quan đến trách nhiệm lãnh đạo, quản lý của cơ sở, buộc các cá nhân, tổ chức ở cơ sở phải có biện pháp giải quyết thích hợp.*

Hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở mang tính tổng hợp và phức tạp, cho nên các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở diễn ra một cách thường xuyên, vô cùng phong phú, đa dạng, với nhiều nội dung, liên quan đến nhiều đối tượng, xảy ra ở nhiều loại hình tổ chức và ở nhiều mức độ khác nhau, đặt ra yêu cầu cần xử lý, giải quyết. Trong phạm vi của đề tài này, chúng tôi hướng đến xem xét các loại tình huống lãnh đạo, quản lý cơ bản sau đây: *một là,* tình huống công tác Đảng; *hai là*, tình huống hành chính, pháp lý; *ba là*, tình huống công tác Mặt trận, đoàn thể và *bốn là*, các tình huống khác.

Bản chất của hoạt động lãnh đạo, quản lý là tác động tới các quá trình, các quan hệ xã hội dựa trên cơ sở chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật. Người cán bộ lãnh đạo, quản lý tại một cơ quan, đơn vị, địa phương là người chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp trên và xã hội về hoạt động của tổ chức, cơ quan đó. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được mục tiêu đề ra của tổ chức, cán bộ lãnh đạo,

quản lý cần phải thực hiện nhiều loại công việc, điều hòa nhiều mối quan hệ, đặc biệt là phải xử lý nhiều tình huống phát sinh một cách kịp thời, hợp lý, hợp tình.

Trong hoạt động của một tổ chức, tình huống có thể nảy sinh bất cứ lúc nào, vì rất nhiều nguyên nhân. Tình huống có thể xảy ra do lỗi của bản thân người cán bộ lãnh đạo, quản lý, do phẩm chất và năng lực yếu kém (sự không công bằng dẫn đến xung đột giữa các thành viên trong tập thể, sự phân công phân nhiệm không hợp lý dẫn đến mâu thuẫn gay gắt giữa các bộ phận v.v.). Tình huống xảy ra cũng có thể do điều kiện làm việc quá khó khăn, thiếu thốn; tập thể có nhiều cá nhân với những tính xấu như hay đả kích, châm chọc, nói xấu, đố kị... Tuy nhiên, thực tế đã chỉ ra rằng, ngay trong những tập thể như vậy, đối với một người lãnh đạo, quản lý có năng lực, có trực giác nhạy bén, được trang bị những kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý một cách vững chắc sẽ lường trước được những tình huống có thể xảy ra, kịp thời đưa ra các biện pháp tác động để phòng ngừa, ngăn chặn. Do đó, có thể nói, một người lãnh đạo, quản lý thành công là một người lãnh đạo quản lý trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình hạn chế được nhiều nhất có thể những tình huống cần phải giải quyết.

Tuy nhiên, khi một tập thể có điều kiện làm việc rất tốt, các cá nhân đều tốt, và nhất là người quản lý có phẩm chất và năng lực hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của lao động quản lý tập thể đó, thì tình huống lãnh đạo, quản lý có thể xảy ra không? Các tình huống đó vẫn có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Mỗi cá nhân trong tập thể là một thế giới nội tâm vô cùng phong phú, với những tư tưởng, quan điểm, tình cảm, thói quen... khác nhau. Họ có thể có những cách phản ứng khác nhau trước các sự kiện nảy sinh trong đời sống sinh hoạt của tập thể. Giữa họ tồn tại không chỉ những mối quan hệ công việc, mà còn có những mối quan hệ tâm lý vô cùng phức tạp. Chính vì thế, trong bất cứ một tập thể nào, tình huống lãnh đạo, quản lý đều có thể xảy ra.

Khi tình huống xảy ra, để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý, người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở nhất thiết phải xử lý tốt các tình huống. Tức là người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở sử dụng trí tuệ của cá nhân hoặc tập

thể để tìm ra phương án tối ưu và tổ chức thực hiện những biện pháp để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong tình huống nhằm đạt được mục tiêu lãnh đạo, quản lý của cơ sở đặt ra, đưa các chủ thể trở lại trạng thái ổn định, bình thường và phát triển.

1.2. Mục tiêu, nguyên tắc xử lý tình huống ở cơ sở

1.2.1. Mục tiêu xử lý tình huống

Một là, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở ở cơ sở góp phần tạo nên sự thống nhất về tư tưởng chính trị, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, tăng cường khối đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đây là mục tiêu quan trọng hàng đầu của xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở ở cơ sở. Mọi quyết định, mọi hoạt động của cấp ủy, cán bộ khi xử lý tình huống đều phải đặt lên hàng đầu mục tiêu này; đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết. Các biểu hiện vì lợi ích cá nhân, cục bộ, để cho ý muốn chủ quan chi phối khi xử lý tình huống cần được lên án và đấu tranh quyết liệt, không khoan nhượng, thậm chí phải thi hành kỷ luật đảng, kỷ luật nhà nước một cách thỏa đáng, nghiêm minh và kịp thời.

Hai là, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở phải giúp tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể với nhân dân. Xuất phát từ quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác Lê - nin: Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, Đảng Cộng sản muốn lãnh đạo cách mạng phải liên hệ chặt chẽ với nhân dân; cách mạng muốn thắng lợi phải được đông đảo nhân dân ủng hộ. Lê-nin nhiều lần khẳng định: nguồn gốc chủ yếu sức mạnh của Đảng là ở mối liên hệ mật thiết với nhân dân; đội tiên phong chỉ làm tròn được sứ mệnh lịch sử của mình một khi nó biết gắn bó với quần chúng mà nó lãnh đạo và thật sự dẫn dắt toàn thể quần chúng tiến lên. Do đó, trong mọi tình huống xảy ra, cần quan tâm đến việc tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể với nhân dân. Nếu sau khi xử lý tình huống, mối quan hệ này được củng cố, trở nên gắn bó mật thiết hơn, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của chính

quyền thì sẽ tạo ra hiệu ứng tích cực trong quá trình hoạt động hoặc ngược lại. Bởi lẽ ấy, khi xử lý tình huống, cần xác định đây là công việc của các cấp ủy Đảng, chính quyền, diễn ra trong nội bộ nhân dân nên phải đặc biệt coi trọng phương pháp tiến hành, hết sức hạn chế sử dụng các biện pháp hành chính, mệnh lệnh và vũ lực, nhất là đối với những tình huống liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, càng phải coi trọng sử dụng phương pháp vận động, thuyết phục.

Đối với bất kỳ tình huống nào xảy ra ở cơ sở đều phải hết sức thận trọng, cân nhắc trong việc lựa chọn các phương án xử lý. Trước hết, cần chọn giải pháp tốt nhất (thượng sách) để giải quyết, không được ngay từ đầu lựa chọn giải pháp bất đắc dĩ (hạ sách). Trong những tình huống mâu thuẫn xảy ra giữa các đối tượng nhân dân trong các hoạt động thông thường, không nên áp dụng ngay từ đầu những giải pháp cưỡng chế, trấn áp mà trước hết cần phải áp dụng giải pháp tuyên truyền, thuyết phục, thương lượng..., nhưng đối với trường hợp lực lượng phản động gây bạo loạn, chống đối chính quyền nhà nước thì có thể việc dùng lực lượng công an, quân đội dập tắt ngay từ đầu lại là cần thiết.

Trong bất kỳ tình huống nào cũng phải dựa vào dân. Khi xử lý các tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, việc làm phân hoá quần chúng, lôi cuốn được sự ủng hộ, đồng tình của quần chúng về phía mình là một điều có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi vì chỉ khi tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đa số quần chúng thì chúng ta mới có thể giải quyết nhanh gọn, hiệu quả các tình huống. Do vậy, cần phải kiên nhẫn, biết tin vào dân ngay cả khi họ ở trong trạng thái giận dữ, có những hành vi bất nhã; xúc phạm đến lực lượng cán bộ tham gia xử lý tình huống.

Ba là, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở phải quan tâm đến việc giải quyết những khó khăn, bức xúc trong đời sống của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng cho nhân dân. Chăm lo lợi ích, hạnh phúc của nhân dân là mục đích thiêng liêng, là lý tưởng cao quý của Đảng. Trong điều kiện hòa bình, xây dựng, chăm lo đời sống nhân dân là mục đích trực tiếp, là một nội dung quan trọng trong hoạt động của Đảng và các cơ quan nhà nước, là vấn đề quyết định sự tín nhiệm và sự gắn bó của nhân dân đối với Đảng, là một động lực to lớn tạo ra phong trào

hành động cách mạng của quần chúng. Một khi các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể quan tâm chăm lo tốt lợi ích cho nhân dân, chắc chắn các mâu thuẫn, bức xúc trong nhân dân sẽ giảm thiểu, các tình huống bất thường cũng sẽ giảm bớt đi cả về số lượng lẫn mức độ phức tạp. Trong trường hợp xảy ra tình huống, hầu hết các đối tượng liên quan đến các tình huống đều có những mâu thuẫn, xung đột về lợi ích. Việc giải quyết hài hòa các xung đột ấy là điểm then chốt để xử lý một tình huống, cho nên cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở tham gia xử lý tình huống phải đặc biệt quan tâm đến các mối quan hệ lợi ích, nhất là đối với những đối tượng yếu thế, đối tượng chính sách.

1.2.2. Nguyên tắc xử lý tình huống

Khi xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, cần nắm vững một số nguyên tắc như sau:

Một là, phải đảm bảo nguyên tắc tính đảng. Năm 1947, khi viết tác phẩm *"*Sửa đổi lối làm việc", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Mỗi cán bộ, mỗi đảng viên cần phải có tính đảng mới làm được việc. Kém tính đảng, thì việc gì cũng không làm nên"[23]. Theo Người, "tính đảng" trong mỗi cán bộ, đảng viên đó là: "phải đặt lợi ích của Đảng, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Vì lợi ích của Đảng tức là lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc"[24]. Đó là, làm việc gì cũng phải điều tra tình hình thực tế, nắm bắt nguyện vọng của quần chúng. Sau đó, phải quyết tâm thực hiện một cách kiên quyết, triệt để.

Thực tiễn cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chứng minh "tính đảng" là "thuộc tính căn bản, cốt lõi và bản chất" của Đảng Cộng sản. Đảng ta ngay từ khi thành lập đã mang trong mình bản chất giai cấp công nhân, và cơ sở chính trị - xã hội là giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức tiến bộ mà Đảng là người đại diện lãnh đạo; chiến đấu cho lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Với việc tự nguyện thừa nhận nền tảng tư tưởng, thừa nhận tính tổ chức và tính kỷ luật của Điều lệ Đảng và

---

[23] *Hồ Chí Minh, toàn tập, (*2011)Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr. 307

[24] *Hồ Chí Minh, toàn tập, (*2011)Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr. 290 - 291.

một khi đã trở thành cán bộ phục vụ Nhân dân, cán bộ dân vận thực thi nhiệm vụ xử lý tình huống dân vận thì người cán bộ dân vận không ngừng gìn giữ và phát huy "tính đảng" thông qua các hoạt động cụ thể từ cử chỉ, lời nói, hành động… trong giải quyết, xử lý tình huống (tuân thủ tính tổ chức và tính kỷ luật nghiêm).

Như vậy, rõ ràng "tính đảng" của Đảng Cộng sản được thể hiện thông qua tính đại diện của cán bộ, đảng viên cộng sản khi tham gia giải quyết, xử lý tình huống. Đảng Cộng sản chỉ vững mạnh khi mọi cán bộ, đảng viên chấp hành nghiêm các yếu tố cấu thành nên "tính đảng" - đó phải là sự chấp hành mang tính nội dung, chứ không phải là sự thừa nhận một cách hình thức.

Hai là, phải đảm bảo tính chính trị. Đảm bảo tính chính trị khi tham gia xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở đó chính là khi người cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện nhiệm vụ được giao luôn luôn bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, mối quan hệ giữa "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ"*. Đảng, Nhà nước và Nhân dân là ba bộ phận cơ bản hình thành hệ thống chính trị ở Việt Nam, trong đó Đảng đóng vai trò lãnh đạo đối với toàn hệ thống chính trị. Điều 4 Hiến pháp 2013 chỉ rõ: "Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội".

Đảng lãnh đạo bằng việc đưa ra đường lối, chủ trương. Trên cơ sở đó các chủ thể quản lý Nhà nước nghiên cứu, xây dựng các khuôn khổ pháp luật và đưa ra các quyết định quản lý của mình để đường lối, chủ trương của Đảng được hiện thực hóa trong quản lý nhằm góp phần cụ thể hóa vai trò lãnh đạo của Đảng. Khi thực hiện nhiệm vụ được giao, người cán bộ dân vận cần làm việc theo đúng chủ trương, đường lối lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng để đảm bảo tính chính trị.

Ba là, phải đảm bảo tính pháp lý. Luật pháp dưới góc độ luật học được hiểu như là tổng thể các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước đặt ra hoặc

thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp cầm quyền, được Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục và cưỡng chế.

Khi tham gia giải quyết, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải đảm bảo nguyên tắc tính pháp lý. Nghĩa là phải luôn dựa trên những quy định của pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và sự "thấu tình đạt lý" trong giải quyết, xử lý tình huống. Ở đây cán bộ lãnh đạo, quản lý luôn và phải sử dụng thường xuyên các biện pháp giáo dục và thuyết phục.

Căn cứ vào pháp lý là cơ sở để biết được việc cán bộ lãnh đạo, quản lý xử lý tình huống đó có đúng và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành hay không. Bên cạnh đó, căn cứ pháp lý còn là cơ sở để xem xét, đánh giá nhận định tình huống - đây là một trong những căn cứ quan trọng để xác định, kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp, tính chính xác của việc xử lý tình huống đã đúng chưa, đã chính xác chưa, đã đảm bảo đúng nguyên tắc pháp lý chưa.

Bốn là, phải đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng dân cư, của tập thể. Trong mỗi cộng đồng dân cư, mỗi tập thể đều có sự liên kết và hợp tác với nhau để cùng thực hiện lợi ích của mình và lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, khi giải quyết, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào đặc điểm, phong tục tập quán, văn hóa ứng xử của cộng đồng dân cư hoặc tập thể, nơi có tình huống xảy ra và phải dựa trên lợi ích chung của cộng đồng dân cư, của tập thể để giải quyết tình huống. Bởi vì có dựa trên lợi ích chung mới tạo ra được sự đồng thuận, đồng tình của cộng đồng với kết quả xử lý.

Nếu xử lý tình huống không đảm bảo nguyên tắc này sẽ rất dễ gây sự bức xúc, không đồng tình của cộng đồng hoặc tập thể và từ đó dẫn đến kết quả xử lý tình huống không dứt điểm, kéo dài và diễn biến theo chiều hướng xấu, có thể có khiếu kiện hoặc đơn thư, tố cáo.

Năm là, phải đảm bảo tính công khai minh bạch. Công khai minh bạch là trách nhiệm của Nhà nước, đồng thời cơ sở để nhân dân tham gia giám sát chính quyền, phát huy sức mạnh nhân dân, đặc biệt trong việc giải quyết, xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Khẩu hiệu "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm

tra" là một biểu tượng sâu sắc về minh bạch tuyệt đối. Một chính quyền do nhân dân và vì nhân dân tất nhiên phải có cách hành xử minh bạch với nhân dân. Minh bạch khi xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở là để người dân biết tại sao, làm sao, làm gì và mức độ thế nào về hành động xảy ra trong tình huống và quyền, nghĩa vụ của người dân.

Đảng và Nhà nước hướng theo một mục tiêu - một chế độ chính trị vì nước, vì dân - thì công khai minh bạch không chỉ là một trách nhiệm ràng buộc, mà còn là một công cụ sắc bén để tự rèn luyện chính bản thân mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thực hiện nhiệm vụ.

Sáu là, phải đảm bảo tính trách nhiệm rõ ràng. Tinh thần trách nhiệm trong xã hội luôn được đặt lên hàng đầu vì nó sẽ làm cho con người hoàn thiện hơn, hoàn thành đúng công việc được giao và đúng thời hạn, giúp cho mỗi người hình thành tính cách tốt để cho công việc được hoàn thành tốt. Tinh thần trách nhiệm là đức tính tốt mà mỗi người cần có để từ đó giúp bản thân hoàn thiện hơn. Khi tham gia xử lý tình huống, cán bộ lãnh đạo, quản lý cần có tinh thần trách nhiệm cao để luôn có thái độ và trách nhiệm rõ ràng về việc mình xử lý, dám chịu trách nhiệm về tất cả những hành động mà mình xử lý trước nhân dân, trước Đảng. Khi trách nhiệm được đặt lên hàng đầu thì người cán bộ lãnh đạo, quản lý sẽ có cách xử lý công bằng, phân minh, chủ động, sáng tạo và không sa vào "chủ quan duy ý chí" luôn thích áp đặt người khác theo suy nghĩ của mình. Mặt khác để có trách nhiệm hơn, bản thân cán bộ lãnh đạo, quản lý phải hiểu rõ về vai trò và trách nhiệm của mình, trung thực với chính mình và trước nhân dân.

Bảy là, phải đảm bảo tính đồng bộ. Khi xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, bản thân cán bộ lãnh đạo, quản lý phải luôn tuân thủ sự đồng tình, nhất trí cao, hợp tính Đảng, lòng dân trong việc xử lý. Trong xử lý tính huống luôn phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các thành phần cơ quan, đơn vị Chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị tham gia. Mọi quyết định xử lý phải đảm bảo sự nhất trí, thống nhất. Kết quả xử lý phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng chung của quần chúng nhân dân. Ngoài ra, bên cạnh đó tính đồng bộ

còn là sự tổng hợp của tất cả các nguyên tắc: tính Đảng; tính chính trị; tính pháp lý; đảm bảo lợi ích chung của cộng đồng dân cư và đảm bảo tính trách nhiệm rõ ràng khi người cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia xử lý tình huống.

Khi tham gia xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, những nguyên tắc trên đây cần phải hội tụ đầy đủ trong mỗi bản thân của người cán bộ lãnh đạo, quản lý. Hội tụ và vận dụng, phát huy những nguyên tắc đó là cả một nghệ thuật trong xử lý tình huống mà người cán bộ đúc kết kinh nghiệm qua quá trình tiếp xúc, tham gia công tác xử lý tình huống ở cơ sở.

Trong quá trình tham gia xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, cán bộ lãnh đạo quản lý cần phải kết hợp sự kiên định về nguyên tắc với sự mềm dẻo, linh hoạt về biện pháp. Về nguyên tắc chỉ đạo, có những nguyên tắc chung về quan điểm, đường lối, có những nguyên tắc chỉ đạo cụ thể cho từng điểm. Cần phải có sự vận dụng mềm dẻo, linh hoạt theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Đặc biệt là không được mất phương hướng chính trị, nản chí đấu tranh khi gặp những tình huống phức tạp. Cần kiên định lập trường kiên quyết giữ vững quyền lực chính trị. Nhưng những giải pháp cụ thể để giải quyết vấn đề lại phải dựa trên nguyên tắc "tùy cơ ứng biến", không được cứng nhắc, máy móc.

1.3. Kỹ năng , quy trình giải quyết tình huống ở cơ sở

1.3.1. Kỹ năng giải quyết tình huống ở cơ sở

Để giải quyết thành công những tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, người cán bộ lãnh đạo, quản lý chịu sự chi phối của những điều kiện khách quan: cấp trên, môi trường, tập thể…, và những điều kiện chủ quan: vốn sống, kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, trong đó kỹ năng xử lý tình huống có vai trò đặc biệt quan trọng.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về kỹ năng. Quan niệm thứ nhất coi kỹ năng là mặt kĩ thuật của thao tác, hành động hay hoạt động, mặt khác, kỹ năng còn được cho là một biểu hiện năng lực của con người.

Tuy nhiên, trong thực tế, cần xem xét kỹ năng một cách toàn diện trên cả hai khía cạnh. Theo đó, kỹ năng vừa là mặt kỹ thuật của thao tác hay hành động nhất

định, đồng thời kỹ năng cũng là một biểu hiện năng lực của con người nên vừa có tính ổn định, vừa có tính mềm dẻo, linh hoạt và tính mục đích. Để có kỹ năng hành động, cá nhân không chỉ hiểu sâu sắc về hành động (mục đích, phương thức, điều kiện hành động) mà phải mềm dẻo, linh hoạt triển khai hành động trong mọi hoàn cảnh theo đúng logic của nó với mọi điều kiện có thể có để đạt được mục đích của hành động. Tức là, kỹ năng được hình thành trên cơ sở của tri thức nên người có kỹ năng thì không chỉ hành động có kết quả trong một hoàn cảnh cụ thể mà còn phải đạt được kết quả tương tự trong những điều kiện

khác nhau.

Từ đó, có thể nhìn nhận kỹ năng như sau: *kỹ năng là khả năng của con người thực hiện có kết quả một hành động hay một hoạt động nào đó bằng cách tiến hành đúng đắn kỹ thuật của hành động, trên cơ sở vận dụng những tri thức và kinh nghiệm vốn có về hành động đó.*

Từ cách hiểu về kỹ năng nói chung như trên, "kỹ năng xử lý tình huống ở cơ sở" được hiểu là một trong những kỹ năng lãnh đạo, quản lý của người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, là một biểu hiện của năng lực lãnh đạo, quản lý. *Kỹ năng xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở là sự giải quyết có kết quả những tình huống lãnh đạo, quản lý nảy sinh trong hoạt động lãnh đạo, quản lý bằng cách tiến hành đúng đắn các thao tác của quá trình giải quyết tình huống lãnh đạo, quản lý trên cơ sở vận dụng những tri thức và kinh nghiệm về hành động đó.*

Kỹ năng xử lý tình huống là một hệ thống, bao gồm các kỹ năng bộ phận như sau:

(1) Nhóm kỹ năng nhận diện tình huống: đó là kỹ năng phát hiện tình huống, vấn đề cần phải giải quyết và kỹ năng xác định được các mục tiêu cần đạt khi giải quyết tình huống.

- Kỹ năng nhận dạng tình huống lãnh đạo, quản lý: là sự xem xét một cách toàn diện về tình huống lãnh đạo, quản lý trên cơ sở trả lời các câu hỏi: Vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết của ai? Vấn đề có đáng giải quyết không? Nếu không giải quyết, chuyện gì sẽ xảy ra? Vấn đề thuộc chức năng quản

lý nào? Vấn đề thuộc nội dung quản lý nào? Các đối tượng tạo ra tình huống là ai? Thời gian cần giải quyết tình huống?

- Kỹ năng xác định các mục tiêu cần đạt khi xử lý tình huống: trên cơ sở nhận dạng tình huống lãnh đạo, quản lý với tất cả các yếu tố liên quan kể trên, người cán bộ lãnh đạo, quản lý hình dung một cách đúng đắn, rõ ràng và cụ thể điều cần phải đạt khi xử lý tình huống. Đó không chỉ là kết quả cần đạt trước mắt, tức thời, mà còn phải là kết quả lâu dài và bền vững trong tương lai. Do đó, xác định mục tiêu khi giải quyết tình huống bao gồm vừa xác định mục tiêu trước mắt, vừa xác định mục tiêu lâu dài.

(2) Nhóm kỹ năng xác định rõ vấn đề và biểu đạt vấn đề cần giải quyết: Nhóm kỹ năng này giúp người cán bộ lãnh đạo, quản lý đi sâu vào bản chất bên trong của tình huống , bao gồm:

- Kỹ năng xác định các nguồn thông tin cần thu thập: là khả năng nhìn nhận vấn đề một cách toàn diện và hệ thống để xác định tất cả các nguồn thông tin có thể liên quan đến vấn đề, xác định các thông tin chi tiết cần tìm hiểu trong từng nguồn, những thông tin nào đã biết và những thông tin nào chưa biết.

- Kỹ năng phân tích mâu thuẫn chứa đựng trong tình huống lãnh đạo, quản lý: là khả năng phân tích sâu sắc các dữ liệu của tình huống để không chỉ nhìn thấy những hiện tượng, những mâu thuẫn bên ngoài mà còn nhìn thấy những mâu thuẫn bên trong chứa đựng trong nội dung của tình huống.

- Kỹ năng phân tích nguyên nhân dẫn đến tình huống lãnh đạo, quản lý: trên cơ sở phân tích mâu thuẫn chứa đựng trong nội dung tình huống, người cán bộ lãnh đạo, quản lý xem xét một cách hệ thống và lô- gíc những mối quan hệ nhiều chiều giữa các dữ liệu của tình huống để xác định tất cả các nguyên nhân chính, nguyên nhân phụ, nguyên nhân khách quan, chủ quan, nguyên nhân bên trong, nguyên nhân bên ngoài, nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp dẫn đến tình huống lãnh đạo, quản lý.

- Kỹ năng biểu đạt vấn đề cần giải quyết: là sự diễn đạt vấn đề trong tư duy, suy nghĩ hoặc bằng ngôn ngữ nói hoặc viết một cách rõ ràng, mạch lạc. Khi người cán bộ lãnh đạo, quản lý diễn đạt được vấn đề cần giải quyết một cách rõ ràng,

mạch lạc, chứng tỏ họ đã tiếp nhận, đã hiểu được, đã nhận thức đầy đủ nội dung của tình huống.

(3) Kỹ năng đề ra các phương án xử lý tình huống: Đó là khả năng tìm ra được các ý tưởng khác nhau có thể đưa đến giải quyết tình huống. Nếu chỉ đề ra một ý tưởng, đó có thể không phải là ý tưởng tốt nhất. Việc đề ra được nhiều phương án giúp người quản lý có cơ hội lựa chọn một phương án tối ưu trong nhiều phương án đó.

(4) Kỹ năng lựa chọn phương án tối ưu để xử lý tình huống: Đó là khả năng phân tích các ưu điểm và nhược điểm của từng phương án trên cơ sở đã xác định rõ vấn đề, so sánh các phương án với mục tiêu đặt ra để suy xét lựa chọn phương án tối ưu, đáp ứng nhất với mục tiêu của việc giải quyết tình huống. Một phương án tối ưu, là phương án thỏa mãn các điều kiện:

- Có hiệu lực (có tác dụng): giải quyết được vấn đề vĩnh viễn hay trong một khoảng thời gian chấp nhận được.

- Có hiệu quả: giải quyết vấn đề mà không tạo ra một loạt vấn đề mới.

- Khả thi: thỏa mãn các điều kiện về mặt thời gian, nhân lực, vật lực, luật pháp, đạo đức…

(5) Kỹ năng tổ chức thực hiện phương án đã lựa chọn: Người cán bộ lãnh đạo, quản lí xây dựng kế hoạch hành động phù hợp với các điều kiện khách quan và chủ quan của tình huống, nhằm thực hiện từng mục tiêu cụ thể đã vạch ra. Xây dựng kế hoạch hành động bao gồm:

- Xác định các công việc cụ thể cần làm để thực hiện mục tiêu.

- Phân công phân nhiệm để thực hiện các công việc cụ thể ấy.

- Lựa chọn thời điểm thực hiện phù hợp.

(6) Kỹ năng kiểm tra đánh giá: Căn cứ vào mục tiêu đã vạch ra, người cán bộ lãnh đạo, quản lý xác định các tiêu chí nhằm kiểm tra đánh giá việc xử lý tình huống.

1.3.2. Quy trình giải quyết tình huống ở cơ sở

Bước một: nắm tình hình, nhận diện và phân loại tình huống.

Khi xuất hiện tình huống tại cơ sở, để có căn cứ cho những giải pháp đúng thì việc nắm tình hình có ý nghĩa quyết định. Người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị trực tiếp hoặc có thể cử một số cán bộ có kinh nghiệm về xử lý tình huống nắm tình hình, điều kiện, hoàn cảnh xảy ra tình huống. Cần có thông tin chính xác về các mặt:

- Phạm vi của tình huống: số lượng cán bộ, đảng viên, nhân dân, đoàn viên, hội viên có liên quan đến tình huống; thành phần, đối tượng tham gia; hình thức tổ chức lực lượng, có những thành phần quá khích hay không…

- Nội dung chủ yếu của tình huống: những vấn đề chính dẫn đến những mâu thuẫn, những bất thường xảy ra trong tình huống? Những vấn đề ấy phải do cơ quan nào/ cấp có thẩm quyền nào giải quyết?

- Ai là người có tiếng nói quyết định trong tình huống? Có những âm mưu và thủ đoạn nào gây bất lợi, khó khăn cho tổ chức hay không? Tình huống diễn ra có sự can thiệp/ có mối quan hệ hay được sự chỉ đạo của các lực lượng phản động trong nước và ngoài nước hay không?

Phương thức nắm tình hình có thể thông qua các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, dựa vào cán bộ, đảng viên và nhân dân; bằng nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan công an và các cơ quan an ninh khác… Cần phải bám sát địa bàn, thông tin kịp thời những diễn biến về cơ quan tham mưu tổng hợp để lập ra những phương án xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, có lúc, có việc xảy ra những diễn biến rất nhanh chóng, khẩn cấp. Thời gian để người cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở nắm bắt tình hình, thu thập thông tin không nhiều, trong khi yêu cầu phải xử lý tình huống đặt ra bức thiết, cho nên người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có tri thức nền vững chắc, am hiểu tình hình của địa phương, đơn vị để tránh lúng túng, sai lầm trong khi ra quyết định xử lý tình huống.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được, cần tiến hành phân loại tình huống xem nó thuộc lĩnh vực nào, chẳng hạn thuộc về những cách hiểu, cách làm chưa đúng so với quy định của chính sách, pháp luật của người dân; những sai sót

của cán bộ về thực hiện chính sách, pháp luật, về thực hiện dân chủ, về vi phạm các quy định của địa phương; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, về kinh tế, văn hóa, giáo dục, môi trường… Đồng thời, cũng cần xem xét tình huống đó liên quan nhiều đến tổ chức nào trong hệ thống chính trị ở địa phương; tình huống đó có phải do hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc, kích động của kẻ xấu hay không.

Bước hai: phân tích tình huống và xác định nguyên nhân.

Tùy thuộc vào tính chất khẩn cấp, phạm vi của tình huống, người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị có thể tổ chức hội nghị (hoặc bằng một hình thức hội họp khác) để nghe cán bộ được phân công nắm tình hình, cán bộ phụ trách địa bàn, lĩnh vực công tác báo cáo chi tiết về tình huống và báo cáo các thông tin đã thu thập được qua phản ánh của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức có liên quan và nhân dân; nghe báo cáo tổng hợp thông tin của các cơ quan tham mưu và lãnh đạo đã thu nhận được. Hội nghị bàn bạc, thảo luận, thống nhất phân loại tình huống và tiến hành xác định nguyên nhân của tình huống. Có thể phân loại các nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan: Nguyên nhân khách quan có thể do điều kiện kinh tế, xã hội gặp khó khăn, do dân trí thấp lại bị kẻ xấu, phản động lôi cuốn, kích động… Nguyên nhân chủ quan thuộc về những khiếm khuyết, sai lầm của chính sách thể chế của các cơ quan quyền lực và những người nắm giữ quyền lực.

- Nguyên nhân bên trong và nguyên nhân bên ngoài: Nguyên nhân bên trong thường được xem xét từ những mâu thuẫn nảy sinh trong phạm vi cơ sở, địa phương hoặc trong phạm vi toàn quốc. Đó có thể là những mâu thuẫn về sắc tộc tôn giáo; sự bất công giữa các tầng lớp dân cư, giữa lao động và giới chủ, giữa quần chúng nhân dân và cán bộ nắm giữ quyền lực... Nguyên nhân bên ngoài có thể là do sự biến động lớn về kinh tế, chính trị, xã hội có tính khu vực và toàn cầu tác động đến từng quốc gia; do sự tác động của các lực lượng thù địch quốc tế …

- Nguyên nhân sâu xa và nguyên nhân trực tiếp: Nguyên nhân sâu xa có thể là do sự hận thù giai cấp trong những năm chiến tranh cách mạng, lực lượng phản động còn lưu vong ở nước ngoài móc nối tác động vào trong nước. Nguyên nhân sâu

xa cũng có thể do những thể chế hiện hành (theo nghĩa hẹp) đã lạc hậu, không kịp thay đổi, phát sinh những tiêu cực, ách tắc trong sản xuất đời sống. Còn nguyên nhân trực tiếp thì dễ nhận thấy khi nổ ra điểm nóng. Nó là mồi lửa châm ngòi cho sự bùng phát của những mâu thuẫn vốn đã ngấm ngầm tồn tại trong tổ chức.

Sự phân định các nguyên nhân trên cũng có ý nghĩa tương đối vì giữa chúng có quan hệ và chuyển hoá lẫn nhau. Khi xác định các nguyên nhân, cần xác định các lực lượng tương ứng với từng nguyên nhân, các hoạt động của các lực lượng đó, xác định được các lực lượng chủ yếu, các biện pháp loại trừ các nguyên nhân, xử lý tình huống, đặc biệt coi trọng các biện pháp để loại trừ nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân chủ quan, cùng các biện pháp khác để xử lý các nguyên nhân khách quan và các nguyên nhân khác.

Sau khi phân tích nguyên nhân cần xác định những mâu thuẫn xem tình huống xảy ra có chứa đựng mâu thuẫn đối kháng hay không đối kháng, mâu thuẫn giữa nội bộ nhân dân hay có những mâu thuẫn với các chủ thể bên ngoài, mức độ của các mâu thuẫn và sự đan xen của các mâu thuẫn ấy. Trên cơ sở nhận dạng, xác định đúng mâu thuẫn mới có căn cứ để định ra quan điểm, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo, phương thức giải quyết và tổ chức lực lượng thực hiện. Nếu như xác định sai mâu thuẫn thì toàn bộ nhận thức và hành động sẽ sai lầm, hậu họa sẽ không nhỏ, tình huống sẽ không được giải quyết mà còn bùng phát lớn hơn.

Bước ba: xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng, phân công cán bộ xử lý tình huống.

Căn cứ vào tính chất, mức độ phức tạp của tình huống để xây dựng kế hoạch, tổ chức lực lượng và phân công cán bộ xử lý tình huống. Nếu tình huống không đến mức quá phức tạp, người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương phân công cán bộ trực tiếp xử lý và cử một số cán bộ giúp việc. Nếu tình huống rất phức tạp, liên quan đến số lượng rất lớn người dân thì người đứng đầu phải chỉ đạo xây dựng kế hoạch, thành lập tổ công tác để xử lý tình huống và giao cán bộ lãnh đạo, quản lý phụ trách xử lý tình huống.

Việc lựa chọn người chỉ huy, người đứng đầu trong xử lý một tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Người chỉ huy có đủ bản

lĩnh, có phương pháp đúng sẽ thống nhất được các quan điểm, nguyên tắc, phương châm chỉ đạo và tổ chức lực lượng thực hiện, tạo nên sự thống nhất ý chí và hành động, giúp quá trình xử lý tình huống diễn ra thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả và ngược lại.

Lựa chọn phương thức giải quyết, những lực lượng và phương tiện cần thiết một cách phù hợp sẽ khiến những phương án trong kế hoạch trở nên khả thi. Cần xác định rõ phương thức xử lý tình huống sẽ áp dụng là gì? Là tuyên truyền, thuyết phục hay cưỡng chế, trấn áp, hoặc kết hợp cả hai phương thức trên. Tương ứng với mỗi phương thức xử lý thì sẽ huy động lực lượng chủ yếu. Nếu tuyên truyền thuyết phục là biện pháp chính thì lực lượng tham gia giải quyết cơ bản là Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, lực lượng công an và quân đội chỉ đóng vai trò hỗ trợ cùng các lực lượng khác, làm công tác bảo vệ. Nếu như xác định dùng biện pháp cưỡng chế, trấn áp là chính thì công an, quân đội là lực lượng chủ công. Nếu kết hợp cả hai phương pháp trên thì tuỳ theo điều kiện cụ thể mà tổ chức phối hợp các lực lượng. Điều quan trọng là phải có sự phân công và phối hợp giữa các lực lượng sao cho phát huy mọi thế mạnh của từng lực lượng để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

Cần phân công nhiệm vụ một cách cụ thể cho từng cán bộ phụ trách giải quyết từng việc, áp dụng các biện pháp đối với từng loại nguyên nhân và cử các tổ chức và cá nhân phối hợp nếu cần thiết. Cần có quy chế làm việc của tổ công tác, trong đó duy trì đều đặn chế độ thông tin, báo cáo hàng ngày và đột xuất. Đồng thời, duy trì chế độ báo cáo nhanh về diễn biến tình hình và hoạt động của tổ công tác với người đứng đầu.

Chuẩn bị các phương án (kịch bản) xử lý tình huống (ít nhất là ba phương án giải quyết) với những mục tiêu đạt được ở các mức độ khác nhau để đề phòng những trường hợp có những yếu tố phát sinh theo hướng bất lợi làm cho mâu thuẫn trong tình huống bị đẩy lên, phạm vi tác động của tình huống lan rộng ra khó kiểm soát.

Bước đầu cần ưu tiên giải quyết theo phương án tốt nhất, nếu như tình hình phức tạp có thể chuyển sang phương án tiếp theo. Cần phải chuẩn bị cả những

phương án xử lý tình huống xấu nhất để khi xảy ra có thể ứng phó kịp thời, không bị rơi vào tình trạng bị động, lúng túng hoặc trở tay không kịp.

Cần có biện pháp kiềm chế không để cho tình huống bùng phát lớn và lan tỏa sang nơi khác. Có thể dùng lực lượng vũ trang đóng quân gần hoặc xung quanh tình huống để yểm trợ khi cần thiết, để khu biệt tình huống với những vùng lân cận. Để hạn chế sự lan tỏa của tình huống còn có thể áp dụng những giải pháp như tăng cường những nhân tố chính trị, xã hội, tăng cường công tác tư tưởng giải quyết đời sống… ở những vùng lân cận.

Bước bốn: kết thúc xử lý tình huống.

(1) Khi tình huống đã cơ bản được giải quyết, cần nhanh chóng đưa địa phương, cơ quan, đơn vị trở lại hoạt động ổn định bình thường.

Trước hết, phải đưa hoạt động cơ bản ở những nơi đã xảy ra tình huống trở lại với nhịp điệu bình thường trước đó. Nếu như đó là các nhà máy, xí nghiệp thì phải đưa sản xuất trở lại bình thường, công nhân trở lại làm việc. Nếu đó là trường học thì các lớp học phải được mở lại, học sinh đi học, thầy giáo lên lớp giảng bài… Trên cơ sở khôi phục các hoạt động cơ bản ấy mới có điều kiện ổn định các mặt khác.

Khắc phục những thiệt hại về người và của nếu có xảy ra. Các công trình phục vụ cho sản xuất, đời sống nếu bị hư hại phải được sửa chữa; những người bị thương phải được cứu chữa, người bị chết phải được giải quyết hậu quả. Giải quyết tốt những công việc này mới tạo điều kiện ổn định xã hội.

(2) Tiến hành đánh giá, rút kinh nghiệm trên những mặt sau:

- Ưu, nhược điểm của cán bộ lãnh đạo, quản lý: Qua xử lý tình huống sẽ thấy rõ ai là người kiên định, sáng tạo, linh hoạt, ai là người thụ động, nhu nhược, hữu khuynh… và từ đó có thể loại trừ những cán bộ bất tài, bất lực, tuyển lựa cán bộ có năng lực phẩm chất đảm nhiệm công việc trong các cơ quan Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Qua tình huống còn có thể thấy rõ được ưu nhược điểm của công tác cán bộ trong cả giai đoạn trước đó.

- Đánh giá ưu nhược điểm của phương thức lãnh đạo, chỉ đạo: Chúng ta thường nêu ra công thức: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Như vậy, sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nhằm mục đích thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Nhưng trên thực tế, các chủ thể quyền lực ở một số nơi lại tỏ ra quan liêu, xa dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân nên dẫn đến những bức xúc, bất hợp tác, chống đối từ ngấm ngầm đến công khai của người dân. Vì vậy phải đánh giá được tình trạng, mức độ thực hiện phương thức lãnh đạo của hệ thống quyền lực; có hay không sự cồng kềnh, chồng chéo, sự hoạt động kém hiệu lực và bất lực của hệ thống chính trị.

- Đánh giá về những khiếm khuyết và bất cập của chính sách, thể chế và luật pháp nhà nước: Những ưu nhược điểm của cán bộ, của hệ thống tổ chức quyền lực và phương thức hoạt động của hệ thống ấy thường có nguồn gốc từ chính sách, thể chế và luật pháp nhà nước. Những tình huống xảy ra có thể bộc lộ những khiếm khuyết, bất cập về chính sách, thể chế của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp, nông dân và nông thôn, về môi trường, về sử dụng đất đai, chế độ, chính sách đối với đồng bào các dân tộc; luật pháp về tôn giáo…

- Đánh giá về cơ sở chính trị- xã hội trong quần chúng: Qua tình huống do sự chống đối của nhân dân với chính quyền nhà nước, có thể có những đánh giá khác nhau về cơ sở chính trị- xã hội trong nhân dân. Sự đánh giá đó phải tuỳ thuộc vào những điều kiện cụ thể. Trong trường hợp nhân dân tự tổ chức chống lại tệ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, sự tha hoá của chính quyền nhà nước, thì đó lại là cơ sở chính trị vững vàng cho một chính quyền nhà nước trong sạch, vững mạnh. Trong trường hợp nhân dân bị kẻ xấu, phản động lôi kéo, kích động thì cần phải đánh giá bản chất của nhân dân nơi xảy ra điểm nóng, tìm hiểu nguyên nhân và mức độ bị lôi cuốn, kích động để tìm ra những giải pháp nhằm chuyển hoá quần chúng theo hướng tích cực…Đặc biệt cần đánh giá cụ thể lực lượng phản động còn ẩn náu trong nhân dân hay không; số đã bộc lộ ra, số vẫn còn tiếp tục giấu mặt; khả năng hoạt động của các lực lượng ấy.

(3) Dự báo tình hình và áp dụng các giải pháp để tình huống không tái phát:

Lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương cần có nhận định, dự báo tình hình và các giải pháp cần thiết ngăn chặn sự xuất hiện các tình huống có thể xảy ra trong

cơ quan, đơn vị, địa phương. Trên cơ sở đánh giá các vấn đề một cách khách quan và cụ thể có thể dự báo tình hình xem tình huống có thể tái phát trở lại hay không? Mức độ tái phát ra sao? Xu hướng tái phát? Tái phát theo chiều hướng giảm dần hay ngày càng nghiêm trọng hơn? Cần phải áp dụng những giải pháp gì để tình huống không tái phát? Để tình huống không tái phát cần áp dụng tổng hợp các giải pháp về kinh tế, chính trị, xã hội, nhưng cơ bản nhất vẫn là phát triển kinh tế và tạo dựng cơ sở chính trị trong nhân dân. Cần áp dụng các giải pháp an dân cả về vật chất và tinh thần. Tích cực thực hiện các giải pháp đó nhằm loại trừ những mầm mống có thể làm xuất hiện các tình huống khi chúng manh nha. Đồng thời báo cáo toàn bộ diễn biến tình huống và việc xử lý tình huống lên cấp uỷ cấp trên.

(4) Xem xét, xử lý những trường hợp sai phạm:

Điều quan trọng là phải phân định rõ đúng sai, xử lý đúng mức những người vi phạm trong khi xảy ra tình huống. Như vậy công tác thanh tra phải được triển khai kịp thời và phải có kết luận rõ ràng. Kết luận của thanh tra cần được công bố công khai, có sự thảo luận, đối chứng, làm rõ đúng sai. Để cho những kết luận của thanh tra đúng với thực tế khách quan, được đa số nhân dân đồng tình, ủng hộ, những người sai phạm cần phải thừa nhận những sai lầm khuyết điểm của mình. Sau công tác thanh tra, cần tiến hành xử lý những người vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm của từng người mà có thể có mức xử lý khác nhau từ hình thức kiểm điểm trước tập thể, xử phạt hành chính, tới hình thức truy tố trước pháp luật.

Cần phải xử lý nghiêm minh cả hai phía: cán bộ mắc sai lầm và những người quá khích vi phạm pháp luật (nếu có) khi xảy ra tình huống. Nếu như nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do xuất phát từ cán bộ quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ thì trước hết phải xử lý nghiêm minh đối với cán bộ rồi sau đó mới xử lý những người do quá khích vi phạm pháp luật. Trong trường hợp tình huống xảy ra do bọn phản động, kẻ xấu lợi dụng, kích động quần chúng thì khi xử lý cần phân tích rõ những hành vi gây rối của họ để cho mọi người thấy rõ đúng sai; mặt khác, cũng phải thừa nhận những khiếm khuyết của cán bộ, của thể chế chính sách để kẻ xấu lợi dụng và sửa chữa những khiếm khuyết ấy. Nếu như trong quá trình xử lý có sự thiên vị, dung

túng, bao che hoặc là xử quá nặng mặt này hoặc quá mức mặt kia thì khó có thể tạo được sự ổn định và sẽ để lại những hậu quả lâu dài cho đời sống xã hội.

Giải quyết những vấn đề trên chỉ đem lại những kết quả tích cực khi thực hiện nhất quán các nguyên tắc: công khai, dân chủ, công minh theo đúng pháp luật và các chuẩn mực văn hoá đạo đức. Đồng thời với quá trình thanh tra, xử lý là quá trình thanh lọc cán bộ phạm sai lầm, lựa chọn cán bộ thay thế, củng cố các tổ chức chính trị- xã hội như Đảng, chính quyền các đoàn thể nhân dân.

1.3.3. Các yếu tố tác động đến quá trình xử lý tình huống ở cơ sở.

1.3.3.1. Sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo của chính quyền

Là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, lãnh đạo tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, chịu trách nhiệm về đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Mọi sự việc diễn ra trên địa bàn, trách nhiệm giải quyết thuộc về cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở xảy ra ở cơ quan, đơn vị, địa phương phải được đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền.

Thực tế cho thấy, ở những cơ quan, đơn vị, địa phương nào, việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền kịp thời, sâu sát, đúng đắn thì các tình huống lãnh đạo, quản lý ít xảy ra, hoặc nếu có xảy ra thì cũng được xử lý một cách hiệu quả, không gây bức xúc kéo dài, tạo mầm mống cho những bất ổn chính trị - xã hội xảy ra tại cơ quan, địa phương, đơn vị.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở có tác động quyết định đến quá trình xử lý tình huống ở cơ sở. Bởi lẽ đây là lực lượng có trách nhiệm cao nhất, là đầu não chỉ huy công tác xử lý tình huống, từ việc nắm bắt tình hình, nhận dạng tình huống cho đến bố trí cán bộ, quyết định phương án xử lý…Sự thành công hay thất bại của việc xử lý một tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở phụ thuộc hoàn toàn vào nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy và chỉ đạo hành thực hiện của chính quyền.

Cấp ủy Đảng và chính quyền cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình thực hiện kế hoạch, phương án xử lý tình huống. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo tổ công tác (nếu có) thực hiện đúng các nguyên tắc, yêu cầu xử lý tình huống, nắm tình hình, đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc xử lý tình huống và cho ý kiến chỉ đạo xử lý những vấn đề mới nảy sinh; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ cấp dưới và tổ chức đảng trực thuộc (nếu có) tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với tổ công tác để xử lý tình huống, Dù tình huống ít phức tạp hay rất phức tạp thì cấp ủy Đảng, chính quyền đều phải coi trọng và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc xử lý; đây là vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt động xử lý tình huống.

1.3.3.2. Sự giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể

Vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được Đảng ta rất coi trọng, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Mặt trận và các đoàn thể để góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp với thực tiễn; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, cách làm hay, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội đã được quy định rõ trong Hiến pháp năm 2013; Luật MTTQVN năm 2015; Quyết định 217- QĐ/TW, Quyết định 218 - QĐ/TW[25]

Ở cơ sở, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận và các đoàn thể góp phần quan trọng trong trong công tác xử lý tình huống, thể hiện cụ thể như sau:

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân thực hiện đúng chủ

[25] BCH Trung ương Đảng khóa XI, Quyết định 217- QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về việc ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quyết định 218 - QĐ/TW, ngày 12/12/2013, ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

trương, đường lối, chính sách pháp luật; giám sát và phản biện quá trình lãnh đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương và việc thực thi của đội ngũ cán bộ đảng viên giúp hạn chế, giảm thiểu những nguy cơ dẫn đến các xung đột, các tình huống bất thường. Trong trường hợp các tình huống xảy ra, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể là lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, thuyết phục nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, hiểu rõ và truyền đạt chính xác, kịp thời những bức xúc, nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân đến cấp ủy Đảng, chính quyền để có hướng giải quyết kịp thời, đúng đắn, đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân. Trong quá trình xử lý tình huống, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể giám sát và phản biện đối với những quyết định xử lý tình huống, thái độ của cán bộ, đảng viên trong khi tham gia xử lý tình huống, góp phần giải quyết hiệu quả các vấn đề bức xúc đang đặt ra.

1.3.3.3. Năng lực của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở:

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc"[26], "Muôn việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"[27]. Việc lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cách mạng nước ta được thực hiện bằng chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật. Muốn biến đường lối thành hiện thực, cần phải có con người sử dụng lực lượng thực tiễn - đó là đội ngũ cán bộ cùng với quần chúng cách mạng để đưa cách mạng đến thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Bất cứ chính sách, công tác gì nếu có cán bộ tốt thì thành công, tức là có lãi. Không có cán bộ tốt thì hỏng việc, tức là lỗ vốn". Vận dụng vào hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở nói chung và hoạt động xử lý tình huống lãnh đạo quản lý nói riêng, đội ngũ cán bộ đảng viên , nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có vai trò vô cùng quan trọng.

Cán bộ lãnh đạo quản lý ở cơ sở ngoài vai trò là "cầu nối" giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, còn phải là người đóng vai trò chủ đạo trong giải quyết, xử lý

[26] Hồ Chí Minh toàn tập, (2000) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 5, tr. 269.
[27] Hồ Chí Minh toàn tập, (2000) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội 2000, tập 5, tr. 240.

những bất cập, nhu cầu, lợi ích của người dân một cách kịp thời, hợp lý, hợp tình nhằm tăng cường uy tín của Đảng, Nhà nước, tạo niềm tin sâu sắc đối với nhân dân vào Đảng, Nhà nước. Để làm được điều ấy, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ sở phải là những con người có đủ năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực xử lý các tình huống trong lãnh đạo, quản lý ơ cơ sở, đặc biệt phải đáp ứng đầy đủ 5 tiêu chí quy định trong Khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý hiện nay, trong đó, nổi bật là các yếu tố: chính trị tư tưởng; trình độ; năng lực và uy tín; độ tuổi và kinh nghiệm[28].

(1)Việc đảm bảo các tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng giúp cho người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở luôn giữ vững lập trường chính trị, nhận diện và lãnh đạo, chỉ đạo xử lý các tình huống ở cơ sở dựa trên quan điểm chính trị của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không dao động trước những diễn biến bất thường, khó khăn, nan giải, nhất là trong những tình huống có sự tác động của các thế lực thù địch, phản động.

(2) Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở cần có một trình độ học vấn, trí tuệ nhất định để hiểu và truyền đạt một cách đúng đắn, sáng tạo nhưng không làm sai lệch tinh thần, nội dung của đường lối, chính sách đến nhân dân; tổ chức thực hiện một cách hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách, đồng thời hiểu rõ những bất cập, những mâu thuẫn trong quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách xuất phát từ đâu, những căn cứ để xử lý các tình huống, những biện pháp khả thi để điều hòa, giải quyết hài hòa các mâu thuẫn.

(3) Cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở cũng cần có năng lực và uy tín trong công tác. Ngoài năng lực chuyên môn, người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở còn cần trau dồi năng lực tư duy, nhận xét, đánh giá, năng lực tuyên truyền, thuyết phục trong suốt quá trình công tác cũng như trong quá trình xử lý tình huống. Từ

---

[28] BCH Trung ương, Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 về Quy định khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

những đặc điểm năng lực của người cán bộ lãnh đạo, quản lý, uy tín của họ sẽ được tích lũy, tăng cường làm cơ sở tin cậy cho những quyết định trong xử lý tình huống, khiến cho các đối tượng trong tình huống dễ bị "thuyết phục". Thực tế cho thấy, đứng trước một người cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín, các chủ thể trong một tình huống thường có xu hướng dễ chấp nhận các phương án đề ra, dễ "hạ nhiệt" các xung đột và ngược lại.

(4) Độ tuổi và kinh nghiệm, sự chín chắn, điềm tĩnh, thuần thục của người cán bộ lãnh đạo, quản lý trong xử lý tình huống thường mang lại những kết quả tích cực, nhất là ở cơ sở, nơi đối tượng lãnh đạo, quản lý rất đa dạng, các mối quan hệ luôn chằng chịt, các mối quan tâm lợi ích của người dân rất phức tạp, diễn biến cuộc sống luôn khó lường. Với những đặc điểm ấy, nếu không có sự trải nghiệm, quá trình cọ xát với công việc thực tế, người cán bộ lãnh đạo khó có thể xử lý tốt các mâu thuẫn, xung đột trong các tình huống. Điều này đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia xử lý tình huống phải ở một độ tuổi phù hợp. Hiện nay, trong xu thế "trẻ hóa" đội ngũ cán bộ, rất nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở có tuổi đời khá trẻ, nhưng họ có trình độ, có sự nhạy bén, năng động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, là những nhân tố tích cực trong việc góp phần xử lý hiệu quả các tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

1.3.3.4. Đặc điểm, điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng, tập thể

Chúng tôi đồng tình với quan điểm của tác giả Gary Yuki khi cho rằng: lãnh đạo là một quá trình ảnh hưởng mang tính xã hội trong đó lãnh đạo tìm kiếm sự tham gia tự nguyện của cấp dưới nhằm đạt mục tiêu của tổ chức[29]. Đồng thời, tác giả này còn nhận định: lãnh đạo cần nhiều loại "quyền lực" như quyền lực do chức vụ, địa vị mang lại cho người lãnh đạo, quyền lực do chuyên môn, do tố chất, quyền uy bẩm sinh, do hệ thống đem lại. Tuy nhiên, trong một xã hội văn minh, càng ngày quyền lực do chức vụ, địa vị đem lại càng giảm. Trong xã hội tiến triển ở bậc càng cao, quyền lực đơn thuần do chức vụ đem lại càng phải ít đi

[29] Gary Yuki, Lãnh đạo trong tổ chức, (2002), 5th editions, Prentice Hall.

và lãnh đạo càng phải chú ý đến quần chúng mà mình muốn tập hợp hoặc dưới mình[30].

Với cách hiểu này, khi người cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở thực hiện việc xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý, những đặc điểm, điều kiện của cộng đồng, của tập thể nơi xảy ra tình huống có tác động không nhỏ đến quá trình xử lý tình huống. Sự tác động có thể diễn ra ở giác độ tích cực hoặc tiêu cực kể cả khi cộng đồng, tập thể ấy (1) có mặt bằng dân trí cao/hoặc (và) có lập trường chính trị vững vàng /hoặc (và) có tinh thần dân chủ, đoàn kết, xây dựng vì mục tiêu chung của cộng đồng /hoặc (và) điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng phát triển tốt hoặc (2) ngược lại. Ở cả hai dạng tập thể, cộng đồng nêu trên đều luôn có thể diễn ra 2 trường hợp trái ngược: m*ột là*, ít xảy ra các tình huống bất thường, *hai là*, thường xảy ra các tình huống bất thường.

Trong những tập thể có những đặc điểm như nêu trong trường hợp (1), những yếu tố khiến các tình huống ít xảy ra có thể do người dân có trình độ/hoặc (và) có ý thức tốt /hoặc (và) có đời sống ổn định không phát sinh nhiều khó khăn /hoặc (và) người dân tự giác tuân thủ các quy định, không để xảy ra những vấn đề bất thường. Song bên cạnh đó, cũng có khả năng rất nhiều tình huống xảy ra xuất phát từ các yếu tố: người dân có trách nhiệm cao, có ý thức xây dựng cộng đồng, tập thể /hoặc (và) có khả năng nhận rõ những sai sót, hạn chế bộc lộ trong chính sách, trong quá trình hoạt động của cán bộ, của hệ thống lãnh đạo, quản lý nên họ đấu tranh đòi hỏi phải có sự điều chỉnh... Đứng trước một tình huống bất thường xảy ra, cộng đồng, tập thể ấy đặt ra yêu cầu bắt buộc phải giải quyết nó theo hướng đúng đắn nhất.

Trong trường hợp (2) những yếu tố khiến các tình huống thường xuyên xảy ra có thể đa số người dân hạn chế về trình độ, nhận thức nên trong quá trình hoạt động dễ vi phạm các quy định /hoặc (và) không phân định được các giới hạn đúng sai trong các tranh chấp lợi ích giữa các cá nhân, tập thể /hoặc (và) đời sống khó khăn nên dễ nảy sinh những suy nghĩ và hành động tiêu cực...Nhưng cũng có thể

[30] Gary Yuki, Lãnh đạo trong tổ chức, (2002), 5th editions, Prentice Hall.

có những yếu tố khiến tình huống ít xảy ra như do người dân hạn chế về trình độ nên chủ yếu tuân thủ những chỉ dẫn của cán bộ mà không nhận thấy những thiếu sót để phản biện /hoặc (và) thờ ơ, không quan tâm đến những vấn đề chung của cộng đồng /hoặc (và) đời sống khó khăn cho nên chỉ tập trung vào việc kiếm sống...

Khi tình huống xảy ra, các yếu tố nêu trên cũng tác động theo hướng hoặc góp phần đơn giản hóa, sớm giải tỏa những mâu thuẫn, xung đột, đem lại sự bình ổn cho cộng đồng, tập thể, hoặc phức tạp hóa vấn đề, làm cho sự việc kéo dài, ngày càng có nguy cơ lan rộng, tác động đến nhiều người, gây mất ổn định cho cộng đồng, tập thể.

Quá trình xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, trên cơ sở thực hiện những nguyên tắc, yêu cầu, quy trình của việc xử lý tình huống, người cán bộ lãnh đạo, quản lý cần nắm vững những yếu tố tác động đến quá trình xử lý tình huống, đánh giá đúng khả năng, mức độ tác động của từng yếu tố trong từng tình huống, tại từng cơ sở để có những quyết định đúng đắn trong xử lý tình huống.

1.4. Kinh nghiệm thực tiễn trong giải quyết tình huống ở cơ sở hiện nay

1.4.1. Về các tình huống thường gặp ở cơ sở

Tỉnh Bình Phước hiện có 111 đơn vị hành chính cấp cơ sở, bao gồm nhiều khu vực có điều kiện phát triển kinh tế- xã hội khác nhau, do đó các yếu tố về trình độ đội ngũ cán bộ, nhận thức của người dân, sự quan tâm đến việc xử lý tình huống...cũng có nhiều khác biệt. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra xã hội học của nhóm nghiên cứu Trường Chính trị tỉnh Bình Phước, nhìn chung, tại hầu hết các địa phương, các tình huống thường phát sinh trong thực tiễn ở cơ sở tập trung ở các lĩnh vực chủ yếu là: (1) tình huống trong công tác quản lý nhà nước, (có 47.1% ý kiến); (2) Tình huống trong công tác Mặt trận và các đoàn thể (0.4%; 11.9% ý kiến); (3)Tình huống trong công tác Đảng (11.9% ý kiến) và (4) là các tình huống phát sinh khác (20.2% ý kiến).

Các tình huống thường gặp trong hoạt động quản lý nhà nước chủ yếu là trong lĩnh vực địa chính, đất đai, xây dựng (61.7%), tài nguyên môi trường

(27.9%), kinh tế (20%), hành chính - tư pháp (18.9%), y tế - văn hóa - giáo dục (15%).

Các tình huống thường gặp trong công tác Đảng thường gặp là: Công tác đảng viên (32.4%), tổ chức cán bộ (29%), tư tưởng chính trị (26.6%), kiểm tra, giám sát (19.7%), văn phòng cấp ủy và bảo vệ chính trị nội bộ (6.9%).

Các tình huống trong công tác Mặt trận: Công tác dân vận (33.4%), hoạt động phản biện xã hội (23.8%), hoạt động giám sát (21.4%), thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở (19.1%), công tác cán bộ (17.1%).

Các tình huống trong công tác đoàn thể: Tình huống khó khăn nhất trong công tác Đoàn thể là công tác thu hút, tập hợp quần chúng vào tổ chức (49%), công tác tuyên truyền giáo dục, thuyết phục đoàn viên, hội viên (39%); công tác tổ chức thực hiện các phong trào, các cuộc vận động (21%), công tác chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đoàn viên, hội viên (4.1%).

Nguyên nhân xảy ra những tình huống trên là do: Người dân thiếu hiểu biết về chính sách, pháp luật (71%); Cán bộ tắc trách, giải quyết công việc không đúng quy định (11.6%); Tình trạng lợi ích nhóm (9.6%); Các thế lực thù địch kích động, xúi giục (4.0%) và các nguyên nhân khác (1.4%)

1.4.2. Một số kinh nghiệm xử lý tình huống ở cơ sở

1.4.2.1. Thuận lợi và khó khăn trong công tác xử lý tình huống

- Về thuận lợi:

Cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở đã thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo trong xử lý tình huống ở cơ sở, địa phương. Kết quả khảo sát cho thấy 85.7% ý kiến cho rằng cấp ủy Đảng đã sâu sát, quyết liệt, kịp thời trong lãnh đạo và 84.8% ý kiến đánh giá chính quyền đã sâu sát, quyết liệt, kịp thời trong chỉ đạo xử lý tình huống ở cơ sở, địa phương.

Bên cạnh đó, Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở cũng có sự sâu sát, đúng đắn, kịp thời trong các hoạt động giám sát, phản biện xã hội góp phần thực hiện tốt công tác xử lý tình huống ở cơ sở, địa phương (61.2% ý kiến).

Cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở có năng lực quản lý từ đạt yêu cầu đến tốt (54% đánh giá đạt yêu cầu và 42.7% đánh giá tốt, chỉ có 2.1% cho rằng chưa đáp ứng được yêu cầu). Từ đó dẫn đến việc đánh giá việc xử lý tình huống lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở hiện nay cũng khá tích cực.

- Về những khó khăn:

Trước hết, tại một số địa phương, vẫn còn tình trạng cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể ít quan tâm, thậm chí không quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp giải quyết kịp thời, quyết liệt những tình huống nảy sinh trong đời sống nhân dân.

Trình độ, kiến thức pháp luật của người dân còn hạn chế (48.7%); năng lực, kỹ năng giải quyết tình huống của cán bộ cấp cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân (37.6% cho rằng năng lực cán bộ còn hạn chế, 33.4% cho rằng kỹ năng giải quyết tình huống của cán bộ chưa tốt). Bên cạnh đó thái độ hợp tác, sự quan tâm của người dân đến các vấn đề chung chưa được tích cực (11.9%), một số địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới còn có sự tác động của các phần tử xấu, các thế lực thù địch (7.1%).

1.4.2.2. Kết quả trong xử lý tình huống ở cơ sở

Kết quả khảo sát cho thấy đa số ý kiến đều đồng tình cho rằng việc xử lý tình huống ở cơ sở hiện nay đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp (73%). Từ đó, đa số ý kiến đều đánh giá hiệu quả trong giải quyết tình huống ở cơ sở hiện nay từ mức độ khá (53.3%) đến tốt (27.3%); tính kịp thời của thông tin cung cấp, hướng dẫn người dân trong quá trình xử lý tình huống ở địa phương, cơ sở hiện nay từ mức độ khá (48.4%) đến tốt (32.7%); sự hài lòng của người dân trong quá trình giải quyết, xử lý tình huống ở địa phương tư mức độ khá (52.7%) đến tốt (28.4%).

Tuy vậy, đáng chú ý, vẫn còn một số ý kiến cho rằng việc xử lý tình huống ở cơ sở hiện nay vẫn còn những điểm bất cập, trong đó có một số tình huống được xử lý: hợp pháp nhưng chưa hợp lý (16.2%), hợp lý nhưng chưa hợp pháp (6.3%) và chưa hợp pháp, chưa hợp lý (1.2%). Do đó, việc đánh giá hiệu quả trong giải quyết tình huống ở cơ sở hiện nay vẫn còn có ý kiến cho rằng chỉ ở mức độ trung bình

(15.2%) đến yếu (0.2%); tính kịp thời của thông tin cung cấp, hướng dẫn người dân trong quá trình xử lý tình huống ở địa phương, cơ sở hiện nay ở mức độ trung bình (12.3%) đến yếu (0.2%); sự hài lòng của người dân trong quá trình giải quyết, xử lý tình huống ở địa phương ở mức độ trung bình (13.2%) đến yếu (0.2%).

Những tình huống vẫn còn có sự bất cập trong xử lý chủ yếu tập trung vào các biểu hiện: Có biểu hiện trong lợi ích nhóm, cá nhân (22.7%); Vi phạm nguyên tắc tập trung, dân chủ (22.3%); Lợi dụng quyền hạn ban hành chính sách (14.7%); Có biểu hiện thúc đẩy hoặc cản trở cán bộ xử lý, thi hành nhiệm vụ (9.8%); Ra quyết định trái thẩm quyền (1.3%).

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Tình huống luôn xảy ra trong hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở, tác động nhiều chiều đến đời sống của nhân dân và quá trình lãnh đạo, quản lý. Xử lý tình huống ở cơ sở góp phần tạo nên sự thống nhất về tư tưởng chính trị, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân giúp tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể với nhân dân, giải quyết những khó khăn, bức xúc trong đời sống của nhân dân, chăm lo lợi ích chính đáng cho nhân dân.

Để xử lý tốt các tình huống nảy sinh trong cuộc sống của nhân dân đòi hỏi đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đồng thời phải nắm bắt đầy đủ quy trình xử lý tình huống, các kỹ năng cần thiết để xử lý tình huống và thường xuyên rèn luyện, trau dồi năng lực thực tiễn qua việc tích cực tham gia xử lý các tình huống nảy sinh trong cuộc sống đế góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả lãnh đạo quản lý, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong thời kỳ phát triển hiện nay.

CHƯƠNG II: XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG VÀ PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG.

2.1. Dự báo xu hướng xuất hiện tình huống ở cơ sở

Xã hội luôn vận động và phát triển không ngừng trên cơ sở giải quyết các mâu thuẫn và sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Xã hội vốn dĩ không đơn giản và đồng nhất, mà có các mối quan hệ đan xen, phong phú và phức tạp (chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, sinh hoạt dân sự...). Vì vậy, tình huống cơ sở là một hiện tượng xã hội mang tính chất khách quan, nó không chỉ tồn tại trong quá khứ mà còn tiếp tục xuất hiện ở tương lai. Tình huống cơ sở nảy sinh có nguồn gốc từ thực tiễn phát triển sinh động của xã hội. Do đó, việc dự báo xu hướng xuất hiện tình huống ở cơ sở phải dựa trên cơ sở thực tiễn phát triển xã hội của địa phương, xu thế phát triển của thời đại và định hướng phát triển của Đảng ta trong thời gian tới.

Bình Phước đang thực hiện đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị cơ sở theo quan điểm: Nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng ở cấp cơ sở; Hoàn thiện chính quyền cấp cơ sở thực sự là của dân, do dân và vì dân nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững; Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Quá trình ấy đã đạt được những thành quả bước đầu nhưng vì đang trong giai đoạn hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức nên vẫn còn những bất cập và hạn chế nhất định. Vì vậy, vẫn còn tồn tại những tình huống đã xảy ra ở ở sở trong thời qua và sẽ dự báo sẽ xuất hiện những tình huống mới ở cơ sở trong thời gian tới.

Hiện nay, hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Bình Phước gồm có 111 xã, phường và thị trấn. Hệ thống chính trị cơ sở giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và quốc phòng, an ninh ở địa phương; có mối quan hệ gắn bó, mật thiết với Nhân dân và là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân, trực tiếp nắm bắt tình hình, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đi vào cuộc sống của Nhân dân. Hội đồng nhân dân, Đảng uỷ, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các xã,

phường và thị trấn trong tỉnh được luôn được xem là tuyến đầu trong ứng phó và xử lý các tình huống xảy ra tại cơ sở. Trong những năm gần đây, hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Bình Phước đã có nhiều thành tích trong công tác xử lý tình huống ở cơ sở, góp phần giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội và chủ quyền biên giới.

Tuy nhiên, do tính chất đặc thù về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử hình thành, phát triển vùng đất và con người Bình Phước, cùng với đó là xu thế hội nhập quốc tế, sự tác động của cuộc cách mạng 4.0, sự gia tăng cường độ và phạm vi chống phá của các thế lực thù địch, vấn nạn tham nhũng, vấn đề thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường… tiếp tục là nguyên nhân phát sinh những tình huống mới trong thời gian tới.

Dự báo xuất hiện tình huống ở cơ sở trên lĩnh vực an ninh chính trị

Trên địa bàn tỉnh Bình phước có 43 dân tộc cùng sinh sống (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ khoảng 20% dân số toàn tỉnh) và có nhiều người đồng bào dân tộc thiểu số theo các tôn giáo (đặc biệt là đạo Tin lành). Hiện nay, nội bộ các hệ phái đạo Tin lành đang xảy ra mâu thuẫn, ly khai để hình thành hệ phái mới. Thậm chí một số hệ phái Tin lành chưa được nhà nước công nhận nhưng đang hoạt động trái phép và rất phức tạp. Ngoài ra còn xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới lén lút hoạt động truyền bá.

Các thế lực thù địch và những phần tử phản động lợi dụng các yếu tố sắc tộc, tôn giáo, thực trạng chậm phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số, vấn đề khiếu kiện đất đai, một số hạn chế còn tồn tại trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước ở địa phương và suy thoái về đạo đức của một bộ phận nhỏ trong đội ngũ cán bộ để tuyên truyền chống phá Đảng và nhà nước ta trong thời gian tới.

Một số tình huống ở cơ sở (111 xã, phường, thị trấn trong tỉnh) có thể xảy ra như: Các tình huống xảy ra do một bộ phận, một nhóm người đồng bào dân tộc thiểu số bị các thế lực thù địch kích động tụ tập khiếu kiện đất đai đông người, lợi

dụng vấn đề nhân quyền; tụ tập một bộ phận người đồng bào dân tộc thiểu số, một nhóm tín tôn giáo đòi xây dựng các cơ sở thờ tự; các tình huống xảy ra do một số cá nhân hoặc tổ chức làm đơn thư khiếu kiện, thậm chí lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số theo đạo gây áp lực đòi chính quyền địa phương thừa nhận các hệ phái tôn giáo mới, đạo mới (đạo lạ); các tình huống xảy ra do một số cá nhân hoặc tổ chức tuyên truyền, kích động, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số thành lập các vùng tự trị (giống sự kiện tại Tây Nguyên những năm 2011, 2014) ; các tình huống xảy ra do một số cá nhân hoặc tổ chức tuyên truyền, kích động, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số và các tín đồ tôn giáo chống phá Đảng và nhà nước ở cơ sở; các tình huống xảy ra do một số cá nhân hoặc tổ chức lợi dụng người đồng bào dân tộc thiểu số và các tín đồ tôn giáo đăng tin, bài, hình ảnh, clip có nội dung sai trái, thù địch, phản động, xuyên tạc, chống phá Đảng và nhà nước; các tình huống xảy ra bởi một số quần chúng nhân dân ưu tú là người đồng bào dân tộc thiểu số không tham gia các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở, không đồng ý làm hồ sơ kết nạp đảng làm ảnh hưởng đến công tác phát triển Đảng ở cơ sở; các tình huống xảy ra do một số cán bộ, đảng viên vận động hành lang để tranh thủ số phiếu ủng hộ trong các đợt bầu cử Hội đồng nhân dân, đại hội Chi bộ và Đảng bộ ở cơ sở; các tình huống xảy ra do một số cán bộ, đảng viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp, suy thoái về đạo đức, lối sống, tham ô, gây lãng phí và làm thất thoát ngân sách nhà nước, chia rẽ gây mất đoàn kết nội bộ…

Dự báo xuất hiện tình huống ở cơ sở trên lĩnh vực an ninh biên giới

Bình Phước có 15 xã (thuộc 3 huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Bù Gia Mập) tiếp giáp các tỉnh Tbong Khnum, Kratie và Mondulkiri (Vương quốc Campuchia), với đường biên giới dài 260,433 km, trong đó gồm có 27,809 km đường biên giới đất liền và 232,624 km đường biên giới sông. Tháng 6/2018, tỉnh đã hoàn thành việc xác định mốc phụ trên toàn tuyến với 181 vị trí, 353 mốc phụ và đã hoàn thành xây dựng 173/173 mốc phụ do Việt Nam phụ trách. Phía nước bạn Campuchia cũng đã hoàn thành 144/188 mốc phụ.

Nhìn chung, công tác giải phóng mặt bằng phục vụ cắm mốc biên giới trong thời gian qua luôn nhận được sự đồng thuận cao của nhân dân 15 xã biên giới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ về mất an ninh trật tự, an ninh biên giới ở các xã vùng biên giới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong thời gian tới, các thế lực thù địch sẽ lợi dụng vấn đề nhân quyền, vấn đề sắc tộc, tôn giáo và lợi dụng việc triển khai 02 văn kiện pháp lý về biên giới: *Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia năm 1985 và Hiệp ước bổ sung năm 2005 giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia; Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia* để tuyên truyền kích động chống phá ở các xã biên giới, chống phá mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia.

Một số tình huống ở cơ sở (15 xã biên giới trong tỉnh) có thể xảy ra như: Các tình huống phát sinh do một vài nhóm người tụ tập phản đối công tác giải phóng mặt bằng cắm mốc biên giới; các tình huống do các phần tử xấu tuyên truyền sai sự thật, xuyên tạc về đường biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Campuchia, đòi chia lại đường biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Campuchia; các tình huống xảy ra do xung đột, tranh chấp vũ trang núp bóng dưới danh nghĩa dân sự; các tình huống do vấn nạn buôn lậu, buôn ma tuý trái phép qua các tuyến đường dân sinh trên bộ và đường sông ở các xã biên giới; các tình huống bởi các phần tử xấu lợi dụng người đồng bào dân tộc thiểu số và các tín đồ tôn giáo các xã vùng biên giới đăng tin, bài, hình ảnh, clip có nội dung sai trái, thù địch, phản động, xuyên tạc, chống phá mối quan hệ hữu nghị truyền thống tốt đẹp giữa hai dân tộc Việt Nam - Campuchia, bôi nhọ hình ảnh lực lượng biên phòng, làm suy giảm uy tín, danh dự và nhân phẩm cán bộ lãnh đạo quản lý ở các xã vùng biên giới; các tình huống xảy ra do các thế lực thù địch kích động, xúi dục gây mâu thuẫn, xung đột giữa nhân dân Việt Nam và Campuchia ở vùng biên giới; các tình huống xảy ra do các thế lực thù địch kích động, xúi dục nhân dân ở các xã vùng biên giới gây khó khăn trong việc triển khai các dự án hợp tác phát triển kinh tế -

văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh giữa Việt Nam và Campuchia; các tình huống xảy ra do các thế lực thù địch xuyên tạc thành quả công tác phân giới, cắm mốc giữa 2 nước Việt Nam và Campuchia trong thời gian qua; các tình huống liên quan đến các đối tượng xúi dục, chia rẽ gây mất tình đoàn kết giữa nhân dân 2 nước Việt Nam và Campuchia ở vùng biên giới; các tình huống liên quan đến vấn đề nhập cư trái phép qua đường biên giới, đặc biệt là phòng chống đại dịch COVID 19 tại các xã biên giới...

Dự báo xuất hiện tình huống ở cơ sở trên lĩnh vực hoạt động của chính quyền cơ sở (HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn)

Chính quyền cơ sở là cầu nối giữa nhà nước với các tổ chức và nhân dân ở địa phương, đại diện cho nhà nước để thực thi quyền lực nhà nước, triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước ở địa phương. Từ ngày tái lập tỉnh cho đến nay, chính quyền các xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; tổ chức thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quản lý phát triển xã hội; tổ chức cung ứng có hiệu quả và đảm bảo chất lượng các dịch vụ về y tế, giáo dục, văn hoá xã hội cho nhân dân và xử lý tốt các tình huống xảy ra ở cơ sở.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận ấy thì hoạt động của chính quyền cơ sở vẫn còn tồn đọng một số khó khăn, hạn chế nhất định như: Thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo còn hạn chế, pháp luật về bình đẳng giới chưa triệt để, tệ nạn xã hội vẫn còn xảy ra, ô nhiễm môi trường đang có chiều hướng gia tăng, vẫn còn tồn tại một số phong tục, tập quán lạc hậu, tình trạng khiếu kiện vẫn còn xảy ra…

Một số tình huống ở cơ sở trên các lĩnh vực hoạt động của chính quyền địa phương có thể xảy ra như: Các tình huống liên quan đến khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, đông người tham gia trong quá trình thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư; các tình huống nảy sinh do sự phản đối của các tiểu thương trong quá trình thực hiện chuyển đổi mô hình chợ truyền thống sang trung tâm thương mại ở các phường và thị trấn; các tình huống xảy ra do sự bất đồng của người dân trong các khu dân cư vì vấn nạn sử dụng loa kẹo kéo hát karaoke gây ồn ào, ảnh

hưởng đến cuộc sống những người xung quanh; các tình huống về các tệ nạn xã hội (cờ bạc, ma tuý, mại dâm) còn xảy ra ở một số khu dân cư; các tình huống xảy ra do sự lơ là, mất cảnh giác của nhân dân trước các làn sóng dịch có tính chất toàn cầu; các tình huống liên quan đến công tác quản lý lỏng lẻo để xảy ra tình trạng buôn bán các sản phẩm kém chất lượng, không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gây hậu quả nghiêm trọng cho người sử dụng; Tồn tại những cơ sở thẩm mỹ không phép gây ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe của nhân dân; các tình huống phát sinh những cơ sở tập kết, buôn bán hàng giả hàng kém chất lượng gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của người dân; các tình huống sử dụng công nghệ thông tin thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người dân xảy ra ở các xã, phường, thị trấn; các tình huống sử dụng công nghệ thông tin thực hiện hành vi tuyên truyền, phát tán những tin, bài, hình ảnh, video có nội dung thất thiệt, kích động, phản động, chống phá tổ chức cơ sở đảng và chính quyền ở các xã, phường, thị trấn; các tình huống liên quan đến bạo lực gia đình và học đường; các tình huống liên quan đến hoạt động xả thải ra môi trường của các doanh nghiệp gây ảnh hưởng đến khu dân cư; các tình huống liên quan đến sự suy thoái đạo đức của một số cán bộ lãnh đạo của địa phương gây thất thoát, lãng phí tiền của nhà nước; các tình huống liên quan đến công tác thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động động thất nghiệp do ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh; vấn đề thực hiện an sinh xã hội cho những người di dân, di cư tự do như: giáo dục, giải quyết việc làm, phá rừng làm rẫy; các tình huống xảy ra do mâu thuẫn, xung đột giữa các hộ dân liên quan đến tranh chấp đất đai; các tình huống xảy ra thiếu sự đồng thuận của nhân dân trong việc giải phóng mặt bằng để thực hiện nhựa hoá, bê tông hoá các tuyến đường trong các khu dân cư thuộc dự án xây dựng nông thôn mới; các tình huống xảy ra bởi sự ảnh hưởng của các tôn giáo mới (đạo lạ) gây nên mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình, nhất là những tín ngưỡng, tôn giáo xúi dục và ép buộc tín đồ thay đổi bàn thờ tổ tiên, ông bà thành bàn thờ tín ngưỡng, tôn giáo mà họ theo; các tình huống xảy ra do sự ảnh hưởng gây hậu quả nghiêm trọng bởi những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan còn tồn tại trong đời sống văn hoá của một số cộng đồng dân cư đồng bào

dân tộc thiểu số; các tình huống xảy ra do mâu thuẫn giữa ông bà, cha mẹ với con cháu vì sự bất đồng quan điểm sống, hệ tư tưởng giữa truyền thống và hiện đại; các tình huống xảy ra do mối quan hệ phức tạp trên không gian mạng, tình trạng lạm dụng quá mức sử dụng các thiết bị điện tử thông minh như điện thoại, máy tính bảng gây mâu thuẫn giữa vợ và chồng hoặc giữa cha mẹ với con cái trong gia đình; các tình huống xảy ra mâu thuẫn, xung đột giữa một số thanh niên ở xóm A và xóm B hoặc xã Y và xã Z; các tình huống xảy ra do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng liên quan đến các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo như: Đình, chùa, miếu, điện thờ, nhà thờ; các tình huống xảy ra do một số đối tượng sử dụng công nghệ thông tin để thực hiện hành vi cờ bạc, xem bói, tuyên truyền mê tín, dị đoan trên không gian mạng… trong khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước ở địa phương; các tình huống xảy ra từ thực tiễn xây dựng nhà ở, nhà trọ, nhà xưởng, cơ sở kinh doanh, thương mại dịch vụ, cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo trái phép ở các khu dân cư; các tình huống xảy ra do một số đối tượng giả danh lực lượng chức năng như: Công an, toà án, viện kiểm sát… để thực hiện các hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của nhân dân; các tình huống xảy ra do một số đối tượng sử dụng không gian mạng thực hiện hành vi bán hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng gây bức xúc cho người tiêu dùng; các tình huống xảy ra do hoạt động tín dụng đen, cho vay nặng lãi xảy ra ở trong các khu dân cư...

Hệ thống chính trị, chính quyền cơ sở là đầu mối thực thi quyền lực nhà nước, triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước ở địa phương; là nơi lắng nghe những tâm tư và nguyện vọng của nhân dân và cũng là nơi trực tiếp xử lý bước đầu những tình huống xảy ra ở cơ sở. Thực tiễn phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước hiện nay nói chung, ở tỉnh Bình Phước nói riêng vẫn còn có những khó khăn; đội ngũ cán bộ trên lĩnh vực công nghệ thông tin còn mỏng so với yêu cầu đặt ra của cuộc cách mạng 4.0 nên còn rất nhiều thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế, ứng phó biến đổi khí hậu, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường do phát triển công nghiệp gây ra… những thách thức ấy không chỉ là bài toán khó của Đảng và Nhà nước mà

còn là vấn đề nan giải ở địa phương trong việc ứng phó và xử lý các tình huống mới phát sinh trong thời gian tới.

2.2. Xây dựng và phương án xử lý tình huống cụ thể.

2.2.1. Tình huống công tác Đảng

1. Tình huống 1

1.1. Mô tả tình huống:

Quần chúng Nguyễn Thị A sinh năm 1994 (theo hồ sơ của khu phố đề nghị kết nạp vào Đảng), trong lý lịch tự khai ghi: bố, mẹ quần chúng A có 4 người con (con thứ nhất là Nguyễn Thị A sinh năm 1994, con thứ hai sinh năm 2001, con thứ ba sinh năm 2003, con thứ tư sinh năm 2005). Khi xem xét hồ sơ để kết nạp quần chúng A vào Đảng, có ý kiến cho rằng bố, mẹ của quần chúng A đã vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình nên không kết nạp cho quần chúng A. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, bố, mẹ quần chúng A vi phạm không ảnh hưởng đến bản thân quần chúng A nên quần chúng A vẫn đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng.

1.2. Phân tích tình huống:

Đây là một tình huống về công tác đảng viên liên quan tới việc xem xét lý lịch, hồ sơ của quần chúng xin vào Đảng.

1.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững về các tiêu chuẩn, điều kiện kết nạp đảng viên cũng như việc xem xét lý lịch của quần chúng xin vào Đảng. Nếu không được giải quyết, xử lý đúng quy định sẽ làm ảnh hưởng tới tâm lý và sự phấn đấu của quần chúng.

1.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

1.5. Hệ thống căn cứ:

- Điều 1 Điều lệ Đảng;

- Điểm 3.4 Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;

- Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28-2-2018 của Bộ Chính trị về một số vấn đề bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.

- Điểm 1; Điều 5, Quy định 05-QĐ/TW ngày 28-8-2018 của Ban bí thư Quy định việc kết nạp người vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình vào Đảng.

1.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định của Đảng trong công tác phát triển đảng viên để xây dựng đội ngũ đảng viên ngày càng có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

1.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc bố mẹ quần chúng Nguyễn Thị A từ năm 1994 đến năm 2005 sinh 4 con là vi phạm chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, song các quy định của Đảng và Nhà nước không quy định quần chúng A phải chịu trách nhiệm về việc đó. Do đó, nếu quần chúng A có quá trình phấn đấu tốt, có đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, kết nạp vào Đảng như các trường hợp khác.

2. Tình huống 2

2.1. Mô tả tình huống:

Quần chúng P là kỹ sư điện, công tác tại Xí nghiệp X liên tục từ tháng 3/2013 đến nay. Tuy nhiên, các hợp đồng và phụ lục hợp đồng lao động mà lãnh đạo xí nghiệp X ký với quần chúng P đều là loại hợp đồng thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng (Hợp đồng trước hết hạn thì lại ký tiếp phụ lục hợp đồng gia hạn hoặc ký lại hợp đồng mới). Khi chi bộ nơi cư trú xem xét, thực hiện thủ tục kết nạp quần chúng P vào Đảng, có 02 loại ý kiến khác nhau:

- Ý kiến 1: Quần chúng P làm việc tại xí nghiệp X theo hợp đồng có thời hạn dưới 12 tháng. Vì vậy, chi bộ nơi cư trú có thẩm quyền xem xét, thực hiện thủ tục đề nghị kết nạp quần chúng P vào Đảng.

- Ý kiến 2: Mặc dù quần chúng P làm việc tại xí nghiệp X theo hợp đồng thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng, nhưng thực tế quần chúng P đã làm việc tại xí nghiệp X đến nay đã 8 năm, do đó chi bộ nơi cư trú không có thẩm quyền xem xét,

thực hiện thủ tục đề nghị kết nạp quần chúng P vào Đảng. Trường hợp này thuộc thẩm quyền của tổ chức đảng nơi quần chúng làm việc.

2.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác kết nạp đảng viên, xác định thẩm quyền xem xét đề nghị kết nạp đảng viên của chi bộ.

2.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững quy định, thủ tục kết nạp quần chúng vào Đảng nên chi bộ nơi quần chúng cư trú tiến hành việc xem xét kết nạp quần chúng vào Đảng khi đang làm việc ở một cơ quan, đơn vị có thời gian lên tới 7 năm. Nếu không được xử lý theo quy định của Đảng sẽ dẫn đến việc kết nạp đảng viên sai quy định, không đúng thẩm quyền.

2.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

2.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 6 (6.4), Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư quy định về kết nạp đảng viên trong một số trường hợp cụ thể.

2.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của đảng viên và tổ chức đảng trong việc xem xét kết nạp đảng viên đúng quy định và thẩm quyền để xây dựng đội ngũ đảng viên thực sự có chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn và đáp ứng yêu cầu.

2.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc xem xét kết nạp quần chúng P vào Đảng thuộc trách nhiệm của chi bộ Xí nghiệp X nơi công tác (vì quần chúng P đã làm việc liên tục tại Xí nghiệp X hơn 7 năm).

3. Tình huống 3

3.1. Mô tả tình huống:

Anh A, năm 1997 đi bộ đội; năm 1999 được kết nạp vào Đảng; năm 2000 về phục viên, sinh hoạt đảng tại địa phương; năm 2002, đi làm ăn xa tại tỉnh khác và

phải bỏ sinh hoạt đảng (có báo cáo và được sự đồng ý của chi bộ); năm 2004, vào làm công nhân ở một doanh nghiệp; sau nhiều năm phấn đấu, rèn luyện, đến nay được quần chúng tín nhiệm, giới thiệu để tổ chức đảng xem xét kết nạp lại vào Đảng. Tuy nhiên, khi xem xét kết nạp lại, tại chi bộ có 2 ý kiến:

+ Ý kiến 1: anh A không thuộc diện được kết nạp lại vào Đảng theo quy định.

+ Ý kiến 2: anh A vẫn thuộc diện được kết nạp lại vào Đảng vì mặc dù anh A bỏ sinh hoạt đảng nhưng đã có báo cáo và được sự đồng ý của chi bộ.

3.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác đảng viên, mà cụ thể là việc xem xét kết nạp lại đảng viên đã bỏ sinh hoạt đảng (mặc dù có báo cáo và được sự đồng ý của chi bộ nhưng chi bộ đồng ý trái với quy định nên vẫn xem là tự ý ra khỏi Đảng). Nếu chi bộ nắm chắc quy định nên xem xét kỹ hồ sơ của quần chúng, căn cứ quy định để không đưa trường hợp quần chúng để chi bộ xem xét kết nạp đảng viên.

3.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của đảng viên còn hạn chế nên khi đi làm ăn ở tỉnh khác không thực hiện việc chuyển sinh hoạt đảng mà lại tự ý bỏ sinh hoạt đảng. Hơn nữa, do nhận thức hạn chế của cấp ủy chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt nên không hướng dẫn và thực hiện các thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên về nơi làm việc hoặc nơi cư trú mới. Do đó, chi bộ nơi đảng viên đang sinh hoạt đồng ý việc đảng viên bỏ sinh hoạt đảng. Điều này làm ảnh hưởng tới quyền lợi của đảng viên, nhất là trong việc xem xét kết nạp lại đối với quần chúng đã từng là đảng viên này. Nếu không được xử lý đúng quy định, kịp thời, chi bộ đã có thể thực hiện việc xem xét kết nạp đảng viên không đúng quy định của Đảng.

3.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

3.5. Hệ thống căn cứ:

Khoản 3.5.1; 3.5.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng (hướng dẫn thi hành Điều 4, Điều lệ Đảng).

3.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức cho đảng viên trong việc nắm vững quy định của Đảng trong việc xem xét kết nạp lại đảng viên, để từ đó thực hiện việc báo cáo, đề nghị chi bộ tiến hành các thủ tục chuyển sinh hoạt đảng khi chuyển đến nơi ở, nơi làm việc mới. Đồng thời, nâng cao nhận thức cho tổ chức đảng về quy định kết nạp lại đảng viên, công tác quản lý đảng viên.

3.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Không xem xét, kết nạp lại những người trước đây ra khỏi Đảng vì lý do: vi phạm lịch sử chính trị và chính trị hiện nay theo quy định của Bộ Chính trị; tự bỏ sinh hoạt đảng; làm đơn xin ra khỏi Đảng (trừ trường hợp vì lý do gia đình đặc biệt khó khăn); gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị phạt tù vì tội tham nhũng; bị án hình sự từ mức nghiêm trọng trở lên. Do đó, anh A không thuộc diện xem xét, kết nạp lại vào Đảng.

4. Tình huống 4

4.1. Mô tả tình huống: Một chi bộ có đảng viên dự bị vi phạm chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình (sinh con thứ ba) và bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách vào tháng thứ 9 của thời gian dự bị. Khi hết thời gian dự bị, chi bộ xét để chuyển đảng chính thức cho đồng chí đó thì có hai loại ý kiến khác nhau:

+ Ý kiến thứ nhất: Trong thời gian dự bị, đảng viên dự bị vì sinh con thứ ba, bị kỷ luật khiển trách. Khi hết thời gian dự bị theo quy định nhưng chưa hết thời gian chấp hành kỷ luật vẫn được tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, đề nghị chuyển đảng chính thức.

+Ý kiến thứ hai: Trong thời gian dự bị, đảng viên dự bị, bị thi hành kỷ luật thì không còn đủ tiêu chuẩn đảng viên nữa, hết thời gian dự bị tổ chức đảng có

thẩm quyền không xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị đó nữa mà xóa tên trong danh sách đảng viên.

4.2. Phân tích tình huống:

Đây là một tình huống liên quan đến công tác đảng viên, thực hiện việc chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị. Tuy nhiên, đảng viên đang trong thời gian dự bị thì bị kỷ luật khiển trách, nên trong chi bộ có một số đảng viên không đồng tình với việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị dẫn đến có những ý kiến trái chiều trong vấn đề này. Nếu không xem xét kỹ vấn đề, phân tích thấu đáo vi phạm của đảng viên dự bị có thể sẽ dẫn đến những quyết định sai ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức đảng và sự phấn đấu của đảng viên.

4.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm kỹ quy định của Đảng về việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị. Nếu không xử lý tốt có thể dẫn đến việc chậm trễ trong xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị hoặc ra quyết định sai thẩm quyền làm ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức đảng, danh dự của đảng viên.

4.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

4.5. Hệ thống căn cứ:

- Điều 5, Điều lệ Đảng;

- Khoản 10, Điều 9, Quy định 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

- Điều 27, Quy định 102, ngày 15/11/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

4.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Để làm tốt hơn công tác đảng viên, thực hiện việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên đúng quy định, Điều lệ Đảng.

4.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Cho dù đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật hay không thì đủ 12 tháng dự bị, tổ chức đảng phải xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên. Còn việc đề nghị cấp trên xem xét chuyển đảng chính thức hay xóa tên đảng viên dự bị phụ thuộc vào mức độ vi phạm của đảng viên dự bị và số người đồng ý. Do đó, cấp ủy cơ sở cần chú ý tới việc trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác đảng cho bí thư chi bộ, chi ủy cần chủ động nghiên cứu các văn bản của Đảng để thực hiện tốt, đúng quy định.

5. Tình huống 5

5.1. Mô tả tình huống:

Ở chi bộ đang sinh hoạt, có đảng viên dự bị sau khi đủ 12 tháng dự bị nhưng chi bộ và đảng ủy cơ sở quên không làm thủ tục công nhận đảng viên chính thức cho đảng viên. Từ thời điểm dự bị đến nay đã được 3 năm, chi bộ mới làm thủ tục đề nghị chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị. Đảng ủy cấp trên không công nhận chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị và yêu cầu chi bộ phải làm kiểm điểm, đồng thời kiểm điểm đảng viên dự bị.

5.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan đến công tác đảng viên mà cụ thể là công tác chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị, cần làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể có liên quan.

5.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do sự tắc trách của chi bộ, đảng ủy cơ sở và do nhận thức của bản thân đảng viên dự bị nên việc chuyển đảng chính thức cho đảng viên không được thực hiện đúng quy định. Nếu không xử lý kịp thời, chính xác, đúng quy định sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức và thiệt thòi cho đảng viên dự bị

5.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đúng thẩm quyền.

5.5. Hệ thống căn cứ: Mục 4.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Khoản 2, Điều 5, Điều lệ Đảng).

5.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: thấu tình đạt lý, đảm bảo sự công tâm, khách quan trong xử lý sự việc.

5.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Chi bộ và các cấp ủy có thẩm quyền phải làm thủ tục chuyển đảng chính thức cho đảng viên; thời gian công nhận đảng viên chính thức được tính từ ngày hết hạn dự bị. Đồng thời, kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể và cá nhân có liên quan đến sai phạm trên. Bản thân đảng viên dự bị cũng phải nhận thấy trách nhiệm của mình trong việc không nắm rõ những quy định của Đảng để nhắc nhở chi bộ làm các thủ tục liên quan tới chuyển đảng chính thức.

6. Tình huống 6

6.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên dự bị Nguyễn Thị A có hộ khẩu thường trú tại phường B, TP C. Sau khi tốt nghiệp đại học, quần chúng A đến công tác tại một công ty ở tỉnh khác và được kết nạp Đảng tại công ty này. Tuy nhiên, đang trong thời gian dự bị thì đảng viên A chấm dứt hợp đồng lao động với công ty.

Trên cơ sở đề nghị nhận và giới thiệu sinh hoạt của Ban Thường vụ cấp ủy nơi đồng chí A vào Đảng, Thành ủy C đã chuyển sinh hoạt cho đồng chí A về đảng bộ phường B. Sau khi chuyển sinh hoạt về chi bộ, đảng viên A có đơn xin miễn sinh hoạt đảng và được cá nhân Bí thư chi bộ đồng ý, song nội dung này chưa được báo cáo với chi ủy và chi bộ để xem xét biểu quyết thông qua theo quy định.

Tới thời hạn xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên A theo quy định, đảng viên A không có mặt nên chi bộ đã dừng lại và thông báo để mời đảng viên A về dự. Sau đó một tháng, chi bộ xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên A, tuy nhiên, có 01 đảng viên có ý kiến không nhất trí cho đảng viên dự bị A chuyển đảng chính thức do đồng chí không sinh hoạt ngày nào tại chi bộ.

Chi bộ đã báo cáo lên Đảng ủy phường xin ý kiến chỉ đạo, Đảng ủy đã phân công đồng chí phó bí thư thường trực đảng ủy về dự và chỉ đạo trực tiếp. Sau khi xem xét sự việc, đồng chí phó bí thư thường trực đảng ủy yêu cầu đồng chí bí thư

chi bộ phải kiểm điểm trước chi bộ và chỉ đạo chi bộ tiến hành biểu quyết xem xét chuyển đảng chính thức cho đồng chí A. Kết quả có 32/33 đảng viên chính thức có mặt biểu quyết nhất trí đề nghị chuyển đảng chính thức cho đồng chí A (chi bộ có 44 đảng viên chính thức, trong đó có 11 đảng viên miễn sinh hoạt).

Hiện nay có đơn của đảng viên đề nghị đảng ủy phường không chuyển chính thức cho đảng viên A, yêu cầu phải xóa tên.

6.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị. Tình huống cho thấy cần phải nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của bí thư chi bộ, chi bộ trong công tác quản lý đảng viên, tuân thủ nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng và quy định về xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị.

6.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của bí thư chi bộ còn hạn chế nên khi đảng viên dự bị xin miễn sinh hoạt, đồng chí bí thư đã không xin ý kiến của chi bộ mà tự ý quyết định. Bên cạnh đó, việc đảng viên có đơn đề nghị cấp ủy cơ sở không xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị là thể hiện sự hạn chế trong việc nắm vững các quy định của Đảng.

6.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

6.5. Hệ thống căn cứ:

Mục 4.2.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Khoản 2, Điều 5, Điều lệ Đảng).

6.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của đảng viên, tổ chức đảng về quy định chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị nhằm đảm bảo chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị đúng thời hạn theo quy định, từ đó nâng cao chất lượng đảng viên.

6.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc đảng viên Nguyễn Thị A do làm ăn xa đã làm đơn xin miễn sinh hoạt đảng và được Bí thư chi bộ đồng ý nên đảng viên A không có vi phạm. Việc đồng chí bí thư chi bộ không báo cáo chi ủy, chi bộ là sai; lỗi thuộc về đồng chí bí thư chi bộ; việc đó đã được đảng ủy phường chỉ đạo chi bộ kiểm điểm. Việc chi bộ đã tổ chức xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên A khi hết thời gian thử thách là đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương. Các cấp ủy có thẩm quyền cần khẩn trương xét, chuyển đảng chính thức cho đảng viên A theo quy định.

Việc có đảng viên làm đơn đề nghị đảng ủy phường không xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên A là chưa nghiên cứu kỹ hoặc hiểu chưa đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương cần được phê bình, nhắc nhở.

Tuy nhiên, để đảm bảo nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đồng chí bí thư chi bộ không được tự ý cho đảng viên A đang trong thời gian là đảng viên dự bị được miễn sinh hoạt. Bên cạnh đó, trước khi chi bộ biểu quyết đề nghị chuyển đảng chính thức cho đảng viên A, chi bộ cần phân tích rất kỹ, thẩm tra về gia đình đảng viên xin miễn sinh hoạt và bản thân đảng viên dự bị trong thời gian xin miễn sinh hoạt để có căn cứ trong việc bỏ phiếu biểu quyết xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên A.

7. Tình huống 7

7.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên Nguyễn Văn A sinh năm 1991, vào Đảng ngày 5/6/2016 hiện đang sinh hoạt tại chi bộ trực thuộc Đảng bộ Công ty B. Trong quá trình sinh hoạt hoạt đảng, đảng viên A chấp hành tốt Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng bộ, chi bộ, tích cực tham gia hoạt động các phong trào. Đến ngày 6/9/2016 đồng chí được Trường Đại học Bình Dương giới thiệu cùng đoàn sinh viên của nhà trường đi học tập và thực hành nông nghiệp tại I-xra-en kể từ ngày 6/9/2016 đến 6/5/2017 (việc đi học của đảng viên A được cấp có thẩm quyền đồng ý). Do thời gian đi học tập tại nước ngoài dưới 12 tháng và tại Israel không có tổ chức đảng nên đồng chí

làm đơn xin miễn sinh hoạt trong thời gian học tập và được chi bộ đồng ý. Trong quá trình học tập, đồng chí thường xuyên liên hệ với chi bộ và thực hiện tốt các nghĩa vụ đảng viên tại chi bộ. Đến tháng 5/2017 sau khi hết thời hạn học tập ở nước ngoài, do sự cố gắng nỗ lực và có thành tích xuất sắc, đồng chí được gia hạn thêm 6 tháng kể từ tháng 5/2017 đến tháng 11/2017. Về việc này đồng chí có báo cáo với chi bộ và được đồng ý ở lại gia hạn.

Đến kỳ làm hồ sơ chuyển đảng viên dự bị thành đảng viên chính thức cho đồng chí Nguyễn Văn A tại chi bộ có 2 luồng ý kiến:

- Ý kiến 1: Đảng viên A đã hết thời gian học tập tại I-xra-en, được gia hạn thêm thời gian học tập nhưng lại không chuyển sinh hoạt đảng ra Đảng ủy Ngoài nước, nay đã đến thời hạn chuyển đảng chính thức nhưng đảng viên A lại không có mặt tại địa phương thì phải xóa tên trong danh sách đảng viên.

- Ý kiến 2: đảng viên A mặc dù đã hết thời hạn học tập ở nước ngoài nhưng sự cố gắng nỗ lực và có thành tích xuất sắc trong học tập được đề nghị gia hạn thêm thời gian học tập là có lý do chính đáng và đồng chí A là đảng viên trẻ, có chiều hướng phát triển, có nguyện vọng tha thiết đứng trong hàng ngũ của Đảng thì nên tiếp tục gia hạn thời gian miễn sinh hoạt đảng để đồng chí hoàn thành nhiệm vụ học tập, khi hết thời hạn trở về địa phương thì làm thủ tục chuyển đảng chính thức cho đảng viên A.

7.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị, khi đảng viên dự bị tham gia học tập, sinh hoạt ở nước ngoài, trong khi ở nước đó không có tổ chức đảng, tổ chức đảng đã đồng ý cho đảng viên dự bị miễn sinh hoạt trong thời gian học tập ở nước ngoài.

7.3 Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do hạn chế về nhận thức của một số đảng viên về những quy định của Đảng nên trong chi bộ còn có những ý kiến khác nhau trong việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên. Nếu không được xử lý kịp thời, đúng quy định sẽ ảnh

hưởng đến quá trình phấn đấu, sự nghiệp của đảng viên và ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức đảng.

7.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

7.5. Hệ thống căn cứ: Điều 5, Điều lệ Đảng;

7.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nhằm nâng cao nhận thức cho đảng viên và tổ chức đảng trong việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị. Đồng thời, giúp cho tổ chức đảng thực hiện việc xem xét chuyển đảng chính thức cho đảng viên dự bị kịp thời, đúng quy định, không làm ảnh hưởng đến sự phấn đấu của đảng viên và uy tín của tổ chức đảng.

7.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc đảng viên Nguyễn Văn A được cử đi học tập và thực hành nông nghiệp tại I-xra-en do thời hạn dưới 12 tháng và nơi đến công tác không có tổ chức đảng, đảng viên A đã báo cáo chi bộ và xin miễn sinh hoạt đảng trong thời gian đi công tác là đã thực hiện đúng quy định hiện hành của Đảng. Trong quá trình đi học, đồng chí A thường xuyên liên hệ với chi bộ; khi hết thời gian công tác, do có thành tích xuất sắc, đảng viên A được phía đối tác I-xra-en yêu cầu gia hạn thời hạn học tập thêm 6 tháng, điều đó thể hiện ý thức phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ đảng viên của đảng viên A. Vì vậy, chi bộ cần làm thủ tục xét công nhận đảng viên chính thức cho đảng viên A khi hết thời gian dự bị.

8. Tình huống 8

8.1. Mô tả tình huống:

Quần chúng Nguyễn Văn A sau khi tốt nghiệp đại học về địa phương lao động sản xuất, rèn luyện, được chi bộ nơi cư trú làm hồ sơ đề nghị kết nạp vào Đảng. Ngày 28/8/2015, quần chúng có quyết định chuẩn y kết nạp vào Đảng của Ban thường vụ huyện ủy B. Ngày 02/9/2015, quần chúng A được chi bộ tổ chức lễ kết nạp. Trong khi đó, ngày 12/8/2015, quần chúng được tuyển dụng làm công

chức ở huyện khác nhưng do không am hiểu quy định nên không báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền để xử lý theo quy định. Sau khi được kết nạp ở nơi cư trú, đảng viên A có làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng về nơi công tác nhưng ban tổ chức huyện ủy nơi công tác không nhận hồ sơ, yêu cầu phải về huyện ủy B nơi cư trú xin sửa lại ngày ra quyết định kết nạp trước ngày 12/8/2015. Tuy nhiên, huyện ủy B nơi cư trú không đồng ý. Do đó, việc chuyển sinh hoạt đảng của đảng viên A gặp khó khăn.

8.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác kết nạp đảng viên ở nơi cư trú khi quần chúng đã được tuyển dụng công chức ở một đơn vị khác và liên quan tới công tác chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

8.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do hạn chế về nhận thức, hiểu biết những quy định của Đảng về kết nạp đảng viên nơi cư trú, cùng với sự thiếu hiểu biết của quần chúng nên khi được tuyển dụng công chức nhưng quần chúng lại không báo cáo với tổ chức đảng để xử lý đúng thẩm quyền và đúng quy định. Do đó, tổ chức đảng nơi cư trú đã thực hiện việc kết nạp đảng viên cho quần chúng không đúng quy định, dẫn đến khó khăn trong công tác chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên.

8.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

8.5. Hệ thống căn cứ:

- Điều 4, Điều 5, Điều lệ Đảng;

- Điểm 4.4.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Điều 5, Điều lệ Đảng).

8.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của tổ chức đảng và đảng viên trong công tác kết nạp đảng viên, đảm bảo đúng quy định và xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng, đáp ứng yêu cầu.

8.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Trường hợp đảng viên A thuộc trường hợp kết nạp người vào Đảng không đúng thẩm quyền và thủ tục. Do đó, cấp ủy cấp trên trực tiếp của Ban Thường vụ huyện ủy B - nơi ra quyết định kết nạp cho đảng viên A sẽ ra quyết định hủy bỏ quyết định kết nạp đảng viên và chỉ đạo các cấp ủy cấp dưới làm lại các thủ tục theo quy định và xem xét trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

9. Tình huống 9

9.1. Mô tả tình huống:

Đảng bộ Bệnh viện đa khoa X có 01 đảng viên A trúng tuyển nghiên cứu sinh tại Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đào tạo là 4 năm, hình thức đào tạo tập trung. Đảng ủy Bệnh viện đa khoa X làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên A đến Đảng ủy Trường Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng nơi này không tiếp nhận với lý do làm nghiên cứu sinh thời gian chủ yếu là tự nghiên cứu tại nhà, chỉ tập trung khoảng 6 tháng, vì vậy nên sinh hoạt đảng ở đơn vị cũ sẽ thuận lợi hơn. Đảng viên mang hồ sơ về đảng ủy nơi công tác thì nhận được câu trả lời là đi học tập trung dài hạn phải chuyển sinh hoạt đảng chính thức. Hiện đảng viên A không biết phải làm thế nào.

9.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên khi tham gia học tập trung dài hạn tại một cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, thời gian học tập trung thực tế của đảng viên trong suốt 4 năm cộng dồn chỉ khoảng 6 tháng nên cần có sự linh hoạt trong xử lý.

9.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững quy định về chuyển sinh hoạt đảng chính thức đối với đảng viên tham gia đào tạo tập trung nên đảng ủy cơ sở đào tạo không tiếp nhận. Bên cạnh đó, sự máy móc trong xử lý công việc của đảng ủy nơi đảng viên công tác dẫn đến khó khăn cho đảng viên trong sinh hoạt đảng.

9.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

9.5. Hệ thống căn cứ: Điểm 6.3.1, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Điều 6, Điều lệ Đảng).

9.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Không làm gián đoạn sinh hoạt đảng của đảng viên, tạo sự thống nhất trong nhận thức của các cấp ủy về công tác chuyển và tiếp nhận sinh hoạt đảng của đảng viên.

9.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc đảng viên A đi học tập trung 4 năm phải chuyển sinh hoạt đảng chính thức về Đảng ủy nơi đến học tập là đúng quy định của Đảng. Tuy nhiên, do thời gian học tập trung của cả 4 năm chỉ khoảng 6 tháng, nên để thuận tiện cho công tác của đảng viên thì có thể vận dụng chuyển sinh hoạt đảng tạm thời trong thời gian đảng viên học tập trung, thời gian còn lại đảng viên sinh hoạt tại đơn vị cũ là phù hợp, thuận tiện hơn.

10. Tình huống 10

10.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên A sinh hoạt tại chi bộ B thuộc đảng bộ xã C có vi phạm và đang bị xem xét xử lý kỷ luật thì đảng viên A xin chuyển sinh hoạt đảng tại nơi cư trú mới tại chi bộ D thuộc đảng bộ xã E nhưng đảng ủy xã C không làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên A. Đảng viên A không đồng tình với cách làm này và rất bức xúc.

10.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên nhưng là đảng viên đang bị xem xét xử lý kỷ luật.

10.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của đảng viên và chi bộ nơi đảng viên sinh hoạt còn hạn chế, không nắm rõ quy định của Đảng về chuyển sinh hoạt đảng đối với đảng viên đang

bị xem xét xử lý kỷ luật. Hơn nữa, nếu cấp ủy cơ sở giải thích thấu đáo đối với đảng viên để đảng viên hiểu rõ quy định của Đảng thì đảng viên sẽ không bức xúc khi bị từ chối chuyển sinh hoạt đảng.

10.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

10.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 6.3.1đ, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Điều 6, Điều lệ Đảng).

10.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Giúp nâng cao nhận thức cho cả đảng viên và tổ chức đảng về quy định của Đảng cũng như rút kinh nghiệm cho cấp ủy cơ sở trong xử lý công việc.

10.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Đảng viên A đang trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật đảng, tức vẫn đang trong quá trình kiểm tra, không được chuyển sinh hoạt đảng chính thức về tổ chức đảng khác. Do đó, đảng ủy xã C chưa làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên A là đúng quy định. Tuy nhiên, Đảng ủy xã C phải giải thích cho đảng viên A biết để thực hiện đúng quy định của Đảng.

11. Tình huống 11

11.1. Mô tả tình huống:

Một đảng viên đang trong thời gian bị đình chỉ sinh hoạt nên tổ chức đảng không thu đảng phí. Sau khi được khôi phục sinh hoạt đảng, tổ chức đảng truy thu số đảng phí trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt nhưng đảng viên không đồng ý vì cho rằng thời gian đồng chí bị đình chỉ sinh hoạt đảng thì không phải đóng đảng phí.

11.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác thu - nộp đảng phí của đảng viên, thể hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của đảng viên đối với Đảng.

11.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững về quy định của Đảng trong việc nộp đảng phí nên đảng viên không chấp hành việc truy thu đảng phí trong thời gian bị đình chỉ sinh hoạt. Bên cạnh đó, do chi bộ không giải thích rõ ràng cho đảng viên hiểu nên cả đảng viên và chi bộ đều chưa tìm được tiếng nói chung.

11.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

11.5. Hệ thống căn cứ: Khoản 4, Điều 2 Điều lệ Đảng.

11.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của đảng viên và tổ chức đảng về trách nhiệm, nghĩa vụ của đảng viên.

11.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc tổ chức đảng quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật của Đảng là nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng hoặc bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra quyết định truy tố, tạm giam. Vì vậy, đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng vẫn là đảng viên của Đảng (tạm thời không được sinh hoạt đảng trong thời gian bị đình chỉ) phải thực hiện các nhiệm vụ của đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng. Do đó, đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng vẫn phải đóng đảng phí theo quy định.

12. Tình huống 12

12.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên A được kết nạp vào Đảng được 07 tháng thì làm đơn xin ra khỏi Đảng với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Tại cuộc họp chi bộ có 2 loại ý kiến sau:

- Ý kiến 1: Đảng viên A chưa là đảng viên chính thức nên chi bộ không xem xét việc xin ra khỏi Đảng của đồng chí A.

- Ý kiến 2: Lý do đồng chí A xin ra khỏi Đảng là chính đáng, mặc dù đồng chí là đảng viên dự bị thì chi bộ vẫn xem xét cho ra khỏi Đảng.

12.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan đến công tác đảng viên, giải quyết đối với đảng viên xin ra khỏi Đảng khi vừa mới kết nạp được 07 tháng với lý do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Trong chi bộ xuất hiện 02 luồng ý kiến: có ý kiến cho rằng không giải quyết việc xin ra khỏi Đảng đối với đảng viên dự bị, có ý kiến khác cho rằng với lý do chính đáng thì dù là đảng viên dự bị vẫn được xem xét cho ra khỏi Đảng.

12.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của đảng viên còn hạn chế và do cấp ủy chưa kỹ trong việc xem xét hồ sơ lý lịch và nguyện vọng của quần chúng khi vào Đảng đã dẫn tới việc đảng viên mới kết nạp đã xin ra khỏi Đảng làm ảnh hưởng đến tâm lý của đảng viên cũng như gây dư luận không tốt đến tổ chức đảng.

12.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

12.5. Hệ thống căn cứ:

- Khoản 3, Điều 8, Điều lệ Đảng;

- Điểm 11.2, Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư quy định về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

12.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Để chi bộ làm tốt hơn công tác đảng viên, thực hiện việc xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cho ra khỏi Đảng và làm thủ tục xóa tên đảng viên trong danh sách đảng viên đúng quy định, Điều lệ Đảng.

12.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Theo các quy định hiện hành của Đảng thì không quy định các trường hợp xin ra khỏi Đảng là đảng viên dự bị hay đảng viên chính thức; do đó, khi đảng viên dự bị làm đơn xin ra khỏi Đảng thì chi bộ và các cấp ủy có thẩm quyền vẫn xem xét bình thường theo quy định và hướng dẫn nêu trên. Đồng thời, cấp ủy các cấp cần chú trọng hơn nữa việc nâng cao nhận thức cho đảng viên và rút kinh nghiệm về công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, xem xét kết nạp đảng viên.

13. Tình huống 13

13.1. Mô tả tình huống:

Tại một chi bộ thôn có gần 90% là đảng viên nghỉ hưu. Hai năm trước có 01 đảng viên xin chi bộ cho miễn sinh hoạt để chăm sóc chồng bị bệnh, chi bộ đã nhất trí và báo cáo cấp ủy cơ sở. Hiện nay đảng viên này vẫn đang được miễn sinh hoạt để chăm sóc chồng. Tuy nhiên, có ý kiến đảng viên trong chi bộ cho rằng việc chi bộ nhất trí cho đảng viên này miễn sinh hoạt để chăm sóc chồng bệnh là không đúng quy định của Đảng. Nhưng cũng có ý kiến cho rằng, việc chi bộ nhất trí cho đảng viên này miễn sinh hoạt và có báo cáo lên cấp ủy cơ sở, cấp ủy cơ sở đồng ý cho miễn sinh hoạt là hoàn toàn đúng quy định của Đảng.

13.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác đảng viên, mà cụ thể là việc miễn sinh hoạt đảng.

13.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của chi bộ, cấp ủy cơ sở và của một số đảng viên còn hạn chế nên để tình trạng miễn sinh hoạt đảng cho đảng viên không đúng đối tượng kéo dài làm ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức đảng.

13.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, kiên quyết, có trách nhiệm.

13.5. Hệ thống căn cứ:

- Điểm 1, Khoản 1.2, mục IV, Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, ngày 05/6/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng viên.

- Điều 7, Điều lệ Đảng.

13.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của đảng viên và tổ chức đảng trong việc chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, Điều lệ Đảng.

13.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Chưa có quy định nào của Đảng cho đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt đảng để chăm sóc chồng ốm. Do đó, việc chi bộ vận dụng cho đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt trong trường hợp này là chưa đúng quy định. Cấp ủy cơ sở và chi bộ phải kiểm điểm trách nhiệm trong vi phạm này và rút kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý đảng viên.

14. Tình huống 14

14.1. Mô tả tình huống:

Một đảng viên là bộ đội xuất ngũ chuyển công tác tại một cơ quan cấp tỉnh. Hiện nay, trong hồ sơ cán bộ ghi sinh ngày 14/4/1969; sổ bảo hiểm ghi sinh ngày 14/4/1968; hồ sơ lý lịch đảng ghi sinh ngày 14/4/1970. Khi tính tuổi của đảng viên, chi bộ lấy ngày 14/4/1969 với lý do đây là ngày ghi trong hồ sơ cán bộ. Tuy nhiên, lại có ý kiến cho rằng tuổi của đảng viên này phải lấy ngày 14/4/1970 vì đây là ngày được ghi trong sổ bảo hiểm vì khi nghỉ hưu, bảo hiểm sẽ lấy ngày làm căn cứ để chi trả chế độ bảo hiểm. Song, cũng có ý kiến cho rằng phải lấy ngày ghi trong lý lịch đảng là 14/4/1970.

14.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác tính tuổi của đảng viên, khi ngày tháng năm sinh ghi trong mỗi hồ sơ của đảng viên là khác nhau.

14.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm rõ quy định về ghi tuổi của đảng viên trong hồ sơ cho thống nhất nên trong chi bộ vẫn còn có những ý kiến khác nhau khi xem xét tính tuổi của đảng viên. Nếu không được xử lý kịp thời, chính xác theo quy định sẽ gây khó khăn cho các bộ phận, cơ quan liên quan khi giải quyết chế độ cho đảng viên.

14.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

14.5. Hệ thống căn cứ:

- Thông báo Kết luận số 13-KL/TB ngày 17/8/2016 của Ban Bí thư về việc xác định tuổi của đảng viên;

- Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng;

- Công văn số 1901-CV/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn thực hiện Kết luận số 13 của Ban Bí thư về việc xác định tuổi của đảng viên.

14.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức cho đảng viên và tổ chức đảng trong công tác đảng viên, trong việc xem xét tính tuổi của đảng viên, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hoạt động thực tiễn; thực hiện chế độ đối với cán bộ là đảng viên cho đúng quy định.

14.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Các quy định trên ghi rõ: kể từ ngày 18/8/2016, không xem xét điều chỉnh tuổi của đảng viên, mà thống nhất xác định tuổi của đảng viên theo tuổi khai trong hồ sơ lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng. Trường hợp tuổi ghi trong hồ sơ lý lịch cán bộ hoặc các giấy tờ liên quan khác kèm theo hồ sơ lý lịch đảng viên gốc, khi tiến hành quy trình công tác cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên thì các cấp ủy, tổ chức đảng phải lấy tuổi khai trong hồ sơ lý lịch đảng viên (hồ sơ gốc) khi được kết nạp vào Đảng làm căn cứ để xác định tuổi của đảng viên. Vì vậy, trong trường hợp này, tuổi của đảng viên được xác định là ngày 14/4/1970.

15. Tình huống 15

15.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên A được chi bộ bình xét là đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, sau đó chi bộ báo cáo lên đảng ủy cấp trên để xem xét công nhận danh hiệu cho đảng viên. Tuy nhiên, tại hội nghị BCH đảng bộ họp bình xét đảng viên trong năm 2019 đã giới thiệu thêm một số đảng viên khác, trong đó có thêm 2 đảng viên của chi bộ đảng viên A đang sinh hoạt (mặc dù 2 đồng chí này không được chi bộ bình xét là đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ) và tiến hành bình xét bằng hình thức bỏ phiếu kín. Kết quả, trong các đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có 02 đồng chí được đảng ủy giới thiệu còn đồng chí A không đạt. Một

số ý kiến của đảng viên trong chi bộ đồng chí A không đồng tình và cho rằng việc bình xét như vậy là sai quy định của Đảng và kiến nghị lên đảng ủy. Song, đảng ủy cho rằng việc bình xét như vậy là hoàn toàn đúng với quy định của Đảng.

15.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác đánh giá xếp loại đảng viên của tổ chức đảng, trong đó Đảng ủy cơ sở tự giới thiệu thêm đảng viên để bình xét cuối năm mà không căn cứ vào sự giới thiệu, bình xét của chi bộ.

15.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Hoặc do hạn chế về nhận thức của cấp ủy cơ sở, hoặc do cấp ủy cơ sở cố ý làm sai quy định của Đảng trong bình xét, phân loại, đánh giá đảng viên cuối năm nên để xảy ra hậu quả việc bình xét xếp loại đảng viên không đúng quy định và gây bức xúc cho đảng viên trong chi bộ. Nếu không được xử lý kịp thời, đúng quy định sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức đảng và ảnh hưởng tới quyền lợi của đảng viên.

15.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

15.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 2 (2.2.3a), Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

15.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nhằm nâng cao nhận thức cho cấp ủy, tổ chức đảng trong việc bình xét, đánh giá, phân loại đảng viên đúng thực chất, đúng người, đúng việc; tránh hình thức, cảm tính, chủ quan, tạo động lực thúc đẩy đảng viên.

15.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc đảng ủy tự ý đưa thêm 02 đảng viên vào danh sách bình xét đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là không đúng với quy định của Đảng. Còn đối với

trường hợp đồng chí A có đạt đảng viên hoàn thành xuất sắc hay không phụ thuộc vào kết quả bình xét của đảng ủy.

16. Tình huống 16

16.1. Mô tả tình huống:

Đảng viên Nguyễn Văn A là đảng viên chính thức năm 2017, qua đợt kiểm tra hồ sơ phát hiện bị mất hết hồ sơ khi đảng viên còn dự bị. Cấp trên yêu cầu chi bộ lập lại đầy đủ tất cả các loại hồ sơ trên và thời điểm lập, xác nhận lại thời điểm trước đây. Tuy nhiên, chi bộ chỉ thực hiện việc lập lại một số loại, trong đó có lý lịch của người xin vào Đảng (bao gồm cả khai thời điểm hiện tại), Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, đơn xin vào Đảng, Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên của đảng ủy cơ sở, Quyết định kết nạp đảng viên.

Hiện nay, đảng viên Nguyễn Văn A không biết thực hiện theo chỉ đạo của chi bộ hay của cấp ủy cấp trên để hoàn thiện lại hồ sơ đảng viên của cá nhân.

16.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác quản lý hồ sơ đảng viên và việc lập lại hồ sơ đảng viên khi bị mất hồ sơ.

16.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do công tác quản lý hồ sơ đảng viên của cấp ủy cơ sở lỏng lẻo nên để xảy ra việc mất hồ sơ đảng viên khi còn là đảng viên dự bị. Bên cạnh đó, do nhận thức của chi bộ về những quy định của Đảng trong lập lại hồ sơ đảng viên còn hạn chế nên đã hướng dẫn đảng viên hoàn thành hồ sơ không đúng quy định của Đảng.

16.4 Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

16.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 3 (3.4), Phần II, Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW, ngày 05/6/2017 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn nghiệp vụ công tác đảng viên.

16.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy cơ sở trong việc quản lý hồ sơ đảng viên một cách chặt chẽ, bảo mật, chu đáo. Đồng thời, góp phần nâng

cao nhận thức của chi bộ trong việc nắm vững các quy định của Đảng để hướng dẫn đảng viên hoàn thiện hồ sơ lập lại cho đúng với quy định.

16.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Cấp ủy có thẩm quyền chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, cá nhân có liên quan thực hiện việc lập lại, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định, phải thực hiện việc lập lại, bổ sung đầy đủ tất cả các loại hồ sơ, chứ không chỉ là một số loại như chi bộ chỉ đạo. Đồng thời, phải xem xét xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan.

17. Tình huống 17

17.1. Mô tả tình huống:

Đảng bộ xã A khi mở Đại hội toàn thể có 100 đảng viên, trong đó có 90 đảng viên chính thức đang công tác và sinh hoạt, 10 đảng viên miễn sinh hoạt. Đảng ủy quyết định triệu tập Đại hội tổng số bằng 100 đảng viên.

- Ngày đầu có 100 đảng viên.

- Ngày thứ 2 khi bầu cử vắng 02 đảng viên là đảng viên miễn sinh hoạt.

Lúc tiến hành bầu cử Ban Chấp hành, có 1 đồng chí đạt 50 phiếu. Ban kiểm phiếu công bố đồng chí đó không trúng cử Ban Chấp hành.

Một số đảng viên tham dự đại hội không đồng ý với kết quả đó và cho rằng đồng chí đó trúng cử.

17.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống về công tác bầu cử đại hội đảng viên, liên quan tới cách tính kết quả bầu cử.

17.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững về nguyên tắc, quy định của Đảng trong bầu cử, trong đó có cách tính kết quả bầu cử nên một số đảng viên tham dự đại hội có ý kiến khác. Nếu không xử lý kịp thời, đúng nguyên tắc sẽ làm sai lệch kết bầu cử của đại hội.

17.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

17.5. Hệ thống căn cứ:

- Khoản 5, Điều 9, Điều lệ Đảng;
- Khoản 3, Điều 32 Quy chế bầu cử trong Đảng.

17.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định của Đảng trong công tác bầu cử.

17.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

02 đảng viên vắng mặt khi bầu cử là đảng viên miễn sinh hoạt nên không được tính vào tổng số đảng viên khi biểu quyết. Vì vậy, đồng chí đạt 50 phiếu vẫn đạt 50/98 = 51%, do đó đồng chí trúng cử theo quy định.

18. Tình huống 18

18.1. Mô tả tình huống:

Một chi bộ có 10 đảng viên, trong đó có 1 đảng viên được miễn sinh hoạt, 1 đảng viên dự bị. Khi tiến hành Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020-2022, đồng chí đảng viên được miễn sinh hoạt bị ốm không tham dự được. Chi ủy đương nhiệm báo cáo công tác nhân sự đại hội và dự kiến chi ủy nhiệm kỳ 2020-2022 là 3 đồng chí, có 2 ý kiến khác nhau như sau:

- Ý kiến thứ nhất: đồng ý với số lượng chi ủy là 2 đồng chí.

- Ý kiến thứ hai: cho rằng Chi bộ chưa đủ điều kiện bầu chi ủy vì hiện tại chi bộ có 9 đảng viên chính thức, trong đó có 1 đảng viên miễn sinh hoạt, đồng chí đó lại không tham gia bầu cử được, còn đồng chí đảng viên dự bị không có quyền bầu cử. Do đó, chi bộ chỉ bầu bí thư và phó bí thư.

Tuy nhiên, chi bộ vẫn tiến hành bầu 3 đồng chí đảng viên chính thức vào chi ủy. Có ý kiến đảng viên của chi bộ cho rằng việc bầu cử như vậy là không đúng.

18.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác nhân sự cấp ủy chi bộ mà cụ thể là số lượng chi ủy viên của chi bộ.

18.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức của đảng viên trong chi bộ còn hạn chế nên có những luồng ý kiến khác nhau về số lượng chi ủy viên của chi bộ. Nếu không xử lý kịp thời, đúng quy định của Đảng sẽ ảnh hưởng tới kết quả đại hội chi bộ cũng như hoạt động của chi ủy chi bộ.

18.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

18.5. Hệ thống căn cứ: Điểm 4, Điều 24, Điều lệ Đảng.

18.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Để chi bộ làm tốt hơn công tác nhân sự của đại hội, nắm chắc về nghiệp vụ công tác đảng, tiến hành đại hội đúng quy định.

18.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Đại hội chi bộ vẫn tiến hành bầu 03 đồng chí vào chi ủy là đúng quy định của Đảng vì đảng viên được miễn sinh hoạt vẫn là đảng viên chính thức của chi bộ.

19. Tình huống 19

19.1. Mô tả tình huống:

Tại Đại hội đại biểu đảng bộ phường, trước giờ khai mạc, 01 đại biểu chính thức báo cáo cấp ủy triệu tập vắng mặt, ban tổ chức đại hội đã quyết định triệu tập đại biểu dự khuyết đi thay. Song, Ban thường vụ đảng ủy quyết định không triệu tập đại biểu dự khuyết thay thế đi dự đại hội (mặc dù đại biểu dự khuyết đã sẵn sàng). Có 3 ý kiến về việc này:

- Ý kiến 1: Ban tổ chức đại hội không có thẩm quyền quyết định triệu tập đại biểu.

- Ý kiến 2: Việc quyết định triệu tập đại biểu thuộc thẩm quyền của ban thường vụ đảng ủy phường.

- Ý kiến 3: Việc quyết định triệu tập đại biểu dự khuyết thay thế, đoàn chủ tịch phải xin ý kiến đại hội.

19.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới đại hội đại biểu đảng bộ cơ sở, có những ý kiến khác nhau về thẩm quyền triệu tập đại biểu dự khuyết thay thế khi đại biểu chính thức vắng mặt có lý do.

19.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức về quy định của Đảng của một số đảng viên trong đảng bộ còn có sự khác nhau. Nếu không có sự thống nhất về nhận thức theo nguyên tắc, quy định của Đảng có thể dẫn đến việc làm sai quy định, làm ảnh hưởng đến uy tín của cấp ủy, tổ chức đảng và gây bức xúc cho đại biểu dự khuyết khi đã sẵn sàng tâm lý để chuẩn bị tham dự đại hội.

19.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

19.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 11.4.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Khoản 5, Điều 11, Điều lệ Đảng).

19.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Xử lý đúng thẩm quyền, đảm bảo đại hội diễn ra đúng quy định, thành công, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của của cấp ủy, toàn thể đảng viên trong đảng bộ.

19.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do ban thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định. Do đó, trong trường hợp này, Ban Thường vụ đảng ủy phường có quyền quyết định triệu tập đại biểu dự khuyết thay thế đại biểu chính thức.

20. Tình huống 20

20.1. Mô tả tình huống:

Tại một chi bộ có 35 đảng viên đang sinh hoạt và công tác, có 01 bí thư, 01 phó bí thư và 03 chi ủy viên. Theo sự điều động của cấp trên có 01 đồng chí trong

cấp ủy chuyển công tác. Để đảm bảo thuận lợi và không ảnh hưởng đến hoạt động của chi bộ, đồng chí bí thư chi bộ đã quyết định bầu bổ sung thêm 01 chi ủy viên vào cuộc họp chi bộ định kỳ, sau đó báo cáo lên cấp ủy cấp trên. Có một số đảng viên không đồng ý và cho rằng đồng chí bí thư chi bộ làm như vậy là sai nguyên tắc của Đảng.

20.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác quy trình kiện toàn cấp ủy viên.

20.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững quy định của Đảng về quy trình kiện toàn cấp ủy viên nên đồng chí bí thư chi bộ không xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên mà tự ý quyết định bầu bổ sung thêm 01 chi uy viên vào cuộc họp định kỳ rồi mới báo cáo lên cấp ủy cấp trên. Hơn nữa, nhận thức của đa số đảng viên trong chi bộ còn hạn chế nên không có ý kiến góp ý đối với đồng chí bí thư nên mới để xảy ra việc bầu bổ sung cấp ủy viên không đúng quy định.

20.4. Nguyên tắc xử lý tình huống:

Dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

20.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 16.2, Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về thi hành Điều lệ Đảng (quy định thi hành Khoản 2, Điều 13, Điều lệ Đảng).

20.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức cho đảng viên và tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu cấp ủy trong việc thực hiện đúng nguyên tắc, quy định của Đảng trong việc thực hiện quy trình kiện toàn, bổ sung cấp ủy viên, nhằm đảm bảo xây dựng đội ngũ cấp ủy viên đủ tiêu chuẩn, đúng quy định và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

20.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Trường hợp này chi ủy họp thảo luận, thống nhất đề xuất bằng văn bản báo cáo đảng ủy xin chủ trương về nhân sự cụ thể cần bổ sung vào chi ủy. Sau khi có

sự đồng ý của đảng ủy, chi bộ họp lấy phiếu tín nhiệm của đảng viên chi bộ; nếu kết quả đạt trên ½ số đảng viên chính thức của chi bộ đồng ý thì báo cáo kết quả lấy phiếu giới thiệu về nhân sự đó bằng văn bản để đảng ủy ra quyết định chỉ định vào chi ủy.

21. Tình huống 21

21.1. Mô tả tình huống: Đồng chí A là Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư thành ủy B bị tố cáo có vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao; tổ chức đảng có thẩm quyền đã kết luận vi phạm của đồng chí đến mức phải kỷ luật. Quá trình xem xét thi hành kỷ luật có 2 ý kiến như sau:

+ Ý kiến 1: khi xem xét thi hành kỷ luật Đảng đối với đảng viên A phải thực hiện kiểm điểm từ chi bộ.

+Ý kiến 2: đồng chí A không phải kiểm điểm trước chi bộ.

21.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới quy trình xem xét kỷ luật đảng viên diện cấp ủy cấp trên quản lý.

21.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững quy trình xem xét kỷ luật đảng viên, trong đó có đảng viên diện cấp ủy cấp trên quản lý và vi phạm của đảng viên khi thực hiện nhiệm vụ nên trong chi bộ xuất hiện các luồng ý kiến khác nhau.

21.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời.

21.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm 2.3, Khoản 2, Điều 13, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

21.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Thực hiện nghiêm nguyên tắc, quy định của Đảng trong kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của đảng, nắm vững quy trình thủ tục xem xét thi hành kỷ luật của đảng đối với đảng viên.

21.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Đảng viên A vi phạm khi thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao, do đó, khi tiến hành xem xét kỷ luật đối với đảng A không phải thực hiện từ chi bộ mà cấp ủy và ủy ban kiểm tra có thẩm quyền sẽ trực tiếp xem xét, quyết định kỷ luật đối với đảng viên A. Cấp ủy cần chú ý tới việc trang bị kiến thức, kỹ năng cơ bản về công tác đảng cho bí thư chi bộ, cần chủ động nghiên cứu các văn bản của Đảng để thực hiện tốt, đúng quy định.

22. Tình huống 22

22.1. Mô tả tình huống:

Đồng chí H là huyện ủy viên huyện A, bí thư chi bộ cơ sở, giám đốc một đơn vị trực thuộc huyện A từ 2017 đến 2021. Đến tháng 2/2021 đồng chí H chuyển công tác, chuyển sinh hoạt đảng sang chi bộ B trực thuộc đảng bộ huyện A mới phát hiện có vi phạm ở đơn vị cũ. Khi chi bộ (đơn vị mới) họp xét kỷ luật, có 2 loại ý kiến:

- Ý kiến 1: huyện ủy A thực hiện việc xem xét kỷ luật đối với đảng viên H.

- Ý kiến 2: chi bộ (đơn vị mới) không thực hiện việc xem xét kỷ luật đối với đảng viên H vì lỗi của đảng viên H xảy ra ở đơn vị cũ.

22.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác xử lý kỷ luật đảng viên, trong khi lỗi vi phạm khi đảng viên đang công tác ở cơ quan cũ.

22.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững quy định của Đảng về việc xem xét kỷ luật đảng viên vi phạm nên trong chi bộ có những ý kiến khác nhau về cách xử lý. Nếu không được thực hiện theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng sẽ ảnh hưởng tới uy tín của tổ chức đảng, hoặc có thể làm thay đổi kết quả xử lý kỷ luật đảng viên.

22.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

22.5. Hệ thống căn cứ:

Khoản 3, Điều 9, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

22.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao nhận thức của đảng viên, chi bộ về quy trình xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

22.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với đảng viên H sẽ do tổ chức đảng cấp trên (Huyện ủy A) của chi bộ nơi quản lý đảng viên H trước đây hoặc chi bộ hiện nay xem xét, xử lý hoặc Huyện ủy A có thể chỉ đạo tổ chức đảng cấp dưới (chi bộ trước đây hoặc chi bộ hiện nay nơi đảng viên H sinh hoạt) xem xét, xử lý đúng thẩm quyền.

23. Tình huống 23

23.1. Mô tả tình huống:

Một đảng viên bị chi bộ xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách nhưng không đồng ý với quyết định kỷ luật của chi bộ đã làm đơn khiếu nại gửi chi bộ. Tuy nhiên, chi bộ không giải quyết đơn và hướng dẫn đảng viên làm đơn gửi cấp ủy cấp trên, song khi gửi đơn lên cấp ủy cấp trên thì lại được hướng dẫn về chi bộ giải quyết. Hiện đảng viên không biết phải gửi đơn ở đâu để giải quyết khiếu nại.

23.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới công tác giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật của đảng viên.

23.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không nắm vững về quy trình, thẩm quyền khiếu nại quyết định kỷ luật nên cả chi bộ và cấp ủy cấp trên đều không giải thích cho đảng viên hiểu dẫn đến việc đảng viên phải đi lại gửi đơn nhiều lần, tạo tâm lý bức xúc cho đảng viên. Bên cạnh đó là biểu hiện của sự đùn đẩy trách nhiệm cho nhau của các tổ chức đảng.

23.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, kịp thời, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

23.5. Hệ thống căn cứ:

- Khoản 1, Điều 22, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;

- Khoản 1, Điều 26, Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng.

23.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Giúp cho đảng viên và các tổ chức đảng nhất là chi bộ nắm rõ thẩm quyền xử lý đơn thư khiếu nại trong thi hành kỷ luật đảng để đảng viên gửi đơn thư khiếu nại đúng địa chỉ, tổ chức đảng hướng dẫn đảng viên gửi đơn thư đúng thẩm quyền hoặc giải quyết xử lý đơn thư đúng thẩm quyền.

23.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Sau khi công bố quyết định kỷ luật mà đối tượng bị kỷ luật có khiếu nại trực tiếp đến chi bộ mà chi bộ không giải quyết đơn và hướng dẫn đảng viên làm đơn gửi cấp ủy cấp trên là đúng quy định của Đảng. Vì việc giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng được tiến hành từ ủy ban kiểm tra, ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy cơ sở trở lên. Do đó, chi bộ không có thẩm quyền giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng viên vi phạm. Trong trường hợp này, cấp ủy cấp trên phải tiếp nhận đơn khiếu nại về kỷ luật của đảng viên và tiến hành giải quyết mới đúng quy định của Đảng.

24. Tình huống 24

24.1. Mô tả tình huống:

Đồng chí A sinh hoạt đảng tại chi bộ thôn. Đồng chí A ly hôn tháng 4/2019. Theo quyết định thuận tình ly hôn của tòa án thì đồng chí A hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B là 1.500.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, sau khi quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật, đảng viên A không thực hiện nghĩa vụ của mình vì cho rằng đứa bé không phải là con ruột của đồng chí A. Chị B đã làm đơn tố cáo đồng chí A đến đảng ủy xã. Đảng ủy xã chỉ đạo cho chi ủy chi bộ thôn làm công tác tư tưởng với đồng chí A, đồng chí A vẫn khẳng định không chu cấp nuôi con theo quyết định của tòa án vì đó không phải là con ruột của đồng chí. Chi

bộ báo cáo đảng ủy xã, đảng ủy xã chỉ đạo chi bộ họp xem xét kỷ luật đối với đảng viên A. Chi bộ họp xét và ra quyết định kỷ luật đảng viên A với hình thức khiển trách vì cho rằng việc làm của đảng viên A đã ảnh hưởng tới uy tín của cá nhân đồng chí và chi bộ, đảng bộ. Song, đảng viên A không đồng ý với quyết định kỷ luật này.

24.2. Phân tích tình huống:

Đây là tình huống liên quan tới việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân là đảng viên đối với con cái sau khi ly hôn. Nếu người con đó không phải là con ruột của đồng chí đảng viên thì cần phải có căn cứ để chi bộ xem xét về hành vi của đảng viên có vi phạm kỷ luật hay không.

24.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Việc từ chối trách nhiệm, nghĩa vụ đối với con cái của đảng viên A có thể do nguyên nhân từ chính bản thân đảng viên A thiếu trách nhiệm, cũng có thể do người con đó không phải là con ruột của đảng viên A. Song, dù xuất phát từ nguyên nhân nào thì việc làm của đảng viên A cũng ảnh hưởng đến uy tín của chính đảng viên A và uy tín của chi bộ, đảng bộ.

24.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: dựa trên nguyên tắc, quy định của Đảng, thận trọng, khéo léo, đảm bảo giữ vững kỷ luật của Đảng.

24.5. Hệ thống căn cứ:

Điểm c, Khoản 3, Điều 24, Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

24.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Nâng cao tinh thần trách nhiệm của đảng viên trong việc thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, đồng thời xử lý kỷ luật nghiêm minh để làm gương cho những đảng viên khác. Nếu người con không phải là con ruột của đảng viên thì cũng cần được làm rõ để chi bộ có hướng xử lý, đảm bảo ổn định tư tưởng.

24.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở:

Mặc dù bản án, quyết định của tòa án đã có hiệu lực có nội dung đồng chí A phải đóng góp phí tổn nuôi con nhưng đồng chí A không thực hiện nghĩa vụ được ghi nhận trong bản án, quyết định là vi phạm quy định về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 24, Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm nên phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng (việc nghi ngờ không phải là con đẻ của mình thì đảng viên A có quyền yêu cầu tòa án thụ lý, giải quyết về việc yêu cầu không công nhận là con đẻ của đồng chí nếu có căn cứ).

25. Tình huống 25

25.1. Mô tả tình huống:

Tại Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở, đồng chí X - Bí thư chi bộ trực thuộc được phân công viết tham luận về công tác lãnh đạo sản xuất kinh doanh. Khi trình bày tại Đại hội, đồng chí X đọc bài tham luận có nội dung phê phán Đảng, ca ngợi chủ nghĩa tư bản, phủ nhận thành tựu của Cách mạng Việt Nam trong các cuộc kháng chiến và sự nghiệp đổi mới.

25.2. Phân tích tình huống:

Là tình huống công tác tư tưởng và công tác tổ chức Đại hội Đảng ở cấp cơ sở.

25.3. Nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức sai trái và ý thức chấp hành sự phân công của cấp ủy của đồng chí X không nghiêm túc.

Do công tác chuẩn bị Đại hội của Đảng bộ không chặt chẽ, không đúng hướng dẫn, quy định của Đảng.

Nếu không xử lý tốt sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, dư luận của cán bộ đảng viên và nhân dân, không giữ gìn được kỷ luật, kỷ cương của Đảng.

25.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Đảm bảo tính khoa học trong công tác tư tưởng, coi trọng giáo dục, thuyết phục, tự giác tiếp thu, không áp đặt, đi đôi với xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

25.5. Hệ thống căn cứ:

- Điều 9, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Điểm a, Khoản 3, Điều 7, Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm;

- Điểm a, Khoản 2, Điều 10, Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm;

25.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Giúp cho đồng chí X nhận thức rõ hành vi, mức độ vi phạm và có hướng khắc phục, không bao giờ tái diễn; giúp cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức; Đảng bộ cơ sở phát huy dân chủ trong Đảng, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, nêu cao tình thần trách nhiệm trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng và tổ chức Đại hội Đảng.

25.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở

Để giải quyết tình huống này, trước hết Đoàn Chủ tịch Đại hội cho dừng bài tham luận của đồng chí X và tiếp tục điều hành Đại hội theo Chương trình đã thông qua.

Sau Đại hội cấp ủy báo cáo và xin ý kiến của Đảng bộ cấp trên về hướng xử lý. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan để xử lý tình huống đạt kết quả tốt nhất.

Cấp ủy gặp gỡ đồng chí X tìm hiểu nguyên nhân, chuẩn bị nội dung để đối thoại dân chủ, cởi mở về những vấn đề đồng chí X nêu trong tham luận. Cấp ủy phân công cấp ủy viên viết bài phản bác các quan điểm, nhận thức sai trái trong tham luận của đồng chí X (hoặc phối hợp đề nghị Ban Tuyên giáo cấp trên viết bài phản bác với lý lẽ chặt chẽ, trên cơ sở lý luận và thực tiễn gắn với từng thời điểm lịch sử cụ thể của Cách mạng Việt Nam và tình hình quốc tế).

Cấp ủy tổ chức buổi đối thoại do Bí thư chủ trì. Thành phần tham dự gồm đại diện cấp ủy và các ban đảng cấp trên, đại diện lãnh đạo các ban Đảng Tỉnh ủy, toàn bộ cán bộ đảng viên đã dự Đại hội và nghe đồng chí X đọc tham luận. Bí thư điều hành đối thoại dân chủ, cởi mở, thẳng thắn; phân công người trình bày nội dung bài phản bác và điều hành các đại biểu dự đối thoại phát biểu ý kiến giúp đồng chí X tự giác nhận thức rõ đúng, sai trong hành vi vi phạm của mình. Đồng chí X được

trình bày, nói lên suy nghĩ, nhận thức về việc làm của mình. Bí thư kết luận cuộc đối thoại và chỉ đạo Chi bộ tổ chức thực hiện quy trình kiểm điểm đồng chí X và thực hiện các bước tiếp theo đúng theo hướng dẫn, quy định của Đảng, xem xét có hình thức kỷ luật phù hợp.

Đảng ủy họp rút kinh nghiệm sâu sắc về trách nhiệm của từng cấp ủy viên và tập thể Đảng ủy trong công tác chuẩn bị nội dung Đại hội cũng như công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo của mình.

2.2.2. Tình huống hành chính, pháp lý

1. Tình huống số 1

1.1. Mô tả tình huống:

Ông A và ông B là bạn bè thân thiết cùng cư trú tại 2 mảnh đất liền kề nhau trên địa bàn thôn 2, xã A. Mảnh đất của nhà ông B đang ở có diện tích 275m^2 (5,5x50m) được ông A sang nhượng lại từ năm 2001, đất của nhà ông A có diện tích 300m^2 (6x50m), đất của cả 2 hộ đều đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2005. Quá trình sinh hoạt thì 2 bên xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2019, khi hộ ông B xây hàng rào thì ông A không đồng ý. Lý do là khi sang nhượng đất cho ông B xây nhà, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau: ông A chừa 80cm đất, ông B chừa 50 cm để tạo lối đi, lấy ánh sáng chung cho 2 nhà. Nay ông B xây hàng rào thì tổng thể công năng của ngôi nhà bị ảnh hưởng. Hai bên tranh cãi rất gay gắt nhưng ông B vẫn cứ tiến hành xây hàng rào. Để ngăn cản không cho ông B xây dựng hàng rào, gia đình ông A đã có nhiều hành vi như chửi mắng, xô đổ trụ hàng rào đang xây…

1.2. Phân tích tình huống:

Tranh chấp ngõ đi chung hay lối đi chung tồn tại khá phổ biến dưới dạng các tranh chấp âm thầm, dai dẳng. Trường hợp những người thân thiết, ruột thịt vì tình cảm đã tạo lập lối đi chung, sau đó lại muốn xóa bỏ vì mâu thuẫn cũng xảy ra khá phổ biến. Xử lý các tình huống này đòi hỏi phải kết hợp giữa các quy định pháp luật hiện hành với hòa giải, thuyết phục dựa trên đạo lý, tình cảm để hài hòa lợi ích của người dân.

1.3.Xác định nguyên nhân, hậu quả:

Do những mâu thuẫn trong cuộc sống của hai gia đình dẫn đến sự thay đổi quyết định trong lối đi chung; sự thiếu hiểu biết về pháp luật khiến việc thỏa thuận trước đây không được ghi nhận bằng văn bản. Khi sự việc mâu thuẫn xảy ra hai bên cũng chưa có sự bình tĩnh để nhờ các cơ quan chức năng giúp đỡ, xử lý dẫn đến những hành vi bạo lực, tiêu cực ảnh hưởng đến trật tự xã hội, tình cảm xóm giềng.

1.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân

1.5. Căn cứ pháp lý và thực tiễn:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019

Luật khiếu nại năm 2011

Luật Tố cáo năm 2018

Luật đất đai năm 2013

Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 254 quy định Quyền về lối đi qua)

Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai.

Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

1.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: giải quyết mâu thuẫn giữa 2 hộ gia đình về lối đi chung để đạt được thỏa thuận không xây dựng hàng rào hoặc nếu xây hàng rào thì tính toán để thỏa thuận phương án thiết kế hợp lý.

1.7. Phương hướng giải quyết tình huống:

Cán bộ thôn nắm bắt tình hình, nhanh chóng báo cáo với UBND xã về trường hợp mâu thuẫn giữa 2 hộ gia đình; Hướng dẫn các hộ làm đơn kiến nghị để UBND xã giải quyết.

UBND xã A sau khi nhận đơn phân công cán bộ địa chính đi xác minh và lấy lời khai các bên đồng thời thu thập các tài liệu liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên, tiến hành xem xét kiểm tra hiện trạng nhà đất.

Chủ tịch UBND xã A ra quyết định thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai giữa các bên sau khi có báo cáo của cán bộ địa chính và giấy tờ liên quan. Nội dung hòa giải xoay quanh việc thực hiện các thỏa thuận về lối đi chung theo quy định của pháp luật, tăng cường tình làng, nghĩa xóm…

Quá trình hòa giải sẽ xảy ra 02 trường hợp:

1) Nếu các bên hòa giải đồng thuận với nhau thì UBND xã sẽ lập biên bản ghi nhận hòa giải thành và các bên thực hiện theo như cam kết tại buổi hòa giải.

2) Nếu các bên hòa giải không thành thì sẽ lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời ấn định lại ngày hòa giải tiếp theo. Nếu lần sau hòa giải thành thì tương tự như mục 1. Nếu vẫn không hòa giải được thì lập biên bản hòa giải không thành đồng thời hướng dẫn người dân khởi kiện ra Tòa án.

2. Tình huống số 2

2.1. Mô tả tình huống:

Ông A và ông C cùng cư trú trên địa bàn xã B. Ngày 10/11/2019, ông C có bán cho ông A 20 con heo với số tiền 50.000.000 đồng. Ông A thanh toán trước cho ông C số tiền 30.000.000 đồng, còn thiếu lại 20.000.000 đồng, hẹn 1 tuần sau sẽ trả. Hai bên không có làm giấy tờ mua bán. Sau đó quá thời hạn 1 tuần nhưng ông A không trả cho ông C, dù ông C đã nhiều lần gọi điện thoại hoặc gặp mặt ông A để đòi. Ông A khất lần với lý do đang gặp khó khăn nên chưa thể thanh toán cho ông C được. Do quá bực tức, ông C có mắng chửi ông A dẫn đến xảy ra xô xát giữa 2 bên. Ông A tuyên bố sẽ không trả nợ, trừ vào tiền chi phí thuốc men do ông C đánh ông A bị thương.

2.2. Phân tích tình huống:

Tình huống là một vụ việc dân sự, khi hai bên thỏa thuận mua bán và thanh toán dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau mà không có các giấy tờ cần thiết. Tuy nhiên, khi bên mua có hành vi vi phạm thỏa thuận mua bán thì bên bán chưa kịp thời nhờ

đến sự can thiệp của cơ quan pháp luật mà giải quyết bằng vũ lực dẫn đến những hậu quả đáng tiếc. Cần phải xử lý hợp tình, hợp lý để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời bảo vệ lợi ích chính đáng của người dân.

2.3.Xác định nguyên nhân, hậu quả

Nguyên nhân trực tiếp là do sự thất tín của ông A; nhưng sâu xa hơn, xuất phát từ thói quen giao dịch mua bán không có hóa đơn, chứng từ của đa số người dân hiện nay; đồng thời cũng có nguyên nhân từ sự thiếu hiểu biết về pháp luật của cả 2 bên. Từ đó dẫn đến tranh chấp, gây mất trật tự an ninh xã hội, gây những thiệt hại về sức khỏe, tiền bạc của các bên.

2.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, bảo vệ lợi ích chính đáng cho người dân.

2.5. Căn cứ pháp lý và thực tiễn:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019

Luật khiếu nại năm 2011

Luật Tố cáo năm 2018

Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013

2.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: buộc ông A phải trả cho ông C số tiền mua bán heo còn thiếu là 20.000.000 đồng; 2 bên hòa giải mâu thuẫn, ông C chịu một phần trách nhiệm chi phí khám, chữa bệnh cho ông A(nếu có).

2.7. Phương hướng giải quyết tình huống:

Cán bộ xã hướng dẫn ông C làm đơn tố cáo ông A, trình bày nội dung sự việc và mong muốn của mình.

UBND xã B sau khi nhận đơn phân công cán bộ đi xác minh và lấy lời khai các bên.

Tiếp theo Chủ tịch UBND xã A ra quyết định mời ông A và ông C ra hòa giải tranh chấp mua bán giữa các bên sau. Quá trình hòa giải sẽ xảy ra 02 trường hợp:

- Nếu các bên hòa giải đồng thuận với nhau thì UBND xã sẽ lập biên bản ghi nhận hòa giải thành và các bên thực hiện theo như cam kết tại buổi hòa giải.

- Nếu các bên hòa giải không thành thì sẽ lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời ấn định lại ngày hòa giải tiếp theo. Nếu lần sau hòa giải thành thì tương tự như mục 1. Nếu vẫn không hòa giải được thì lập biên bản hòa giải không thành đồng thời hướng dẫn người dân khởi kiện ra Tòa án.

3. Tình huống số 3

3.1. Mô tả tình huống:

Anh T có mảnh đất tại ấp C, xã N, diện tích là 5301m^2, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, trên đất có trồng hơn 70 cây điều từ năm 2003. Giáp ranh đất anh T là đất của anh P, trồng cây cao su vào năm 2005. Đến năm 2012, khi cây cao su của anh P được 07 năm tuổi thì các cây cao su được trồng giáp ranh đất của anh T có các cành cây tỏa sang phần diện tích đất mà anh T đang trồng điều. Lúc này, các cành cao su tỏa sang phần đất của anh T còn thấp nên anh có thể tự chặt các cành cây để không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây điều. Tuy nhiên, khi cao su ngày càng lớn và các cành cao su tỏa sang phần đất trồng điều của anh T càng nhiều làm ảnh hưởng đến sự phát triển và năng suất của các cây điều trồng gần phần đất trồng cao su của anh P, anh T đã nhiều lần nói vấn đề này với anh P để anh P cưa cắt cành cao su tỏa sang phần đất của anh T nhưng anh D luôn phớt lờ, không đồng ý nên anh T tự thuê người cưa các cành cây cao su tỏa sang đất nhà mình. Thấy vậy anh D ra chửi mắng anh T, hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi rất gay gắt.

3.2. Phân tích tình huống:

Khi sinh sống, trồng trọt cây cối trên các mảnh đất liền kề, rất dễ phát sinh tình trạng cây mọc tỏa cành, tán sang đất hàng xóm. Tuy nhiên các bên chưa hiểu biết những quy định của pháp luật về vấn đề này để xử lý hài hòa, tránh những hành động sai trái ảnh hưởng đến lợi ích và hòa khí của đôi bên. Anh T sai khi không thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng đất; nhưng anh D cũng sai khi tự ý chặt, cưa cây cao su mà không báo với cơ quan chức năng để nhờ hỗ trợ giải quyết.

3.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiếu hiểu biết những quy định của pháp luật về trách nhiệm, quyền hạn của người sử dụng đất dẫn đến việc tranh chấp giữa anh D và anh T về các cây trồng tỏa tán sang đất hàng xóm từ đó ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, sứt mẻ tình cảm xóm giềng.

3.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, bảo vệ lợi ích của người dân

3.5. Căn cứ pháp lý và thực tiễn:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2017

Luật khiếu nại năm 2011

Luật đất đai năm 2013

Luật hòa giải năm 2013

Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 175, Điều 177)

Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

3.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Buộc anh D chặt bỏ các tán cây cao su lấn qua phần đất của anh T theo đúng quy định của pháp luật và nguyện vọng của anh T.

3.7. Phương hướng giải quyết tình huống:

Cán bộ ấp nắm bắt tình hình, báo cáo UBND xã, hướng dẫn người dân làm đơn kiến nghị để xã giải quyết.

UBND xã N sau khi nhận đơn phân công cán bộ địa chính đi xác minh hiện trạng sử dụng đất và lấy lời khai các bên, đồng thời thu thập các tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất của các bên…

Chủ tịch UBND xã H ra quyết định thành lập tổ hòa giải tranh chấp tranh đất giữa các bên sau khi có báo cáo của cán bộ địa chính và giấy tờ liên quan. Nội dung hòa giải xoay quanh các quy định về “Ranh giới giữa các bất động sản”;

"Nghĩa vụ chung của người sử dụng đất", cơ bản pháp luật hiện hành quy định người sử dụng đất không được làm tổn hại đến lợi ích chính đáng của người sử dụng đất xung quanh…

Quá trình hòa giải sẽ xảy ra 02 trường hợp:

1) Nếu các bên hòa giải đồng thuận với nhau thì UBND xã sẽ lập biên bản ghi nhận hòa giải thành và các bên thực hiện theo như cam kết tại buổi hòa giải.

2) Nếu các bên hòa giải không thành thì sẽ lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời ấn định lại ngày hòa giải tiếp theo. Nếu lần sau hòa giải thành thì tương tự như mục 1.. Nếu vẫn không hòa giải được thì lập biên bản hòa giải không thành đồng thời hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

4. Tình huống số 4

4.1. Mô tả tình huống:

Trên địa bàn xã S xảy ra sự việc có một nhóm người mặc trang phục Cựu chiến binh Việt Nam tụ tập trước một cơ sở chế biến và kinh doanh hạt điều, thực hiện nhiều hành vi mang tính đe dọa, khủng bố tinh thần với người trong doanh nghiệp nhằm đòi nợ. Nhóm người nói trên ăn uống, nằm ngủ, chửi bới, ném chai lọ vào cơ sở kinh doanh khiến người của doanh nghiệp sợ hãi không dám đi ra, vào nhà, không tổ chức sản xuất kinh doanh được; những người xung quanh hiếu kỳ tụ tập bàn tán gây mất trật tự.

4.2. Phân tích tình huống:

Một nhóm người mặc trang phục Cựu chiến binh Việt Nam có hành vi đe dọa, khủng bố và có những hành vi chửi bới, ném chai lọ vào doanh nghiệp chưa xác định được có phải là hội viên Cựu chiến bình hay không. Tuy nhiên hành vi nói trên là vi phạm pháp luật, cần xử lý nghiêm minh, hợp tình, hợp lý nhằm bảo vệ quyền lợi của người dân, ổn định trật tự xã hội.

4.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiếu hiểu biết, hoặc là cố ý, một số đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật khi thực hiện việc đòi nợ dẫn đến hậu quả là doanh nghiệp đình trệ sản xuất, kinh doanh; làm mất an ninh trật tự xã hội.

4.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho nhân dân.

4.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn:

- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2020.

- Nghị định số 88/ 2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Pháp lệnh Cựu chiến binh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 07/10/2005.

4.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống: Làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của nhóm người mặc trang phục Cựu chiến binh Việt Nam. Đảm bảo an ninh trật tự xã hội. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân.

4.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Chủ tịch Hội cựu chiến binh xã báo cáo tình hình sự việc cho UBND xã để tổ chức lực lượng (công an, xã đội, Hội Cựu chiến binh…) tiếp cận, làm rõ mục đích của những đối tượng trên. Tìm hiểu các đối tượng có phải là Cựu chiến binh hay không. Hành vi của nhóm người này có đã gây ra hậu quả gì về người, tài sản cho doanh nghiệp…để đưa ra hướng xử lý phù hợp. Trong sso chú trọng việc vận động, tuyên truyền để các đối tượng giải tán, không tiếp tục thực hiện hành vi.

Xem xét xử lý hành vi "Vi phạm quy định về trật tự công cộng" theo quy định của pháp luật;

Nếu những đối tượng trên giả danh là hội viên Hội cựu chiến binh thì xem xét xử lý theo quy định pháp luật.

Nếu là hội viên của Hội cựu chiến binh thì chính quyền, chủ tịch hội Cựu chiến binh gặp gỡ nắm bắt tình hình, xem xét hành vi của họ, có phải bị kẻ xấu lôi kéo, mua chuộc hay là cố tình vi phạm.

Có hình thức kiểm điểm, rút kinh nghiệm các hội viên có hành vi vi phạm theo Quy định của Điều lệ Hội.

Thường xuyên tuyên truyền cho hội viên Hội cựu chiến binh về việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, về pháp lệnh Cựu chiến binh.

Tuyên truyền cho người dân cảnh giác với những hành động lôi kéo, kích động, giả mạo của các thế lực thù địch trong giai đoạn hiện nay.

5. Tình huống số 5

5.1. Mô tả tình huống:

Trong quá trình thực hiện cách ly những người có tiếp xúc gần với bệnh nhân Covid-19 tại trạm y tế xã A, cán bộ y tế phát hiện bà C bỏ trốn sau khi đã cách ly được 4 ngày. Khi cán bộ y tế gặp gỡ, vận động bà trở lại địa điểm để thực hiện các biện pháp cách ly thì bà cho rằng bà hoàn toàn khỏe mạnh, không nhiễm bệnh, công việc buôn bán của bà đang dang dở nên nhất quyết không đồng ý quay lại khu cách ly khiến những hộ dân ở xung quanh hết sức lo ngại, bức xúc.

*5.2. Phân tích tình huống:*Do sơ ý trong công tác kiểm soát phòng chống dịch bệnh covid -19 để bà C bỏ trốn cách ly tập trung nếu không xử lý kịp thời sẽ ảnh hướng trực tiếp và hậu quả nghiêm trọng cho cộng đồng và xã hội.

5.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiếu hiểu biết về tác hại của bệnh dịch, về những quy định của pháp luật đối với hành vi gây lây lan bệnh dịch của bà C; do sự buông lỏng trong công tác quản lý của cán bộ khu cách ly. Từ đó dẫn đến việc bà C là người thuộc diện phải cách ly bỏ trốn gây ra nguy cơ lây lan dịch bệnh; Gây hoang mang dư luận.

5.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích của cá nhân và cộng đồng.

5.5. Căn cứ pháp lý, thực tiễn:

Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 8 Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế quy định về vi phạm quy định về cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế

5.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống:

Vận động bà C trở lại khu cách ly, tự giác thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh dịch; nếu bà C không tự nguyện thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế không để xảy ra tình trạng dịch bệnh lây lan trong cộng đồng.

5.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

UBND xã A phối hợp cơ quan y tế tổ chức lực lượng đến gặp gỡ, tiếp tục tuyên truyền vận động cho bà C hiểu rõ những tác hại của dịch bệnh. Xác định rõ bệnh COVID-19 là bệnh truyền nhiễm nhóm A, nguy cơ ở mức độ đại dịch toàn cầu (Theo Quyết định 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ công bố dịch COVID-19 trên toàn quốc).

Là công dân, bà C phải có trách nhiệm phòng chống dịch bệnh và sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về hành vi lây lan dịch bệnh (Điều 10 Nghị định 176/2013/NĐ-CP; Điều 240 Bộ luật hình sự 2015); xử lý vi phạm hành chính, phạt tiền 10 triệu đồng (căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 11, Nghị định 117/2020/NĐ-CP).

Nếu bà C không chấp hành thì thực hiện cưỡng chế cách ly theo quy định.

Các lực lượng chức năng thực hiện việc truy vết những người tiếp xúc gần với bà C trong quá trình bà C ra ngoài cộng đồng để cách ly, đảm bảo không gây ra nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Nghiêm túc kiểm điểm các cán bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý khu cách ly.

6. Tình huống số 6

6.1. Mô tả tình huống:

Hai anh em ông Đ và bà H có khai hoang được 2 mảnh đất để làm ăn, sinh sống. Giữa 2 mảnh đất có con đường mòn để 2 gia đình đi lại sản xuất và sinh hoạt. Khi nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường mòn này được ghi vào diện tích đất của bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn để con đường mòn ấy

cho gia đình ông Đ đi lại. Đến tháng 01 năm 2017 thì giữa ông Đ và bà H có mâu thuẫn trong sinh hoạt, bà H rào con đường lại khiến ông Đ không có đường nào khác để đi ra đường cái của ấp, xã. Vì tranh chấp này mà hai gia đình liên tục xảy ra cãi cọ, xô xát.

6.2. Phân tích tình huống:

Tranh chấp về lối đi chung nảy sinh trong thực tế rất thường xuyên khi các hộ dân không nhận thức đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ trong quá trình sử dụng đất. Ông Đ và bà H là anh em ruột, quá trình xử lý nên khai thác mối quan hệ tình cảm gia đình, đồng thời dựa trên quy định pháp luật về lối đi qua để thuyết phục các bên hòa giải, tạo lập lại lối đi cho gia đình ông Đ.

6.3. Xác định nguyên nhân, hậu quả:

Do mâu thuẫn trong tình cảm anh em; do thiếu hiểu biết về những quy định pháp luật về quyền lối đi qua dẫn đến việc bà H rào lối đi không cho gia đình ông Đ đi lại gây khó khăn cho sinh hoạt của gia đình ông Đ, các bên chưa có nhận thức về việc nhờ sự hỗ trợ của cơ quan chức năng giải quyết mâu thuẫn từ đó xô xát gây mất tình cảm gia đình và ảnh hưởng đến trật tự xã hội.

6.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, bảo vệ lợi ích cho nhân dân.

6.5. Căn cứ pháp lý, thực tiễn:

Bộ luật dân sự năm 2015 (Điều 254)

Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Luật đất đai năm 2013

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

6.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: bà H và ông Đ nhận thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; hai gia đình ông Đ bà H hòa giải mâu thuẫn, mở lối đi cho gia đình ông Đ.

6.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Cán bộ ấp, xã nắm bắt tình hình, báo cáo UBND xã, hướng dẫn ông Đ làm đơn kiến nghị để xã giải quyết.

UBND xã phân công cán bộ địa chính đi xác minh hiện trạng sử dụng đất và lấy lời khai các bên, đồng thời thu thập các tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất của các bên…

Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập tổ hòa giải tranh chấp tranh đất giữa các bên sau khi có báo cáo của cán bộ địa chính và giấy tờ liên quan. Nội dung hòa giải xoay quanh các quy định về "Quyền về lối đi qua", theo đó, *"*Chủ sở hữu có bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ"*;* đồng thời 2 bên thỏa thuận để ông Đ trả một khoản tiền phù hợp đền bù cho phần đất được dành cho lối đi theo quy định *"*Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"...

Quá trình hòa giải sẽ xảy ra 02 trường hợp:

1) Nếu các bên hòa giải đồng thuận với nhau thì UBND xã sẽ lập biên bản ghi nhận hòa giải thành và các bên thực hiện theo như cam kết tại buổi hòa giải.

2) Nếu các bên hòa giải không thành thì sẽ lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời ấn định lại ngày hòa giải tiếp theo. Nếu lần sau hòa giải thành thì tương tự như mục 1 . Nếu vẫn không hòa giải được thì lập biên bản hòa giải không thành đồng thời hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án để giải quyết.

7. Tình huống số 7

7.1. Mô tả tình huống:

Ông Trần Văn T là Trưởng khu phố P, phường C. Trong thời gian ông làm Trưởng khu phố ông rất năng nổ, nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc chung nên được bà con rất tín nhiệm. Tuy nhiên vừa qua, con trai ông T điều khiển xe ô

tô gây tai nạn giao thông bị tạm giữ để điều tra. Ông T cho rằng mình là cán bộ mà có con vi phạm pháp luật nên làm đơn gửi Chủ tịch UBND phường xin từ chức.

7.2. Phân tích tình huống:

Ông T muốn từ chức Trưởng khu phố, lý do: Ông T cho rằng mình là cán bộ mà có con vi phạm pháp luật, gia đình không không gương mẫu.

7.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Ông T có ý thức trách nhiệm cao; tuy nhiên chưa hiểu đầy đủ những quy định của pháp luật; Ông T nóng vội làm đơn xin từ chức Trưởng khu phố, có thể gây ra tình trạng mất ổn định trong bộ máy Ban điều hành khu phố.

7.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, tính minh bạch, đảm bảo lợi ích cho nhân dân (ông Trần Văn T và nhân dân khu phố P).

7.5. Căn cứ pháp lý, thực tiễn:

Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (Điều 11. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố);

Thông tư số 14/2018/TT-BNVngày 03 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố);

Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn (Chương II).

Quyết định số: 39/2017/ QĐ-UBND ngày 03/10/ 2017 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống: Vận động ông T tiếp tục làm nhiệm vụ trưởng thôn; nếu ông cương quyết không tiếp tục tham gia thì thực hiện việc bãi nhiệm trưởng thôn theo quy định pháp luật hiện hành.

7.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Trước hết, UBND xã chỉ đạo tổ chức cuộc họp, do Trưởng ban Công tác Mặt trận chủ trì, thành phần tham dự có thể mời Bí thư Chi bộ, trưởng các Chi, tổ hội đoàn thể và cá nhân ông T để nắm bắt tình hình, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của ông T cũng như nghe ý kiến của đại diện các bộ phận trong khu phố.

Căn cứ Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 về tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố có quy định "bản thân và gia đình gương mẫu thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương". Con ông T gây tai nạn giao thông đến mức bị tạm giữ nhưng chưa rõ mức độ vi phạm, có bị khởi tố hay không… cho nên trước mắt, nếu đa số ý kiến không tán đồng việc ông T từ chức thì có thể động viên ông tiếp tục giữ chức vụ Trưởng khu phố (Vì bản thân ông rất năng nổ, nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc chung nên được bà con rất tín nhiệm) cho đến khi có kết luận của cơ quan điều tra.

Trường hợp ông Trần Văn T vẫn giữ ý kiến xin từ chức, hoặc sau khi có kết luận của cơ quan điều tra, con trai ông T có vi phạm pháp luật thì cần tôn trọng nguyện vọng cá nhân ông T. Căn cứ Khoản 1, Điều 10 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 về Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn "Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có thể được miễn nhiệm do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác".

Quá trình tổ chức việc miễn nhiệm chức vụ Tổ trưởng dân phố đối với ông T được tiến hành theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 10 Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17/4/2008 về Hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Nếu ông T đã được miễn nhiệm, Bí thư chi bộ, Trưởng ban Công tác Mặt trận khu phố P cần nhanh chóng báo cáo tình hình, xin chủ trương bầu Tổ trưởng dân phố mới theo đúng tiêu chuẩn, quy trình.

8. Tình huống số 8

8.1. Mô tả tình huống:

Gia đình ông Nguyễn Văn K từ quê vào lập nghiệp tại xã H, huyện X từ năm 1988, có khai hoang được 1 thửa đất với diện tích 4658 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 251xx vào năm 1992, đứng tên ông K. Năm 2000 ông K chết và để lại thừa kế cho con gái là bà Nguyễn Thị S thửa đất trên. Tuy nhiên do bà S lấy chồng, lập nghiệp ở nơi khác nên không có điều kiện chăm sóc, quản lý. Thấy mảnh đất bị bỏ hoang, cỏ dại mọc trong nhiều năm nên ông M, người hàng xóm sống liền kề mảnh đất của bà S đã phá hàng rào, trồng cây cao su lấn qua đất bà S (khoảng 250 cây) và đã khai thác nhiều năm. Khi bà S trở về làm thủ tục sang nhượng mảnh đất trên cho ông Trần H thì ông M đề nghị bà S bồi thường giá trị số cây cao su trên. Bà S không đồng ý thì ông M không ký xác nhận ranh giới liền kề để bà S làm thủ tục sang nhượng. Hai bên xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp rất gay gắt.

8.2. Phân tích tình huống:

Tình huống này xảy ra khi người chủ sở hữu đất bỏ hoang nhiều năm khiến người khác tự ý xâm canh (cây cao su) trên đất. Nay về chuyển nhượng đất cho người khác một cách đột ngột khiến số cây cao su của ông M bị mất, khiến ông tiếc của mà có hành vi gây trở ngại cho việc chuyển nhượng đất của chủ đất. Cần xử lý hài hòa để đảm bảo lợi ích của các bên.

8.3.Phân tích nguyên nhân, hậu quả:

Do sự thiếu hiểu biết của người dân đối với pháp luật về đất đai; do chủ đất bỏ hoang nhiều năm không sử dụng nay trở về sang nhượng đất đột ngột, các bên chưa nhận thức được việc cần nhờ sự hỗ trợ, can thiệp của chính quyền địa phương để giải quyết mâu thuẫn. Từ đó dẫn tới tranh chấp gây mất trật tự xã hội.

8.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

8.5. Căn cứ pháp lý và thực tiễn:

Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019

Luật khiếu nại năm 2011

Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013

Luật đất đai năm 2013

Nghị định số 43 ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

8.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Ông M nhận thức được hành vi vi phạm của mình, hai bên chấp nhận hòa giải, bà S có thể xem xét để ông M thu hồi tiền bán cây cao su.

8.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Cán bộ thôn, xã hướng dẫn bà S làm đơn kiến nghị gửi ra UBND xã H để giải quyết.

UBND xã H sau khi nhận đơn phân công cán bộ địa chính đi xác minh hiện trạng thửa đất và lấy lời khai các bên đồng thời thu thập các tài liệu liên quan đến quyền sử dụng đất của các bên, tiến hành xem xét kiểm tra hiện trạng thửa đất, đo đạc xác định vị trí đất.

Chủ tịch UBND xã H ra quyết định thành lập tổ hòa giải tranh chấp đất giữa các bên sau khi có báo cáo của cán bộ địa chính và giấy tờ liên quan.

Việc hòa giải xoay quanh các nội dung: Đất của bà S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tức là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của bà S (Điều 166 Luật đất đai 2013). Việc ông M trồng cây cao su trên đất của người

khác mà không được sự đồng ý của họ là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai. Trong trường hợp này, pháp luật sẽ không bảo vệ quyền lợi của ông M.

Tuy nhiên, trên phương diện tình cảm, hai bên có thể thỏa thuận để ông M thu hồi một phần giá trị của số cây cao su đã trồng trên đất bà S theo 2 hướng. Một là ông M cưa cây bán gỗ, hai là thỏa thuận với người nhận chuyển nhượng đất mua lại số cây cao su với giá cả hợp lý.

Quá trình hòa giải sẽ xảy ra 02 trường hợp:

1) Nếu các bên hòa giải đồng thuận với nhau thì UBND xã sẽ lập biên bản ghi nhận hòa giải thành và các bên thực hiện theo như cam kết tại buổi hòa giải.

2) Nếu các bên hòa giải không thành thì sẽ lập biên bản hòa giải không thành. Đồng thời ấn định lại ngày hòa giải tiếp theo. Nếu lần sau hòa giải thành thì tương tự như mục 1.. Nếu vẫn không hòa giải được thì lập biên bản hòa giải không thành đồng thời hướng dẫn khởi kiện ra Tòa án.

9. Tình huống số 9

9.1. Mô tả tình huống:

Công ty M đóng chân trên địa bàn xã D chăn nuôi lợn theo mô hình công nghiệp. Trong đợt dịch tả lợn Châu Phi, đàn lợn của Công ty bị nhiễm bệnh và chết hàng loạt nhưng Công ty không báo cáo địa phương mà lén lút mang xác lợn chết vứt ra suối gây ô nhiễm môi trường nặng nề; đồng thời làm lây lan dịch bệnh ra những đàn lợn của các nông hộ trong xã. Điều đó khiến người dân trong khu vực rất bất bình nên đã kéo đến trụ sở Công ty rượt đuổi bảo vệ, nhân viên, đập phá đồ đạc, tình hình hết sức phức tạp.

9.2. Phân tích tình huống:

Việc lén lút vứt xác lợn chết do nhiệm bệnh ra sông gây ô nhiễm và lây dịch bệnh ra những đàn lợn khác là hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức của Công ty M, cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên cũng cần xử lý những hành vi bạo lực, gây rối của những người dân quá khích để nhân dân rút kinh nghiệm trong quá trình xử lý những mâu thuẫn phát sinh trong cuộc sống theo tinh thần thượng tôn pháp luật.

9.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do ý thức, trách nhiệm của Công ty M chưa cao. Không hiểu biết đầy đủ hoặc cố ý không thực hiện đúng quy định của pháp luật về xử lý lợn chết. Người dân trong vùng cũng có những sai phạm khi không giải quyết vụ việc trên cơ sở pháp luật mà gây rối, xâm phạm tính mạng và tài sản của người khác. Vụ việc gây ra những hậu quả đáng tiếc: môi trường bị ô nhiễm, hôi thối, lây lan dịch bệnh ra những đàn lợn khác; Tụ tập đông người làm mất an ninh trật tự, phá hoại tài sản công ty.

9.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, công khai, minh bạch, đảm bảo lợi ích cho người dân

9.5. Căn cứ pháp lý, thực tiễn:

Luật Thú y 2015 khoản 1, điều 25, Luật Thú y 2015 về xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn.

Khoản 6 và khoản 10 Điều 5 Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

9.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống: có biện pháp khắc phục hậu quả: về môi trường, về những thiệt hại của người chăn nuôi, về dư luận xã hội… Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân, doanh nghiệp.

9.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Trước hết, chính quyền xã D phải nhanh chóng cử lực lượng công an đến hiện trường để ngăn chặn những hành vi quá khích của đôi bên;

Báo cáo với lãnh đạo huyện về vụ việc để có sự chỉ đạo kịp thời đối với các cơ quan chức năng phối hợp với chính quyền xã thực hiện các biện pháp dập dịch và phòng dịch. Khẩn trương khoanh vùng dập dịch, xử lý số lợn chết phù hợp. Phun thuốc phòng ngừa dịch. Tuyên truyền cho nhân dân biết cách phòng chống dịch, yêu cầu khai báo khi đàn lợn của gia đình có những dấu hiệu bất thường.

Song song đó, Công an xã lập biên bản vụ việc, thu thập các chứng cứ, lấy lời khai của các bên liên quan đối với 2 vấn đề: Một là việc Công ty M vứt xác lợn

chết xuống sông gây ô nhiễm môi trường; hai là việc các hộ dân gây rối, tấn công nhân viên, đập phá đồ đạc của Công ty.

Đối với Công ty M: mời đại diện công ty M lên làm việc, tìm hiểu rõ nguyên nhân về sự việc. Giải thích cho công ty M hiểu những vi phạm của Công ty và những hậu quả. Báo cáo lên UBND huyện đề nghị thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi " Vi phạm quy định chung về phòng bệnh động vật" vừa mang tính răn đe, đồng thời cũng tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công ty về theo quy định về nghĩa vụ của chủ vật nuôi, chủ cơ sở chăn nuôi trong việc "Xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn" và yêu cầu công ty M khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với những hộ dân có hành vi quá khích: nếu đại diện Công ty M có đơn yêu cầu xử lý hành vi phá hoại hoại tài sản, thì căn cứ vào mức độ thiệt hại tài sản của Công ty để xem xét. Nếu giá trị tài sản thiệt hại từ 2 triệu đồng trở lên, chuyển hồ sơ đến cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý theo quy định.

Tuyên truyền đến các hộ, doanh nghiệp chăn nuôi khi có lợn bị chết, cơ quan chức năng sẽ lấy mẫu xét nghiệm, nếu kết quả dương tính với dịch bệnh thì được hỗ trợ của Nhà nước. Do đó, người chăn nuôi không được vứt xác lợn vì đây là cơ sở để tính toán mức hỗ trợ.

Lực lượng công an của địa phương chủ trì, phối hợp các cơ quan chuyên môn, chính quyền xã, người dân theo dõi, điều tra, bắt và xử lý nghiêm các trường hợp vứt xác lợn chết, lợn bệnh, nghi mắc bệnh ra môi trường.

UBND xã D cần phải nâng cao trách nhiệm, thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thú y, những quy định về công tác phòng, chống dịch tả lơn châu Phi. Tuyên truyền cho nhân dân, doanh nghiệp chăn nuôi nâng cao nhận thức trong đấu tranh phòng chống dịch và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thú y để tránh dịch bệnh bùng phát, gây hậu quả. Đồng thời tăng cường tuyên truyền, giáo dục ý thức sống và làm việc theo pháp luật cho nhân dân.

10. Tình huống số 10

10.1. Mô tả tình huống:

Hồi 23h ngày 22/8/2020, công an phường T, thành phố X tiến hành kiểm tra hành chính đã phát hiện và bắt quả tang một nhóm đánh bạc ăn tiền tại nhà ông H. Trong số những người đánh bạc có ông C là công chức của xã B, huyện N. Tháng 9/2020, cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án mà chỉ xử phạt vi phạm hành chính những người đánh bạc, ông C bị phạt 20 triệu đồng. Ngày 22/9/2020, lãnh đạo xã B đã tổ chức họp xét kỷ luật và ra quyết định buộc thôi việc đối với ông C. Không đồng ý với quyết định của lãnh đạo xã, ông C đã làm đơn khiếu nại, đồng thời ghi rõ, nếu lãnh đạo xã không rút lại quyết định ông sẽ khởi kiện ra tòa án.

10.2. Phân tích tình huống:

Hành vi đánh bạc là một tệ nạn phổ biến hiện nay. Cán bộ công chức nhà nước tham gia đánh bạc, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý hành chính, xử lý hình sự và xử lý kỷ luật theo các quy định pháp luật hiện hành. Hành vi vi phạm của ông C đã được xử lý ở mức xử phạt hành chính mà không khởi tố, tuy nhiên, về mặt Đảng (nếu ông C là đảng viên) và Nhà nước, ông C phải chịu hình thức kỷ luật theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định pháp luật hiện hành.

10.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Xuất phát từ hành vi vi phạm pháp luật của ông C và quyết định xử lý kỷ luật chưa đúng quy định của pháp luật của lãnh đạo xã B dẫn đến việc ông C không đồng ý với quyết định kỷ luật buộc thôi việc và muốn khởi kiện.

*10.4. Nguyên tắc xử lý tình huống:*Đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho cán bộ và cơ quan nhà nước.

10.5. Căn cứ pháp lý, thực tiễn:

Luật cán bộ công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (Điều 13, khoản 2 điều 24, Điều 25, 26,27,28,29,30)

10.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống: Xử lý kỷ luật ông C đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

10.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

- Chủ tịch UBND xã B ra quyết định thu hồi Quyết định buộc thôi việc đối với ông C đã ban hành.

- Lãnh đạo xã B tổ chức kiểm kiểm ông C, thành phần dự kiểm điểm theo điểm d, khoản 2, điều 26 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP: **"**đại diện lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và toàn thể công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã".

- Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi họp kiểm điểm, lãnh đạo xã B gửi báo cáo và biên bản họp kiểm điểm ông C cho UBND huyện N về trường hợp cán bộ vi phạm (theo khoản 2, điều 13,Nghị định số 112/2020/NĐ-CP). UBND huyện N sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật đối với ông C theo quy định.

- Việc xem xét hình thức kỷ luật ông C sẽ dựa trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, tuy nhiên, hành vi vi phạm của ông C là chưa đến mức bị buộc thôi việc theo Điều 13 "Áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức" Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý xã B tiến hành kiểm điểm về những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ, rút kinh nghiệm sâu sắc trong tình huống trên, tránh lặp lại những vụ việc tương tự; đồng thời tăng cường nghiên cứu, nâng cao trình độ, kiến thức pháp luật, kỹ năng lãnh đạo, quản lý nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

11. **Tình huống 11**

11.1. *Mô tả tình huống*

Vào lúc 14 giờ, ngày 09/4/2021, Đoàn kiểm tra phường X kết hợp với công chức địa chính môi trường đã bắt quả tang hoạt động khai thác đất trái phép tại bãi đất trống thuộc ấp Vĩnh An (phường X, TP. Y). Tại hiện trường, có một đối tượng đang điều khiển xe cuốc móc đất mặt ruộng đưa lên ôtô tải cho 9 đối tượng khác vận chuyển ra bãi tập kết kế bên Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh. Tại bãi tập kết còn có các đối tượng khác dùng xe cuốc và xe ủi đưa đất lên cao với khối lượng lớn.

Bãi đất này sau đó được vận chuyển đi bán cho người khác để san lấp mặt bằng. Làm việc với công an, người điều khiển xe khai nhận tham gia khai thác đất cho ông Lâm Minh. Lực lượng kiểm tra đã thu giữ tang vật gồm 5 chiếc xe ô tô tải, một chiếc xe ủi, 2 chiếc xe cuốc.

11.2. Phân tích đặc điểm tình hình

Có rất nhiều xe ô tô tải, xe cuốc, xe ủi đất của các đối tượng chuyên làm dịch vụ khai thác đất mặt ruộng, đất nuôi trồng thủy sản để san lấp mặt bằng**.**

Theo văn bản hướng dẫn của Tổng cục Địa chất và khoáng sản Việt Nam thì đất mặt ruộng và đất nuôi trồng thủy sản là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Do đó, hoạt động khai thác trái phép 2 loại đất này với số lượng lớn đem bán cho người có nhu cầu san lấp mặt bằng là hành vi vi phạm pháp luật.

11.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân:

- Hành vi khai thác đất trái phép trên địa bàn tỉnh thời gian qua để lại hậu quả khá nặng nề. Nếu là đất trồng lúa thì không còn trồng lúa được. Nếu đất nuôi trồng thủy sản thì ở những nơi đào sâu dẫn đến không sử dụng được nữa.

- Ông Lâm Minh có nhu cầu tư lợi, mong muốn khai thác nguồn khoáng sản xây dựng thông thường để bán cho người khác nhằm mưu lợi cá nhân.

- Người dân và cơ quan quản lý ở cơ sở chưa nắm được đầy đủ các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường.

Hậu quả: Hành vi trên đã hủy hoại tài nguyên đất, không thể canh tác được. Ngoài ra, nó còn gây sạt lở các thửa ruộng xung quanh.

11.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý nghiêm, tránh trường hợp vi phạm lặp lại trong phường.

Tiến hành kiểm tra công trình, yêu cầu cung cấp các giấy phép khai thác đối với công trình đồng thời có biện pháp xác định lợi nhuận thu được từ hoạt động khai thác đất trái phép từ 100 triệu đồng trở lên hoặc đất khai thác trái phép có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên là đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015.

11.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Đất đai năm 2013.

Luật Khai thác khoáng sản 2010.

Điều 41 Nghị định 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Điều 227 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

11.6. *Mục tiêu giải quyết tình huống*

- Không để bất cứ cá nhân, tổ chức nào vi phạm các quy định về khai thác khoáng sản trên địa bàn phường X.

- Giải quyết dứt điểm việc khai thác đất mặt đất ruộng gây ảnh hưởng đến chất lượng đất nông nghiệp trên địa bàn.

- Xử lý hành vi khai thác không phép, xác định mức độ vi phạm xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản đối với ông Lâm Minh.

11.7. *Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở*

UBND phường X cần thực hiện những nhiệm vụ theo trình tự sau đây:

+ Yêu cầu tạm dừng khai thác.

+ Lập biên bản kiểm tra có chữ ký của các thành phần tham gia và đối tượng vi phạm, trong đó xác định rõ: người vi phạm, số lượng xe, vị trí khai thác trái phép, khối lượng đất, thời gian vi phạm,...

+ Tạm giữ tang vật, phương tiện để điều tra, làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cần thiết phải báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp để phối hợp giải quyết.

Nghị định 36 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản: Vi phạm về khai thác khoáng sản thuộc

thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh bị phạt từ 200 - 300 triệu đồng. Đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ TN-MT thì bị phạt từ 300 - 500 triệu đồng. Ngoài ra còn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn.

12. **Tình huống 12**

12.1. Mô tả tình huống

Ông H ở tỉnh B, vừa qua tôi xây dựng nhà ở kiên cố 2 tầng thuộc địa bàn phường Z thành phố Y, trong quá trình làm móng thợ đã không xác định được vị trí đất cho nên lấn sang đất công chiều ngang 0,5 m dài 14m.

Gia đình Ông H bị UBND phường Z lập biên bản buộc đình chỉ và làm các thủ tục liên quan. Ông H làm đơn lên UBND phường xin được xét giao đất phần lấn, chiếm đó (0,5*14m). Sau khi trình ra UBND Phường Z thì chủ tịch UBND phường không chấp nhận và lý giải là phần đất này để quy hoạch làm con đường. Thực chất lô đất này là nằm trong phần hàng rào bằng hàng cây lâu năm. Ông H nhận được quyết định của Chủ tịch UBND phường đình chỉ công trình, xử phạt vi phạm hành chính mức phạt 4 triệu đồng; Biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm. Gia đình Ông H rất hoang mang lo lắng, toàn bộ tiền đã dồn ra để làm nhà hết cả, nay đã xây dựng xong phần thô 2 tầng, gia đình Ông H biết phải làm sao.

12.2. Phân tích tình huống:

Việc đô thị hóa ngày càng tăng và đất đai trở thành nguồn tài nguyên hạn hẹp thì việc lấn chiếm, xâm phạm đất người khác, đất công ngày càng trở nên nóng bỏng trong thời đại ngày nay.

Ông H đã xây dựng nhà kiên cố trên phần đất lấn chiếm. Gia đình Ông H rất hoang mang lo lắng, toàn bộ tiền đã dồn ra để làm nhà hết cả, nay đã xây dựng xong phần thô 2 tầng nếu tháo dỡ sẽ ảnh hưởng đến công trình nhà ông H rất nhiều.

12.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân: Do phần diện tích đất công và đất ông H không có ranh giới rõ ràng, lô đất này là nằm trong phần hàng rào bằng hàng cây lâu năm. Cho nên mối ranh giới không cụ thể, ảnh hưởng đến vị trí xây dựng.

Ông H không cố tình lấn chiếm nhưng áp vị trí xây dựng bị lệch so với vị trí đất chứ ông H còn phần đất dôi ra chưa xây dựng khác nhiều.

Sự tắc trách của đội thi công xây dựng và cán bộ địa chính phường khi giám sát việc khởi công, vị trí xây dựng chưa đúng với diện tích đất của ông H hiện có.

Hậu quả: Ông H đã lấn chiếm đất công có diện tích 0,5m x 14m và đã xây dựng móng, phần thô kiên cố của căn nhà hai tầng tại phần đất lấn chiếm.

12.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý thấu tình đạt lý, đảm bảo đất công không bị lấn, chiếm thành sự việc đã rồi để xin giao đất.

Hủy những quyết định sai trái để ban hành quyết định mới đúng với quy định pháp luật hiện hành.

Đặt lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng lên trên sau đó mới đến lợi ích của cá nhân ông H.

12.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Đất đai năm 2013

Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 3, 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 01 năm 2020 thay thế Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2014.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

12.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

- Không để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất tại địa phương.
- Xử lý nghiêm hành vi lấn chiếm đất công để xây dựng công trình kiên cố.

12.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP quy định:

1. Lấn đất là việc người sử dụng đất chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất sử dụng mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép hoặc không được người sử dụng hợp pháp diện tích đất bị lấn đó cho phép.

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép; b) Tự ý sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác mà không được tổ chức, cá nhân đó cho phép; c) Sử dụng đất được Nhà nước giao, cho thuê đất đã hết thời hạn sử dụng mà không được Nhà nước gia hạn sử dụng (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sử dụng đất nông nghiệp) ; d) Sử dụng đất trên thực địa mà chưa hoàn thành các thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Nếu cá nhân, tổ chức nào mà thực hiện một trong các hành vi trên thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này căn cứ theo Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP.

1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta;

Như vậy Trường hợp này của ông H là thuộc vào khoản 1 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP: Lấn đất là việc người đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

Làm mất khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định là trường hợp sau khi thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a,b,c khoản này mà dẫn đến không sử dụng đất được theo mục đích được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất;

Hình phạt đối với trường hợp này của anh là : Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nếu diện tích đất lấn, chiếm dưới 0,05 héc ta.

Đồng thời cũng theo Nghị định nêu trên, tại khoản 1, Điều 38 quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của chủ tịch UBND cấp xã như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu các giấy tờ đã bị tẩy xóa, sửa chữa, làm sai lệch nội dung; giấy tờ giả đã sử dụng trong việc sử dụng đất;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Do đó, Quyết định của UBND phường Z buộc ông H "Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm" là không đúng thẩm quyền. Do vậy cần thu hồi quyết định xử phạt vi phạm lại để ban hành quyết định mới cho đúng quy định đồng thời báo cáo lên UBND cấp huyện để có biện pháp thu hồi diện tích đất lấn chiếm này.

13. Tình huống 13

13.1. Mô tả tình huống:

Công ty cổ phần H lập hồ sơ xin phép khai thác khoáng sản trên địa bàn xã S, Huyện Y trình lên Sở Tài nguyên - Môi trường. Sau đó, công ty được UBND Tỉnh BP. căn cứ vào các văn bản pháp luật hiện hành đã cấp giấy phép khai thác cho công ty tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/10/2017. Theo nội dung của giấy phép, công ty được phép khai thác cát sông dọc theo chiều dài của dòng Sông ĐN, tự chịu trách nhiệm xử lý các chất thải, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân.

Sau khi nhận được giấy phép khai thác, Công ty cổ phần H đã tiến hành khai thác cát tại dòng sông ĐN. Trong quá trình khai thác, công ty đã không tuân thủ quy trình, xuồng máy khai thác cát thi nhau đào xới lòng sông, nước sông đục ngầu, lòng sông biến dạng thành từng đống sỏi nhấp nhô trên mặt nước vừa mất

mỹ quan, vừa làm tác động xấu đến đời sống dân cư bên bờ sông. Đặc biệt mấy năm gần đây, người dân quanh khu vực sông ĐN thường mắc các bệnh đường tiêu hóa… do sử dụng nước sông để giặt giũ, sinh hoạt. Kể từ năm 2018 trở lại đây số lượng người bị mắc bệnh càng nhiều, số bệnh nhân nhập viện tăng cao.

Ngày 20/3/2019 hai ấp S1 và S 2 thuộc xã S đã họp và lấy ý kiến của người dân và thống nhất làm đơn kiến nghị lên UBND xã S có biện pháp xử lý, ngăn chặn hoạt động khai thác cát của Công ty cổ phần H do Công ty này đã gây ra ô nhiễm nguồn nước. Đồng thời, hai ấp đề nghị nếu công ty còn tiếp tục khai thác thì phải có biện pháp khắc phục các sự cố để người dân an tâm sinh sống, Công ty cổ phần H phải bồi thường những hậu quả đã gây ra cho người dân sống tại khu vực này

13.2. Phân tích tình huống:

Sau khi xem xét đơn kiến nghị, UBND xã S đã làm tờ trình gửi lên UBND huyện Y. UBND huyện Y đã xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh BP. Và sau đó, UBND huyện Y ban hành Quyết định thành lập ngay đoàn kiểm tra xuống hiện trường xem xét và thẩm định mức độ ô nhiễm nguồn nước tại khu vực này.

13.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Nguyên nhân:

Các văn bản chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường còn chồng chéo dẫn đến công tác quản lý tài nguyên môi trường gặp nhiều khó khăn; Lĩnh vực khai thác khoáng sản đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, nên một số cá nhân và doanh nghiệp đầu tư khai thác, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường; Còn thiếu sự quản lý, thiếu kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên và sức khỏe của người dân.

Kiến thức pháp luật về hoạt động khai thác khoáng sản của các cấp các ngành còn hạn chế, trong lĩnh vực này còn nhiều bất cập, nhất là việc tìm hiểu quyền lợi và trách nhiệm của mình trong các hoạt động liên quan đến tài nguyên môi trường.

UBND huyện Y cũng buông lỏng việc chỉ đạo các phòng chuyên môn, không bám sát được tình hình thực tế, quản lý theo chức năng được phân công. Nên khi

sự việc xảy ra, UBND huyện Y đã không nhận được thông tin kịp thời để đưa ra phương án xử lý ngay cho người dân.

Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh: UBND tỉnh cấp giấy phép cho công ty khai thác khoáng sản ngay tại khu vực người dân cư đang sinh sống là chưa hợp lý nhưng các ngành chuyên môn không thường xuyên kiểm tra độ ô nhiễm của nguồn nước, UBND cấp tỉnh không quản lý phân cấp, không chỉ rõ trách nhiệm thuộc về ai; Công tác tuyên truyền phổ biến về Luật Bảo vệ Môi trường đến người dân và các doanh nghiệp chưa được thực hiện tốt, dẫn tới vi phạm về công tác quản lý và bảo vệ môi trường tại địa phương.

*UBND xã:*Một số cán bộ quản lý ở địa phương chưa thật sự nắm vững chuyên môn, thiếu sự kiểm tra, giám sát các hoạt động tại địa bàn về công tác vệ sinh môi trường; Cán bộ phụ trách môi trường tại phường do kiêm nhiều việc, thiếu năng lực chuyên môn, chưa làm tròn trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức khiếu nại của người dân, không chủ động kiểm tra, đôn đốc xử lý sự cố.

Công ty cổ phần H: Trong khi khai thác đã không tuân thủ theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, đào bới, xả các chất thải xuống sông gây ô nhiễm nguồn nước và kéo theo các bệnh ảnh hưởng đến hệ tiêu hóa …

Hậu quả:

Các chất thải sau khi khai thác làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường nước và cảnh quan của con sông. UBND tỉnh BP cần phải có biện pháp xử lý các sai phạm của các doanh nghiệp, tránh tình trạng khai thác tràn lan, ồ ạt làm mất đi tính nghiêm minh của luật pháp, mất đi lòng tin của nhân dân đối với chính quyền.

Khi tiến hành kiểm tra Công ty phải ngừng sản xuất, công nhân tạm thời nghỉ việc, từ đó sẽ dẫn đến công nhân không có thu nhập, đời sống gặp khó khăn, nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực, phức tạp đối với xã hội.

Nguồn nước bị ô nhiễm do khai thác khoáng sản của Công ty cổ phần H đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống sinh hoạt của người dân nơi đây. Ngoài ra, ngành y tế cung phải chịu nhiều chi phí cho việc khám chữa bệnh và điều trị cho người dân sống ở khu vực bị ô nhiễm.

13.4. Nguyên tắc xử lý tình huống:

Giải quyết nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật.

Xử lý thỏa đáng, giúp công ty Hoa Nam nhận thức được vấn đề bảo vệ môi trường, kinh doanh trên cơ sở quy định của pháp luật, ổn định cuộc sống người dân.

Xử lý mang tính giáo dục, thuyết phục và công bằng giữa công ty và cuộc sống bình thường của người dân.

13.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn:

Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 thông qua ngày 17/11/2010.

Nghị định số 60/2016/NĐ-CP của chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

13.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Phân tích rõ trách nhiệm của các cơ quan chức năng quản lý, kiểm tra giám sát các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn.

Xác định rõ trách nhiệm của Công ty cổ phần H làm sai quy định trong quá trình khai thác, làm ô nhiễm nguồn nước gây thiệt hại cho sức khỏe người dân, gây mất lòng tin đối với nhân dân.

Đưa ra giải pháp để chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản và đổ chất thải bừa bãi làm ảnh hưởng đến môi trường, làm thiệt hại đến đời sống người dân.

Củng cố lòng tin của nhân dân với chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn nguồn nước sinh hoạt và tưới tiêu an toàn cho sức khỏe mọi người.

13.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Tạm đình chỉ các hoạt động khai thác của công ty cổ phần H tại Sông ĐN.

Yêu cầu Công ty phải có biện pháp khắc phục xử lý chất thải gây ô nhiễm nguồn nước thì mới được tiếp tục khai thác.

Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình làm ô nhiễm môi trường nước tại khu vực khai thác.

Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường xử phạt Công ty cổ phần H vì gây ô nhiễm nguồn nước.

Công ty cổ phần H phải bồi thường các khoản chi phí thuốc men cho những người dân bị mắc bệnh do ô nhiễm nguồn nước.

Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường quy định: Những vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường phải được phát hiện kịp thời và đình chỉ ngay, các hoạt động vi phạm phải được tiến hành nhanh chóng. Mọi hậu quả về môi trường, do các vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường gây thiệt hại về vật chất, tinh thần đều phải bồi thường theo đúng quy định.

14. Tình huống 14

14.1. Mô tả tình huống

Ông Nguyễn Văn A là hội viên Hội Nông dân chi hội ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp là một trong năm thành viên của Dự án "Trồng tiêu trên cây keo kết hợp chăn nuôi dê sinh sản" do ông Lê Văn B, chủ tịch Hội Nông dân xã Tân Thành làm chủ dự án. Ngày 15/02/2012, Ban Thường vụ Hội Nông dân xã đã ban hành Tờ trình số 02-TTr HND để xin vay nguồn vốn từ Quỹ hỗ trợ nông dân của huyện. Dự án được đánh giá là mô hình sản xuất mới hiệu quả kinh tế, trồng trọt kết hợp chăn nuôi, có tính khả thi phù hợp với địa phương, giúp người dân giảm được chi phí phân bón, nguồn thức ăn, có điều kiện tái đầu tư, chăm sóc và duy trì vườn tiêu.

Chính vì vậy, Ban Thường vụ Hội Nông dân huyện Bù Đốp ra Quyết định số 08-QĐ/HND ngày 27/02/2012 về phê duyệt Dự án "Trồng tiêu trên cây keo kết hợp chăn nuôi dê sinh sản" với tổng số vốn 500.000.000 đồng. Số hộ tham gia Dự án là 05 hộ, thời hạn vay 36 tháng (tính từ ngày giải ngân), lãi suất 0,7%/tháng (8,4%/năm), trả theo kỳ hạn 03 tháng/lần; địa điểm thực hiện dự án ở chi hội ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bù Đốp. Hộ ông Nguyễn Văn A được vay

100.000.000 đồng vào ngày 01/03/2012. Trong quá trình triển khai dự án, hộ ông A sử dụng nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Nông dân sai mục đích.

Thực hiện chỉ đạo của Hội Nông dân cấp trên (Kế hoạch số 33-KH/HNDT ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bình Phước về việc "Tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cơ sở, cấp huyện, tiến tới Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Phước nhiệm kỳ 2013 - 2018 theo quy định Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam), Hội Nông dân huyện Bù Đốp chỉ đạo cấp cơ sở trong huyện tổ chức Đại hội hết nhiệm kỳ. Ngày 28/9/2012, Hội Nông dân xã Tân Thành, huyện Bù Đốp tiến hành Đại hội hết nhiệm kỳ (2012-2017), ông Lê Văn B không tham công tác hội, ông Hoàng Tấn E được Đại hội tín nhiệm bầu vào Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới giữ chức vụ Chủ tịch.

Sau khi đảm nhận chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân xã Tân Thành, Ông Hoàng Văn E rà soát, kiểm tra toàn bộ các hoạt động của Hội Nông dân trong đó có Dự án "Trồng tiêu trên cây keo kết hợp chăn nuôi dê sinh sản" còn đang dư nợ chưa tới thời hạn thu hồi, đã phát hiện hộ ông Nguyễn Văn A sử dụng sai mục đích nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ Nông dân, không nuôi dê, không trồng tiêu trên phần diện tích đất đối ứng trồng tiêu (tối thiểu 2.000 m^2) mà thay thế bằng cây cao su (01 ha). Tuy nhiên vấn đề này không được Hội Nông dân xã Tân Thành báo cáo về huyện.

14.2. Phân tích tình huống

Dự án "Trồng tiêu trên cây keo kết hợp chăn nuôi dê sinh sản" của Hội Nông dân xã Tân Thành là dự án có khả năng sinh lợi, đã được nhiều hộ dân ủng hộ, vay tiền để thực hiện dự án.

Hộ Nguyễn Văn A khi vay tiền về đã sử dụng sai mục đích ban đầu nhưng vẫn nhằm phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời, việc sử dụng vốn vay sai mục đích nhưng chưa đến hạn thanh toán nên không thể xác định hộ ông Nguyễn Văn A không có khả năng thanh toán.

14.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân: Việc xây dựng dự án của Hội nông dân nhằm giúp cho các hội viên có điều kiện đầu tư kinh tế, xây dựng kinh tế gia đình.

Hộ ông Nguyễn Văn A vay tiền phát triển kinh tế gia đình đã sử dụng để trồng cây cao su (so với dự án ban đầu trồng tiêu trên cây keo) là sai mục đích. Nhưng thực tế, ông Nguyễn Văn A đã nhằm phát triển kinh tế gia đình thì việc trồng tiêu trên cây keo hay trồng cao su đều có những điểm hữu ích nhất định.

Hậu quả: Ông Nguyễn Văn A sử dụng vốn vay sai mục đích của dự án nhưng vẫn đảm bảo đầu tư phát triển kinh tế gia đình.

14.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý dứt điểm, nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật về Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ Nông dân quy định về cho vay và việc sử dụng vốn vay.

14.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Quỹ hỗ trợ Nông dân quy định về quy định cho vay vốn (Điều 6).

-Việc cho vay vốn của Quỹ hỗ trợ nông dân được thực hiện theo phương thức cho vay có hoàn trả (có kỳ hạn, có hạn mức), không thu lãi nhưng có thu phí. (Điều 6).

- Không sử dụng nguồn vốn hoạt động để thực hiện các mục đích kinh doanh tiền tệ (Điều 6).

- Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích nêu trong Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh đã được cấp Hội có thẩm quyền phê duyệt (Điều 10).

- Người vay phải trả nợ đầy đủ, đúng hạn cả gốc và phí (Điều 10).

- Quỹ hỗ trợ nông dân các cấp có trách nhiệm kiểm tra Người vay về việc sử dụng vốn. Chậm nhất sau khi giải ngân 30 ngày thực hiện kiểm tra lần đầu và sau đó định kỳ kiểm tra và kiểm tra đột xuất khi cần. Nếu phát hiện người vay sử dụng vốn không đúng mục đích phải thu hồi vốn trước hạn, tránh rủi ro, thất thoát (Điều 18).

14.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo cho các hội viên hội nông dân được vay vốn và sử dụng vốn vay hiệu quả.

14.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Hộ ông Nguyễn Văn A vay sử dụng vốn sai mục đích đã có quyết định thu hồi nhưng người vay chưa trả nợ được không phải nằm trong trường hợp chây ỳ, chiếm dụng, mà do đầu tư sai mục đích (trồng cao su) thời điểm này cao su chưa có kinh doanh, nên khả năng trả nợ có khó khăn.

Xét về tính chất (không phải đối tượng chây ì, chiếm dụng) và quy định quản lý nguồn vốn vay trường hợp ông Nguyễn Văn A được xem xét cho gia hạn nợ khi đến thời hạn thu hồi chưa khả năng trả, phương thức trả dần trong 12 tháng gia hạn.

15. Tình huống 15

15.1. Mô tả tình huống

Bà Hoàng Thanh H tốt nghiệp Đại học Tài chính kế toán, được tuyển dụng vào công tác tại UBND xã Thiện Hưng. Bà Hoàng Thanh H luôn có ý thức tốt, hoàn thành tốt mọi công việc được giao, nhiều năm đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, lao động tiên tiến… Sau đó, bà Hoàng Thanh H được luân chuyển về làm Phó tịch UBND xã X. Ngày 22/02/2019, khi đang trong thời gian nghỉ phép, bà H viết đơn xin thôi việc và xin được hưởng chế độ trợ cấp một lần với lý do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn không thể tiếp tục công tác. Lãnh đạo UBND xã X xem xét đơn xin thôi việc và gặp trực tiếp bà H, xin ý kiến Phòng Nội vụ huyện xem xét giải quyết cho bà H nghỉ việc theo nguyện vọng, được trợ cấp một khoản tiền theo chế độ hiện hành. Sau khi nhận được quyết định và trợ cấp thôi việc, bất ngờ ngày 01/5/2019, UBND xã X lại nhận được đơn xin trở lại cơ quan công tác của bà Hoàng Thanh H. Bà H cho biết trong thời gian nghỉ phép bà bị bệnh nặng phải đi bệnh viện cấp cứu, các y bác sỹ chẩn đoán bà bị bệnh nan y khó có thể qua được. Vì điều kiện khó khăn, bà quyết định xin thôi việc hưởng chế độ một lần. Sau đó, bệnh tình của bà được chữa trị, sức khỏe hồi phục nên bà muốn quay trở lại cơ quan làm việc. Trường hợp trên của bà H sẽ giải quyết như thế nào trong khi

cơ quan đã hoàn tất hồ sơ thủ tục chuẩn bị gửi lên Bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho bà H?

15.2. Phân tích tình huống

Bà H đã có đơn xin nghỉ việc đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức nên việc cơ quan giải quyết cho bà H nghỉ việc là đúng quy định.

Việc Bà H đề nghị được trở lại làm việc vì cho rằng thời gian qua do bệnh nan y nên muốn nghỉ việc. Cơ quan xem xét, nếu thủ tục nghỉ việc của bà H chưa được hoàn tất thì có thể xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

15.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân: do bệnh tật của bà H và hoàn cảnh gia đình bà H khó khăn nên bà H chưa suy nghĩ thấu đáo khi xin nghỉ việc.

Hậu quả: Bà H có đơn xin nghỉ việc khi cơ quan đang hoàn tất thủ tục xin nghỉ việc theo nguyện vọng thì có đơn xin tiếp tục công tác.

15.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý có lý, có tình, xem xét nguyên nhân, động cơ xin thôi việc của bà H.

Xem xét hoàn cảnh gia đình và y chứng của bà H để xem xét tính chân thực khi bà H xin trở lại làm việc.

15.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Luật Bảo hiểm xã hội 2014.

15.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo ổn định bộ máy làm việc tại cơ quan.

Xem xét đơn nghỉ việc và đơn xin trở lại làm việc của bà H. Đảm bảo hoàn cảnh và quyền lợi của Bà H được giải quyết chân thực, đúng người, đúng hoàn cảnh và tạo được tính nhân văn của lãnh đạo đơn vị khi xử lý giải quyết tình huống của bà H.

15.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Thu hồi quyết định thôi việc đối với bà Hoàng Thanh H. Đồng thời có văn bản gửi đến cơ quan Bảo hiểm xã hội đề nghị không thực hiện chế độ trợ cấp một lần theo quy định đối với bà Hoàng Thanh H (để giữ thâm niên đóng bảo hiểm cho bà Hoàng Thanh H)

Động viên bà Hoàng Thanh H, làm cho toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan thấy lãnh đạo cơ quan giải quyết sự việc có lý, có tình. Thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến đời sống cán bộ, công chức. Đồng thời khích lệ toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan tích cực cố gắng, đem hết sức mình để hoàn thành tốt công việc được giao.

16. **Tình huống 16**

16.1. Mô tả tình huống

Bà Nguyễn Thị N được tuyển dụng vào làm UBND thị trấn X

Năm 2013, bà N được Ủy Ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác, đến ngày 03/5/2013, UBND Thị trấn xem xét nâng lương trước thời hạn cho 03 cán bộ năm 2013 theo quy định.

Đến năm 2016, do tham gia cuộc thi về tìm hiểu pháp luật liên quan đến lĩnh vực công tác. Bà N lại được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội tặng bằng ken. Cùng năm đó, UBND Thị trấn lại ban hành quyết định nâng lương trước thời hạn cho bà N.

Năm 2019, UBND huyện K rà soát, theo dõi nâng lương trước thời hạn hàng năm của cán bộ, công chức, người lao động phát hiện bà Nguyễn Thị N được 02 lần liền kề nâng lương trước thời hạn là trái với quy định pháp luật.

Bản thân bà N cũng không để ý là mình được nâng lương trước thời hạn 02 lần liên tục là trái quy định pháp luật.

16.2. Phân tích tình huống

Việc một cá nhân có thành tích xuất sắc xét nâng lương trước thời hạn là việc làm đúng đắn, khích lệ tinh thần của cán bộ, công chức, viên chức hoạt động tại các

đơn vị. Tuy nhiên, việc nâng lương trước thời hạn cần được thực hiện đúng các quy định, tránh trường hợp một người được nâng lương trước thời hạn hai lần liên tiếp, gây ảnh hưởng đến tâm lý những cá nhân còn lại. Bà N được nâng lương trước thời hạn lần thứ nhất vào bậc lương 5 lên bậc lương 6; lần thứ hai được xác định nâng bậc lương từ bậc lương từ bậc 6 lên bậc lương 7 trước thời hạn là không đảm bảo quy định của văn bản hướng dẫn thi hành về việc nâng lương trước thời hạn.

16.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do quá trình làm việc bà N luôn tận tụy, hoàn thành nhiệm vụ được giao, sáng tạo, mưu trí trong công tác nên được tặng thưởng nhiều bằng khen và xem xét cân nhắc trong vị trí công tác.

Cán bộ tham mưu về lương thưởng của UBND thị trấn không kiểm tra hồ sơ nâng lương trước thời hạn của bà N để đề xuất nâng lương trước thời hạn 2 lần liên tiếp là không đúng quy định.

Hậu quả: Bà N được nâng lương hai lần liên tiếp là không đúng quy định nên phải hủy quyết định nâng lương trước thời hạn (lần thứ hai) và phải truy thu lại của bà N số tiền nâng lương trước thời hạn.

16.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý đúng quy định của pháp luật về nâng lương trước thời hạn đối với bà N.

Xử lý đúng quy định về việc hủy quyết định nâng lương trước thời hạn để ban hành quyết định nâng lương thường xuyên đối với bà N và truy thu lại số tiền lương đã trả dư cho bà N do quyết định nâng lương trước thời hạn gây ra.

16.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

- Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

- Nghị định 04/2015/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Thông tư 03/2005/TT-BNV ngày 05 tháng 01 năm 2005; Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

- Thông tư 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

- Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh ban hành Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bình Phước;

16.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo việc nâng lương trước thời hạn đúng đối tượng, đúng quy định pháp luật.

Đảm bảo công tác nâng lương được thực hiện đúng với tất cả các cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

16.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Thu hồi Quyết định nâng lương lần 2; ban hành quyết định nâng lương thường xuyên; thu hồi lại số tiền vượt quá hệ số lương bà N được hưởng trong thời nâng lương sai; yêu cầu kiểm điểm trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị có liên quan trong việc dẫn đến sai sót này.

Về nội dung xác định trách nhiệm: Theo nội quy làm việc và sự phân công thì sai phạm nói trên xác định trách nhiệm trước tiên thuộc về UBND thị trấn.

Phòng Nội vụ huyện K yêu cầu các cá nhân liên quan đến sai phạm này giải trình, sau đó tiến hành họp kiểm điểm, xác định sai phạm của các thành viên UBND thị trấn.

17. Tình huống 17

17.1. Mô tả tình huống

7h30 phút, sáng thứ 2 ông Nguyễn Văn A đến UBND xã X chứng thực giấy CMND, một cán bộ ở đây trả lời người công chức vừa ra ngoài có việc. Ngồi đợi đến 8 giờ 15 phút thì ông thấy anh công chức đi vào, vào tới bàn làm việc ông thấy anh công chức vẫn hút thuốc và không đeo thẻ công chức. Công chức xã X hút thuốc trong phòng làm việc và không đeo thẻ công chức trong khi thi hành công vụ có vi phạm các quy định của pháp luật không?

17.2. Phân tích tình huống

Hiện nay một số cán bộ, công chức, viên chức có hiện tượng lãn công, đi trễ về sớm diễn ra ở nhiều cơ quan đơn vị, đặc biệt là các đơn vị cấp xã ở nông thôn.

Một số cán bộ công chức còn vi phạm hình ảnh người cán bộ như không đeo thẻ cán bộ công chức hoặc là vi phạm quy định về hút thuốc lá nơi công cộng (Phòng làm việc của UBND xã là nơi công cộng).

17.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân: Sự lơi lỏng quản lý của lãnh đạo các cơ quan đơn vị.

Tư tưởng không thể bị cho nghỉ việc của các cán bộ, công chức, viên chức nên không cần cố gắng tuân thủ các quy định của cơ quan.

Bản thân công chức xã X không chú tâm làm việc, rời bỏ vị trí công tác và hút thuốc lá trong phòng làm việc là hành vi vi phạm quy định nội quy cơ quan.

Hậu quả: Công chức xã X làm mất hình ảnh người cán bộ mẫn cán, lo làm việc. Gây tình trạng mất lòng tin của người dân vào chính quyền cơ sở. Biểu hiện quan liêu, hách dịch không phụng sự công việc cơ quan cần được xử lý nghiêm.

17.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý nghiêm hành vi của công chức xã X rời vị trí làm việc không có lý do chính đáng.

Răn đe đối với các cán bộ công chức khác

Tạo dựng lòng tin của người dân vào hệ thống chính quyền cơ sở ở địa phương.

17.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020

Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ổ thôn, ở tổ dân phố.

17.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo hoạt động bình thường của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ở địa phương; Chấn chỉnh hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức thực thi nhiệm vụ ở địa phương.

Xử lý hành vi rời nhiệm sở làm việc không có lý do chính đáng của công chức xã X

Xử lý hành vi hút thuốc lá nơi công cộng (trong phòng làm việc của UBND xã X) theo đúng quy định của pháp luật.

17.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Giải quyết đúng theo quy định của pháp luật là :

- Xử lý vi phạm về nội qui qui chế của cơ quan
- Xử phạt vi phạm về hành vi hút thuốc nơi công cộng.

18. **Tình huống 18**

18.1. Mô tả tình huống

Năm 1998, ông Nguyễn Văn A đã dùng bằng cấp 3 của anh trai có tên Nguyễn Văn Anh để xin vào làm tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y. Sau đó, ông A dùng bằng cấp 3 này tiếp tục học Trung cấp Kế toán. Từ năm 2005 đến 2009, ông A làm kế toán tại UBND Thị trấn Y. Quá trình làm việc tại đây, ông A học đại học từ xa (thuộc Đại học Đà Nẵng) và lấy bằng cử nhân kế toán. Năm 2007, ông A được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch UBND Thị trấn Y phụ trách công tác kinh tế. Đến nhiệm kỳ năm 2021-2025, ông A được cơ cấu lên Chủ tịch UBND Thị trấn Y

thì có đơn tố cáo ông A sử dụng bằng cấp chưa hợp pháp. Làm việc với cơ quan chức năng, ông A thừa nhận đã dùng bằng cấp 3 của anh trai để xin việc và đi học.

18.2. Phân tích tình huống

Vào thời điểm năm 1998, bằng cấp thật của ông Nguyễn Văn A thì ông A không đủ tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên của UBND Thị trấn. Việc Nguyễn Văn A sử dụng bằng cấp của anh trai để xin làm việc và sau này đi học nâng cao lên là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cơ quan đã không kiểm tra, kiểm soát việc dùng bằng cấp của ông Nguyễn Văn A là sai sót từ hai phía.

18.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân: Do yêu cầu của tuyển dụng vào thời điểm năm 1998 thiếu nhân lực khi chia tách tỉnh Sông Bé nên chấp nhận tuyển dụng cán bộ, nhân viên mà chưa tiến hành xác minh, kiểm tra kỹ. Ông A vì nóng lòng muốn được làm việc nên ông A đã vi phạm quy định cơ quan về việc tuyển dụng.

Hậu quả: Cơ quan đã tuyển dụng, bổ nhiệm đối tượng sai quy định, không đúng tiêu chuẩn.

18.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý dứt điểm, kịp thời, có tình có lý để tránh ảnh hưởng đến công việc chung.

Xem xét kết quả bầu cử, trách nhiệm và thái độ làm việc để xem xét năng lực thực sự của ông Nguyễn Văn A khi đảm nhiệm các vị trí công tác khác nhau tại các cơ quan trong quá trình luân chuyển.

Xử lý nghiêm hành vi dùng bằng cấp không phải của mình để có tác dụng răn đe đối với toàn thể cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị.

18.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Luật Viên chức năm 2010.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2019

18.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Giải quyết có tình, có lý, vừa uốn nắn cán bộ, công chức trong cơ quan.

Giải quyết thấu đáo để trên dưới cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị hiểu được ý nghĩa của quy định pháp luật.

Giải quyết dứt điểm hành vi dùng bằng cấp không phải của mình của ông Nguyễn Văn A để các cán bộ, công chức, viên chức khác trong cơ quan có cái nhìn đúng đắn về sự trung thực của bản thân mỗi người.

18.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Tuyển dụng cán bộ, công chức là việc làm quan trọng, cần tiến hành xác minh, rà soát kiểm tra kỹ từ cơ quan tiến hành tuyển dụng để lựa chọn đúng người, đúng vị trí việc làm. Việc tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức cần rà soát lại hồ sơ, lý lịch cá nhân của người đó. Từng lần cân nhắc, bổ nhiệm cần được kiểm tra đầy đủ thì ông A đã không có cơ hội sử dụng bằng giả trong công tác.

Buộc ông A giao nộp bằng cấp đúng quy định, bằng thật phù hợp với năng lực, sở thích của mình. Nếu không trình được bằng cấp thì thực hiện thủ tục miễn nhiệm chức vụ và xử lý theo quy định. Nếu ông A cố tình sử dụng bằng cấp giả thì tùy theo mức độ có biện pháp xử lý thích hợp.

19. Tình huống 19

19.1. Mô tả tình huống

Tại xã X huyện Y có một khu đất đồi (đã được nhà nước cấp sổ đỏ và có trồng điều), được rao bán. Năm 2019, được ông H mua lại. Tuy nhiên ông H không tiếp tục trồng điều mà đã kết hợp với một số doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn để khai thác đất, cạo trọc đồi, xẻ đồi để bán đất san lấp mặt bằng cho các đơn vị, cá nhân có nhu cầu san lấp mặt bằng. Việc xẻ đồi của ông H gây ảnh hưởng đến đời sống của gia đình người dân xung quanh khu vực. Nước mưa tràn xuống ao cá, xói mòn đất, nước mưa ngập tràn qua đường, khói bụi gây ô nhiễm, đất rơi vãi trên đường ..... Người dân xung quanh đồi, có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã X đề nghị xử lý hành vi của ông H. Hành vi của ông H có vi phạm pháp luật về việc khai thác đất không? có phải chịu trách nhiệm về những vấn đề nêu trên không?

19.2. Phân tích tình huống

Quá trình đô thị hóa ngày càng nhanh và mạnh, đòi hỏi quá trình xây dựng, san lấp mặt bằng có nhu cầu ngày càng cao. Do đó, nhu cầu về sử dụng đất san lấp ngày càng nhiều. Nắm bắt được tâm lý đó, ông H đã mua đất đồi và sử dụng nguồn đất này để bán ra ngoài cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu san lấp mặt bằng. Ông H dùng lớp đất mặt, không có nhu cầu sử dụng là đúng quy định. Tuy nhiên, diện tích đất ông H là đất trồng cây lâu năm nhưng việc xẻ đồi để bán là không đúng mục đích sử dụng đất. Bên cạnh đó, việc xẻ đồi gây ảnh hưởng môi trường xung quanh, cụ thể các hộ dân đã phản ánh là nước mưa xói mòn và rơi vãi đất cát trên đường gây bụi, lầy lội vào mùa mưa và bụi vào mùa nắng.

19.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Nguyên nhân:

Do nhu cầu san lấp mặt bằng cao và ông H thì có nguồn đất mặt đáp ứng nhu cầu san lấp nhiều.

Thực tế cũng có nhiều người xẻ đồi, cạp đất như ông H nhưng không bị xử lý, không bị ngăn cản.

Địa phương có địa hình không bằng phẳng, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế địa phương nên chính quyền không có động thái gì ngăn chặn việc cạp đất, làm phẳng đồi.

Ông H cũng có nhu cầu tư lợi, mong muốn được có thu nhập từ việc xẻ đồi, cạp đất bán cho người khác

Người dân và cơ quan quản lý ở cơ sở chưa nắm được đầy đủ các quy định của pháp luật về việc bảo vệ môi trường thông qua các chỉ số bụi, các yêu cầu những nơi khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Hậu quả: Đất đồi bị xẻ, cạp, cào bằng san phẳng. Xe chuyên chở đất làm rơi vãi xung quanh công trình gây bụi trong không khí, ảnh hưởng sức khỏe người dân. Đồi bị cạo sạch, bằng phẳng gây xói mòn những nơi đất thấp; gây ảnh hưởng môi trường sống tự nhiên của hệ thực vật.

19.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý đúng quy định đối với hành vi xẻ đồi, cạp đất, không che chắn công trình khi thực hiện việc lấy đất

Tiến hành kiểm tra công trình, yêu cầu ông H hoàn thiện các giấy phép khai thác đối với công trình đồng thời có biện pháp đánh giá tác động môi trường khi thực hiện các hình thức khai thác, tránh ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của người dân.

19.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Đất đai năm 2013.

Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014

Điều 20 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Luật khai thác khoáng sản 2010

Điều 41 Nghị định 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

19.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Giải quyết dứt điểm khiếu nại người dân về việc khai thác đất của ông H. Ông H muốn khai thác đất phải có giấy phép và thực hiện theo đúng giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Khi khai thác và vận chuyển phải tuân thủ các quy định về việc khai thác khoáng sản và quy định về bảo vệ môi trường.

19.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Tiến hành kiểm tra điểm khai thác đất của ông H. Nếu có giấy phép thì kiểm tra nội dung thực hiện và giấy phép thực hiện có trùng lắp nội dung không; Có hạng mục nào ông H khai thác trái phép hay không?

Nếu không có giấy phép hoặc sai phép thì tạm dừng công trình chờ kết quả xử lý. Nếu vi phạm các quy định về khai thác thì tùy từng mức độ có thể xử phạt vi

phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó có thể áp dụng các biện pháp xử lý bổ sung như là khôi phục hiện trạng ban đầu.

20. Tình huống 20

20.1. Mô tả tình huống

Ngày 15/12/2020, những hộ dân xung quanh nhà bà B cùng đứng tên ký đơn tố cáo bà B về việc hành nghề mê tín dị đoan, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, trục lợi bất chính tại nhà như: hoạt động mê tín dị đoan, bói toán đồng cốt (nhiều người mê tín đến nhà bà B khám chữa bệnh với hình thức cầu hồn, cầu vong và được bà B cho uống các loại nước, thuốc, bùa theo kiểu mê tín, không có cơ sở khoa học, nhiều bệnh nhân vì quá mê tín, đã tin tưởng và tự nguyện biếu tiền và dâng lễ cúng, bái cầu vong, cầu hồn...); tụ tập đông người, làm mất an ninh trật tự ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân chung quanh và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tại khu dân cư;

20.2. *Phân tích tình huống*

Tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một quyền nhân thân cơ bản của công dân cũng được đề cập trong Bộ luật Dân sự, được bảo vệ bằng pháp luật và được cụ thể hoá trong các văn bản quy phạm pháp luật ngày càng ở mức độ cao hơn, hoàn thiện hơn. Thực trạng hoạt động về tự do tín ngưỡng và mê tín dị đoan luôn diễn biến phức tạp trên địa bàn đang diễn biến hết sức phức tạp và hoạt động len lỏi trong các khu dân cư. Thực tế dễ nhận thấy là "phương pháp chữa bệnh" của bà B trong tình huống không chỉ không có căn cứ khoa học mà còn rất nguy hiểm cho sức khẻo, tính mạng của bệnh nhân, vi phạm các quy định về tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quy định về khám, chữa bệnh; quy định về an ninh, trật tự xã hội.

20.3 *Xác định nguyên nhân và hậu quả*

Nguyên nhân : Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, tự do tín ngưỡng, hành nghề y dược có nơi còn buông lỏng, dẫn đến hiện tượng mê tín dị đoan, chữa bệnh trái phép gây mất trật tự trên địa bàn dân cư.

Công tác kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục, xử lý vi phạm về tự do tín ngưỡng của cơ quan chức năng có nơi, có lúc chưa kiên quyết, triệt để, nên các thầy bói toán, đồng bóng "ỷ lại" vẫn ngang nhiên hoạt động và bất chấp dư luận xã hội.

Công tác quản lý kiểm tra, nắm bắt địa bàn của Công an khu vực và Tổ dân phố thiếu sâu sát, chưa hướng dẫn, giáo dục, nhắc nhở kịp thời để người dân nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của nhà nước về tự do tín ngưỡng, từ đó làm ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân chung quanh và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" tại khu dân cư.

Hậu quả: tình trạng mất trật tự, an toàn xã hội trong cộng đồng; cổ súy mê tín đồng bóng, gây tổn hại, nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe, tiền bạc của người dân nhẹ dạ, cả tin.

20.4 *Nguyên tắc xử lý tình huống*

Xử lý dứt điểm để chấm dứt hành vi sai trái, mê tín, gây hậu quả cho xã hội dcủa bà B; bảm bảo được cuộc sống ổn định, bình thường của các hộ gia đình xung quanh nhà bà B

20.5 Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Luật Dược ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Điều 9, điều 11 Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

20.6 Mục tiêu giải quyết tình huống

Lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực tôn giáo, tín ngưỡng, bài trừ mê tín dị đoan; vừa giáo dục, vừa thuyết phục vừa kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm, giúp người dân có nhận thức, hiểu biết và chấp hành đúng chủ trương, đường lối,

chính sách của Đảng và nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng, đồng thời nhận thức và hiểu biết được tư tưởng nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân.

Xử lý dứt điểm yêu cầu Bà B chấp hành và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xóa bỏ tư tưởng mê tín dị đoan, đồng bóng, bói toán, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Đảm bảo ổn định an ninh trật tự của khu vực, địa phương.

20.7 Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Bước 1: UBND xã Y tiến hành kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính đối với Bà B.

Bước 2: Mời Bà B đến văn phòng UBND xã Y làm việc để xác định lỗi vi phạm, lắng nghe bà B trình bày ý kiến và bổ sung giấy tờ liên quan (nếu có).

Bước 3: Lập báo cáo đề xuất UBND xã Y ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bước 4: Căn cứ vào biên bản vi phạm, Chủ tịch UBND xã Y ban hành quyết định xử phạt hành chính.

Bước 5: Triển khai quyết định xử phạt hành chính, phối hợp với Chính quyền địa phương theo dõi quá trình chấp hành quyết định của đương sự.

21.Tình huống 21

21.1. Mô tả tình huống

Ngày 10/10/2020, UBND xã A ban hành quyết định giải tỏa tuyến đường B thuộc ấp C để làm tuyến đường giao thông nông thôn do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nâng cấp nhựa hóa tuyến đường nêu trên. UBND xã xây dựng kế hoạch, chỉ đạo tổ chức họp dân thông qua phương án giải tỏa mặt bằng: Nhà nước hỗ trợ vốn để nâng cấp và nhựa hóa tuyến đường, nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu nơi có tuyến đường đi qua. Sau khi xây dựng kế hoạch, Ban vận động đã phối hợp với các ngành, đoàn thể xã và ban vận động ấp C tổ chức mời 20 hộ dân liên quan tổ chức họp để thông qua kế hoạch

giải tỏa. Do tuyến đường B có tầm quan trọng đối với việc phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, khi Ban vận động thông qua kế hoạch giải tỏa, nói rõ mục đích, yêu cầu, tầm quan trọng của công trình sau khi nhựa hóa. Kết quả có 18/20 hộ dân có liên quan đồng ý sẵn sàng hiến đất để tiến hành công trình. Hai hộ còn lại không đồng ý và đòi bồi thường, nếu không sẽ khiếu nại lên cấp trên. Theo quy định sau khi thông qua kế hoạch phải có 100% hộ dân nằm trong vùng dự án thống nhất mới tiến hành thực hiện. Trong trường hợp này vẫn còn 02 hộ không đồng ý, nhưng nếu không kịp thời giải quyết việc giải tỏa thì công trình sẽ không thực hiện được, ảnh hưởng đến quá trình xây dựng và phát triển của địa phương. Trước tình huống này, lãnh đạo địa phương giải quyết như thế nào?

21.2. Phân tích tình huống

Tình huống trên liên quan đến chủ trương giải phóng mặt bằng, nâng cấp công trình giao thông nông thôn. Trong quá trình thực hiện, khi lấy ý kiến, có 2/20 hộ không đồng tình. Mấu chốt vấn đề là UBND xã A chưa thực hiện đúng quy định sau khi thông qua kế hoạch phải có 100% hộ dân nằm trong vùng dự án thống nhất mới tiến hành thực hiện. Đây là mấu chốt tình huống cần tháo gỡ. Tình huống trên liên quan đến kỹ năng tổ chức thực hiện quyết định của người cán bộ lãnh đạo, quản lý, dựa trên các lý do sau: UBND xã A thành lập Ban vận động giải tỏa tuyến đường B thuộc ấp C do Chủ tịch UBND xã làm trưởng ban để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nâng cấp nhựa hóa tuyến đường nhưng không thu thập đầy đủ thông tin, chưa lắng nghe thông tin từ dân, chưa thực hiện tốt vai trò vận động sự đồng thuận của nhân dân trước khi tổ chức lấy ý kiến nhân dân. Từ đó tình huống trên đã có xảy ra.

21.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

- *Nguyên nhân:* Chưa được sự đồng thuận 100% của người dân

Chính quyền và đoàn thể địa phương chưa làm tốt công tác vận động sự đồng thuận của người dân trước khi ra quyết định và tổ chức lấy ý kiến của nhân dân.

Hai hộ dân không đồng ý hiến đất, đòi bồi thường.

- *Hậu quả:*

Với tình huống trên, lãnh đạo địa phương phải kịp thời giải quyết, nếu không sẽ dẫn đến hai hậu quả sau:

Một là, 02 hộ dân không đồng ý hiến đất sẽ khiếu kiện lên cấp trên, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của chính quyền, đoàn thể nhân dân địa phương.

Hai là, nếu thỏa thuận đền bù cho 02 hộ dân này thì các hộ dân khác cũng có thể yêu cầu đền bù, làm phát sinh chi phí ngoài kế hoạch dự toán.

Ba là, nếu quyết định không được thực hiện, công trình sẽ chậm triển khai ảnh hướng đến tiến độ thi công và quá trình phát triển của địa phương.

21.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo hợp lý, hợp tình giữa quyền và lợi ích giữa cá nhân và tập thể, cộng đồng trách nhiệm xây dựng và phát triển của địa phương.

21.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

Căn cứ Điều 62 Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**,** Điều 63. Căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Điều 66. Thẩm quyền thu hồi đất của Luật đất đai 2013, ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

21.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo dự án nhựa hóa tuyến đường B, xã A được thực hiện đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra.

Vận động 02 hộ dân ở ấp C đồng ý hiến đất làm đường, không để tình trạng không đồng thuận, ảnh hưởng tiến độ thi công tuyến đường và khiếu kiện vượt cấp.

21.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

- Phương hướng giải quyết tình huống:

+ Lãnh đạo UBND xã A nắm lại thông tin, kiểm tra thông tin, đặc biệt kiểm tra xem dân có nắm được chủ trương giải tỏa tuyến đường B thuộc ấp C để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công nâng cấp nhựa hóa tuyến đường không. Nếu dân chưa nắm hoặc nắm nhưng chưa thông, lãnh đạo địa phương phải giải thích để dân hiểu.

+ Lãnh đạo UBND xã A, chỉ đạo Ban vận động giải tỏa tuyến đường B phối hợp cùng ban vận động ấp C tiếp tục vận động 02 hộ dân không đồng tình theo dự án. Nếu vận động nhưng 02 hộ dân này không đồng tình phải tìm hiểu nguyên nhân, họ có những yêu cầu gì, có hợp lý hay không? Phương án xử lý này nên giải quyết nhanh chóng, đúng luật, hợp tình hợp lý. Lãnh đạo UBND xã A cần hướng đến mục tiêu, giải pháp thuyết phục 02 hộ này đồng tình hiến đất, đảm bảo tiến độ thi công công trình nhựa hóa đường nông thôn tại địa phương, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích cộng đồng dân cư của địa phương.

Với phương án này sẽ xảy ra hai hướng:

+ Nếu 02 hộ dân này tiếp tục không đồng tình, một lần nữa Ban vận động của xã tiếp tục phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ xã và Ban quản lý ấp mời 02 hộ dân này làm việc, trao đổi, vận động thuyết phục.

+ Nếu hai hộ này kiên quyết không chấp hành, biện pháp cuối cùng là thông tin các văn bản, quy định về vấn đề giải phóng mặt bằng, đồng thời đề nghị cấp trên hỗ trợ. Chủ tịch UBND xã A chủ động báo cáo nhanh về UBND cấp huyện xem xét, cho ý kiến giải quyết.

* Quy trình giải quyết tình huống được thực hiện như sau:

- Bước 1: Nắm lại thông tin, kiểm tra quy trình ra quyết định.

- Bước 2: Tìm nguyên nhân của tình huống, nhất là hai hộ dân không đồng tình.

- Bước 3: Tổ chức lực lượng, phân công nhiệm vụ. Chú ý UBND xã nên phối hợp với đoàn thể, cán bộ địa chính, mời những người dân có uy tín tham gia và tiến hành từng bước.

- Bước 4: Tổ chức tuyên truyền, thuyết phục hai hộ dân trên về những văn bản pháp lý liên quan, đây là khâu cần quan tâm.

- Bước 5: Kiến nghị UBND huyện về các vấn đề cần giải quyết (nếu hai hộ dân không đồng tình).

- Bước 6: Báo cáo kết quả, khắc phục hậu quả, tổng kết rút kinh nghiệm.

- *Hướng khắc phục:*

+ Trước khi ban hành quyết định cần chỉ đạo Ban quản lý ấp C, tổ chức họp dân, lấy ý kiến về sự đồng thuận của nhân dân.

+ Thông tin rộng rãi đến nhân dân về các chủ trương, đường lối, các quyết định liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân được hưởng lợi từ dự án, vì lợi ích chính đáng của cộng đồng dân sinh và chủ trương phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

+ Chú trọng thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thuyết phục nhân dân, các vụ việc khiếu nại phải được thông tin đến người dân trong xã bằng các hình thức như: Họp tổ nhân dân tự quản, thông báo trên đài phát thanh. Cần xác định rõ vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, thuyết phục nhằm mục đích thông tin do người dân được rõ và tạo sự đồng thuận trong xã hội.

+ Lãnh đạo UBND xã A cần chú ý quan tâm thực hiện đúng quy định của nhà nước khi triển khai, thực thi một chương trình, kế hoạch đề ra. Phát huy quyền dân chủ trong nhân dân.

- *Tổ chức rút kinh nghiệm:*

Khi tổ chức thực hiện một quyết định có liên quan đến người dân thì công tác vận động, thuyết phục là hết sức quan trọng, đòi hỏi người lãnh đạo phải có những phán đoán, phải có công tác phối hợp kịp thời đối với các ngành, đoàn thể có liên quan thì việc tổ chức thực hiện các quyết định mới có hiệu quả cao nhất. Chính quyền địa phương nên xem phương án giải quyết là kinh nghiệm cho lãnh đạo địa phương trong quá trình lãnh đạo sau này.

22. Tình huống 22

22.1.Mô tả tình huống

Khu đất ở địa bàn UBND xã X được quy hoạch để xây dựng trường học. Tiến độ thực hiện, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tái định cư,...cho

nhân dân trong khu vực đã được UBND xã công khai thông qua Trưởng ấp, Tổ trưởng tổ nhân dân tự quản để thông báo đến nhân dân. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A nằm trong khu vực bị giải tỏa nhưng ông A không nắm thông tin trên, do vào ngày họp tổ nhân dân tự quản ông không tham dự nên không biết. Ngay sau đó, ông A đến trụ sở UBND xã X để xem thông tin về việc trên nhưng ở đây không có niêm yết thông báo về nội dung này. Ông A đã làm đơn khiếu nại đến UBND xã yêu cầu xem xét, giải quyết. Với tình huống này, lãnh đạo địa phương, Chủ tịch UBND xã sẽ xử lý như thế nào?

22.2. Phân tích tình huống

Một trong những tình huống liên quan đến đền bù, giải tỏa do ông A không dự họp tổ nhân dân tự quản nên ông không nắm được thông tin cuộc họp và ông không có cơ hội để phát biểu ý kiến của mình. Lãnh đạo địa phương không niêm yết thông báo liên quan đến việc giải tỏa nên người dân khó tiếp cận được thông tin, dẫn đến việc khiếu nại.

22.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

- *Nguyên nhân:* Kỹ năng nắm bắt thông tin, triển khai, xử lý thông tin của lãnh đạo địa phương, trưởng ấp, tổ trưởng tổ tự quản còn hạn chế; chưa triển khai một cách đầy đủ yêu cầu, thông tin đến người dân.

UBND xã X đã thực hiện chưa đầy đủ quy trình công khai quy hoạch, đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của Chính phủ như: Thông báo công khai dự án chưa đến từng người dân, không có niêm yết công khai ở trụ sở xã.

Trưởng ấp và tổ dân phố chưa làm hết trách nhiệm như: Hộ ông A nằm trong phạm vi giải tỏa, khi ông không có mặt trong cuộc họp Tổ nhân dân tự quản (NDTQ) nhưng Tổ trưởng tổ NDTQ vẫn tổ chức họp, từ đó ông A không thông hiểu sự việc nên xảy ra tình huống trên.

- *Hậu quả:*

Hậu quả Hộ gia đình ông A không nắm rõ thông tin, sẽ khó cho việc đồng thuận khi di dời sau này. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin chưa đến nơi, lãnh đạo địa phương chưa thực hiện đầy đủ quy trình công khai, minh bạch để người

dân được thực hiện các quyền: Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra… làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền của dân về lợi ích, tinh thần, tình cảm,...dễ dẫn đến hậu quả mâu thuẫn, không đồng thuận giữa dân với chính quyền địa phương.

22.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo hợp lý, hợp tình giữa quyền và lợi ích của nhân dân.

22.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

- Căn cứ Điều 62 Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**,** Điều 63. Căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Điều 66. Thẩm quyền thu hồi đất của Luật đất đai 2013, ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII.

- Nghị định 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

22.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Triển khai thực hiện tốt phương án giải tỏa, đền bù, đảm bảo thực hiện tiến độ thi công công trình xây dựng trường học theo kế hoạch đã đề ra.

Giải quyết, thông tin đầy đủ, kịp thời về dự án và phương án giải tỏa, đền bù đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn A.

22.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

- Phương hướng giải quyết tình huống:

Khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND xã X tiến hành:

- Trình Đảng ủy và HĐND xã bàn bạc cách giải quyết.

- Chủ tịch UBND xã X mời Trưởng ấp và Tổ trưởng tổ NDTQ họp để làm rõ thông tin trên.

- Mời gia đình ông A đến thông báo cho ông biết toàn bộ nội dung quy hoạch, khu vực giải tỏa đền bù, có hộ ông nằm trong khu vực giải tỏa và vận động ông cùng gia đình chấp hành chủ trương trên. Nếu hộ ông không đồng ý với chủ trương, lãnh đạo địa phương tiếp tục đề ra phương án xử lý theo quy định để tiến độ đền bù, giải tỏa và công trình thi công đạt kế hoạch đề ra.

- *Hướng khắc phục:*

Qua sự việc trên lãnh đạo xã X cần khắc phục những tồn tại sau trong quá trình lãnh đạo, quản lý như:

- Trước khi có chủ trương giải tỏa: Chỉ đạo chính quyền địa phương, trưởng ấp, Tổ trưởng tổ NDTQ họp dân, thông tin đầy đủ, kịp thời chủ trương về quy hoạch, giải tỏa, xây dựng công trình.

- Sau khi có chủ trương giải tỏa tiếp tục tổ chức họp dân, triển khai, thông tin đầy đủ đến nhân dân về chủ trương, phương án giải tỏa, đền bù, tiến độ triển khai thực hiện công trình để lấy sự đồng thuận của toàn dân trong khu vực dự án.

- Nắm chắc thông tin những trường hợp người dân không tham dự cuộc họp; chỉ đạo tổ dân cư tự quản phải trực tiếp thông tin đầy đủ, kịp thời đến người từng người dân, đảm bảo 100% người dân biết rõ chủ trương và đồng thuận với chủ trương của chính quyền địa phương.

- Chủ tịch UBND xã tiếp tục chỉ đạo triển khai các nội dung chưa được triển khai làm thông suốt trong dân.

- Chỉ đạo niêm yết công khai quy hoạch (có bản đồ quy hoạch) theo quy định của Chính phủ.

- *Tổ chức rút kinh nghiệm:*

+ Chính quyền địa phương cần quan tâm mở rộng mạng lưới tuyên truyền trong dân những thông tin về những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, những việc có liên quan đến đời sống, lợi ích của dân đều phải công khai đầy đủ, đúng địa chỉ và đến nơi đến chốn cho dân thông suốt.

+ Lãnh đạo địa phương cần thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát, nắm chắc thông tin về quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới để có chỉ đạo và có hướng giải quyết kịp thời.

+ Với Chủ tịch UBND xã phải chú ý đến việc cung cấp thông tin, niêm yết, công khai, minh bạch tại trụ sở và thông tin rộng rãi đến nhân dân thông qua các kênh trực tiếp họp dân, tuyên truyền, triển khai qua đài phát thanh…

23.Tình huống 23

23.1.Mô tả tình huống

Cuối năm 2020, lãnh đạo xã A thống nhất ban hành quyết định bình xét hộ nghèo và tiến hành tổ chức bình xét hộ nghèo theo quy định. Đến ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại ấp 1 và ấp 3 có 07 hộ dân không thuộc diện được xét, họ đã kéo đến Ủy ban nhân dân xã khiếu nại việc bình xét hộ nghèo chưa đúng luật, không dân chủ và không công bằng với lý do 7 gia đình này có hoàn cảnh rất khó khăn nhưng không được hưởng chính sách hộ nghèo, còn những hộ có điều kiện kinh tế khá hơn lại được. Ngày 03 tháng 02 năm 2021, UBND xã đã lập đoàn công tác, kiểm tra công tác bình xét hộ nghèo tại ấp 1 và ấp 3. Kết luận của UBND xã là việc bình xét hộ nghèo của 07 hộ trên do lãnh đạo địa phương quá tin vào tham mưu, chưa nắm sát tình hình thực tế nên ra quyết định công nhận hộ nghèo chưa thực sự công bằng, vì thế mới xảy ra tình trạng bỏ sót 07 hộ nghèo. Sự phản ánh của bà con là có cơ sở, UBND xã nhận thiếu sót đã không kiểm tra kỹ và hứa sẽ quan tâm hỗ trợ kinh tế đối với gia đình 07 hộ dân trên trong thời gian tới. 07 hộ dân trên đã đề nghị lãnh đạo địa phương nên xem xét lại các hộ nghèo đã được công nhận, vì quyết định ban hành có những gia đình có điều kiện kinh tế nằm ngoài đối tượng được xét (03 hộ, trong đó có 01 hộ có họ hàng với bí thư chi bộ kiêm trưởng ấp 3).

Với tình huống này, Chủ tịch UBND xã A sẽ giải quyết như thế nào?

23.2. Phân tích tình huống

Đây là tình huống xảy ra liên quan đến việc bình xét hộ nghèo chưa đúng luật, không dân chủ và không công bằng. Theo tình huống mô tả là sau khi bình xét hộ nghèo có 7 hộ thực sự nghèo nhưng không được xét, trong khi đó có 3 hộ

nằm ngoài đối tượng, khúc mắc của tình huống liên quan đến 1/3 hộ đó có 01 người là người thân của Bí thư chi bộ ấp 3. Vì vậy đây chính là mấu chốt của tình huống cần được xem xét, giải quyết đảm bảo ổn định tinh thần, tình cảm, niềm tin của nhân dân.

23.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

- *Nguyên nhân:* Sự tác động bởi yếu tố tình cảm cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bình xét hộ nghèo.

Lãnh đạo ấp 1 và ấp 3 chưa công tâm, khách quan trong bình xét hộ nghèo dẫn đến sự bức xúc trong nhân dân.

Lãnh đạo UBND xã vì quá tin vào tham mưu, thiếu thu thập thông tin, thiếu khâu quản lý sát sao quá trình bình xét; thiếu nắm thông tin ngay sau khi bình xét, khi 7 hộ dân khiếu nại lúc đó chính quyền địa phương cho nắm lại thông tin thì quyết định đã ban hành.

- *Hậu quả:*

Đây là tình huống khá nhạy cảm, vì nó liên quan đến quyền và lợi ích của nhân dân. Nếu chủ quan, không công tâm, khách quan trong quá trình bình xét, ảnh hưởng đến quyền lợi và gây bức xúc trong nhân dân sẽ tác động đến yếu tố tâm lý, tư tưởng, niềm tin của nhân dân, nhất là trong trường hợp liên quan đến người thân của cán bộ khi tham gia bình xét.

Với lãnh đạo địa phương cần nhanh chóng giải quyết để có hướng xử lý kịp thời, công bằng, khách quan. Tránh trường hợp tạo dư luận trong nhân dân khi tình huống không giải quyết thỏa đáng.

23.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo hợp lý, hợp tình, công tâm, khách quan trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

23.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

- Quyết định 59/20215/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 và Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 về việc hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

- Nghị định 07/2021/NĐ-CP, ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiếu.

23.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo quá trình bình xét hộ nghèo hàng năm theo quy định.

Đảm bảo giải quyết công tâm, khách quan, công bằng, đúng quy định bình xét hộ nghèo tại 2 ấp 1 và ấp 3, tránh gây bức xúc, dư luận không tốt, ảnh hưởng uy tín của cán bộ và chính quyền địa phương.

23.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

- Phương hướng giải quyết tình huống:

Để giải quyết tình huống này, Chủ tịch UBND xã A phải xem công tác giảm nghèo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của việc thực hiện nghị quyết của Đảng bộ xã.

Quy trình giải quyết tình huống:

- Chủ tịch UBND xã A mời 07 hộ dân của ấp 1 và ấp 3 họp và lắng nghe các hộ dân này trình bày tâm tư, nguyện vọng của họ. Khơi gợi để họ bày tỏ những bức xúc của mình và chủ tịch xã A ghi nhận những thông tin trên. Lưu ý: không đánh giá đúng sai mà làm cho mọi người dân an lòng bằng cách ghi nhận những ý kiến, kiến nghị của họ, sau đó Chủ tịch UBND xã A xác minh thông tin trên trong thời gian sớm nhất.

- Chủ tịch UBND xã tổ chức cuộc họp khẩn trương của Ban chỉ đạo giảm nghèo của xã. Thành phần phải có Trưởng ấp 1 và ấp 3 với nội dung đề nghị xem xét, rà soát lại việc bình xét hộ nghèo cho 07 trường hợp hộ nghèo 2 ấp khiếu nại.

- Chủ tịch xã A cần nêu rõ việc làm chưa phù hợp sau khi bình xét hộ nghèo như:

+ Việc bình xét hộ nghèo của xã A không đúng quy trình, thiếu bước rà soát đối tượng;

+ Khi bình xét hộ nghèo, ban chỉ đạo không đưa ra tổ nhân dân tự quản để họp xét và biểu quyết của người dân trong tổ;

+ Thành viên ban chỉ đạo giảm nghèo của xã không bám sát địa bàn hỗ trợ việc bình xét (khi xét hộ nghèo ban chỉ đạo xã cần có phân công từng đồng chí đến địa bàn ấp hỗ trợ):

+ Trách nhiệm của đồng chí trưởng ban không chỉ đạo sâu sát, thiếu kiểm tra nhắc nhở.

+ Khi bình nghị xong, không niêm yết danh sách tại trụ sở ấp, xã nên người dân thiếu thông tin trong việc bình xét hộ nghèo dẫn đến khiếu kiện.

- Sau khi lập đoàn kiểm tra nắm rõ sự việc trên, và qua cuộc họp cùng Ban chỉ đạo giảm nghèo của xã, UBND xã nhận thiếu sót đã không kiểm tra kỹ và có ý báo 07 hộ dân chính quyền địa phương sẽ quan tâm hỗ trợ cho các gia đình trên thời gian tới. Năm sau sẽ đưa vào quy trình rà soát lại nếu 07 hộ này chưa vượt qua khó khăn.

- Trong trường hợp, nếu việc bình xét có thể tổ chức xem xét lại, thì các hộ dân không nằm trong diện được xét (như ý kiến phản ánh của dân), phải loại các hộ này ra khỏi danh sách và lấy ý kiến dân một lần nữa trường hợp của 07 hộ dân trên, sau đó báo cáo bổ sung danh sách về cấp trên.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với vai trò Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ấp trong việc bình xét hộ nghèo nhưng tham mưu chưa đến nơi, đến chốn, có yếu tố gia đình người thân. Vì thế Ban chỉ đạo giảm nghèo xã báo cáo lên đảng ủy xã xem xét cho ý kiến kiểm điểm trước dân; đề nghị đưa 03 hộ không đúng đối tượng hộ nghèo ra khỏi danh sách phê duyệt, thu hồi sổ hộ nghèo của 03 hộ trên; bổ sung danh sách hộ nghèo theo đúng đối tượng quy định, tránh bức xúc trong nhân dân.

- *Hướng khắc phục:*

Chủ tịch UBND xã rà soát, theo dõi chỉ đạo chặt chẽ về:

+ Công tác hỗ trợ đối với 07 hộ nghèo như đã hứa.

+ Ban chỉ đạo giảm nghèo xã ghi nhận danh sách của 07 hộ nghèo này và lưu ý cho việc bình xét hộ nghèo năm sau. Trong trường hợp có thể xem xét, điều chỉnh bổ sung kịp thời danh sách 07 hộ dân này thì Chủ tịch UBND xã nên xem xét việc khắc phục sai sót khi bình xét, nhằm kịp thời giải quyết những bức xúc từ trong dân.

+ Tổ chức kiểm điểm trước dân đối với đồng chí Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ấp để người thân, không thuộc đối tượng giảm nghèo vào danh sách trong thời gian sớm nhất.

+ Thực hiện việc đưa 03 hộ không đúng đối tượng nghèo ra khỏi danh sách phê duyệt, sau khi thực hiện phải thông báo cho dân nơi đây nắm. Chú ý: Việc thông báo phải khéo léo, nếu không xảy ra mâu thuẫn của dân cư nơi đây với 3 hộ dân bị đưa ra khỏi danh sách bình xét.

+ Hoàn thành biên bản, thủ tục quá trình xử lý tình huống báo cáo qua Đảng ủy.

+ Ban chỉ đạo giảm nghèo xã rà lại danh sách các hộ được bình xét giảm nghèo của các ấp khác, tiếp tục nắm dư luận từ quần chúng qua việc bình xét các hộ nghèo trên địa bàn xem có trường hợp nào như tình huống đã xảy ra hay không để kịp thời khắc phục, giải quyết. Tránh trường hợp ấp này thấy ấp khác có hộ được hỗ trợ, ấp khác tiếp tục so bì…

- *Tổ chức rút kinh nghiệm:*

+ Lãnh đạo địa phương nhận khuyết điểm trong việc chưa thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát.

+ Ban Chỉ đạo giảm nghèo xã cần thực hiện tốt vai trò triển khai, hướng dẫn quy trình bình xét; bám sát địa bàn phụ trách, thực hiện nghiêm túc việc rà soát đối tượng theo quy định.

+ Bí thư chi bộ đồng thời là trưởng ấp chưa làm hết nhiệm vụ của mình, từ đó dẫn đến những sai phạm trên, nghiêm túc nhận khuyết điểm và rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

24.Tình huống 24

24.1.Mô tả tình huống

Chị M đến UBND xã H để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Qua kiểm tra hồ sơ giấy tờ, công chức Tư pháp - Hộ tịch không thấy có Giấy chứng nhận kết hôn. Theo trình bày của chị M, chị chưa lập gia đình nên không có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, công chức Tư pháp - hộ tịch vẫn không nhận hồ sơ vì thiếu Giấy chứng nhận kết hôn. Chị M gửi đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND xã H. Trong tình huống này, Chủ tịch UBND xã xử lý như thế nào?

24.2. Phân tích tình huống

Tình huống liên quan đến thủ tục khai sinh cho trẻ, cán bộ tư pháp - hộ tịch chưa nghiên cứu kỹ quy định của Luật Hộ tịch và hướng dẫn thi hành luật hộ tịch nên dẫn đến việc khiếu nại không đáng có, làm ảnh hưởng đến uy tín, năng lực thực thi công vụ của công chức xã.

24.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

- *Nguyên nhân:* Năng lực, kỹ năng giải quyết tình huống của công chức tư pháp - hộ tịch còn hạn chế.

Công chức tư pháp - hộ tịch xã chủ quan, máy móc trong áp dụng quy định luật, chưa nghiên cứu kỹ các văn bản hướng có liên quan về Luật hộ tịch.

Chính quyền địa phương chưa thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng giải quyết tình huống, triển khai, tập huấn, cập nhật kiến thức về Luật hộ tịch, hướng dẫn thi hành luật hộ tịch.

- *Hậu quả:*

Ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của người dân đối với chính quyền địa phương; quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

24.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

24.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

- Luật Hộ tịch 2014.

- Nghị định 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hộ tịch

24.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo đúng thủ tục, đảm bảo quyền lợi của công dân

Đảm bảo thủ tục cấp giấy khai sinh và định danh cá nhân cho công dân theo quy định.

24.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

- Phương hướng giải quyết tình huống:

+ Chủ tịch UBND xã tiếp nhận đơn khiếu nại của người dân

+ Yêu cầu công chức - hộ tịch xã kiểm tra quy trình, thủ tục cấp giấy khai sinh và kiểm tra hồ sơ, yêu cầu của công dân có gì thiếu sót, vướng mắc so với quy định.

+ Trong trường công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, báo cáo do thiếu thông tin, hồ sơ, yêu cầu thủ tục theo quy định, chỉ đạo công chức - hộ tịch hướng dẫn rõ ràng, cụ thể cho công dân.

+ Nhưng trong tình huống này, công chức hộ - tịch đã yêu cầu sai quy định. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, căn cứ tại Điều 13 Luật trẻ em. Mọi trẻ em khi sinh ra đều có quyền được khai sinh không kể là con trong giá thú hay con ngoài giá thú.

Thứ hai, căn cứ Điều 9 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, khi đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân cấp xã, người yêu cầu đăng ký khai sinh nộp các giấy tờ theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Luật Hộ tịch, bao gồm:Tờ khai theo mẫu quy định; Giấy chứng sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; Ngoài ra, người yêu cầu đăng ký khai sinh phải xuất trình bản chính một trong các giấy tờ là: hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân; Trường hợp cha, mẹ của trẻ đã đăng ký kết hôn thì còn phải xuất trình giấy chứng nhận kết hôn…

Nhưng trong trường hợp này, chị M chưa đăng ký kết hôn, vì vậy khi đăng ký khai sinh cho con tại Ủy ban nhân dân cấp xã, chị M không phải xuất trình giấy đăng ký kết hôn.

Từ những căn cứ quy định trên, Chủ tịch UBND xã chỉ đạo công chức Tư pháp - Hộ tịch nhanh chóng hoàn thành thủ tục cấp giấy khai sinh theo quy định cho công dân.

- *Hướng khắc phục:*

+ Lãnh đạo địa phương thường xuyên quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức cấp xã.

+ Thường xuyên bồi dưỡng kỹ năng nghiên cứu, giải quyết tình huống liên quan đến thực thi nhiệm vụ được giao.

+ Tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cho công chức chuyên môn.

- *Tổ chức rút kinh nghiệm:*

+ Kiểm điểm công chức Tư pháp - hộ tịch đã chưa thực hiện tốt nhiệm vụ nghiên cứu văn bản chuyên ngành, liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ thực thi công vụ được giao.

+ Lãnh đạo địa phương đã thiếu sót trong việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống, thực thi công vụ.

25. Tình huống 25

25.1.Mô tả tình huống

Q cư trú ở xã A, do biết trên địa bàn xã A chuẩn bị thực hiện dự án quy hoạch khu dân cư. Q muốn biết thông tin về việc thực hiện dự án trên và có đến phòng tiếp công dân tại Uỷ ban nhân dân xã A yêu cầu cung cấp văn bản về việc phê duyệt chủ trương đầu tư. Cán bộ phòng tiếp công dân trả lời: "Dự án quy hoạch khu dân cư không thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND xã nên không thể cung cấp thông tin cho ông Q. Ông Q đã gặp trực tiếp lãnh đạo UBND xã A để yêu cầu được giải quyết và cung cấp thông tin về dự án. Trong tình huống này, lãnh đạo UBND xã xử lý tình huống như thế nào?

25.2. Phân tích tình huống

Tình huống công dân yêu cầu được cung cấp thông tin về quy hoạch dự án khu dân cư trên địa bàn xã. Tuy nhiên cán bộ tiếp công dân chưa nắm rõ Luật tiếp cận thông tin nên đã không giải quyết kịp thời thông tin cho người dân, dẫn đến bức xúc, khiếu nại trực tiếp đến lãnh đạo UBND xã.

25.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

- Nguyên nhân: Trình độ, năng lực cán bộ, công chức cấp xã còn hạn chế.

Năng lực xử lý tình huống của cán bộ, công chức cấp xã, trực tiếp là cán bộ trực tiếp tiếp công dân còn hạn chế.

Chưa chủ động, nắm bắt kịp thời Luật tiếp cận thông tin để giải quyết tình huống và yêu cầu của công dân.

Lãnh đạo địa phương chưa thực hiện tốt vai trò đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, phổ biến những văn bản luật liên quan trực tiếp đến thực thi công vụ tại địa phương.

- Hậu quả:

Ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu và quyền lợi chính đáng của nhân dân; tác động tiêu cực đến tư tưởng, niềm tin của công dân về chủ trương công khai, minh bạch công tác quy hoạch, sử dụng đất của chính quyền địa phương.

25.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo yêu cầu chính đáng của công dân.

25.5. Căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn

- Căn cứ Luật Tiếp công dân 2013.

- Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016.

25.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Đảm bảo giải quyết nhanh chóng, kịp thời yêu cầu của công dân.

Cung cấp thông tin có liên quan về quy hoạch dự án khu dân cư trên địa bàn xã theo yêu cầu và quyền lợi chính đáng của công dân theo quy định trong Luật tiếp cận thông tin 2016.

25.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

- Phương hướng giải quyết tình huống:

+ Chủ tịch UBND xã tiếp nhận thông tin từ công dân.

+ Chỉ đạo bộ phận tiếp công dân thực hiện yêu cầu của công dân theo quy định của Luật tiếp cận thông tin năm 2016.

Căn cứ Điểm h, Khoản 2, Điều 9, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 quy định về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin như sau: "Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do mình và do các cơ quan ở cấp mình tạo ra, thông tin do mình nhận được để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ".

Căn cứ quy định, Uỷ ban nhân dân xã A nhận được văn bản về việc phê duyệt chủ trương quy hoạch dự án khu dân cư thì phải thực hiện công khai, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Q theo quy định hiện hành.

- Hướng khắc phục:

+ Thường xuyên cập nhật thông tin, kiến thức pháp luật liên quan đến công tác thực thi công vụ tại địa phương.

+ Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, xử lý tình huống cho công chức cấp xã để thực thi tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức rút kinh nghiệm:

+ Lãnh đạo địa phương đã thiếu sót trong việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng xử lý tình huống, thực thi công vụ.

+ Cán bộ, công chức tiếp công dân chưa thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu và trả lời công dân, xử lý tốt các tình huống thực tiễn khi công dân có yêu cầu.

2.2.3. Tình huống công tác Mặt trận, đoàn thể

1. Tình huống số 1

1.1. Mô tả tình huống:

Trên địa bàn xã A có 2 nhà thờ là nơi sinh hoạt tôn giáo của bà con giáo dân trong xã và các xã lân cận. Trong thời gian thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, các hoạt động tụ tập đông người đều phải hạn chế, trong đó có các hoạt động hành lễ đông người của các tôn giáo.

Khi cấp ủy, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng tuyên truyền vận động, nhắc nhở các giáo xứ không tụ tập đông người hành lễ để phòng chống dịch Covid-19 thì các linh mục một mặt bày tỏ sẽ chấp hành đúng những yêu cầu của chính quyền, nhưng mặt khác lại cho rằng, sắp đến tuần lễ phục sinh của đạo Thiên chúa, việc hành lễ là theo bổn phận, nhà thờ không kêu gọi nhưng vì nhu cầu, vì đức tin, các con chiên vẫn đến hành lễ, các linh mục không thể cấm đoán và từ chối.

Vì vậy, mấy ngày sau đó, các nhà thờ vẫn mở cửa tổ chức hành lễ và bà con giáo dân đến nhà thờ rất đông gây lo ngại cho nhân dân địa phương.

1.2. Phân tích tình huống:

Việc hành lễ của bà con giáo dân tại các nhà thờ trong xã A vẫn diễn ra mặc dù đang trong thời gian thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19, các hoạt động tụ tập đông người đều phải hạn chế, trong đó có các hoạt động hành lễ đông người của các tôn giáo. Việc hành lễ là bổn phận của giáo dân, tuy nhiên, trong điều kiện dịch bệnh diễn biến phức tạp, có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của nhân dân và sự phát triển của địa phương, đất nước, cần vận động để các chức sắc tôn giáo và giáo dân tự giác, tích cực góp phần phòng chống dịch.

1.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức tác hại của về dịch còn hạn chế, tâm lý chủ quan và quan niệm cứng nhắc về việc hành lễ trong bối cảnh tình hình dịch bệnh phức tạp, từ đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc tập trung đông người hành lễ có thể làm cho tình trạng lây nhiễm dịch bệnh không kiểm soát được, hậu quả khôn lường.

1.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, đảm bảo công tác phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe và an toàn tính mạng cho bà con giáo dân và nhân dân.

1.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

1.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: làm cho bà con giáo dân và các linh mục, chức sắc, chức việc trong các nhà thờ hiểu rõ về tác hại của dịch bệnh, về trách nhiệm của nhân dân trong thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19.

1.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng ủy xã A chỉ đạo các lực lượng chức năng: Cán bộ Mặt trận, cán bộ tôn giao và các đoàn thể cùng với Ban điều hành khu dân cư, Ban công tác Mặt trận và các đoàn thể của khu dân cư phối hợp tiếp cận với các chức sắc tôn giáo, giáo dân trong xã để tìm hiểu tình hình, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các chức sắc và tín đồ tôn giáo.

Tuyên truyền, thuyết phục, vận động linh mục và giáo dân thực hiện tốt các nội dung phòng chống dịch trong tình hình thực tiễn thông qua các hình thức gián tiếp như hệ thống loa truyền thanh của xã, pa nô, áp phích, tập trung một số nội dung sau:

- Tác hại của dịch bệnh; những thông tin thời sự về tình hình dịch bệnh trên thế giới và trong nước.

- Các quy định của Nhà nước đối với công tác phòng, chống dịch COVID-19 hiện nay.

- Các mức xử phạt vi phạm quy định của Nhà nước đối với công tác phòng, chống dịch COVID-19.

- Ảnh hưởng từ thói quen tập trung đông người để làm lễ trong các cơ sở tôn giáo đến vấn đề lây lan dịch bệnh cho các tín đồ của một số tôn giáo trên thế giới như Hàn Quốc, Philipin, Ấn Độ….

- Những xu hướng sinh hoạt tôn giáo trên thế giới trong bối cảnh dịch bệnh như: sống đạo online, làm lễ online…

Tuyên truyền vận động linh mục nhận thức đầy đủ, thực hiện nghiêm các quy định trong phòng chống dịch đồng thời vận động giáo dân không tập trung đông người tại nhà thờ trong thời điểm dịch bệnh.

Trong những trường hợp cần thiết, việc hành lễ có thể được thực hiện nhưng phải đảm bảo quy định về số người tham dự, giãn cách, đeo khẩu trang, sát khuẩn…theo quy định.

Trường hợp các chức sắc, tín đồ vẫn cố ý vi phạm các quy định về phòng, chống dịch, cần xử lý theo quy định của pháp luật.

Cử cán bộ làm công tác tôn giáo của xã tích cực vận động, theo dõi và thuyết phục bà con giáo dân nghiêm túc thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh.

2. Tình huống số 2

2.1. Mô tả tình huống:

Công ty M đóng chân trên địa bàn xã D chăn nuôi lợn theo mô hình công nghiệp. Trong đợt dịch tả lợn Châu Phi, đàn lợn của Công ty bị nhiễm bệnh và chết hàng loạt nhưng Công ty không báo cáo địa phương mà lén lút mang xác lợn chết vứt ra suối gây ô nhiễm môi trường nặng nề; đồng thời lây lan dịch bệnh ra những đàn lợn của các nông hộ trong xã.

2.2. Phân tích tình huống:

Công ty M chăn nuôi lợn, do bị dịch dẫn đến lợn chết hàng loại, công ty M xử lý bằng cách lén lút vứt xác lợn ra sông gây ô nhiễm và lây dịch bệnh ra những đàn lợn khác. Đây là hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, không đảm bảo an toàn phòng dịch trong chăn nuôi. Cần xử lý sự việc đã xảy ra để đảm bảo vệ sinh môi trường sống, đồng thời răn đe những đối tượng có hành vi tương tự.

2.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do ý thức, trách nhiệm của Công ty M chưa cao. Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về xử lý lợn chết từ đó dẫn đến môi trường bị ô nhiễm, hôi thối, lây lan dịch bệnh ra những đàn lợn khác.

2.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, công khai, minh bạch, đạt hiệu quả cao trong công tác phòng chống dịch, đảm bảo lợi ích cho người dân

2.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

+ Căn cứ Luật Thú y, ngày 19/6/2015, cụ thể: khoản 1, điều 25, Luật Thú y 2015 về xử lý ổ dịch bệnh động vật trên cạn.

+ Căn cứ khoản 6 và khoản 10 Điều 5 Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

2.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: có biện pháp khắc phục hậu quả: về môi trường, về những thiệt hại của người chăn nuôi, về dư luận xã hội… Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân.

2.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Trước hết, đặt vấn đề dập dịch và phòng dịch. Khi biết được thông tin về việc làm vi phạm của công ty M, chính quyền địa phương phải khoanh vùng dập dịch, xử lý số lợn chết phù hợp. Phun thuốc phòng ngừa dịch. Tuyên truyền cho nhân dân biết cách phòng chống dịch, yêu cầu khai báo khi đàn lợn của gia đình có những dấu hiệu bất thường. Thứ hai, mời đại diện công ty M lên làm việc, tìm hiểu rõ nguyên nhân về sự việc. Giải thích cho công ty M hiểu những vi phạm ảnh hưởng. Căn cứ vào quy định để xử phạt vừa mang tính răn đe, đồng thời cũng tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của công ty và yêu cầu công ty M khắc phục hậu quả.

UBND xã M cần phải nâng cao trách nhiệm, thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thú y, những quy định về công tác phòng, chống dịch tả lơn châu Phi. Tuyên truyền cho nhân dân, doanh nghiệp chăn nuôi nâng cao nhận thức trong đấu tranh phòng chống dịch và thực hiện nghiêm các quy định của Luật Thú y để tránh

dịch bệnh bùng phát, gây hậu quả. Thực hiện biện pháp xử lý nghiêm minh đối với những trường hợp vi phạm.

Công ty M phải báo cáo với cấp có thẩm quyền (cụ thể UBND xã M) về việc lợn chết vì bị dịch tả châu Phi, để chính quyền có phương hướng khoanh vùng dập dịch, tuyên truyền nhân dân phòng chống dịch, đồng thời xử lý số lợn chết phù hợp.

3. Tình huống số 3

3.1. Mô tả tình huống:

Thôn A xã H tập trung nhiều hộ chăn nuôi gà, chim cút số lượng lớn nên các ban ngành, đoàn thể luôn quan tâm đến công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia cầm. Tháng 9 năm nay, trên địa bàn thôn xuất hiện một số đàn gia cầm dương tính với cúm A/H5N6. Để khoanh vùng dịch bệnh, Trạm chăn nuôi và Thú y huyện tiến hành tiêu hủy gia cầm tại các hộ có gia cầm bị nhiễm bệnh và thực hiện công tác vệ sinh phòng dịch đối với những hộ lân cận. Hầu hết các hộ chăn nuôi hợp tác tốt với các cán bộ thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch.

Tuy nhiên, trong thôn có hộ ông Trần B, một hộ chăn nuôi có đàn gà hơn 3000 con, có một số đã được xác định bị nhiễm bệnh, một số vẫn chưa bị nhiễm bệnh lại có thái độ và hành vi không hợp tác với cán bộ phòng chống dịch. Ông B cho rằng không phải tất cả đàn gà của ông đều bị nhiễm bệnh nên chỉ chấp nhận tiêu hủy những con bị bệnh; ông yêu cầu chính quyền phải hỗ trợ tiền cho số lượng gà bị tiêu hủy ít nhất bằng giá thành của gà...những yêu cầu của ông gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch bệnh đang diễn ra khẩn trương, cấp bách.

3.2. Phân tích tình huống:

Tình hình dịch cúm A/H5N6 ảnh hưởng đến việc chăn nuôi gia cầm ở thôn A xã H. Để phòng chống dịch, trạm chăn nuôi và thú y huyện tiến hành tiêu hủy gia cầm tại các hộ có gia cầm bị nhiễm. Tuy nhiên có hộ ông B không thực hiện theo yêu cầu của trạm chăn nuôi và thú y và có hành vi không hợp tác. Ông chỉ chấp nhận tiêu hủy những con bị bệnh và yêu cầu phải được hỗ trợ tiền số lượng gà bị tiêu hủy với mức giá ông đưa ra. Việc có cá nhân không hợp tác, tích cực trong công tác phòng, chống dịch trong chăn nuôi gây ảnh hưởng đến lợi ích chung của

cộng đồng là hành vi sai trái; tuy nhiên cần giải quyết hài hòa lợi ích tập thể với lợi ích cá nhân để đảm quyền lợi của người dân.

3.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiếu hiểu biết những quy định về công tác phòng chống dịch bệnh khi tổ chức chăn nuôi; thiếu trách nhiệm với cộng đồng; đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích cộng đồng từ đó gây khó khăn cho công tác phòng chống dịch

3.4 Nguyên tắc xử lý tình huống: Xử lý theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo hiệu quả công tác phòng chống dịch, quan tâm đến lợi ích chính đáng của nhân dân.

3.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

+ Mục 5 phụ lục 9 thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31//5/2016 về quy định phòng, chống dịch bệnh động vật.

+ Khoản 4, điều 6 Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y.

3.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: vận động hộ ông B và các hộ dân trong xã chấp hành tốt các quy định phòng chống bệnh **cúm A/H5N6**, không để dịch bệnh lây lan. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân.

3.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Chính quyền xã họp thống nhất bàn bạc biện pháp phòng chống dịch cúm A/H5N6 hiệu quả. Tăng cường tuyên truyền cho nhân dân cùng chung tay phòng chống dịch cúm A/H5N6.

Đối với trường hợp ông B không thực hiện theo quy định: Trước hết, chính quyền và đoàn thể chính trị - xã hội gặp gỡ ông B để nắm bắt tình hình, tuyên truyền giải thích cho người dân hiểu hậu quả của việc lây lan của dịch bệnh, việc thực hiện hỗ trợ cho người dân phải thực hiện theo đúng quy định. Trường hợp ông B và một số hộ khác ko đồng tình thì chính quyền có thể căn cứ Khoản 4, điều 6 Nghị định 90/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y để xử lý vi phạm.

Chính quyền xã cần phải tuyên truyền biện pháp chống dịch cúm A/H5N6 cho nhân dân hiểu. Đồng thời đề cao trách nhiệm của nhân dân tham gia chống dịch cúm A/H5N6.

4. Tình huống số 4

4.1. Mô tả tình huống:

Do ảnh hưởng hoàn lưu cơn bão số 3 gây ra, từ ngày 18 đến ngày 21/9/2017 trên địa bàn xã H của huyện Đ có mưa to gây lụt cục bộ, ngập úng ở nhiều nơi, đặc biệt là ở các khu vực trũng thấp ven sông Đồng Nai, gây thiệt hại nặng nề về tài sản, hoa màu cho bà con nhân dân trong xã. Trong khi mưa lụt xảy ra, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, chính quyền, các lực lượng chức năng đã tích cực tham gia, vận động những người có khả năng tham gia ứng cứu, giúp đỡ nhân dân khắc phục những thiệt hại do bão lụt gây ra. Trong số những người tham gia phòng chống thiên tai, có ông Nguyễn M, là Chi hội trưởng chi hội Cựu chiến binh thôn 4, mặc dù nhà của gia đình ông cũng bị ngập sâu, vợ ông đang bệnh nhưng ông vẫn tích cực, nhiệt tình tham gia giúp đỡ các gia đình bị nạn; nhưng không may, trong khi giúp một hộ gia đình ở gần bờ sông kéo 1 con bò bị ngập nước, ông bị nước cuốn trôi và thiệt mạng.

4.2. Phân tích tình huống:

Ông Nguyễn M, là chi hội trưởng chi hội cựu chiến binh thôn 4, trong đợt bão lụt đã tham gia phòng chống thiên tai, nhưng không may, trong khi giúp một hộ gia đình ở gần bờ sông kéo 1 con bò bị ngập nước, ông bị nước cuốn trôi và thiệt mạng. Sự thiệt hại về tính mạng của cán bộ Hội là không có gì bù đắp được, tuy nhiên, cần động viên, giúp đỡ để gia đình ông M sớm vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

4.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiên tai bão lụt xảy ra cho nên ông Nguyễn M bị nước cuốn trôi và thiệt mạng. Thiệt hại về tài sản của nhân dân.

4.4. Nguyên tắc xử lý tình huống:

Xử lý theo đúng quy định pháp luật, khắc phục kịp thời những hậu qyar của thiên tai, đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân.

4.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Quy định của chính quyền địa phương về hỗ trợ nhân dân về thiệt hại trong thiên tai.

Khoản 5, Điều 7 Pháp lệnh Cựu Chiến binh năm 2005 về quyền lợi của cựu chiến binh.

Khoản 8 Điều 5 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Pháp lệnh số 27/2005.

4.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Khắc phục hậu quả của thiên tai gây ra; Hỗ trợ tối đa cho gia đình cán bộ Hội Cựu chiến binh; Tăng cường khối đại đoàn kết.

4.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND huyện Đ chỉ đạo lực lượng chức năng, chính quyền xã H và nhân dân xã H tìm kiếm thi thể ông M để về tổ chức tang lễ theo đúng quy định hiện hành. Tổ chức chia buồn, động viên, hỗ trợ về vật chất, tinh thần đối với gia đình ông M.

Tiếp tục thực hiện các biện pháp ứng cứu, giúp đỡ nhân dân khắc phục những thiệt hại do bão lụt gây ra.

Vận động, kêu gọi cán bộ, công chức, nhân dân trong và ngoài xã, huyện quyên góp, ủng hộ, hỗ trợ cho nhân dân xã H và gia đình ông M về vật chất, tinh thần.

Về lâu dài, chính quyền xã, Hội Cựu chiến binh xã phải có biện pháp giúp đỡ, tạo điều kiện cho gia đình ông M ổn định đời sống, tạo công ăn việc làm cho vợ, con ông M.

Bài học kinh nghiệm: Trong thiên tai, bão lụt cần có những biện pháp phòng chống thật tốt, hiệu quả tránh thiệt hại về người và tài sản của nhân dân. Phát huy tinh thần đoàn kết, sức mạnh của nhân dân trong phòng chống thiên tai cũng như khắc phục hậu quả, phát huy tinh thần tương thân tương ái, đùm bọc lẫn nhau trong những lúc khó khăn.

5. Tình huống số 5

5.1. Mô tả tình huống:

Chi đoàn X là một chi đoàn đặc thù, đoàn viên công tác phân tán rải rác rất khó tập trung. Để đảm bảo quyền lợi của thanh niên và tiến độ phát triển đoàn viên của chi đoàn, đoàn viên trong chi đoàn đề nghị khi xem xét kết nạp đoàn viên mới, Ban Chấp hành không nhất thiết phải triệu tập hội nghị chi đoàn để xét kết nạp đoàn viên mới, mà chỉ cần Ban Chấp hành chi đoàn xét và Đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y. Nhận thấy đây là nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của đoàn viên nên Bí thư chi đoàn đã lấy biểu quyết và thực hiện nhưng khi trình hồ sơ kết nạp đoàn viên lên Đoàn cấp trên thì không được chấp nhận. Lý do là chưa được sự đồng ý của Đoàn cấp trên. Sự việc khiến đoàn viên chi đoàn rất hoang mang.

5.2. Phân tích tình huống:

Do đoàn viên chi đoàn khó tập trung nên đoàn viên chi đoàn X đề nghị tiến hành việc xem xét kết nạp đoàn viên mới bằng cách Ban Chấp hành chi đoàn xét và Đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y mà không cần phải thông qua hội nghị chi đoàn để xét kết nạp đoàn viên mới. Tuy nhiên khi trình hồ sơ kết nạp đoàn viên lên Đoàn cấp trên thì không được chấp nhận.

5.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Ban chấp hành chi đoàn và đoàn viên không nắm vững quy định của Điều lệ Đoàn dẫn đến công tác kết nạp Đoàn chưa đúng theo các quy định.

5.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, tính nhân văn.

5.5. Mục tiêu xử lý tình huống: Làm cho cán bộ đoàn và đoàn viên hiểu rõ và vận dụng đúng những quy định của Điều lệ Đoàn; bảo vệ lợi ích chính đáng của đoàn viên, thanh niên.

5.6. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thông qua ngày 13/12/2017 quy định: "Trường hợp đặc biệt ở vùng cao, vùng sâu, các đơn vị công tác phân tán không có

điều kiện họp được toàn thể chi đoàn, nếu được đoàn cấp trên đồng ý thì việc xét kết nạp có thể do ban chấp hành chi đoàn xét và đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y".

5.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Trong trường hợp này, do tình hình đặc thù của chi đoàn rất khó khăn trong việc tập trung đoàn viên nên căn cứ theo quy định của Điều lệ Đoàn, khi xem xét kết nạp đoàn viên, Ban chấp hành chi đoàn xét và đoàn cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Tuy nhiên, để thực hiện theo cách thức này, Điều lệ Đoàn cũng quy định rõ là phải "được đoàn cấp trên đồng ý", tức là Bí thư chi đoàn phải xin ý kiến của cấp trên và được sự đồng ý của Đoàn cấp trên. Việc Đoàn cấp trên không được chấp nhận là do Bí thư chi đoàn chưa thực hiện đầy đủ quy định của Điều lệ Đoàn trong việc thực hiện quy trình, thủ tục xem xét kết nạp Đoàn viên.

Ban chấp hành chi đoàn cần thực hiện đúng quy định của Điều lệ đoàn, cần thực hiện việc xin ý kiến và được sự chấp thuận của Đoàn cấp trên về việc không triệu tập hội nghị đoàn viên khi xem xét kết nạp đoàn viên mới.

Ban chấp hành chi đoàn cần rút kinh nghiệm, nắm vững các nghiệp vụ công tác Đoàn để thực hiện đúng.

6. Tình huống số 6

6.1. Mô tả tình huống:

Chị Trần Thanh X được Công ty A tuyển dụng làm việc ở vị trí chuyên viên tổng hợp, hành chính. Hợp đồng lao động giữa chị X với Công ty A có điều khoản ghi: "Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày bắt đầu làm việc, người lao động không được lấy chồng và sinh con". Sau khi làm việc được 2 năm 8 tháng, chị X kết hôn và có thai, Giám đốc Công ty A đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với chị X vì chị đã vi phạm các điều khoản được cam kết trong hợp đồng lao động. Chị X đã yêu cầu Công đoàn Công ty đứng ra bảo vệ quyền lợi của người lao động.

6.2. Phân tích tình huống:

Có sự mâu thuẫn giữa chị X và ban giám đốc công ty A về các nội dung trong hợp đồng lao động nên chị X yêu cầu công đoàn công ty đứng ra bảo vệ.

6.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Nhận thức về các quy định của pháp luật của người sử dụng và người lao động chưa đầy đủ dẫn đến quyền lợi của người lao động bị vi phạm, mâu thuẫn giữa người sử dụng và người lao động diễn ra gay gắt.

6.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, tính minh bạch, đảm bảo lợi ích cho người lao động.

6.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 15; khoản 1, Điều 36; Điều 41; điểm b, Khoản 1, Điều 49 Bộ luật Lao động 2019

6.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các lao động.

6.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Công đoàn cần đóng vai trò trung gian hòa giải, thuyết phục Ban giám đốc điều chỉnh lại nội dung của hợp đồng lao động đối với chị X, tạo điều kiện để chị X sinh con và quay trở lại làm việc, bởi lẽ:

Khoản 2, Điều 5, Bộ luật Lao động 2019 quy định nguyên tắc ký kết hợp đồng lao động là "Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội". Như vậy, hợp đồng lao động trước hết là sự thỏa thuận của các bên, mà sự thỏa thuận này phải tự nguyện và không trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.

Khoản 2, Điều 36, Hiến pháp Việt Nam năm 2013 quy định: "Nhà nước…bảo hộ quyền lợi của người mẹ…" và khoản 4, Điều 2, Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình". Theo đó, khi hợp đồng lao động của chị X ghi nhận cam kết chị X không sinh con trong 3 năm đầu thực hiện hợp đồng vừa trái với đạo đức xã hội, vừa trái với Hiến pháp và Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1, Điều 36, BLLĐ năm 2019 quy định về những trường hợp người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thì lý do công ty chấm dứt hợp đồng lao động với chị X là vì chị vi phạm cam kết không kết hôn và sinh con trong 3 năm đầu vào làm việc là không có căn cứ.

Nếu Công ty vẫn không thay đổi quyết định thì Công đoàn cần yêu cầu Công ty phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị X được quy định tại Điều 41 của BLLĐ năm 2019. Nếu không, chị X có thể khởi kiện Công ty vì đã chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật đối với chị X.

Công đoàn Công ty cần tăng cường công tác giám sát việc ký kết hợp đồng lao đồng, thỏa ước tập thể giữa Công ty và người lao động để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

Tuyên truyền cho người sử dụng lao động và người lao động hiểu biết đầy đủ về pháp luật lao động.

7. Tình huống số 7

7.1. Mô tả tình huống:

Tháng 01/2010, chị Lê Hồng K ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công việc được giao là kế toán viên tại Công ty A. Đến tháng 01/2020, Giám đốc Công ty có trao đổi về việc chuyển chị K từ vị trí kế toán sang làm thủ quỹ của Công ty. Chị K chưa có ý kiến gì thì sau đó, Giám đốc công ty đã ra quyết định chuyển công tác cho chị. Chị K không đồng ý với quyết định của Giám đốc và đã bị Giám đốc Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn với lý do "Chị K không chấp hành sự điều động của Giám đốc, như vậy là không hoàn thành nhiệm vụ được phân công".

Chị K đã nhờ Công đoàn Công ty can thiệp bảo vệ quyền lợi của mình.

7.2. Phân tích tình huống:

Giám đốc Công ty ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn khi chị K không đồng ý chuyển từ vị trí kế toán sang làm thủ quỹ theo ý kiến của giám đốc.

7.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do không thực hiện đúng các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động dẫ đến có sự mâu thuẫn giữa chị K và giám đốc công ty.

7.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho người lao động và người sử dụng lao động.

7.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 29, 33 Bộ luật lao động 2019

Điều 10. Luật Công đoàn 2012

Nghị định Số: 43/2013/NĐ-CP ngày 10 tháng 05 năm 2013 quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

7.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các lao động. Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân.

7.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Cán bộ Công đoàn tìm hiểu tình hình, tâm tư, nguyện vọng của chị K và những nguyên nhân thực sự dẫn đến sự việc.

Giải thích cho giám đốc công ty rõ: về Điều 29 Bộ luật lao động 2019 quy định về việc chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động với các nội dung cụ thể:

(1). Khi gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh nguy hiểm, áp dụng biện pháp ngăn ngừa, khắc phục tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố điện, nước hoặc do nhu cầu sản xuất, kinh doanh thì người sử dụng lao động được quyền tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động nhưng không được quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm; trường hợp chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm thì chỉ được thực hiện khi người lao động đồng ý bằng văn bản.

Người sử dụng lao động quy định cụ thể trong nội quy lao động những trường hợp do nhu cầu sản xuất, kinh doanh mà người sử dụng lao động được tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động.

(2). Khi tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác so với hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều này, người sử dụng lao động phải báo cho người lao động biết trước ít nhất 03 ngày làm việc, thông báo rõ thời hạn làm tạm thời và bố trí công việc phù hợp với sức khỏe, giới tính của người lao động.

(3). Người lao động chuyển sang làm công việc khác so với hợp đồng lao động được trả lương theo công việc mới. Nếu tiền lương của công việc mới thấp hơn tiền lương của công việc cũ thì được giữ nguyên tiền lương của công việc cũ trong thời hạn 30 ngày làm việc. Tiền lương theo công việc mới ít nhất phải bằng 85% tiền lương của công việc cũ nhưng không thấp hơn mức lương tối thiểu.

(4). Người lao động không đồng ý tạm thời làm công việc khác so với hợp đồng lao động quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm mà phải ngừng việc thì người sử dụng lao động phải trả lương ngừng việc theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật này

Trong trường hợp trên, việc chuyển chị K đang làm kế toán sang làm thủ quỹ, bản chất là thay đổi nội dung hợp đồng lao động về công việc phải làm. Sự thay đổi này chỉ được coi là hợp pháp nếu Giám đốc Công ty trao đổi trước với chị K và được sự đồng ý của chị K. Đồng thời phải nói rõ những nội dung về thời gian thay đổi là tạm thời hay lâu dài; mức lương được hưởng.

Nếu việc điều chuyển có tính lâu dài thì công ty phải thực hiện việc Sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 33, Luật Lao động 2019.

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng lao động

(1). Trong quá trình thực hiện hợp đồng lao động, nếu bên nào có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động thì phải báo cho bên kia biết trước ít nhất 03 ngày làm việc về nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

(2). Trường hợp hai bên thỏa thuận được thì việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng lao động hoặc giao kết hợp đồng lao động mới.

(3). Trường hợp hai bên không thỏa thuận được việc sửa đổi, bổ sung nội dung hợp đồng lao động thì tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động đã giao kết.

Tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa đại diện lãnh đạo công ty, chị K và Công đoàn Công ty để trao đổi cởi mở. Nếu nhu cầu của Công ty và nguyện vọng của chị K là thỏa đáng thì tiếp tục thực hiện các bước bổ sung hợp đồng lao động. Nếu chị K không đồng ý chuyển công việc mà nghỉ việc thì công ty phải trả lương ngừng việc theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật lao động.

Cán bộ Công đoàn cần thường xuyên theo sát, nắm bắt tình hình và kịp thời bảo về quyền lợi của người lao động.

8. Tình huống số 8

8.1. Mô tả tình huống:

Công ty A quy định chế độ làm việc của người lao động là 9 giờ/ngày, riêng này thứ 7 làm 1 buổi sáng từ 7h30 đến 10h30. Việc này khiến nhiều người lao động trong Công ty cảm thấy bức xúc nhưng không lên tiếng. Khi Liên đoàn lao động tỉnh tổ chức đối thoại với Bí thư tỉnh ủy thì một công nhân mới có ý kiến cho rằng "Công ty đang bóc lột sức lao động của công nhân vì theo quy định của Nhà nước, mỗi ngày chỉ phải làm việc 8 giờ mà Công ty lại bắt công nhân làm việc 9 giờ" và yêu cầu Công đoàn phải can thiệp.

8.2. Phân tích tình huống:

Nhiều người lao động bức xúc vì quy định thời gian làm việc của công ty là 10 tiếng 1 ngày nhưng không lên tiếng. Khi Liên đoàn lao động tỉnh tổ chức đối thoại với Bí thư tỉnh ủy thì mới có ý kiến.

8.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do chưa hiểu biết đầy đủ những quy định của pháp luật về thời gian lao động; chưa có sự thẳng thắn trong quá trình làm việc giữa các bên liên quan, công đoàn cơ sở chưa kịp thời lắng nghe tâm tư nguyện vọng của người lao động. Do

đó xảy ra những bức xúc của công nhân bị dồn nén, có nguy cơ bùng phát nếu không giải quyết thích đáng.

8.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho người lao động và người sử dụng lao động.

8.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 105 Bộ luật lao động 2019 quy định về thời giờ làm việc bình thường.

Thỏa ước lao động tập thể (nếu có).

8.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các lao động và của người sử dụng lao động.

8.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Công đoàn gặp gỡ, tìm hiểu tình hình. Nói rõ cho những lao động có ý kiến phản đối quy định giờ làm việc của công ty về quy định của pháp luật (Điều 105 Bộ luật lao động 2019):

Điều 105. Thời giờ làm việc bình thường

(1). Thời giờ làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần.

(2). Người sử dụng lao động có quyền quy định thời giờ làm việc theo ngày hoặc tuần nhưng phải thông báo cho người lao động biết; trường hợp theo tuần thì thời giờ làm việc bình thường không quá 10 giờ trong 01 ngày và không quá 48 giờ trong 01 tuần.

Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ đối với người lao động.

(3). Người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm giới hạn thời gian làm việc tiếp xúc với yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại đúng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và pháp luật có liên quan.

Căn cứ Luật lao động, Công ty thực hiện đúng quy định giờ làm việc trong tuần không quá 48 tiếng. (Có thể căn cứ thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể - nếu có)

Nếu người lao động không đồng ý làm việc ngày 9 giờ, có thể kiến nghị lên lãnh đạo công ty để điều chỉnh giờ làm theo nguyện vọng của lao động nhưng công ty có quyền quy định giờ làm trong phạm vi 48 giờ/tuần.

Xem xét việc ký kết thỏa ước lao động giữa người lao động và công ty.

Tăng cường việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, diễn biến tâm trạng của người lao động để kịp thời hỗ trợ, giải quyết.

9. Tình huống số 9

9.1. Mô tả tình huống

Nhận thấy hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp và chị A thỏa thuận về tiền lương của chị A thấp hơn mức lương thấp nhất của người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp S vừa mới được ký kết và có hiệu lực, một ủy viên Ban chấp hành công đoàn cơ sở của doanh nghiệp đã hướng dẫn cho chị A thỏa thuận lại với người sử dụng lao động về tiền lương của chị trong hợp đồng lao động. Giám đốc doanh nghiệp đã phê bình tổ chức công đoàn can thiệp quá sâu vào công việc của Ban lãnh đạo vì cho rằng việc ký kết hợp đồng lao động là việc giữa chị A và doanh nghiệp, không liên quan đến công đoàn.

Giám đốc doanh nghiệp đã phê bình tổ chức công đoàn can thiệp quá sâu vào công việc của Ban lãnh đạo vì cho rằng việc ký kết hợp đồng lao động là việc giữa chị A và doanh nghiệp, không liên quan đến công đoàn.

9.2. Phân tích tình huống:

Ban chấp hành Công đoàn hướng dẫn cho chị A thỏa thuận lại với người sử dụng lao động về tiền lương của chị trong hợp đồng lao động dẫn đến xảy ra mâu thuẫn giữa ban giám đốc và công đoàn.

9.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Người lao động chưa nhận thức rõ quyền lợi của mình; Giám đốc doanh nghiệp chưa hiểu rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức Công đoàn dẫn đến xảy ra mâu thuẫn giữa ban giám đốc và công đoàn.

9.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho người lao động và người sử dụng lao động.

9.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật Công đoàn Việt Nam năm 2012

Nghị định số 43/2013/NĐ-CP, ngày 10 tháng 05 năm 2013

Điều 15, 79 Bộ Luật lao động năm 2019

9.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan.

9.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Căn cứ khoản 1, Điều 10, Luật Công đoàn quy định quyền và trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và khoản 3, Điều 3, Nghị định số 43/2013/NĐ-CP, ngày 10 tháng 05 năm 2013, quy định chi tiết thi hành Điều 10 của Luật công đoàn về quyền, trách nhiệm của công đoàn trong việc đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động quy định thì một ủy viên Ban chấp hành công đoàn cơ sở của doanh nghiệp đã hướng dẫn cho chị A thỏa thuận lại với người sử dụng lao động về tiền lương của chị trong hợp đồng lao động là hoạt động nằm trong quyền và trách nhiệm của công đoàn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. Do vậy, việc Giám đốc công ty đã phê bình tổ chức công đoàn can thiệp quá sâu vào công việc của Ban lãnh đạo vì cho rằng việc ký kết hợp đồng lao động là việc giữa chị A và công ty, không liên quan đến công đoàn là không có căn cứ pháp luật

Căn cứ Điều 15 của Bộ Luật lao động năm 2019, hợp đồng lao động "không được trái pháp luật, thỏa ước lao động tập thể và đạo đức xã hội" và khoản 2, Điều 79, Bộ Luật lao động năm 2019: "Trường hợp quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên trong hợp đồng lao động đã giao kết trước ngày thỏa ước lao động tập thể có hiệu lực thấp hơn quy định tương ứng của thỏa ước lao động tập thể thì phải thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể. Quy định của người sử dụng lao động chưa phù hợp với thỏa ước lao động tập thể thì phải được sửa đổi cho phù hợp; trong

thời gian chưa sửa đổi thì thực hiện theo nội dung tương ứng của thỏa ước lao động tập thể" thì:

Khi tiền lương của chị A trong hợp đồng lao động đã được ký kết trước đó giữa chị và Công ty thấp hơn mức lương thấp nhất của người lao động được quy định trong Thỏa ước tập thể vừa mới ký kết và có hiệu lực của doanh nghiệp thì tiền lương của chị A phải được thực hiện theo quy định của thỏa ước lao động tập thể kể từ thời điểm thỏa ước có hiệu lực.

Hai bên – chị A và doanh nghiệp phải tiến hành thỏa thuận để sửa đổi điều khoản về tiền lương của chị H trong hợp đồng lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp có hiệu lực. Và mức lương đó ít nhất cũng phải bằng hoặc cao hơn mức lương thấp nhất của người lao động trong doanh nghiệp được quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên trao đổi, giải thích với lãnh đạo Công ty về các quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện quyền của người lao động và của doanh nghiệp.

10. Tình huống số 10

10.1. Mô tả tình huống:

Thực hiện chủ trương sắp xếp lại, tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong ngành giáo dục, một số điểm trường nhỏ lẻ trên địa bàn xã P sẽ được sáp nhập lại trong năm học 2018-2019. Nhận được thông tin này, rất nhiều phụ huynh có con em theo học tại các điểm trường lẻ trên địa bàn xã P không đồng tình. Nguyên nhân là, đa số các hộ dân trong khu vực là công nhân cạo mủ cao su, thời gian làm việc khá căng thẳng nên họ ít có thời gian đưa đón con em đi học. Các điểm trường lẻ tương đối gần nhà, các cháu có thể tự đi bộ hoặc đi xe đạp đến trường, hoặc đưa đón cũng thuận tiện, nay nếu nhập các điểm lẻ vào trường chính, quãng đường đi học của các cháu sẽ khá xa, nếu không đưa đón con đi học thì không yên tâm nhưng nếu đưa đón thì ảnh hưởng đến việc mưu sinh của gia đình.

Để biểu thị sự phản đối, nhiều phụ huynh đã không cho con đi học. Phần lớn học sinh các điểm trưởng lẻ đều nghỉ học nhiều ngày.

10.2. Phân tích tình huống:

Để biểu thị sự phản đối việc sáp nhập các điểm trường lẻ, nhiều phụ huynh học sinh của xã P đã không cho con đi học nhiều ngày. Tình trạng này xuất phát từ việc nhân dân chưa hiểu đầy đủ chủ trương, chính sách; công tác vận động, tuyên truyền chưa tốt, cần đưa ra biện pháp xử lý để giải quyết hài hòa các mối quan hệ.

10.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Nhân dân chưa hiểu đầy đủ chủ trương, chính sách; công tác vận động, tuyên truyền chưa tốt… từ đó phụ huynh học sinh phản đối chủ trương; học sinh nghỉ học ảnh hưởng đến quyền học hành của các em; an ninh trật tự xã hội bị ảnh hưởng…

10.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho nhân dân.

10.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật Trẻ em (Khoản 6, Điều 6; Điều 16) và Luật Giáo dục (Điều 13, khoản 3, Điều 16)

10.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Phụ huynh học sinh đồng ý cho con em đến trường; những khó khăn trong việc học sinh đến trường được giải quyết; an ninh trật tự trên địa bàn được bảo đảm.

10.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức, đoàn thể, cán bộ, đảng viên tăng cường tuyên truyền, giải thích để nhân dân hiểu, cho con, em mình đến trường học.

Giải thích cho phụ huynh học sinh việc buộc con em nghỉ học dài ngày, học sinh sẽ bị rỗng kiến thức và có nguy cơ lưu ban. Chưa kể đến việc trong thời gian nghỉ học, gia đình không quản lý, giám sát con thường xuyên có thể khiến các em bị dụ dỗ, lôi kéo dẫn đến chán học, bỏ học...

Bên cạnh đó, những vết cắt tâm lý về việc bị ép nghỉ học và chứng kiến bố, mẹ không tuân thủ pháp luật chắc chắn sẽ ảnh hưởng nặng nề đến con trẻ. Việc ngăn cản con em đến trường là hành vi vi phạm pháp luật.

Đảm bảo công tác giữ gìn an ninh trật tự không để các phần tử xấu lợi dụng tình hình xúi giục, kích động gây rối loạn.

Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét việc sáp nhập trường thật sự hợp lý.

Đề xuất các giải pháp hỗ trợ phụ huynh khắc phục khó khăn trong việc đưa đón con em (tổ chức xe đưa đón học sinh, sửa chữa đường, tổ chức lớp học bán trú…)

11. Tình huống số 11

11.1. Mô tả tình huống:

Xã S có một phần diện tích nằm trong khu vực lòng hồ thủy điện Y. Thời gian gần đây xuất hiện một số người dân lạ mặt làm nghề đánh bắt thủy sản, sinh sống thành từng gia đình trên những chiếc thuyền trên mặt nước lòng hồ. Qua tiếp cận tìm hiểu, cán bộ địa phương biết được đây là những người Việt Nam từ Campuchia theo con nước đánh bắt tôm cá mưu sinh trôi dạt về. Họ chỉ biết nói tiếng Việt mà không biết chữ, không có giấy tờ tùy thân (hoặc giấy tờ tùy thân do chính quyền Campuchia cấp) và có nguyện vọng sinh sống trên khu vực mặt nước tại địa phương.

Thời gian gần đây xuất hiện một số người dân lạ mặt làm nghề đánh bắt thủy sản, sinh sống thành từng gia đình trên những chiếc thuyền trên mặt nước lòng hồ. Qua tiếp cận tìm hiểu, cán bộ địa phương biết được đây là những người Việt Nam từ Campuchia theo con nước đánh bắt tôm cá mưu sinh trôi dạt về. Họ chỉ biết nói tiếng Việt mà không biết chữ, không có giấy tờ tùy thân (hoặc giấy tờ tùy thân do chính quyền Campuchia cấp) và có nguyện vọng sinh sống trên khu vực mặt nước tại địa phương.

11.2. Phân tích tình huống:

Một số không có Quốc tịch Việt Nam có nguyện vọng sinh sống trên khu vực mặt nước lòng hồ thủy điện Y tại địa phương. Tình trạng này tiềm ẩn những yếu tố gây phức tạp tình hình an ninh trật tự, gây khó khăn trong quản lý xã hội của chính quyền địa phương.

11.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Một số người dân lạ mặt làm nghề đánh bắt thủy sản sinh sống trên mặt nước lòng hồ Y chưa có thông tin về nhân thân, hộ khẩu...Ảnh hưởng đến công tác quản lý trật tự xã hội.

11.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho người dân, đảm bảo ổn định trật tự cho địa phương.

11.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 8 của Luật Quốc tịch Việt Nam.

Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

Các văn bản của Tỉnh

Điều kiện, tình hình của địa phương (quỹ đất, dân số…)

11.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo tính nhân văn.

11.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Ban công tác Mặt trận của khu dân cư nơi có số người dân sinh sống phối hợp cùng Ban điều hành khu dân cư, các tổ chức đoàn thể tiếp cận, nắm bắt tình hình, tìm hiểu xem họ có giấy tờ tùy thân gì, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của những người dân này.

Báo cáo với chính quyền, với các cơ quan, tổ chức đoàn thể cấp trên để có sự chỉ đạo kịp thời, sát sao.

Bước đầu, thường xuyên gặp gỡ, thăm hỏi, động viên người dân, có thể cử cán bộ cốt cán của các tổ chức đoàn thể (nhất là Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân) đến giúp người dân hình thành các tổ, nhóm để tuyên truyền, động viên người dân yên tâm, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Căn cứ vào Điều 8 Luật Quốc tịch quy định: "Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tạo điều kiện cho trẻ em sinh ra trên lãnh thổ Việt Nam đều có quốc tịch và những người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam được nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật này", chính quyền xã kiến nghị, đề xuất với

cơ quan có thẩm quyền cấp trên các phương án hỗ trợ, sắp xếp cho người dân nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Đối với người dân trở về từ Campuchia sinh sống ổn định tại xã, không có giấy tờ tùy thân, có nguyện vọng xin nhập quốc tịch Việt Nam, xã kiến nghị huyện đề nghị sở Tư Pháp phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh trình Chủ tịch nước quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

Sau khi có quốc tịch, các cơ quan chức năng tiến hành đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp giấy chứng minh nhân dân để được hưởng quyền công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Đối với những người dân có giấy tờ tùy thân, có quốc tịch do nhà nước Campuchia cấp cần hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện các thủ tục pháp lý để họ đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam. (Người Campuchia gốc Việt có quốc tịch Campuchia thì phải thôi quốc tịch trước khi làm hồ sơ xin nhập tịch Việt Nam; Người Campuchia kết hôn với người Việt thì làm hồ sơ xin nhập tịch theo diện có vợ/chồng/con là người Việt..)

12. Tình huống số 12

12.1. Mô tả tình huống:

Khu dân cư N tổ chức họp dân để bàn, quyết định về chủ trương làm đường bê tông trong nội bộ khu dân cư. Qua bàn bạc về quy cách đường và dự toán kinh phí thì mỗi hộ phải đóng góp 1 triệu đồng, chủ yếu là chi cho nhân công làm đường, vật liệu xây dựng do nhà nước hỗ trợ. Các hộ dân đều nhất trí, không ai có ý kiến khác. Tuy nhiên khi triển khai thu tiền, có 8/46 hộ không thực hiện với các lý do sau: 4 hộ là công nhân làm việc tại công ty may mặc đang nghỉ chờ việc, gia đình gặp khó khăn về kinh tế, 3 hộ thuộc diện nghèo nên không có tiền đóng góp và 1 hộ là hai vợ chồng già neo đơn trên 70 tuổi. Việc này đã khiến một số hộ khác cũng tìm cách "dây dưa", không tích cực thực hiện chủ trương chung, làm chậm tiến độ của công trình.

12.2. Phân tích tình huống:

Một số hộ dân khó khăn không thực hiện việc đóng góp tiền làm đường giao thông nội bộ khu dân cư, dẫn đến một số hộ khác trong khu dân cư không tích cực thực hiện chủ trương chung, làm chậm tiến độ của công trình. Tình huống xảy ra khá phổ biến trong quá trình vận động xây dựng cơ sở hạ tầng

12.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục chưa đến nơi đến chốn; việc nắm bắt tình hình, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của các hộ dân chưa đầy đủ dẫn đến một số hộ dân khó khăn không thực hiện từ đó một số hộ khác trong khu dân cư không tích cực thực hiện chủ trương chung, làm chậm tiến độ của công trình.

12.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính tính pháp lý, tính minh bạch, tính lợi ích của các hộ gia đình và của khu dân cư.

12.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Quyết định 1600/QĐ-TTg năm 2016 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Công văn 10589/BTC-NSNN năm 2015 hướng dẫn phân bổ nguồn ngân sách nhà nước và huy động nguồn ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Hương ước của khu dân cư (nếu có)

12.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, tính giáo dục và tính nhân văn.

12.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Căn cứ một số quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là: Điểm g, khoản 5, mục V Quyết định 1600/QĐ-TTg năm 2016 ghi rõ: Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Điểm b, mục 2 Công văn 10589/BTC-NSNN năm 2015 chỉ rõ: Việc xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã, phải căn cứ vào khả năng nguồn vốn của ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn huy động và khả năng đóng góp của doanh nghiệp, người dân để xác định lộ trình xây dựng nông thôn mới phù hợp, không nóng vội chạy theo thành tích. Việc huy động đóng góp phải tùy thuộc vào khả năng, hoàn cảnh cụ thể của từng vùng, từng địa phương, không quy định cứng nhắc tỷ lệ chi của nhà nước và đóng góp của nhân dân. Việc huy động đóng góp của người dân phải được bàn bạc dân chủ và phải được sự đồng tình của người dân. *Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không giao chỉ tiêu huy động, không gắn việc đóng góp với việc cung cấp các dịch vụ công mà người dân được hưởng; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp. Đồng thời, phải tăng cường tuyên truyền để người dân hiểu và tự nguyện tham gia.*

Chi bộ chỉ đạo Trưởng khu dân cư phối hợp với Ban công tác Mặt trận và các đoàn thể gặp gỡ các hộ dân chưa thực hiện chủ trương đóng góp kinh phí. Tìm hiểu lý do tại sao khi họp dân những hộ gia đình này không có ý kiến; tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của các hộ xem họ không có khả năng đóng góp, có khả năng đóng góp một phần, hoặc có khả năng đóng góp với hình thức khác…hay không.

Sau đó tổ chức họp khu dân cư để bàn bạc về chủ trương đóng góp kinh phí trên tinh thần kêu gọi sự tự nguyện của nhân dân vì lợi ích chung của khu dân cư.

Giải thích rõ cho các hộ dân về chủ trương của Nhà nước về việc *"không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp".* Tuy nhiên, để hài hòa các mối quan hệ trong khu dân cư, động viên, thuyết phục 4 hộ công nhân đang nghỉ chờ việc và 03 hộ nghèo có thể đóng góp ngày công trong quá trình làm đường (được tính công theo giá thị trường lao động). Riêng hộ người già, không yêu cầu đóng góp nếu gia đình không có khả năng, không tự nguyện đóng góp.

Đối với những hộ khác, động viên nhân dân sớm thực hiện việc đóng góp kinh phí để hoàn thành đúng tiến độ công trình của khu dân cư.

Cán bộ khu dân cư cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục nhân dân; cần nắm bắt đầy đủ điều kiện, tình hình của nhân dân, tâm tư, nguyện vọng của dân trong tất cả mọi hoạt động.

Báo cáo với chính quyền xã tiến độ vận động, thu kinh phí do nhân dân đóng góp; tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động làm đường giao thông để có cơ sở báo cáo với chính quyền và thông tin cho nhân dân việc thu, chi kinh phí.

13. Tình huống số 13

13.1. Mô tả tình huống:

Bà Thị M là nghệ nhân dệt vải thổ cẩm nổi tiếng, đã đứng ra thành lập và làm Chủ nhiệm Hợp tác xã dệt may thổ cẩm xã A, vừa góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng chục chị em phụ nữ trong xã, được chị em rất tín nhiệm. Chuẩn bị Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã nhiệm kỳ tiếp theo, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã muốn giới thiệu bà M tham gia vào Ủy ban MTTQ xã khóa mới nhưng bà M từ chối vì lý do bà là phụ nữ, ít học lại không phải là đảng viên. Trường hợp này cần giải quyết như thế nào?

13. 2. Phân tích tình huống:

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã muốn giới thiệu bà M vào Ủy ban MTTQ xã khóa mới nhưng bà M từ chối vì lý do bà là phụ nữ, ít học lại không phải là đảng viên. Đây là tình huống phổ biến khi nhận thức của nhân dân nói chung và của phụ nữ nói riêng về vai trò, vị trí của phụ nữ còn hạn chế; đồng thời hiểu biết về tổ chức Mặt trận vẫn chưa đầy đủ.

13.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Công tác tuyên truyền cho đối tượng (bà M - là cá nhân tiêu biểu của địa phương) chưa tốt; cá nhân bà M chưa nắm bắt đầy đủ chủ trương, đường lối/ hoặc cá nhân chưa thật sự mong muốn tham gia vào MTTQ.

Từ đó cá nhân bà M chưa sẵn sàng tự nguyện tham gia vào MTTQ.

13.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho nhân dân (bà M và người dân trong xã A).

13.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 22, Điều 24 Điều lệ MTTQ Việt Nam khóa VIII;

Thông tri số 28 TT-MTTW-BTT ngày 06/02/2018 Hướng dẫn Đại Hội MTTQVN các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc MTTQVN lần thứ IX, nhiệm kỳ 2019-2024 (Mục II, điểm 3, ý 3.1 về tiêu chuẩn chung của Ủy viên Ủy ban MTTQ các cấp; Mục II, điểm 3, ý 3.3 về cơ cấu thành phần Ủy ban MTTQ các cấp).

13.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Làm cho nhân dân nói chung, bà M nói riêng hiểu rõ những quy định về tiêu chuẩn, trách nhiệm và quyền lợi trong việc tham gia vào MTTQ.

13.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Nếu bà Thị M là cá nhân thật sự tiêu biểu, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ xã A cần:

Xem xét, kiểm tra, tìm hiểu, nắm bắt một số tình hình sau:

Bà Thị M có là hội viên của các tổ chức Hội hay không (Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, …);

Hoàn cảnh gia đình, những người có tác động tích cực đến bà M;

Nguyên nhân thực sự khiến bà M từ chối tham gia vào Ủy ban MTTQ xã.

Nếu bà Thị M là hội viên của tổ chức Hội thì phối hợp với tổ chức (nhất là Hội Liên hiệp Phụ nữ xã) tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà về một số vấn đề:

Nói rõ về tiêu chuẩn của Ủy viên MTTQ Việt Nam;

Nói rõ về định hướng cơ cấu các thành phần trong Ủy ban MTTQ xã;

Động viên, khuyến khích bà M tự tin và mạnh dạn tham gia vào Ủy ban MTTQ xã.

Cử cán bộ có kinh nghiệm và năng lực tốt theo dõi, giúp đỡ bà M.

Tuy nhiên, nếu bà M vẫn không đồng ý tham gia vào Ủy ban MTTQ Việt Nam xã A thì phải tôn trọng nguyện vọng của bà.

Cán bộ Mặt trận phải thường xuyên tuyên truyền về chính sách, Điều lệ Mặt trận; nắm bắt tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân, nhất là những cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng, có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ để họ phát triển thành những nhân tố tích cực trong công tác Mặt trận.

14. Tình huống số 14

13.1. Mô tả tình huống:

Ấp 3A, xã T chuẩn bị tiến hành bầu trưởng ấp. Có 02 ứng cử viên được đề cử trong danh sách là ông Nguyễn Thành A, 52 tuổi, trình độ văn hóa 9/12 và chị Trần Thị B, 37 tuổi, trình độ Trung cấp Nông nghiệp. Trong khi mọi người đang cân nhắc, xem xét giữa các ứng cử viên thì ông Nguyễn Thành N, anh trai ông A liên tục gặp gỡ nhiều người, bàn luận, gièm pha rằng chị B là "đàn bà con gái" "trẻ ranh" nên không thể bầu làm trưởng ấp để "đè đầu cưỡi cổ" đàn ông con trai trong ấp được. Vì vậy nên cần phải tập trung bỏ phiếu cho ông A. Bên cạnh đó, anh Nguyên Văn H, chồng chị B, là giáo viên trường THCS xã T cũng không ủng hộ vợ tham gia công tác nên thường xuyên gặp gỡ nhiều người nói xấu, kêu gọi không bỏ phiếu cho chị B.

14.2. Phân tích tình huống:

Ông Nguyễn Thành N, anh trai ông Nguyễn Thành A và anh Nguyễn Văn H, chồng chị B có hành vi nói xấu, xúi giục người khác không bỏ phiếu bầu cử trưởng ấp cho chị B vì những quan niệm lạc hậu và nhận thức hạn chế về vai trò, vị trí của phụ nữ.

14.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do đố ky, muốn tranh giành vị trí trưởng ấp cho người thân (ông H); do muốn ngăn cản không cho vợ tham gia công tác xã hội (anh H) nên Ông H và anh A có hành vi xúi giục, ngăn cản chị B tham gia bầu cử trưởng ấp.

14.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, đảm bảo lợi ích cho nhân dân (nhân dân ấp 3A và chị H).

14.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 26 Hiến pháp năm 2013:

Luật Bình đẳng giới năm 2006 (Điều 11, Điểm a, Khoản 1, Điều 40)

Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bình đẳng giới (điểm a, điểm c, khoản 2, điều 6)

14.6. Xác định mục tiêu giải quyết tình huống: thay đổi nhận thức của ông N, anh H cũng như người dân trong ấp về vị trí, vai trò của phụ nữ khi tham gia vào các cơ quan dân cử, về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị; tổ chức cuộc bầu cử trưởng ấp đúng quy định, lựa chọn đúng người xứng đáng bầu vào vị trí trưởng ấp.

14.7. Xây dựng phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, giải thích cho ông N, anh H thay đổi nhận thức, quan điểm mang tính định kiến giới của ông. Tập trung vào những nội dung như sau:

Suy nghĩ ông N và anh H về vai trò của người phụ nữ còn mang định kiến giới, thể hiện tư tưởng "trọng nam khinh nữ".

Việc phụ nữ tham gia vào quản lý Nhà nước, tham gia vào các cơ quan dân cử là bình đẳng với nam giới - điều này được Hiến định và Luật định.(Điều 26 Hiến pháp năm 2013, Điều 11, Luật Bình đẳng giới năm 2006. Theo quy định này, công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và gia đình.

Việc phụ nữ tham gia vào quản lý nhà nước, tham gia vào các cơ quan dân cử không chỉ đại diện cho tiếng nói của đông đảo lực lượng phụ nữ mà còn đại diện cho những vấn đề liên quan đến gia đình và trẻ em; đưa những vấn đề có liên quan đến phụ nữ, gia đình và trẻ em vào trong các chủ trương, chính sách; góp phần thực hiện thành công mục tiêu bình đẳng giới.

Hành vi xúi giục, lôi kéo người khác chỉ bỏ phiếu cho ông A của ông N đã vi phạm pháp luật về bình đẳng giới quy định tại Luật Bình đẳng giới năm 2006. Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 55/2009/NĐ-CP, hành vi của ông N có thể bị phạt từ 50.000 đến 1.000.000 đ.

Hành vi cố ý tuyên truyền sai sự thật để cản trở vợ tham gia bầu trưởng ấp vì định kiến giới của anh H đã vi phạm pháp luật về bình đẳng giới. Theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 6 Nghị định số 55/2009/NĐ-CP, hành vi của anh H có thể bị phạt từ 50.000 đến 1.000.000 đ.

Riêng đối với anh H, chồng chị B:

Tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, lý do thực sự khiến anh ngăn cản vợ tham gia công tác xã hội.

Chị B phải là người có vai trò chủ động, quyết định việc thuyết phục chồng bằng những kiến thức pháp luật và bằng hành động cho thấy mình hoàn toàn có thể cân bằng việc xã hội và gia đình.

Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cơ quan của anh H để tuyên truyền, thuyết phục.

Lãnh đạo xã, ấp rút kinh nghiệm về công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân đối với công tác nhân sự khi bầu cử trưởng ấp.

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao việc tổ chức bầu cử trưởng ấp 3A đúng quy định.

15. Tình huống số 15

15.1. Mô tả tình huống:

Bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm sạch đẹp là tiêu chí hàng đầu của chi hội Cựu chiến binh ấp 1 xã H, do vậy, hàng năm, 100% cán bộ, hội viên Cựu chiến binh đã đăng ký không xả rác, tuân thủ các quy định về thu gom rác thải tập trung trong khu dân cư. Ông Nguyễn Văn K là hội viên tích cực của Chi hội. Gia đình ông rất năng động, nhạy bén trong lao động sản xuất nên có đời sống kinh tế khá giả. Gia đình ông có chăn nuôi đàn bò gần 30 con, mỗi buổi sáng gia đình lùa bò lên rẫy chăn thả đến chiều thì lùa về. Mỗi lần di chuyển, đàn bò lại phóng uế ra đường gây mất vệ sinh. Nhiều người dân trong ấp bức xúc với tình trạng trên nên có một số người đã ném đá, gậy gộc vào đàn bò làm một vài con sợ hãi chạy lạc mất, từ đó xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi giữa gia đình ông K và bà con trong ấp.

15.2. Phân tích tình huống:

Đàn bò ông Nguyễn Văn K phóng uế ra đường gây mất vệ sinh nên có một số người bức xúc đã có hành vi ném đá, gậy gộc vào đàn bò làm một vài con sợ hãi chạy lạc mất, từ đó xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi giữa gia đình ông K và bà con trong ấp. Việc Hội viên Cựu chiến binh tích cực trong làm kinh tế là điều đáng khích lệ, học tập, nhân rộng. Tuy nhiên Hội viên cần quan tâm đến lợi ích chung của cộng đồng, có biện pháp phù hợp giải quyết hài hòa mối quan hệ với nhân dân tại địa bàn.

15.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Đàn bò ông K phóng uế ra đường gây mất vệ sinh dẫn đến những mâu thuẫn, tranh cãi giữa gia đình ông K và bà con trong ấp 1.

15.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp luật, đảm bảo hài hòa lợi ích cho nhân dân.

15.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Hương ước của địa phương về Bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh đường làng, ngõ xóm sạch đẹp.

Điều 7, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày12/11/2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

15.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: giải quyết mâu thuẫn giữa gia đình ông K và bà con trong ấp 1. Đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường sống của nhân dân. Tăng cường khối đại đoàn kết.

15.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Trưởng ấp và chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh ấp 1 xã H gặp gỡ ông K và bà con ấp 1 để nắm tình hình và giải quyết vấn đề.

Đối với ông K: Một mặt cần động viên tinh thần tích cực phát triển kinh tế gia đình của ông K; mặt khác, yêu cầu ông K nêu gương, phát huy tinh thần gương mẫu của hội viên Cựu chiến binh trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh

đường làng, ngõ xóm sạch đẹp; khắc phục tình trạng đàn bò của ông phóng uế trên đường bằng những biện pháp cụ thể (ví dụ: người chăn bò có thể thu gom chất thải sau khi đàn bò đi qua để xử lý làm phân bón; hoặc có thể lùa bò đi một đường khác - nếu có)

Đối với nhân dân ấp 1: Động viên bà con chia sẻ với gia đình ông M; vận động người dân tìm kiếm giúp ông K một số con bò bị lạc; Yêu cầu người dân không được tiếp tục ném vào đàn bò ông K.

Trường hợp ông K không khắc phục tình trạng đàn bò phóng uế thì cơ quan chức năng thực hiện xử lý theo hương ước của ấp và quy định của pháp luật.

16. Tình huống số 16

16.1. Mô tả tình huống:

Dự án khu xử lý rác thải trên địa bàn xã N đã được UBND huyện Đ phê duyệt năm 2012 khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Vị trí bãi rác nằm gần khu vực nghĩa trang xã, cách khu dân cư khoảng 1km. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, xã chưa có đủ nguồn vốn nên dự án vẫn còn bỏ ngỏ. Đến đầu năm 2019, khi được bố trí vốn, cơ quan chức năng chuẩn bị mặt bằng để khởi công xây dựng bãi rác thì một số người dân của các thôn trong xã có ý kiến phản đối. Họ cho rằng việc xây dựng trên khu vực nghĩa trang sẽ làm ảnh hưởng tới những người thân đã mất của họ, đồng thời họ cho rằng bãi rác sẽ ảnh hưởng tới môi trường, nước sinh hoạt và nước canh tác nông nghiệp. Từ đó, một số người dân đã dùng nhiều cách thức để lôi kéo, kêu gọi những người khác trong thôn cùng phản đối, ngăn cản việc khởi công xây dựng khu xử lý rác sẽ diễn ra trong vài ngày tới.

16.2. Phân tích tình huống:

Dự án khu xử lý rác thải được phê duyệt năm 2012 nằm gần khu vực nghĩa trang, cách khu dân cư khoảng 1km trên địa bàn xã N. Khi cơ quan chức năng chuẩn bị mặt bằng để khởi công xây dựng bãi rác thì một số người dân của các thôn trong xã có ý kiến phản đối vì họ cho rằng dự án làm ảnh hưởng tới mồ mả và ảnh hưởng tới môi trường, nước sinh hoạt, nước canh tác nông nghiệp cho nên họ

lôi kéo, kêu gọi những người khác trong thôn cùng phản đối, ngăn cản việc khởi công xây dựng khu xử lý rác.

16. 3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do nhận thức chưa đúng về chủ trương xây dựng dự án; ý nghĩa của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo vệ môi trường; chưa nhận thức đúng về tính chất hoạt động và tác động của dự án đến các yếu tố môi trường khác tại địa phương. Sự việc gây ảnh hưởng đến tiến độ của dự án đến tình hình an ninh trật tự của xã.

16. 4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính chính trị, tính pháp lý, giữ gìn an ninh trật tự địa phương và đảm bảo quyền lợi cho nhân dân.

16.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Quyết định phê duyệt dự án khu xử lý rác thải (năm 2012) của huyện.

16. 6. Mục tiêu giải quyết tình huống: làm cho nhân dân hiểu đúng về chủ trương xây dựng dự án; ý nghĩa của dự án đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo vệ môi trường; nhận thức đúng về tính chất hoạt động và tác động của dự án đến các yếu tố môi trường khác tại địa phương.

16.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng ủy xã A chỉ đạo các lực lượng chức năng: Cán bộ Mặt trận, cán bộ đoàn thể cùng với Ban điều hành khu dân cư, Ban công tác Mặt trận và các đoàn thể của khu dân cư phối hợp tiếp cận với những người dân có hành động, lời nói biểu thị sự phản đối đối với dự án để tìm hiểu tình hình, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tìm hiểu động cơ, mục đích thật sự của hành vi, có sự xúi giục của các phần tử xấu hay không…

Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã N cần tổ chức buổi đối thoại trực tiếp với nhân dân các thôn có dự án để lắng nghe ý kiến và giải đáp thắc mắc của người dân.

Chủ tịch UBND xã làm việc trực tiếp với các hộ dân có phần mồ mả gần đó để tuyên truyền, giải thích và cam kết công trình sẽ không gây ảnh hưởng đến các phần mộ; cam kết với nhân dân khi xây dựng xong khu xử lý rác thải sẽ mời đại

diện của các hộ dân trong các thôn (nhất là các hộ dân có mồ mả người thân ở gần) tham gia Ban quản lý để cùng giám sát hoạt động thu gom, xử lý rác thải. Đặc biệt, nếu cơ quan chuyên môn phát hiện bãi rác gây ô nhiễm môi trường thì UBND xã sẽ lập tức đóng cửa bãi rác.

Tuyên truyền, giải thích, vận động bà con nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương đã phê duyệt.

Giải trình cụ thể những nội dung bà con còn băn khoăn thắc mắc về dự án.

Tiếp thu những ý kiến đóng góp hợp lý của bà con nhân dân, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh.

Tiếp tục phân công cán bộ sâu sát địa bàn, nắm tình hình, dự kiến các Tình huống số xảy ra; đồng thời báo cáo xin ý kiến cấp trên.

17. Tình huống số 17

17.1. Mô tả tình huống:

Tại xã C, nhân dân trong nhiều ấp làm rẫy trồng tiêu, cà phê nên thường xuyên sử dụng một lượng lớn xăng dầu để vận hành các loại máy móc cơ giới. Do ảnh hưởng của dịch bệnh trên thế giới, cuối tháng 3/2020, giá xăng dầu trên thị trường giảm xuống đột ngột gần 40%. Trước tình hình ấy, bà con nông dân đã ồ ạt mua xăng dầu, tích trữ cho gia đình mình. Tại các trạm xăng dầu trên địa bàn, tình trạng chen lấn, tranh giành để mua xăng dầu gây mất trật tự xã hội. Trong các hộ dân, xăng dầu được tích trữ trong những vật dụng khác nhau gây nguy cơ cháy nổ rất nguy hiểm.

17.2. Phân tích tình huống:

Giá xăng dầu trên thị trường giảm xuống đột ngột. Bà con nông dân đã ồ ạt mua xăng dầu, tích trữ dẫn đến tình trạng chen lấn, tranh giành để mua xăng dầu gây mất trật tự xã hội, xăng dầu được tích trữ trong các hộ dân.

17.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Bà con nông dân xã C ồ ạt mua xăng dầu, tích trữ gây mất trật tự xã hội; Gây nguy cơ cháy nổ.

17.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp luật, lợi ích của nhân dân, giữ vững an ninh trật tự địa phương.

17.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 46, Nghị định 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Điều 10, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

17.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết không còn tình trạng người dân ồ ạt đi mua dầu; Đảm bảo trật tự xã hội; Nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật cho nhân dân.

17.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Trước tình hình trên, UBND huyện chỉ đạo các lực lượng Công an huyện, Quản lý thị trường và UBND xã C xuống cơ sở nắm bắt tình hình, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân không nên mua tích trữ xăng dầu trong nhà dễ gây cháy nổ, đặc biệt giải thích cho người dân hiểu rõ là không có chuyện thiếu hoặc đóng cửa cây xăng do dịch bệnh Covid-19. Đồng thời, yêu cầu các cửa hàng xăng dầu trên địa bàn khi bán xăng dầu cho người dân cần bán với số lượng vừa phải, đảm bảo cung cấp đủ lượng xăng dầu.

Trường hợp người dân nào không thực hiện nghiêm thì căn cứ pháp luật để xử lý.

Tuyền truyền cho người dân về các biện pháp phòng chống dịch Covid -19. Tuyên truyền về việc thay đổi giá dầu trên thị trường, để người dân không hoang mang, lo sợ.

18.Tình huống số 18

18.1. Mô tả tình huống:

Năm 2004 bà C thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiến 3 sào đất để xây chùa TA. Tuy nhiên diện tích đất bà C hiến cho nhà chùa không có đường đi thông với đường lớn nên bà tiếp tục thỏa thuận miệng hiến thêm 500m^2 cho nhà chùa làm đường đi. Năm 2019, bà C muốn đòi lại một phần đất đã hiến nhưng nhà chùa không chấp nhận. Bà cho xe chở đất đá đổ trên đường đi vào chùa ngăn cản việc đi lại của tăng ni và phật tử ra vào chùa, gây ra nhiều mâu thuẫn, nhiều cuộc tranh cãi giữa ba C và nhà chùa, giữa bà C và các phật tử tại địa bàn.

18.2. Phân tích tình huống:

Bà C muốn đòi lại một phần diện tích đất đã hiến cho nhà chùa đối với diện tích 500 m^2 bà C đã hiến (thỏa thuận miệng) nay bà C muốn đòi lại một phần diện tích đất trên nhưng nhà chùa không đồng ý nên bà C cho để đất, đá ngăn cản việc đi vào chùa TA dẫn đến việc các tăng ni, phật tử không có đường đi vào chùa, gây mất trật tự xã hội.

18.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Có sự mâu thuẫn giữa cá nhân bà C và chùa TA dẫn đến việc các tăng ni, phật tử không có đường đi vào chùa, gây mất trật tự xã hội.

18.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, giữ gìn an ninh trật tư địa phương, đảm bảo lợi ích cho nhân dân.

18.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật đất đai năm 2003; Bộ luật dân sự năm 1995.

18.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Các bên tranh chấp tìm được tiếng nói chung, giải quyết được mâu thuẫn, chấm dứt việc tranh chấp giữa bà C và chùa TA.

18.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Thứ nhất, hướng dẫn bà C làm đơn yêu cầu ra xã để làm thủ tục hòa giải với nhà chùa TA.

Thứ hai, UBND xã thành lập tổ hòa giải theo đúng quy định tại Điều 135 Luật đất đai 2003. Giải thích cho các bên hiểu các quy định pháp luật liên quan đến

đất đai, phân tích các lợi ích cũng như bất lợi hướng các bên đến việc thỏa thuận với nhau.

Thứ ba, nếu các bên không thỏa thuận được làm biên bản, thủ tục hướng dẫn các bên khởi kiện ra Tòa án.

Cán bộ thôn, xã cần sâu sát địa bàn, thường xuyên nắm bắt tình hình nhân dân để tránh xảy ra những mâu thuẫn kéo dài.

Tập huấn kỹ năng hòa giải về tranh chấp đất đai cho cán bộ thôn xã, xử lý hài hòa cho các bên tránh để xảy ra xung đột.

19. Tình huống số 19

19.1. Mô tả tình huống:

Phần lớn các hộ dân ấp 1, xã ĐH cư trú dọc bờ sông ĐN. Trong nhiều năm qua, các sà lan khai thác cát liên tục hoạt động 24/24 giờ, hút lên một khối lượng cát rất lớn dọc bờ sông đoạn qua ấp 1. Việc khai thác cát đã làm ảnh hưởng đến đời sống của bà con trên nhiều mặt. Bờ sông bị sạt lở nghiêm trong, ảnh hưởng đến sự an toàn tính mạng của nhân dân, ảnh hưởng đến diện tích đất đai canh tác, đường sá trong khu vực bị xuống cấp nghiêm trọng… Quá bức xúc trước tình trạng trên, ngày 20/10/2019, có 29 hộ dân ấp 1 tụ tập ra khu vực khai thác cát của các sà lan để phản đối, uy hiếp, đuổi các phương tiện khai thác cát, giữa hai bên đang xảy ra tranh cãi gay gắt.

19.2. Phân tích tình huống:

Quá bức xúc trước tình trạng khai thác cát trên sống ĐN, ngày 20/10/2019, có 29 hộ dân ấp 1 đã phản đối, uy hiếp, đuổi các phương tiện khai thác cát. Việc khai thác cát có thể được cấp phép hoặc không. Vì vậy quá trình xử lý cần nắm bắt thông tin, đưa ra biện pháp phù hợp để chấm dứt việc khai thác cát (nếu việc khai thác này trái pháp luật) hoặc có giải pháp phù hợp cho quá trình khai thác để đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương (nếu việc khai thác đúng pháp luật).

19.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do các phương tiện khai thác cát nhiều ngày, gây ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của người dân khu vực xung quanh, ảnh hưởng nhiều mặt đời sống của người dân.

19.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo lợi ích cho nhân dân.

19.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 4, Điều 8 Luật khoáng sản; Nghị định 33/2017 ngày 03/4/2017 của Chính phủ; Điều 227 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

19.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Chấm dứt việc khai thác cát (nếu việc khai thác này trái pháp luật) hoặc có giải pháp phù hợp cho quá trình khai thác để đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương (nếu việc khai thác đúng pháp luật).

19.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Trước mắt, cán bộ ấp, xã tuyên truyền, giải thích cho các hộ dân bình tĩnh, kiềm chế, không để xảy ra những mâu thuẫn, tranh chấp hay xô xát gây thiệt hại về người hay tài sản của đôi bên.

Cán bộ ấp hướng dẫn các hộ dân làm đơn kiến nghị, đề nghị xử lý lên UBND xã.

UBND xã thành lập đoàn kiểm tra, xác định thiệt hại, ảnh hưởng của việc khai thác cát; xác minh các đối tượng khai thác cát, xem xét có được cấp phép khai thác theo quy định.

Nếu xác minh có vi phạm đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm theo quy định pháp luật. Trường hợp không có vi phạm thì mời các bên liên quan đến làm việc cử đại diện các hộ dân ra hòa giải và có hướng khắc phục các thiệt hại, báo cáo với cấp trên về việc khai thác cát như vậy ảnh hưởng đến cuộc sống người dân để chỉ đạo giải quyết.

Cán bộ thôn xã nắm vững tình hình địa phương kịp thời báo cáo cấp trên để giải quyết nhanh chóng sự việc ổn định trật tự địa phương.

20. Tình huống số 20

20.1. Mô tả tình huống:

Ấp 4 xã T có trên 90% đồng bào Khmer sinh sống. Gần đây, số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra trong bộ phận thanh thiếu niên trong ấp tăng đột biến gây nhiều hệ lụy cho gia đình và xã hội. Nguyên nhân chính là nhiều gia đình đã mua xe gắn máy và cho con cái đi lại, trong đó hầu hết là chưa đủ tuổi điều khiển xe gắn máy, chưa có giấy phép lái xe.

Sau vụ điều được mùa, Lý B, 16 tuổi, con trai ông M xin cha mẹ mua cho mình 1 chiếc xe gắn máy Excite vì nhiều bạn cùng trang lứa đều đã có xe máy. Cha mẹ cậu không đồng ý vì cậu chưa có giấy phép lái xe, đồng thời cũng lo lắng vì có nhiều thanh niên bị tai nạn giao thông trong ấp nhưng B không nghe. Nhằm gây áp lực cho cha mẹ, B từ khóc lóc, năn nỉ đến đập phá đồ đạc trong nhà khiến nhiều ngày qua gia đình vô cùng rối loạn, căng thẳng.

20.2. Phân tích tình huống:

Nhiều gia đình đã mua xe gắn máy và cho con cái đi lại, trong đó hầu hết là chưa đủ tuổi điều khiển xe gắn máy, chưa có giấy phép lái xe, trong đó, em Lý B là một trường hợp cụ thể trong việc gây áp lực để cha mẹ mua xe phân khối lớn. Việc này khiến cha mẹ của Lý B vô cùng rối loạn, căng thẳng; việc sử dụng xe gắn máy của em B có nguy cơ xảy ra những vụ tai nạn, tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

20.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do những hạn chế về nhận thức, do công tác tuyên truyền, giáo dục chưa tốt…dẫn đến việc các gia đình mua xe gắn máy phân khối lớn cho con cái sử dụng khi chưa có giấy phép lái xe gây ảnh hưởng cho cá nhân, gia đình và xã hội.

20.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, giữ gìn an ninh trật tự đại phương.

20.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 58, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008

Hương ước, qui ước của địa phương.

20.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Giải quyết hợp tình, hợp lý, đảm bảo tính nhân văn, tính giáo dục và tính răn đe.

20.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở:

Chi Đoàn Thanh niên ấp 4 phối hợp với công an viên ấp (hoặc báo cáo Đoàn xã phối hợp với công an xã) có kế hoạch tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của em Lý B; tuyên truyền, giải thích cho em về các quy định về điều kiện của người lái xe tham gia giao thông, theo đó người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe theo quy định Điều 58, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008, phải có giấy phép lái xe phù hợp với loại xe được phép điều khiển do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

Độ tuổi của người lái xe theo quy định tại Điều 60 Luật Giao thông đường bộ 2008 được quy định như sau:

a) Người đủ 16 tuổi trở lên được lái xe gắn máy có dung tích xi-lanh dưới 50 cm3;

b) Người đủ 18 tuổi trở lên được lái xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi-lanh từ 50cm3 trở lên và các loại xe có kết cấu tương tự; xe ô tô tải, máy kéo có trọng tải dưới 3.500 kg; xe ô tô chở người đến 9 chỗ ngồi;

Theo quy định trên, đối với xe mô tô, người điều khiển xe mô tô phải đủ 18 tuổi trở lên mới được phép điều khiển xe tham gia giao thông.

Như vậy, trường hợp người dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông là vi phạm Pháp luật về Giao thông đường bộ với lỗi vi phạm điều kiện về độ tuổi được điều khiển xe tham gia giao thông (đồng nghĩa việc chưa được cấp giấy phép lái xe) và phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình.

Trường hợp em B nếu đủ 16 tuổi có thể điều khiển xe máy có dung tích xi-lanh dưới 50cm^3, cho nên nếu muốn sử dụng xe gắn máy thì chỉ được đi xe đúng theo quy định.

Chỉ ra cho em B thấy những trường hợp đi xe gắn máy phân khối lớn, vi phạm Luật Giao thông đường bộ đã bị xử lý, những vụ tai nạn giao thông do các thanh thiếu niên trong và ngoài xã gây ra…

Động viên gia đình em B cương quyết không chiều theo ý muốn của B.

Các ban ngành, đoàn thể xã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục các tầng lớp nhân dân về Luật Giao thông đường bộ 2008; Phối hợp với các trường học trên địa bàn thực hiện các biện pháp ngăn chặn học sinh, thiếu niên sử dụng xe gắn máy phân khối lớn (ký cam kết, sinh hoạt Đoàn, Hội…)

Chính quyền xã, huyện tăng cường chỉ đạo lực lượng công an thường xuyên tuần tra, xử lý những trường hợp vi phạm Luật Giao thông đường bộ 2008 để răn đe, giáo dục.

21. Tình huống số 21

21.1. Mô tả tình huống:

Thôn 3 xã X có đông đồng bào S'tiêng, Mnông sinh sống. Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của xã hội, những phong tục, tập quán, sinh hoạt văn hóa truyền thống của bà con đã có nhiều biến đổi, nhất là trong bộ phận thanh niên. Nhiều thanh niên đã không còn thiết tha với các giá trị văn hóa cổ truyền của cha ông mà thường ưa chuộng, chạy theo những giá trị văn hóa mới du nhập từ bên ngoài.

Gia đình ông Điểu C còn lưu giữ 01 bộ chiêng cổ quý giá, là niềm tự hào của gia đình và của bà con trong thôn. Tuy nhiên, mấy tháng qua, một số phần tử xấu đã nhắm vào anh T, con trai ông C để vừa xuyên tạc, bài xích, vừa dụ dỗ, lôi kéo anh T tìm mọi cách để bán đi bộ chiêng của gia đình. Anh T nghe lời kẻ xấu về nhà thuyết phục cha bán bộ chiêng đi, nhưng cha anh không nghe, anh liền cự cãi, rồi đòi tự tử...nhằm gây áp lực cho cha.

21.2. Phân tích tình huống:

Anh T, con trai ông C nghe lời kẻ xấu về nhà thuyết phục cha bán bộ chiêng quý của gia đình, nhưng cha anh không nghe, anh liền cự cãi, rồi đòi tự tử...nhằm gây áp lực cho cha. Tình trạng mua bán, đánh cắp cổ vật, các sản phẩm văn hóa diễn ra khá phổ biến trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc mất dần các giá trị văn hóa cổ truyền, cần có biện pháp bảo vệ hiệu quả.

21.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do sự thiếu hiểu biết của anh T; sự xúi giục của những phần tử xấu gây ra nguy cơ mất đi các giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc.

21.4. Nguyên tắc xử lý tình huống:

Đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với thuần phong mỹ tục, đảm bảo lợi ích của gia đình và cộng đồng.

21.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật Di sản văn hóa sửa đổi bổ sung năm 2013 (Điều 13, 14, 16)

Luật tục (nếu có)

21.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Anh T hiểu rõ âm mưu của những kẻ xúi giục anh bán bộ chiêng; gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức và có hành động đúng đắn trong việc bảo vệ giá trị văn hóa của dân tộc.

21.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Cán bộ văn hóa xã phối hợp với cán bộ Mặt trận, cán bộ Đoàn tìm hiểu tình hình; tâm tư nguyện vọng của anh T, gia đình anh T.

Tuyên truyền, giải thích cho anh T rõ về giá trị của bộ chiêng quý, về những thủ đoạn của kẻ xấu nhắm vào anh. Việc bảo vệ bộ chiêng không chỉ vì lợi ích của gia đình mà còn vì cộng đồng dân tộc, vì đất nước. Việc mua bán những di sản văn hóa là vi phạm pháp luật.

Báo cáo chính quyền về hành vi của các đối tượng bất lương để theo dõi, xử lý nếu phát hiện hành vi vi phạm.

Cán bộ văn hóa phối hợp với Mặt trận, đoàn thể thường xuyên theo dõi, tổ chức những hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm xây dựng niềm tự hào, tình yêu của đồng bào đối với giá trị văn hóa dân tộc.

Chính quyền địa phương làm tốt công tác quản lý, phòng chống các loại tội phạm liên quan đến lĩnh vực văn hóa.

22. Tình huống số số 22

22.1. Mô tả tình huống:

Khu phố A tập trung đông dân cư sinh sống. Vài năm gần đây phong trào nuôi chim yên nở rộ, nhiều hộ gia đình trong khu phố cũng xây nhà ở kết hợp nuôi chim yến. Tuy nhiên, từ khi các hộ nuôi chim yến hoạt động, bà con trong khu phố hết sức bức xúc vì mỗi ngày, suốt từ 5 giờ sáng đến 19 giờ tối, tiếng kêu chát chúa, inh tai, nhức nhóc liên tục phát ra từ máy dụ chim yến làm người dân không sao chịu nổi. Tiếng ồn ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người lớn tuổi và việc học tập của học sinh. Gia đình ông K cũng xây một căn nhà 4 tầng để nuôi chim yến. Hơn 2 năm qua, chim yến về làm tổ rất nhiều, nhưng thời gian gần đây thì số lượng chim về ít đi. Ông lo lắng đi tìm hiểu thì phát hiện nhà ông H ở cách nhà ông 100m, có một khu vườn rộng, nhiều cây cối, có giăng nhiều tấm lưới mà ông nghi là để bẫy bắt chim. Ông K nghĩ rằng, sinh sống cùng khu phố nhiều năm, đồng thời là đảng viên cùng sinh hoạt trong chi bộ khu phố nên ông đến "nói chuyện phải quấy" với ông H. Tuy nhiên khi ông K hỏi về việc ông H giăng lưới bẫy chim thì ông H chối, đồng thời ông nói rằng "ví dụ tôi có bẫy thật thì đó là chim trời, cá nước, chứ có phải của ông đâu? Nếu ông nói là của ông thì ông chứng minh đi!". Hai bên xảy ra tranh cãi rất gay gắt.

22.2. Phân tích tình huống:

Tình hình nuôi chim yến trong khu dân cư đông đúc hiện nay khá phổ biến khiến nhiều người lo ngại về những ảnh hưởng: dịch bệnh, tiếng ồn, vệ sinh môi trường…Ông K nuôi chim yến tại nhà ở và do số lượng chim đột nhiên giảm khiến ông cho rằng ông H giăng lưới bẫy chim, còn ông H không thừa nhận, khiến các bên mâu thuẫn. Quá trình xử lý cần xác định việc nuôi chim yến của hộ ông K có đúng theo quy định của pháp luật hay không; giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn giữa ông K và ông H. Bên cạnh đó cũng xem xét cả việc những hộ dân khác nuôi chim yến có gây ảnh hưởng cho các hộ lân cận hay không.

22.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do chưa có sự quan tâm, giải quyết hài hòa lợi ích giữa các bên dẫn đến có những mâu thuẫn giữa các hộ trong khu dân cư liên quan đến việc nuôi chim yến trong khu dân cư.

22.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo an ninh trật tự và lợi ích cho nhân dân.

22.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Điều 64, Luật chăn nuôi; Luật bảo vệ môi trường; Điều 25 Nghị định 13/2020 ngày 21/01/2020 của Chính phủ.

22.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Xác định việc nuôi chim yến của hộ ông K có đúng theo quy định của pháp luật hay không; giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn giữa ông K và ông H.

22.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Đối với những hộ nuôi chim yến trong khu dân cư: Cán bộ khu dân cư nắm bắt tình hình, xem các hộ này có đảm bảo quy định pháp luật về chăn nuôi, về điều kiện môi trường khi nuôi chim yến hay không. Tổ chức họp các hộ dân trong khu dân cư để lắng nghe ý kiến của các bên và giải quyết hài hòa lợi ích giữa các bên.

Đối với trường hợp hộ ông K: Cán bộ khu phố phối hợp với Mặt trận và các đoàn thể gặp gỡ 2 bên liên quan, tìm hiểu tình hình, xem xét việc nuôi chim yến của ông K có vi phạm pháp luật hiện hành hay không, có ảnh hưởng đến cuộc sống của những người xung quanh hay không. Nếu có vi phạm đề nghị ông phải thực hiện đúng. Nếu không thì sẽ báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền xem xét xử lý theo pháp luật.

Nếu việc nuôi chim yến của ông K đảm bảo tuân thủ các quy định, mời các bên ra hòa giải, _giải thích các quy định pháp luật liên quan. Đặc biệt khơi gợi tinh thần của những đảng viên, tình làng nghĩa xóm để các bên hóa giải mâu thuẫn, rộng lượng với nhau trong cuộc sống.

Cán bộ khu phố thường xuyên theo dõi tình hình, nắm bắt diễn biến của mối quan hệ giữa 2 bên để có hướng tham gia phù hợp.

23. Tình huống số 23

23.1. Mô tả tình huống:

Trên địa bàn ấp T, xã H nổi lên một tụ điểm thờ cúng các vị phật, mẫu, thần thánh... do bà H, một hội viên Hội Phụ nữ làm chủ. Bà H tổ chức các hoạt động tín ngưỡng trái phép như cầu cúng, lên đồng. Đặc biệt người phụ nữ này còn tự nhận có thể chữa được bệnh bằng một thứ "nước phép" không rõ công thức. Tụ điểm thờ cúng của bà H đã lôi kéo nhiều người dân trong và ngoài địa phương đến cầu cúng và chữa bệnh. Có những thời điểm người đến chữa bệnh đông, trải bạt, che lều nằm, ngồi, ăn uống, xả rác khiến cuộc sống những hộ xung quanh cũng bị ảnh hưởng.

23.2. Phân tích tình huống:

Bà H tổ chức các hoạt động tín ngưỡng trái phép, tự nhận có thể chữa được bệnh...lôi kéo nhiều người đến chữa bệnh, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội. Cần phải xử lý dứt điểm để ngăn ngừa những hậu quả xấu có thể xảy ra cho nhân dân, cho xã hội.

23.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do sự thiếu hiểu biết của các tầng lớp nhân dân, sự buông lỏng trong công tác quản lý của địa phương, công tác tuyên truyền, vận động của tổ chức Hội Liên hiệp phụ nữ chưa tốt… từ đó dẫn đến việc an ninh trật tự xã hội không được đảm bảo, uy tín của tổ chức Hội bị ảnh hưởng…

23.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, tính hợp lý, đảm bảo lợi ích cho người dân.

23.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật Tôn giáo, tín ngưỡng năm 2016, Điều 320 của Bộ luật Hình sự.

23.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: Xóa bỏ tụ điểm thờ cúng với những hoạt động tín ngưỡng, chữa bệnh trái phép, lập lại trật tự xã hội trên địa bàn ấp T xã H; nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, sống và làm việc theo khoa học, pháp luật.

23.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Cán bộ Hội cần tiếp cận bà H, tuyên truyền, thuyết phục bà không tiếp tục hoạt động tín ngưỡng và chữa bệnh trái pháp luật, phản khoa học nữa. Chỉ cho bà thấy rõ:

Việc lợi dụng sự thiếu hiểu biết của người dân để lừa bịp, dụ dỗ để trục lợi, dùng hành vi mê tín dị đoan núp bóng tín ngưỡng để lừa gạt, mê muội người dân là vi phạm pháp luật.

Hậu quả từ hành vi của bà không chỉ gây thiệt hại về sức khỏe, tính mạng con người, hoang mang trong dư luận xã hội mà còn ảnh hưởng đến những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Vì mê tín dị đoan không ít gia đình đã lâm vào cảnh ly tán, tan cửa nát nhà, suy kiệt về kinh tế. Bao cái chết thương tâm đã xảy ra mà nguyên nhân là do người dân nhẹ dạ, cả tin vào mê tín dị đoan…

Nếu bà H vẫn ngoan cố, không dừng hành vi sai trái trên, cán bộ Hội cần báo cáo lên chính quyền để có biện pháp xử lý theo pháp luật.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân về tín ngưỡng, tôn giáo để tránh việc tin mê muội vào "thế lực siêu nhiên"; tuyên truyền về hệ lụy của mê tín dị đoan; Vạch trần những thủ đoạn lừa bịp, "buôn thần bán thánh"… để mọi người phân biệt đâu là tôn giáo, tín ngưỡng, đâu là mê tín dị đoan, từ đó thấy được đâu là sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng chân chính, đâu là lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để hoạt động mê tín dị đoan.

Các cơ quan chức năng cần xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng mê tín dị đoan, gây tác động xấu đến xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của nhân dân.

24. Tình huống số 24

24.1. Mô tả tình huống:

Thôn 5 Xã B là địa bàn cư trú lâu đời của đồng bào S'tiêng, M'nông. Những năm gần đây nhờ chính sách định canh, định cư và chuyển đổi mô hình chăn nuôi, trồng trọt nên đời sống kinh tế của bà con có bước ổn định và phát triển. Tuy nhiên, trong những hộ khá giả, một hủ tục đã dần được xóa bỏ trước đó nay lại trở nên phổ biến, đó là tình trạng kết hôn cận huyết. Ông Điểu B có con trai là Điểu T

đến tuổi kết hôn, nhưng vì lo lắng gia sản có thể rơi vào dòng họ khác nên ông quyết định hỏi cưới cháu gái là Thị R, con của em gái mình cho con trai. Em gái ông lúc đầu cũng thấy băn khoăn nhưng sau nhiều lần được thuyết phục thì cũng nghe theo ý anh trai. Điểu T và Thị R không hề yêu nhau, không muốn kết hôn nhưng hai bên gia đình thúc ép cũng không dám phản đối.

24.2. Phân tích tình huống:

Ông B muốn cưới Thị R cho con trai ông là Điểu T vì lo sợ nếu cưới người khác họ thì gia sản bị rơi vào tay người khác. Đây là một hủ tục vẫn còn duy trì trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

24.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Do thiếu hiểu biết pháp luật; chịu ảnh hưởng nặng nề của hủ tục; lo sợ tài sản của gia đình bị rơi vào tay người khác từ đó dẫn đến khả năng vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình; có thể gây ra những nguy cơ về chất lượng dân số khi kết hôn cận huyết.

24.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: Đảm bảo tính pháp lý, tôn trọng quyền tự do hôn nhân của công dân, hài hòa lợi ích của nhân dân.

24.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Luật Hôn nhân gia đình 2014 (Điều 8**)**

Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007 (Điều 2)

24.6. Mục tiêu giải quyết tình huống: vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách, pháp luật hôn nhân gia đình; thay đổi nhận thức và hành vi ông B và em gái ông B: không ép con và cháu mình kết hôn trái quy định của pháp luật.

24.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

+ Nắm bắt thông tin, tìm hiểu hoàn cảnh gia đình ông Điểu T và em gái; Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của em Điểu B và Thị R.

+ Phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục gia đình ông Điểu B và em gái ông. Tập trung vào một số nội dung chủ yếu như:

Trao đổi với gia đình em Điểu T và em Thị R: việc kết hôn là việc quan trọng của đời người, liên quan đến tương lai và hạnh phúc cả đời của hai em; hôn nhân do hai em tự nguyện, dựa trên tình yêu chân chính, được sự tán thành của gia đình, sự chúc phúc của cộng đồng và sự thừa nhận của pháp luật.

Nêu lên một số hậu quả của việc hôn nhân cận huyết thống như trường hợp của em Điểu T và em Thị R:

Thứ nhất: Theo minh chứng của khoa học, cơ thể người được hình thành từ gen di truyền của bố và mẹ; hôn nhân cận huyết là điều kiện tốt cho gen lặn phát triển và biểu hiện rõ; những cặp gen bệnh lý ở cả bố và mẹ sẽ kết hợp với nhau làm cho hình hài đứa trẻ sinh ra bị dị tật như: tim bẩm sinh, câm điếc, mù màu, Down, bạch tạng …

Thứ hai: Phần lớn những đứa trẻ được sinh ra từ hôn nhân cận huyết có khả năng sinh sống rất thấp; nêu sống được thì cũng rất dễ mắc phải những căn bệnh như trên và gần như không có khả năng sinh sản. Nếu tiếp tục những cuộc hôn nhân như thế có thể dẫn tới suy giảm giống nòi rất nghiêm trọng.

Thứ ba: Hậu quả của hôn nhân cận huyết là gánh nặng cho cả gia đình và xã hội. Một ngày cha mẹ của những đứa trẻ do hôn nhân cận huyết sinh ra đã già yếu thì ai sẽ là người dưỡng dục chúng. Hoặc nếu cha mẹ có sức khỏe bao nhiêu, tiền bạc của gia đình có nhiều đến bao nhiêu cũng không thể gánh vác hết tất cả các thành viên trong gia đình.

Trao đổi với gia đình về nguyện vọng của hai em: chưa muốn lập gia đình, hai em không muốn và không thể kết hôn với anh họ, em họ của mình được; muốn được tự do tìm hiểu, tự do yêu đương và tự quyết định đối tượng kết hôn; muốn được học nghề hoặc tìm kiếm được công ăn việc làm ổn định sau đó mới lập gia đình.

Phân tích cho gia đình ông Điểu B và gia đình em gái ông, những điều kiện kết hôn được quy định cụ thể trong Điều 8 Luật Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trong đó nhấn mạnh các quy định: Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này trong đó có: Tảo

hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn; Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; …

Như vậy, trong trường hợp gia đình ông Điểu B và em gái ông ép **em Điểu T kết hôn với em Thị R là vi phạm vào điều khoản bị cấm "**Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời"

+ Thuyết phục gia đình trong trường hợp này nên từ bỏ ý định ép buộc con cái kết hôn, tôn trọng quyết định của em Điểu T và em Thị R; nếu gia đình không thay đổi ý định, cán bộ Hội báo cáo với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Cán bộ chính quyền, đoàn thể, nhất là cán bộ Hội Phụ nữ phải thường xuyên theo dõi tình hình, tiếp tục tuyên truyền, giải thích cho các tầng lớp nhân dân hiểu về chủ trương, chính sách, về các cơ sở khoa học trong vấn đề hôn nhân, gia đình.

Tăng cường các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tinh thần; có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho nhân dân.

25. Tình huống số 25

25.1. Mô tả tình huống:

Thực hiện tục lệ trả của trong nghi lễ cưới xin, gia đình ông Điểu Y đã thách cưới nhà trai 10 con trâu, 20 con heo, 50 con gà, 10 bộ ché và nhiều vật dụng gia đình khác. Là gia đình có điều kiện kinh tế khá, nhà trai muốn nhanh chóng rước dâu về nhà nên hàng tuần đều tổ chức tiệc trả của. Việc tổ chức ăn uống diễn ra thường xuyên không những gây lãng phí tiền bạc, ảnh hưởng đến việc lao động sản xuất của bà con mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân vì bà con uống rất nhiều rượu bia, tổ chức hát karaoke suốt đêm làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhiều người khác.

25.2. Phân tích tình huống:

Trong những năm gần đây, nhờ được hướng dẫn cách làm ăn, tích cực đổi mới trong trồng trọt, chăn nuôi mà đồng bào S'tiêng, Mnông đã có đời sống kinh tế ngày một khá giả hơn. Đời sống văn hóa cũng có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, một số tục lệ trong sinh hoạt của đồng bào có chiều hướng trỗi dậy, gây ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống của bà con, trong đó có tục lệ trả của khi cưới xin. Theo đó, nhà trai muốn cưới vợ cho con, phải trả đủ số vật phẩm, tiền bạc mà nhà gái thách cưới mới được rước dâu về nhà mình sinh sống, nếu không chàng trai phải ở rể đến khi nào trả hết của thách cưới. Việc trả của phải được thực hiện bằng cách tổ chức các bữa tiệc mời bà con, dòng họ, hàng xóm, láng giềng…đến ăn uống cho đến khi nào ăn hết các lễ vật thách cưới. Để thực hiện tục lệ này, nhiều gia đình đã phải bán trâu, bò, có gia đình vay ngân hàng, cầm cố nhà cửa, ruộng đất, vay nợ bên ngoài với lãi suất cao.

Tục lệ trả của trong cưới xin của gia đình ông Điểu Y đã làm ảnh hưởng đến nhiều mặt đời sống của người dân trong buôn. Cần xử lý tình huống trước mắt và nâng cao nhận thức cho nhân dân để tiến tới hạn chế, xóa bỏ các hủ tục trong đời sống.

25.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả:

Duy trì những phong tục tập quán một cách không chọn lọc; nhận thức còn hạn chế của người dân; công tác tuyên truyền, thuyết phục của địa phương chưa tốt. Từ đó dẫn đến việc lãng phí tiền bạc, ảnh hưởng đến việc lao động sản xuất, ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân…

25.4. Nguyên tắc xử lý tình huống: đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo lợi ích của cá nhân và cộng đồng.

25.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn:

Quyết định Số: 13/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về Ban hành quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Hương ước, Luật tục (nếu có)

25.6. Mục tiêu giải quyết tình huống:

Bảo vệ và phát huy được truyền thống văn hóa của dân tộc, đảm bảo phát triển đời sống mọi mặt của người dân.

25.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở.

Chính quyền xã và Mặt trận, các đoàn thể thôn, ấp gặp gỡ gia đình ông Y và những người có liên quan (nên vận động thêm những người có uy tín trong cộng đồng và có ảnh hưởng đối với gia đình ông Y, những người đã thực hiện tốt tục lệ cưới xin), tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, tuyên truyền thuyết phục về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới xin.

Tuyên truyền cho gia đình những tác động của hủ tục cưới xin đến kinh tế, đời sống của gia đình, của bà con hàng xóm…

Thuyết phục gia đình ông thực hiện tục lệ cưới xin nhưng không phô trương, tiết kiệm; đưa ra những trường hợp điển hình trong địa phương về việc thực hiện tốt tục lệ cưới xin, gia đình hạnh phúc, kinh tế phát triển.

Cán bộ Mặt trận, đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục đồng bào thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới; Có hình thức biểu dương, khen thưởng cho những người thực hiện tốt; có kế hoạch và hướng dẫn bà con phát triển đời sống kinh tế, văn hóa để giảm thiểu các hủ tục trong cuộc sống.

2.2.4. Các tình huống khác (Tình huống tổng hợp).

1. Tình huống số 1

1.1.Mô tả tình huống

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường X, sau khi được tuyên truyền, thuyết phục, nhiều hộ gia đình trong xã A đã tự nguyện hiến hàng hecta đất để làm đường. Tuy nhiên, vẫn còn một số hộ dân không chấp nhận hiến đất, đồng thời còn lôi kéo, xúi giục những người khác không thực hiện chủ trương chung gây nhiều khó khăn cho quá trình giải tỏa, đền bù để làm đường. Dự án không hoàn thành đúng tiến độ, thậm chí có nguy cơ thất bại.

1.2.Phân tích tình huống

Dự án nâng cấp, mở rộng đường X được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày có 1 phần đi qua xã A. Dự án hoàn thành sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội huyện nhà. Tuy nhiên, công tác đền bù giải tỏa

còn tồn đọng một số điểm nghẽn nên tiến độ công trình bị chậm trễ so với kế hoạch đề ra. Do vậy, cần phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp cơ sở, cũng như các cấp có thẩm quyền có liên quan để tháo gỡ nút thắt ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án.

1.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể chưa tốt; nhận thức của các hộ dân về lợi ích của việc làm đường chưa đầy đủ; chính sách giải tỏa, đền bù có thể chưa hợp lý dẫn đến việc các hộ dân chưa đồng thuận trong việc hiến đất làm đường gây khó khăn cho việc thực hiện dự án ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của chính quyền đồng thời ảnh hưởng đến việc đi lại, thông thương hàng hoá cũng như tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.4.Nguyên tắc xử lý tình huống:

Đảm bảo nguyên tắc pháp lý, minh bạch và bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân.

1.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Luật đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật khiếu nại số 02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Quyết định số xx /QĐ-UBND của Ủy ban nhân huyện về việc phê duyệt Dự án đường X được đầu tư giai đoạn I;

Hồ sơ thi công dự án, các văn bản liên quan đến Dự án nâng cấp, mở rộng đường X.

1.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân xã A tự nguyện nhận tiền đền bù giải toả để phục vụ công tác thi công Dự án X nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của .

1.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tìm hiểu những hộ có thái độ quá khích, có hành động kích động những hộ khác phản đối chủ trương chung là ai, mục đích thật sự là gì… để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn các hộ dân nếu có những thắc mắc, không đồng tình với chính sách giải tỏa, đền bù… của Nhà nước thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của các hộ dân, UBND xã phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được lý do không chấp nhận chủ trương, nguyện vọng của các hộ dân…, UBND xã tổ chức đối thoại giữa các hộ dân và chủ đầu tư. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về lợi ích của Dự án; về chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho các hộ dân đối thoại với chủ đầu tư về giá cả đền bù, chính sách tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở hài hòa lợi ích của đôi bên.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

2. Tình huống số 2

2.1.Mô tả tình huống

Trong một số cuộc họp cũng như trao đổi bên ngoài, một số cán bộ ở phường A, thành phố B có ý kiến về việc đề nghị cấp uỷ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể phường A quan tâm về chế độ tiền lương và các trang thiết vị làm việc để thuận lợi công tác và đảm bảo cuộc sống vì trên thực tế, công việc của cán bộ phường nhiều nhưng chế độ phụ cấp, hội họp, kinh phí hoạt động lại quá thấp, nhất là những cán bộ bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư.

2.2.Phân tích tình huống

Xây dựng củng cố hệ thống chính quyền cơ sở, đầu tư cho cơ sở về công tác cán bộ, trang thiết bị, chế độ lương, phụ cấp cho đảm bảo với đời sống thực tiễn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của các cấp uỷ đảng và chính quyền hiện nay. Trong thời gian qua, Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia để kiện toàn cơ cấu tổ chức hệ thống chính trị, bộ máy chính quyền cấp cơ sở. Đầu tư mua sắm các trang thiết bị, kỹ thuật thiết yếu đáp ứng nhu cầu vận hành hoạt động của hệ thống chính trị, chính quyền cấp cơ sở. Đồng thời, triển khai đồng bộ chính sách cải cách tiền lương từ Trung ương đến cấp cơ sở, thực hiện tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước cấp cơ sở, thực hiện đề án vị trí việc làm... Việc làm ấy không chỉ nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị và bộ máy chính quyền các cấp, mà còn thiết thực cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng đời sống của cán bộ, công chức, viên chức trong cả nước.

Tuy nhiên, sự phát triển không đồng đều giữa các địa phương trong cả nước nói chung, giữa các đơn vị hành chính trong tỉnh nói riêng nên mức thu nhập của các bộ, công chức, viên chức có sự chênh lệch theo quy định của nhà nước. Công tác cán bộ và kiện toàn bộ máy tổ chức hệ thống chính trị, chính quyền đang được triển khai đồng bộ trên khắp cả nước. Mức thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức cũng đã tăng lên qua các năm. Song trên thực tế, mức thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức hiện nay vẫn còn thấp và chưa đáp ứng đảm bảo đời sống.

Họ phải làm những việc khác để mưu cầu cuộc sống nên bị chi phối trong công tác được giao. Bên cạnh đó, họ chưa được trang bị các trang thiết bị, kỹ thuật để phục vụ công tác tại cơ sở. Đây là tình hình chung và là một trong những vấn đề nang giải trong công tác cán bộ hiện nay.

2.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do chế độ phụ cấp, hội họp, kinh phí hoạt động lại cho cán bộ bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư quá thấp; mức thu nhập chưa đáp ứng và đảm bảo nhu cầu cuộc sống nên họ chưa an tâm công tác và thường ít gắn bó lâu dài với công việc bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư. Thực trạng ấy đã gây ra sự thiếu ổn định trong công tác tổ chức cán bộ ở cơ sở và quy hoạch cán bộ ở cơ sở thiếu sự bền vững.

Hơn nữa, nguồn ngân sách thu của các xã, phường, thị trấn trong tỉnh nói chung, ở phường A nói riêng còn hạn hẹp nên Đảng uỷ, UBND và các tổ chức đoàn thể phường A chưa quan tâm sâu sát và cũng chưa có quỹ chi hỗ trợ ổn định cho bộ phận cán bộ bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư.

Các vị trí làm việc bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư thường xuyên thay đổi nhân sự gây ra sự bất ổn trong công tác quản lý, quy hoạch cán bộ trong hệ thống chính trị, chính quyền ở phường A. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hoạt động cầm chừng và thiếu hiệu quả ở một số khâu công tác trong hệ thống bộ máy tổ chức chính trị và chính quyền ở phường A.

2.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống trên cơ sở các quy định hiện hành theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Phát huy tối đa tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên các cấp trong việc thực thi công vụ được Đảng và nhà nước tin tưởng giao phó.

2.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của UBND phường A;

Nghị định số 17/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về việc Quy định tiền lương tăng thêm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang có hệ số lương từ 2,34 trở xuống;

Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ về việc Quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang;

Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi quy định về cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục đội ngũ cán bộ bán chuyên trách cấp cơ sở tự nguyện tham gia công tác nhằm góp phần thực hiện thành công các nhiệm vụ chính trị ở địa phương do Đảng và Nhà nước giao phó.

2.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND phường A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của phường và khu phố thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của cán bộ không chuyên trách. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục và động viên họ công tác lâu dài, gắn bó với địa phương.

Tìm hiểu nguyên nhân vì sao cán bộ bán chuyên trách ở phường và các khu dân cư ít gắn bó lâu dài trong các lĩnh vực công tác. Trên cơ sở đó, UBND phường A cần phải triển khai đồng bộ, đầy đủ và hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về cơ cấu tổ chức và hoạt động chính quyền địa phương. Đồng

thời, tổ chức hội nghị chuyên đề nhằm đề xuất những giải pháp nâng cao mức thu nhập của bộ phận cán bộ không chuyên trách ở phường A để họ an tâm công tác lâu dài với địa phương.

Trong đó cần phải tập trung hoàn thiện đề án vị trí việc làm, tinh gọn bộ máy hành chính nhà nước cấp cơ sở phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm chống lãng phí và sử dụng hiệu quả kinh phí được phân cấp theo quy định hiện hành. Chủ động đề xuất sử dụng 1 phần kinh phí tiết kiệm hàng năm phục vụ cho việc mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác và hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với cán bộ bán chuyên trách cấp cơ sở.

Đồng thời, kêu gọi các mạnh thường quân tự nguyện ủng hộ các trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ thiết yếu để cán bộ bán chuyên trách ở cơ sở đảm bảo điều kiện làm việc. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ bán chuyên trách hoàn thành tốt nhiệm vụ và có thêm cơ hội việc làm phù hợp tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống.

3. Tình huống số 3

3.1.Mô tả tình huống

Nhận được phản ánh của số người dân khu phố A, phường B về việc có một nhóm người thường xuyên tụ tập sinh hoạt tôn giáo tại nhà ông K vào buổi tối. Đảng uỷ phường B đã chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp với cán bộ tôn giáo, dân tộc đến nhà ông K để xác minh tính xác thực thông tin do người dân phản ánh. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, ông K khẳng định là có một số người bạn quen biết đến nhà ông chơi chứ không có chuyện sinh hoạt tôn giáo.

Khoảng nửa tháng sau đó, UBND phường B lại tiếp tục nhận được phản ánh của nhân dân khu phố A về việc có nhiều người lạ thường tập trung ở nhà ông K vào cuối tuần. Qua theo dõi nắm bắt thông tin, UBND phường B biết được nhà ông K đang tổ chức sinh hoạt tôn giáo trái phép. UBMTTQVN phường đã phối hợp với công an phường B và khu phố A nhiều lần mời ông K đến trụ sở làm việc khu phố để thuyết phục ông K dừng ngay hoạt động sinh hoạt tôn giáo trái phép nhưng ông

K vẫn lén lút hoạt động kín kẻ hơn. Ông K làm màn che biểu tượng tôn giáo ở phòng khách, lúc sinh hoạt tôn giáo thì kéo ra và đến lúc xong thì kéo lại để che mắt lực lượng chức năng không phát hiện.

3.2.Phân tích tình huống

Thông qua sự phản ánh của người dân khu phố A, Đảng uỷ, chính quyền và đoàn thể phường B đã biết được ông K đang lén lút sinh hoạt tôn giáo trái phép. Dù chưa biết rõ ông K đang hoạt động loại hình tôn giáo nào nhưng hành vi của ông K là vi phạm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Mặc dù hành vi của ông K chưa gây ra hậu quả gì nghiêm trọng nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến các hộ dân sinh sống xung quanh và vi phạm pháp luật. Do vậy, Đảng uỷ, chính quyền và đoàn thể phường B cần phải quyết liệt ngăn chặn, chấm dứt ngay hoạt động sinh hoạt tôn giáo trái phép tại nhà ông K.

3.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đấu tranh, phòng ngừa tệ nạn mê tín, dị đoan của Đảng uỷ, UBND và các tổ chức đoàn thể phường B chưa tốt. Do ông K sùng bái tín ngưỡng, tôn giáo của mình nhưng còn hạn chế về kiến thức pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Hậu quả từ hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo tại nhà ông K đã gây mất an ninh trật tử, ảnh hưởng đến đời sống của những người xung quanh; gây lãng phí thời gian và tiền bạc của chính những người tham gia sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo tại nhà ông K. Hơn nữa, hoạt động tôn giáo trái phép ở nhà ông K về lâu dài sẽ tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn trong xã hội do những tác động tiêu cực của nó gây ra.

3.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền tự do, dân chủ và quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định pháp luật của Nhà nước.

3.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ khoản 1, 2, 3, Điều 24, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các

tôn giáo bình đẳng trước pháp luật; Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật".

Căn cứ khoản 1, 2, Điều 12, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định: "Hoạt động tín ngưỡng của cơ sở tín ngưỡng phải được đăng ký, trừ cơ sở tín ngưỡng là nhà thờ dòng họ; Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến UBND cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, trừ những trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật này …"

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Điểm g, khoản 3, Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình: Quy định phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi: "Lợi dụng quyền tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng để lôi kéo, kích động người khác xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân".

Căn cứ các khoản 1, 2, Điều 331, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân: "Người nào lợi dụng các quyền tự do ngôn luận, tự di báo chí, tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tự do hội họp, lập hội và các quyền tự do dân chủ khác xâm hại lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm; Phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội thì phạt tù từ 02 năm đến 07 năm".

3.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục ông K và những người tham gia tự nguyện chấm dứt việc tụ tập sinh hoạt tôn giáo trái phép để không ảnh hưởng đến

những người xung quanh và góp phần thiết thực trong việc giữ gìn an ninh trật tự trong khu dân cư.

3.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND phường B chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của phường và khu phố A thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của ông K và các hộ dân trong khu phố. Tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân nói chung và ông K nói riêng thực hiện nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Tìm hiểu thực hư hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái phép tại nhà ông K để có cách xử lý thích hợp. Hướng dẫn ông K thực hiện các thủ tục cần thiết trong việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật. Đề nghị ông K viết cam kết không hành nghề mê tín dị đoan.

Ngoài ra, cần phải thu thập những chứng cứ về việc tụ tập sinh hoạt tôn giáo trái phép ở nhà ông K và các đối tượng có liên quan. Căn cứ theo những quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị định số 167/2013/NĐ-CP để giải thích, phân tích để ông K và những người tham gia nhận thấy hành vi sinh hoạt tôn giáo trái phép của họ là vi phạm pháp luật.

Tiếp tục thuyết phục và hướng dẫn ông K thực hiện các thủ tục cần thiết trong việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp tín ngưỡng, tôn giáo tại nhà ông K thuộc đạo lạ và có dấu hiệu mê tín dị đoan thì yêu cầu chấm dứt ngay. Nếu ông K và những người tham gia vẫn ngoan cố vi phạm thì UBND phường B cần phải đề nghị cấp trên có thẩm quyền vào cuộc xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tình huống số 4

4.1.Mô tả tình huống

Trong thời gian xảy ra dịch bệnh Covid - 19, ông A ở xã B thường xuyên đăng tải, chia sẻ trên facebook cá nhân những bài viết, hình ảnh, bình luận tiêu cực về những biện pháp phòng, chống dịch của chính quyền. Những bài viết của ông A xoay quanh việc chỉ trích các biện pháp phòng chống dịch của Chính phủ là gây tổn thất và làm cho kinh tế khủng hoảng; việc cách ly tập trung vi phạm nhân quyền và dân quyền… lôi kéo hàng trăm người bình luận, chia sẻ các thông tin đăng tải. Sự việc khiến nhiều người dân bức xúc, hoang mang, lo lắng trước tình hình dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp hơn.

4.2.Phân tích tình huống

Covid - 19 là đại dịch đã tác động đến tác cả mọi lĩnh vực và chi phối đời sống của nhân loại trên phạm vi toàn cầu. Điều đó đã được thực tiễn chứng minh, tuy nhiên không phải ai cũng nhận thức đầy đủ tính chất và mức độ nghiêm trọng của dịch Covid - 19. Hành vi sử dụng công nghệ phát tán những luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng và Nhà nước ta, đưa những thông tin sai lệch gây hoang mang dư luận xã hội trong thời điểm bùng phát dịch Covid - 19 ông A là vi phạm pháp luật và cần phải xử lý thoả đáng.

4.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do ông A chưa nhận thức đầy đủ kiến thức về Luật an ninh mạng, chưa nhận thức đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid - 19. Ông A đã bị kẻ xấu kích động, lợi dụng để tuyên truyền, phát tán những luận điệu xuyên tạc chống phá Đảng và nhà nước ta hoặc tự phát đăng tải những nội dung sai trái mà không hề biết đó là hành vi vi phạm pháp luật.

Do công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật trên địa bàn xã B chưa tốt nên một bộ phận dân cư, trong đó có ông A đã chưa nhận thức đầy đủ về mức độ nghiêm trọng của đại dịch Covid - 19 và thiếu kiến thức về Luật an ninh mạng.

Sự việc xảy ra đã làm hoang mang dư luận xã hội và gây khó khăn trong công tác phòng, chống đại dịch Covid - 19 ở xã B.

4.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền tự do, dân chủ; quyền tự do thông tin ngôn luận của nhân dân theo hiến pháp và quy định của pháp luật.

4.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Điều 8 và Điều 9 của Luật An ninh mạng năm 2018 quy định "các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng" và "xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng".

Căn cứ Điều 156, Điều 288 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "tội vu khống" và "tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông".

Căn cứ Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

4.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân xã B nói chung và ông A nói riêng nhận thấy sự cần thiết của việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19. Đồng thời, phổ biến rộng rãi Luật An ninh mạng, Bộ Luật hình sự và các nghị định của Chính phủ trên không gian mạng để ông A và nhân dân xã B nâng cao sự hiểu biết về các quy định của pháp luật.

4.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND xã chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã B và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của ông A.

Tìm hiểu động cơ đăng tải, chia sẻ trên facebook cá nhân những bài viết, hình ảnh, bình luận tiêu cực về những biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 xuất phát từ nguyên nhân hạn chế về hiểu biết pháp luật hay do bất mãn chế độ hoặc do bị xúi dục… để có cách xử lý thích hợp.

Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục ông A thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19; không được phép đăng tải, chia sẻ trên

facebook cá nhân những bài viết, hình ảnh, bình luận tiêu cực về những biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19.

Trên cơ sở những quy định của Luật An ninh mạng năm 2018, Bộ Luật Hình sự năm 2015 và các nghị định của Chính phủ phân tích cho ông A thấy được hành vi đưa thông tin sai sự thật gây hoang mang trong nhân dân, gây thiệt hại đến hoạt động kinh tế xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; sử dụng trái phép mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng internet; phao tin đồn sai sự thật nhằm xuyên tạc, câu like hoặc phục vụ cho mục đích kinh doanh qua mạng... là vi phạm pháp luật. Cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể xã B cần giải thích để ông A và nhân dân xã B hiểu đúng tính chất sự việc và tích cực chung tay phòng, chống dịch Covid - 19.

Nếu ông A nhận ra được hành vi sai trái của mình thì tổ công tác đề nghị ông A viết bản cam kết. Nếu ông A vẫn chưa nhận thức được hành vi sai trái của mình về việc đăng tải, chia sẻ trên facebook cá nhân những bài viết, hình ảnh, bình luận tiêu cực về những biện pháp phòng, chống dịch của chính quyền thì tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

5. Tình huống số 5

5.1.Mô tả tình huống

Tuyến đường liên thôn nối xã X, đoạn đi qua thôn 1 bị xuống cấp, hư hỏng nên Ban quản lý thôn đã xin ý kiến UBND xã X vận động nhân dân thôn 1 đóng góp tiền, ngày công để làm đường bê tông xi măng. Đường bê tông được xây dựng với quy cách dày 05cm, rộng 1,5m - trải bê tông xi măng 1 nửa mặt đường hiện hữu, nửa còn lại vẫn là đường đất. Sau khi tuyến đường hoàn thành, nhằm bảo vệ con đường nên người dân và Ban quản lý thôn 1 đã dựng barie ngăn không cho xe tải đi qua. Nếu xe tải muốn đi qua phải đóng tiền, mỗi lần là 50 ngàn đồng. Sự việc khiến nhiều lái xe bức xúc, xảy ra tranh cãi với những người chặn xe, thu tiền.

5.2.Phân tích tình huống

Xuất phát từ việc đường xá đi lại khó khăn nên người dân thôn 1, xã X mới xin chủ trương để người dân tự đóng góp làm đường bê tông để thuận lợi cho việc đi lại. Tuy nhiên, người dân chỉ đủ khả năng đóng góp làm được một nửa làn đường (1,5 mét), nửa còn lại vẫn là đường đất. Như vậy, phần đường bê tông chủ yếu phục vụ cho nhu cầu đi lại cho các phương tiện xe máy, xe kéo, xe thô sơ và các xe tải có trọng tải dưới 1 tấn. Nếu xe tải có trọng tải trên 1 tấn buộc phải chạy trên cả phần đường bê tông lẫn phần đường đất. Hơn nữa, đây là tuyến đường liên thôn nên việc lập chốt là bất cập và dễ phát sinh những tình huống ngoài ý muốn phát sinh do việc lập chốt thu phí.

5.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giao thông đường bộ của xã X chưa tốt nên Ban quản lý thôn 1 đã dựng barie ngăn không cho xe tải đi qua; tổ chức thu phí 50 ngàn đồng/lượt qua nên gây ra sự bức xúc của nhiều lái xe.

Hậu quả là xảy ra tranh cãi, xung đột giữa các tài xế và Ban quản lý thôn 1, gây mất an ninh trật tự trong thôn và kiềm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Luật giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2010/TTBGTVT ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TTBGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TTBGTVT ngày 08/8/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý, vận hành khai thác đường giao thông nông thôn;

Căn cứ Đơn xin làm đường của Ban quản lý thôn 1, xã X.

5.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thôn 1 tự nguyện chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành, khai thác đường giao thông nông thôn và Luật giao thông đường bộ nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

5.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND xã chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã X và thôn 1 thành lập tổ công tác thực hiện việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân thôn 1 và các tài xế tải thường xuyên đi qua tuyến đường trên để có cách xử lý thích hợp.

Tìm hiểu xem việc dựng barie ngăn không cho xe tải đi qua và tổ chức thu phí 50 ngàn đồng/lượt có mục đích nào khác không hay chỉ là để bảo vệ đường.

Trên cơ sở ấy, tổ công tác động viên, khích lệ tinh thần đóng góp của bà con trong việc cải tạo tuyến đường, giải quyết nhu cầu thiết thực về giao thông công cộng trên địa bàn thôn 1. Đồng thời, phân tích, giải thích để người dân thôn 1 hiểu việc làm hàng rào chặn xe tải và phạt tiền khi có xe tải đi lên đường bê tông là vi phạm pháp luật. Thuyết phục bà con thôn 1, tháo dỡ hàng rào chặn xe và dừng ngay việc phạt tiền đối với xe tải chạy trên phần đường bê tông. Vì đây là tuyến đường liên thôn. Do vậy, đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét xây dựng kế hoạch cải tạo, nâng cấp tuyến đường để phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

Nếu tổ công tác thuyết phục đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

6. Tình huống số 6

6.1.Mô tả tình huống

Chị B là công chức của UBND xã A nhưng chị B không tham gia vào các tổ chức Đảng và đoàn thể của xã. Chị B thường xuyên không chấp hành sự phân công của lãnh đạo UBND xã nên 2 năm liên tiếp bị phân loại đánh giá ở mức độ không

hoàn thành nhiệm vụ. Chủ tịch UBND xã A sau khi xin ý kiến của cấp trên, của Đảng ủy đã quyết định cho chị B nghỉ việc. Chị B khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch UBND xã A tiếp tục nhận chị B vào làm việc và chi trả đầy đủ các chế độ, tiền lương trong thời gian chị bị buộc thôi việc.

6.2.Phân tích tình huống

Trong quá trình công tác, chị B thường xuyên bị UBND xã A nhắc nhở, kiểm điểm về thái độ, tinh thần trách nhiệm trong công việc cũng như ý thức chấp hành nội quy, quy chế của UBND xã . Tuy nhiên, chị B vẫn không có sự chuyển biến tích cực mà ngày càng có những hành vi chống đối tiêu cực, gây mất đoàn kết nội bộ trong cơ quan. Kết quả là 2 năm liên tiếp chị B bị phân loại đánh giá ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ.

6.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Thứ nhất, do chị B thiếu tinh thần, trách nhiệm trong công tác, làm ảnh hưởng công việc chung của UBND xã A. Thứ hai, do UBND xã A cho chị B nghỉ việc mà chưa làm công tác tư tưởng trước là chưa thỏa đáng.

Hậu quả là để xảy ra khiếu nại, gây thất thoát thời gian, để lại dư luận xấu trong xã hội và suy giảm uy tín của UBND xã A.

6.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch và đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Công văn trả lời của tổ chức Công đoàn UBND xã A về việc nhận xét, đánh giá thái độ, tinh thần làm việc của bà B trong 2 năm được đánh giá, xếp loại ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

Căn cứ Biên bản đánh giá phân loại công chức trong 3 năm liên tiếp, trong đó có 02 năm bà B được phân loại, đánh giá ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ của UBND xã A ngày… tháng… năm...

Căn cứ biên bản cuộc họp của Ban Thường vụ Đảng ủy xã A về việc kỷ luật đối với bà B ngày… tháng… năm...

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 58, Luật số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức. Việc xử lý công chức không hoàn thành nhiệm vụ được quy định như sau: *Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cho thôi việc đối với viên chức có 02 năm liên tiếp trong thời hạn bổ nhiệm được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ*.

Căn cứ Luật số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hay còn gọi là Bộ luật lao động. Tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 38 luật này quy định quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động.

6.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà B tự giác chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Hội về quyền và nghĩa vụ của nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở.

6.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của bà B. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà B chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tìm hiểu nguyên nhân tại sao chị B thiếu tinh thần, trách nhiệm trong công tác, làm ảnh hưởng công việc chung của UBND xã A.

Hướng dẫn chị B nếu có những thắc mắc, không đồng tình với quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của UBND xã A thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã để giải quyết, không nên gửi đơn thư khiếu kiện vượt cấp.

Sau khi có đơn thư khiếu nại của chị B, UBND xã A phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hồ sơ, nắm bắt được lý do không đồng

tình với quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của UBND xã A…, UBND xã A tổ chức đối thoại với chị B. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục chị B tự nguyện xin nghỉ việc để không ảnh hưởng đến công việc chung của cơ quan. Đồng thời, UBND xã sẽ tạo điều kiện và giải quyết các chế độ, chính sách hỗ trợ cho chị B theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở hài hòa lợi ích của đôi bên.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được và những căn cứ quy định. Tổ công tác phân tích, giải thích cho bà B và đại diện lãnh đạo UBND xã A hiểu quy định và các phương pháp giải quyết.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp. Trong trường hợp 2 bên không đạt được thoả thuận chung nhất trong việc khắc phục hậu quả thì hướng dẫn bà B viết đơn khởi kiện gửi Toà án nhân dân huyện giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Tình huống số 7

7.1.Mô tả tình huống

Quá trình quy hoạch xây dựng trường tiểu học T tại xã X kéo dài (từ khi thực hiện quy hoạch đến khi có quyết định đền bù giải phóng mặt bằng là 19 năm). Trên diện tích đất phải giải tỏa có 30 hộ dân sinh sống, trong nhiều năm liền vì thực hiện chủ trương quy hoạch nên các hộ dân không luôn phải sống trong tình trạng không ổn định nhưng được sự quan tâm, động viên của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nên bà con vẫn tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, đến khi công bố mức giá áp đền bù giải phóng mặt bằng của các hộ bị thu hồi, giá đất thấp chỉ bằng 1/3 giá thị trường, người dân không thể mua đất, xây nhà bằng số tiền được bồi thường. Tình hình trên khiến các hộ dân rất lo lắng, bức xúc. Một số phần tử xấu lợi dụng sự việc trên kích động, lôi kéo các hộ dân gây khó dễ trong công tác áp đền bù giải phóng mặt bằng.

7.2.Phân tích tình huống

Thời điểm quy hoạch đến khi thực hiện đến khi có quyết định đền bù giải phóng mặt bằng là 19 năm. Mức giá công bố áp đền bù giải phóng mặt bằng của các hộ bị thu hồi chỉ bằng 1/3 so với giá thị trường. Như vậy, mức giá bù giải phóng mặt bằng của các hộ bị thu hồi để xây dựng trường tiểu học xã X được áp dụng theo bảng giá đất được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ.

7.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do sự bất cập về thời quy hoạch xây dựng trường tiểu học T tại xã X. Do mức giá công bố áp đền bù, giải phóng mặt bằng của các hộ bị thu hồi chỉ bằng 1/3 so với giá thị trường đã gây bức xúc đối với các hộ bị thu hồi đất vì họ không thể mua đất, xây nhà với số tiền được nhà nước bồi thường.

Do Đảng uỷ, UBND xã X và các tổ chức đoàn thể chưa làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; sự bất cập về bảng giá đất đền bù, giải phóng mặt bằng; cùng với đó là do bị kẻ xấu kích động nên một số hộ dân ở xã X đã phản đối và gây khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng trường tiểu học T.

Hậu quả là tiến độ thực hiện dự án xây dựng trường tiểu học T bị chậm trễ, xảy ra tranh chấp đất đai giữa UBND xã với các hộ dân trong khu quy hoạch.

7.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các hộ dân trong quá trình thực hiện đền bù, giải tỏa theo quy định của pháp luật.

7.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật khiếu nại số 02/2011/QH13, ngày 11/11/2011 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số xx /QĐ-UBND của Ủy ban nhân tỉnh về việc phê duyệt Dự án xây dựng trường tiểu học T;

Căn cứ hồ sơ thi công dự án, các văn bản liên quan đến Dự án xây dựng trường tiểu học T.

7.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân tự nguyện ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án xây dựng trường tiểu học T nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

7.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND xã X chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nắm bắt thông tin, dư luận xã hội về việc giải toả đền bù phục xây dựng trường tiểu học xã X. Tìm hiểu nguyên nhân bức xúc của các hộ dân thuộc diện đền bù giải toả, mục đích gây khó dễ là gì… để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn các hộ dân nếu có những thắc mắc, không đồng tình với chính sách giải tỏa, đền bù… của Nhà nước thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã X để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của các hộ dân, UBND xã X phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được lý do không chấp nhận chủ trương, nguyện vọng của các hộ dân…, UBND xã tổ chức

đối thoại giữa các hộ dân và chủ đầu tư. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về lợi ích của Dự án; về chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho các hộ dân đối thoại với chủ đầu tư về giá cả đền bù, chính sách tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở hài hòa lợi ích của đôi bên.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

8. Tình huống số 8

8.1.Mô tả tình huống

Ông Y, pháp danh là Thích Ngộ Chánh có mua 2ha đất tại xã A, huyện Z để xây dựng chùa, được các phật tử trong xã A đồng tình hưởng ứng và ủng hộ. Ông Y chưa gia nhập tăng đoàn tỉnh và chưa có công văn đồng ý thành lập chùa của Ban đại diện Phật giáo huyện Z, chưa được Ban trị sự phật giáo tỉnh cho phép nhưng vẫn tiến hành thi công xây dựng chùa. Cán bộ UBND xã A đến kiểm tra và yêu cầu ông Y xuất trình các giấy tờ có liên quan việc xây dựng chùa thì phát hiện ông Y không có giấy phép xây dựng và 2ha đất nông nghiệp của ông chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng. Cán bộ UBND xã đã lập biên bản và yêu cầu ông Y tạm dừng xây chùa cho đến khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết. Sau đó, ông Y lại tiếp tục tiến hành xây chùa dù chưa được cấp phép xây dựng và chưa chuyển mục đích sử dụng đất. Việc xây dựng chùa của ông Y là vi phạm pháp luật về xây dựng nên cần phải được xử lý.

8.2.Phân tích tình huống

Sự việc trên xảy ra tại xã A nên Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã A cần phải thể hiện vai trò, trách nhiệm trong giải quyết sự việc xây dựng chùa trái phép do ông Y khởi xướng. Nguyện vọng xây dựng của ông Y và các phật tử chùa trên địa bàn xã A là chính đáng nhằm giải quyết nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của nhân dân ở địa phương. Tuy nhiên, việc xây dựng chùa phải được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

8.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chưa tốt. Do ông Y và bà con Phật tử ở xã A còn thiếu kiến thức về Luật tín ngưỡng, tôn giáo; Luật xây dựng… nên đã xảy ra tình trạng xây dựng chùa trái phép. Hậu quả là xảy ra mâu thuẫn giữa Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã A với ông Y và bà con Phật tử trong xã.

8.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Điều 58 của Luật số 02/2016/QH14, ngày 18/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Luật Tín ngưỡng, tôn giáo quy định về việc: "Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo".

Căn cứ khoản 4, Điều 95 của Luật số 50/2014/ QH14, ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Luật Xây dựng quy định "hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng đối với công trình tôn giáo".

Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/05/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Nghị định số 139/2017/NĐ-CP, ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoán sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

Căn cứ các bước thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo:

1. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu (sử dụng mẫu đơn của công trình không theo tuyến).

2. Bản sao được công chứng hoặc chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Hai bộ bản vẽ thiết kế, mỗi bộ gồm:

- Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

- Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến dự án, tỷ lệ 1/50 - 1/200.

4. Đối với công trình tôn giáo phải có thêm: Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về tôn giáo theo phân cấp.

Tuỳ thuộc địa điểm xây dựng công trình, quy mô công trình, tính chất công trình, đối chiếu với các quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng; quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành và các quy định của pháp luật liên quan, hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung các tài liệu sau:

- Bản vẽ hệ thống phòng cháy chống cháy (PCCC) tỷ lệ 1/50 - 1/200, được đóng dấu thẩm duyệt đối với công trình thuộc danh mục yêu cầu phải thẩm duyệt phương án phòng cháy chống cháy theo quy định của pháp luật về PCCC;

- Báo cáo kết quả thẩm định và văn bản phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của chủ đầu tư theo quy định; Báo cáo thẩm tra thiết kế do cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng hoặc tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện, kèm theo các bản vẽ kết cấu chịu lực chính có ký tên, đóng dấu của tổ chức, cá nhân thiết kế;

- Quyết định phê duyệt dự án kèm theo văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở (nếu có) của cơ quan quản lý nhà nước về công trình xây dựng chuyên ngành theo quy định.

8.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục ông Y và bà con phật tử xã A thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; xây dựng cơ sở tín ngưỡng nhằm phòng, chống tệ nạn mê tín dị đoan và hoạt động xây dựng trái phép xảy ra ở địa phương.

8.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của ông Y và bà con phật tử trong xã. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục ông Y và bà con phật tử trong xã chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Tìm hiểu nguyên nhân tại sao ông Y không thực hiện các thủ tục hồ sơ xây dựng chùa theo quy định… để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn ông Y quy trình các bước thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo gửi đến UBND xã và các cấp có thẩm quyền để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của ông Y và bà con phật tử, UBND xã phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được nguyện vọng của ông Y và bà con phật tử, lý do chưa được phép xây dựng chùa…, UBND xã tổ chức đối thoại ông Y và bà con phật tử. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục ông Y và bà con phật tử thực hiện xây dựng chùa phải đảm bảo các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng.

Nếu ông Y và bà con phật tử đồng thuận với ý kiến của tổ công tác thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu ông Y và bà con phật tử vẫn chưa thống

nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp. Trong trường hợp, ông Y vẫn không chấp hành và cố chấp xây dựng chùa trái phép thì UBND xã A tiến hành lập biên bản, xử phạt hành chính theo Điều 15, Nghị định 139/2017/NĐ-CP. Đồng thời, báo cáo sự việc lên huyện Z để xử lý kịp thời.

9. Tình huống số 9

9.1.Mô tả tình huống

Con của bà A là Nguyễn Văn C bị nghiện ma túy. Anh Nguyễn Văn C thường xuyên xin tiền mẹ để sử dụng ma túy, nhiều lần khi bà A không cho tiền C đã dọa nạt bà A và đập phá đồ đạc trong nhà. Quá bức xúc, bà A đã báo công an xã B nhờ can thiệp. Tuy nhiên, khi lực lượng công an và cán bộ xã đến khuyên can, thuyết phục anh C cai nghiện thì anh C không những không nghe mà còn tỏ ra hung hãn, tiếp tục đập phá đồ đạc trong nhà và đe dọa công an viên, cán bộ xã và hàng xóm đến can ngăn.

Trước những hành động mất kiểm soát của anh C, lực lượng công an xã đã khống chế và đưa anh C về trụ sở công an xã xử lý. Ngoài việc xử phạt về hành vi gây rối trật tự nơi công cộng, anh C còn bị công an xã lập hồ sơ đề nghị công an huyện đưa đi cai nghiện bắt buộc. Khi nghe tin con mình bị xử phạt và phải cho đi cai nghiện tập trung, chị A vội vàng chạy ra UBND xã xin cho con không bị xử phạt và đi cai nghiện. Khi cán bộ công an giải thích và không chấp nhận ý kiến của bà A thì chị chửi bới cán bộ công an xã.

9.2.Phân tích tình huống

Lực lượng công an và cán bộ xã nghe tin báo và đã đến nhà bà A giải quyết vụ việc là đúng chức năng và thẩm quyền. Quyết định xử phạt hành chính về hành vi gây mất trật tự an ninh và lập hồ sơ đề nghị công an huyện đưa đi cai nghiện tập trung đối với anh C là việc làm đúng và rất cần thiết.

Hành vi chửi bới của 2 mẹ con bà A, nhất là hành vi đe dọa lực lượng chức năng của anh C cần phải được xử lý nghiêm minh để loại trừ những dư luận không tốt và thể hiện tính răn đe của pháp luật. Tuy nhiên, cũng cần phải xử lý mềm dẻo

trên tinh thần hòa giải mâu thuẫn để 2 mẹ con bà A nhận thấy sự sai trái của mình mà sửa đổi. Hạn chế đến mức tối đa khả năng nảy sinh hiềm khích không đáng có giữa người dân với cán bộ ở cơ sở.

9.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện phòng, chống tệ nạn xã hội của Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở cơ sở chưa tốt. Công tác theo dõi và quản lý đối tượng nghiện ngập ma tuý, cụ thể là trường hợp anh C chưa được địa phương quan tâm sâu sát. Do vậy, đã gây mất an ninh trật tự tại gia đình bà A và tại trụ sở làm việc của UBND xã.

9.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm tệ nạn ma túy trên địa bàn xã theo đúng quy định của pháp luật.

9.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Điều 34, Luật số 91/2015/QH13 (Bộ luật dân sự 2015) ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định quyền được bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017.

Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc).

Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Thông tư số 09/2017/TT - BTP ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11//2013 của Chính phủ *quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.*

Khoản 1, Điều 155, Luật số 100/2015/QH13 (Bộ luật hình sự 2015) ngày 27/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tội làm nhục người khác: *"Người nào xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của người khác, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm".*

Thông tư số 05/2018/TT-BCA ngày 07/02/2018 của Bộ Công an quy định việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

9.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà A và anh C tự giác cai nghiện ma tuý, đề nghị anh C tự nguyện chấp hành cai ma tuý tại cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định.

9.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã B chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của bà A. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà A đưa anh C vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Phân tích, giải thích để 2 mẹ con bà A biết được những hành vi chửi bới, xúc phạm nhân phẩm và danh dự người khác là sai trái và vi phạm pháp luật. Thuyết phục bà A nên có lối cư xử đúng mực trong giao

tiếp xã hội và nhất là nơi công cộng và trụ sở làm việc của nhà nước. Giải thích, phân tích thấu tình, đạt lý hậu quả của tệ nạn ma túy mà con bà A đang mắc phải. Trên cơ sở những tác hại của tệ nạn ma tuý mà anh C gây ra trong gia đình, thuyết phục bà A nên hợp tác với địa phương để giúp con bà cai nghiện tốt, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Riêng anh C, do tác hại của ma tuý nên không kiểm soát được hành vi của mình. Do vậy, cần thuyết phục từ từ để anh C ổn định tâm lý, nhận thấy sự nguy hiểm của tệ nạn ma túy gây ra cho gia đình và bản thân để anh tự nguyện cai nghiện tốt và tái hòa nhập cộng đồng.

Nếu đối thoại giữa tổ công tác và gia đình bà A đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu gia đình bà A vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

10. Tình huống số 10

10.1. Mô tả tình huống

Ông A và bà B là hàng xóm, ông A nuôi rất nhiều gà còn vườn bà B thì trồng rau để bán. Gà nhà ông A thường xuyên sang vườn rau bà B ăn rau, hai bên thường xảy ra mâu thuẫn. Một hôm, bà B quá tức giận vì gà nhà ông B cứ sang ăn phá rau nhà mình nên bà đã mua thuốc về thuốc chết đàn gà nhà ông A. Sự việc ấy làm cho mâu thuẫn đẩy lên cao trào, thậm chí xảy ra xung đột, xô xát, ẩu đả giữa hai gia đình. Sau đó, ông A viết đơn tố cáo bà B gửi Công an xã Y nhờ giải quyết.

10.2. Phân tích tình huống

Ở vùng nông thôn, các hộ gia đình thường tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống bằng cách trồng rau, nuôi gà ở trong vườn. Diện tích đất vườn gắn liền với nhà ở vùng nông thôn thường có diện tích rộng nên người dân ít khi xây và rào lưới B40. Vì không rào lưới các luống rau và nuôi gà thả rông truyền thống nên sự việc gà nhà này sang ăn rau của nhà kia là rất phổ biến. Sự việc xảy ra giữa nhà ông A và bà B cũng là một trong những trường hợp như thế. Thay vì nhờ sự can

thiệp của chính quyền cơ sở thì bà B lại xử lý vụ việc bằng cách mua thuốc để thuốc chết đàn gà nhà ông A.

10.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về chăn nuôi của Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở xã Y chưa tốt nên một số người dân, trong đó có ông A chưa nhận thức được việc chăn nuôi gà thả rông phá hoại hoa màu của người khác là sai; hành vi thuốc chết gà nhà ông A của bà B là hành vi vi phạm pháp luật. Hậu quả là xảy ra mâu thuẫn, xung đột, xô xát, ẩu đả giữa hai gia đình, gây mất an ninh trật tự và mất đoàn kết trong khu dân cư.

10.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của 2 gia đình theo đúng quy định của pháp luật.

10.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Điều 585, Luật số 91/2015/QH13 (Bộ luật dân sự 2015) ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định **về nguyên tác bồi thường thiệt hại:**

"1. Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.

3. Khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường.

4. Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

5. Bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình".

Khoản 4, Điều 603, Bộ Luật dân sự năm 2015 quy định bồi thường thiệt hại do súc vật gây ra: "Trường hợp súc vật thả rông theo tập quán mà gây thiệt hại thì chủ sở hữu súc vật đó phải bồi thường theo tập quán nhưng không được trái pháp luật, đạo đức xã hội".

Ngoài ra, việc để gia cầm gây thiệt hại tài sản của người khác có thể bị xử phạt hành chính được quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, để động vật nuôi gây thiệt hại tài sản cho người khác bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại.

10.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục 2 gia đình thống nhất mức thoả thuận đền bù, hoà giải mâu thuẫn nhằm gắn kết tình cảm giữa 2 gia đình.

10.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của 2 gia đình.

Tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột; mức độ thiệt hại kinh tế của 2 gia đình… để có cách xử lý thích hợp. Trên cơ sở đó, tổ công tác tổ chức đối thoại giữa 2 gia đình nhằm thỏa thuận mức đền bù và hoà giải mâu thuẫn. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục 2 gia đình thống nhất mức đền bù theo quy định pháp luật. Trên cơ sở mức độ thiệt hại vườn rau của nhà bà B, số lượng gà chết của nhà ông A. Căn cứ khoản 4, Điều 603, Bộ Luật dân sự năm 2015; điểm e, khoản 2, Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính và bồi

thường thiệt hại, hoà giải viên giải thích, phân tích để 2 gia đình thấy được việc để gà thả rông gây thiệt hại hoa màu cũng như việc thuốc chết vật nuôi gây thiệt hại kinh tế là vi phạm pháp luật. Do vậy, các bên đều có trách nhiệm bồi thường cho nhau để khắc phục hậu quả theo quy định pháp luật hiện hành.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

Trường hợp 2 gia đình không đạt được thoả thuận thống nhất cuối cùng trong việc bồi thường thiệt hại thì hoà giải viên hướng dẫn các bên khởi kiện đến Tòa án hoặc tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

11. Tình huống số 11

11.1. Mô tả tình huống

Khi Bà Nguyễn Thị L có nhà ở bằng gỗ lợp tôn, trong nhà có một số tượng phật theo hình thức tu tại gia đã từ lâu. Năm 2020, vì căn nhà xuống cấp nên bà L xây dựng căn nhà cấp 4 mới để ở. Nơi bà L cư trú thuộc khu vực nông thôn, miền núi ở xã X nên việc xây lại nhà ở không cần xin phép xây dựng. Vì trước đó bà L từng có tiền án về tội hành nghề mê tín dị đoan nên, UBND xã X đã cử cán bộ xuống kiểm tra ngôi nhà bà L đang xây dựng. Cán bộ xã X phát hiện bà L xây dựng tam cấp lớn giữa nhà có hình thức như điện thờ. Cán bộ xã X hỏi xây dựng tam cấp để làm gì thì thì bà L trả lời là dùng để những tượng phật ở nhà cũ lên. Tuy nhiên, qua quan sát xung quanh nhà bà L, cán bộ xã X thấy có một số tượng thờ và bài vị mới được bà L đặt mua đã đang cất giữ tại căn nhà cũ. Vì vậy, cán bộ xã X đã yêu cầu bà L viết cam kết không hoạt động mê tín, dị đoan nhưng bà L cương quyết không viết cam kết và tranh cãi với cán bộ xã X.

11.2. Phân tích tình huống

Trường hợp nhà bà L thuộc khu vực nông thôn, miền núi ở xã X nên không cần xin giấy phép xây dựng vì UBND xã X chưa công bố, công khai quy hoạch xây dựng và quy hoạch phát triển đô thị. Vì bà L từng bị xử phạt về tội hành nghề

mê tín, dị đoan nên UBND xã X đã phân công cán bộ xã đến kiểm tra xem bà L có xây dựng điện thờ để hành nghề mê tín, dị đoan hay không. Kết quả kiểm tra cho thấy bà L có dấu hiệu xây dựng điện thờ và khi cán bộ xã X yêu cầu viết cam kết thì bà L không những không viết mà còn cự cãi.

Bà L có quyền xây dựng tam cấp để phục vụ mục đích cá nhân trong việc thực hành nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo tại nhà thì bà L phải có trách nhiệm viết cam kết không hành nghề mê tín, di đoan. Nhưng nếu bà L xây dựng với mục đích là cơ sở sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo nói chung và là điểm hành nghề mê tín, di đoan nói riêng thì UBND xã X cần phải can thiệp xử lý theo quy định của pháp luật.

11.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã X chưa tốt nên còn xảy ra hoạt động mê tín dị đoan trên địa bàn xã. Do bà L chưa nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân trong việc chấp hành các quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo nên bà L đã không hợp tác với cán bộ xã X trong việc viết cam kết không hành nghề mê tín, dị đoan. Hậu quả là xảy ra mâu thuẫn giữa bà L và cán bộ xã X.

11.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Điều 58, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về *cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo*.

Căn cứ khoản 4, Điều 95, Luật Xây dựng năm 2014.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2017.

Căn cứ Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

Căn cứ Điều 2, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 quy định về việc mê tín dị đoan, tuỳ theo tính chất, mức độ mà có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc cao hơn là truy tố trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Điều 320, Bộ Luật hình sự năm 2015 quy định về tội hành nghề mê tín dị đoan. Theo đó, người nào dùng bói toán, đồng bóng hoặc các hình thức mê tín dị đoan khác nếu đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này trong thời gian chờ xoá án tích mà còn vi phạm thì bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Còn nếu làm chết người, thu lợi bất chính từ 200 triệu đồng trở lên thì người phạm tội bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm. Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội có thể bị xử phạt vi phạm hành chính từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

11.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà L thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo nhằm phòng, chống tệ nạn mê tín dị đoan và hoạt động xây dựng trái phép xảy ra ở địa phương.

11.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Đảng uỷ, UBND xã X chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của bà L. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục bà L chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

Tìm hiểu nguyên nhân tại sao bà L không thực hiện các thủ tục hồ sơ xây dựng cơ sở tín ngưỡng theo quy định… để có cách xử lý thích hợp. Hướng dẫn bà L quy trình các bước thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo gửi đến UBND xã X và các cấp có thẩm quyền để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của bà L, UBND xã phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được nguyện vọng của bà L, lý do chưa được phép xây dựng cơ sở tín ngưỡng…, UBND xã X tổ chức đối thoại với bà L. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục bà L thực hiện xây dựng cơ sở thờ tự phải đảm bảo các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng.

Nếu bà L đồng thuận với ý kiến của tổ công tác thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu bà L vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

Trong trường hợp bà L vẫn không chấp hành và cố chấp xây dựng cơ sở thờ tự trái phép thì UBND xã X tiến hành lập biên bản, xử phạt hành chính theo Điều 15, Nghị định 139/2017/NĐ-CP. Đồng thời, báo cáo sự việc lên huyện để xử lý kịp thời.

12. Tình huống số 12

12.1. Mô tả tình huống

Ấp A xã B là ấp đặc biệt khó khăn theo quy định của nhà nước. Trong chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định của tỉnh thì đối với ấp được đặc biệt khó khăn khi xây dựng đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù thì nhà nước hỗ trợ 100% đường cấp C rộng 3m. Trong quá trình triển khai thực hiện, chính quyền địa phương đã tổ chức họp dân bổ sung phương án đổ đá mi mở rộng hành lang mỗi bên 1 mét và kêu gọi nhân dân ấp A tham gia hưởng ứng để đường đi rộng rãi. Kết quả, có 80% số hộ được hưởng lợi trực tiếp từ công trình đã đóng góp, còn 20% hộ không hưởng lợi trực tiếp cho rằng nhà nước đã hỗ trợ 100% mà còn bắt nhân dân đóng góp là sai quy định.

Địa phương, các cấp, các ngành đã tuyên truyền giải thích đây là do nhân dân thống nhất đóng góp thêm để mở rộng con đường cho khang trang, rộng rãi nhưng 20% hộ còn lại vẫn dứt khoát không chịu đóng góp. Vì vậy, 80% hộ dân đã đóng góp yêu cầu ấp phải thu đủ 20% số hộ dân chưa đóng góp nếu không thu được thì ấp phải hoàn trả lại tiền cho họ. Trong khi đó, ấp cùng với 1 số hộ dân đại diện tổ giám sát đã hợp đồng với đơn vị thi công và họ đã làm hoàn chỉnh theo yêu

cầu. Ấp và nhân dân đề nghị xã giải quyết và xử lý số 20% hộ dân không đóng góp. Như vậy, giải quyết như thế nào cho đúng quy định.

12.2. Phân tích tình huống

Qua sự việc xảy ra tại xã B cho thấy, việc triển khai đóng góp tự nguyện để làm hành lang đường bộ bê tông xi măng trên địa bàn ấp 2 của xã chưa có sự thống nhất và đồng thuận của nhân dân. Vì vậy, trong quá trình thực hiện đã có 20% tổng số hộ dân ấp 2 đã không đóng góp tiền để làm hành lang đường bộ ấp. Sự việc ấy phản ánh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân quyên góp tiền để làm hành lang đường bộ ấp vẫn chưa đạt độ chín muồi, chưa đảm bảo để xúc tiến thi công công trình. Hơn nữa, nếu đáp ứng nguyện vọng của đại đa số hộ dân trong ấp trong việc làm hành lang đường bộ ấp thì cán bộ ấp A và UBND xã B vẫn chưa có phương án dự phòng trong trường hợp có một số hộ dân vì hoàn cảnh khó khăn, không đủ khả năng đóng góp tiền thì cần khoả lắp khoản thiếu hụt như thế nào cho đảm bảo kinh phí thực hiện.

12.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã B chưa tốt; nhận thức của các hộ dân ấp A về lợi ích của việc làm đường chưa tốt; thời điểm triển khai thực hiện chưa đạt độ chín muồi và còn thiếu phướng án dự phòng trong việc triển khai thi công công trình. Do thiếu sự thống nhất của các hộ dân ấp A nên đã gây khó khăn cho việc thực hiện dự án và gây mất đoàn kết nội bộ.

12.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong việc tự nguyện đóng góp làm đường giao thông nông thôn theo quy định của pháp luật.

12.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ điểm b và điểm g, Điều 5, Mục V, Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 18/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế hỗ trợ:

"b) Hỗ trợ một phần từ ngân sách Nhà nước cho các xã để thực hiện: Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm, giao thông

nội đồng, hệ thống thủy lợi nội đồng, trường học, trạm y tế xã, trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã, khu thể thao, nhà văn hóa thôn, bản, các công trình cấp nước sinh hoạt, thoát nước thải khu dân cư, cải tạo nghĩa trang, cảnh quan môi trường nông thôn, cải tạo, mở rộng, nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn; hoàn thiện, xây mới hệ thống chợ, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy định, hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản, phát triển sản xuất và dịch vụ, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn, hỗ trợ cho xây dựng các trung tâm bán hàng hiện đại ở cấp xã, hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ), hỗ trợ thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020 (theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ), kinh phí vận hành Quỹ xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã thuộc các huyện nghèo trong Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ được ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% cho các nội dung nêu trên.

g) Chính quyền địa phương (tỉnh, huyện, xã) không quy định bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng các hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của địa phương. Cộng đồng và người dân trong xã bàn bạc mức tự nguyện đóng góp cụ thể cho từng dự án, đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua."

Như vậy, không bắt buộc nhân dân đóng góp trong việc xây dựng các công trình nông thôn mới. Việc đóng góp của nhân dân buộc phải có sự bàn bạc và đồng tình của nhân dân. Nếu cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nhân dân đóng góp mà không có sự bàn bạc, đồng ý của nhân dân là trái với quy định hiện hành.

Trên thực tế, chính quyền ấp A đã có sự bàn bạc, đồng ý của nhân dân trong việc triển khai làm hành lang đường bê tông ấp. Tuy nhiên, chỉ có 80% hộ dân đồng ý, còn 20% hộ dân còn lại không đồng ý vì cho rằng nhà nước đã hỗ trợ đầu tư 100% kinh phí thực hiện.

12.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân trong ấp A tự nguyện tham gia đóng góp tiền làm đường nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của ấp nói riêng và của xã B nói chung.

12.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã B chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp A thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân không tham gia đóng góp tiền làm đường. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục họ ủng hộ chủ trương làm đường của ấp.

Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, thái độ của các hộ dân, lý do không chấp nhận đóng góp tiền làm đường… để có cách xử lý thích hợp. Trên cơ sở đó, tổ công tác tổ chức đối thoại giữa các hộ dân không đồng tình đóng góp với Ban nhân dân ấp A. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về lợi ích của việc làm đường. Giải thích cho 20% hộ dân biết nhà nước đã đầu tư 100% kinh phí cho việc làm đường bê tông xi măng trên địa bàn ấp 2. Việc vận động nhân dân ấp 2 tự nguyện đóng góp kinh phí thực hiện trải đá 2 bên hành lang đường không thuộc gói đầu tư làm đường được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, UBND xã cũng không có ép buộc nhân dân phải đóng góp trong việc thực hiện công trình nông thôn mới phát sinh.

Thuyết phục các hộ còn lại nên tham gia đóng góp để góp một phần nhỏ cho cộng đồng. Đó là một việc làm rất có ý nghĩa để cùng với nhà nước thay đổi diện mạo nông thôn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

13. Tình huống số 13

13.1. Mô tả tình huống

Ở buôn đồng bào dân tộc thiểu số xã A, các hộ gia đình được nhà nước hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ trâu bò, máy cày, phân bón để chăm rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh. Tuy nhiên, có một số hộ gia đình đồng bào dân tộc đã sử dụng vốn vay ưu đãi không đúng mục đích, những hộ này bán máy móc, trâu, bò và phân bón để mua lương thực, thực phẩm hoặc để ăn nhậu. Sự việc trên khiến dự án có nguy cơ bị thất bại, hơn thế nữa, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của các hộ dân và của địa phương.

13.2. Phân tích tình huống

Trong những năm qua, nhà nước đã triển khai thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ vốn vay ưu đãi để các hộ đồng bào dân tộc thiểu số mua giống vật nuôi, các trang thiết bị lao động sản xuất và vật tư nông lâm nghiệp để phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn ra một vài hiện tượng tiêu cực trong việc sử dụng vốn vay ưu đãi của nhà nước. Vì vậy, chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo vẫn còn một số hạn chế nhất định. Cần phải có những giải pháp điều chỉnh hữu hiệu, kịp thời để cải thiện đời vật chất và tinh thần của nhóm dân cư nghèo, nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

13.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, , thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể chưa tốt; nhận thức của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số về chủ trương, chính sách hỗ trợ chưa tốt.

Hậu quả là một số hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số xã A đã sử dụng vốn vay ưu đãi không đúng mục đích, thậm chí bán máy móc, trâu, bò và phân bón để trang trải cuộc sống thường ngày. Sự việc ấy không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân các hộ nghèo dân tộc thiểu số mà còn ảnh hưởng gián tiếp đến công tác triển khai chủ trương, chính sách cảu Đảng và Nhà nước ở địa phương.

13.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc triển

khai các chủ trương, chính sách hỗ trợ của Đảng và Nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật.

13.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ quan điểm, chủ trương xoá đói giảm nghèo của Đảng; các chính sách, chương trình mục tiêu quốc gia của nhà nước về xoá đói giảm nghèo.

Căn cứ Quyết định 135/1998/QĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa.

Căn cứ Quyết định 30a/2008/QĐ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

Căn cứ Quyết định 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Quyết định 1227/QĐ-TTg ngày 14/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ vào thực trạng nghèo đói ở xã A. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện hiệu quả công tác xoá đói giảm nghèo đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

13.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã A nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xóa đói giảm nghèo; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; bảo vệ rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương.

13.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ trương xóa đói giảm nghèo; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; bảo vệ rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh.

Tìm hiểu nguyên nhân bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương xóa đói giảm nghèo; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; bảo vệ rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh… để có cách xử lý thích hợp. Hướng dẫn các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nếu có những thắc mắc, không đồng tình với chủ trương xóa đói giảm nghèo; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; bảo vệ rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh… của Nhà nước thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã để giải quyết.

Tổ công tác tổ chức đối thoại với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã A. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục họ về lợi ích của chủ trương xóa đói giảm nghèo; chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số; bảo vệ rừng phòng hộ theo dự án của tỉnh. Phân tích, giải thích cho các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số xã A thấy được những tác động tiêu cực của sự nghèo đói ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân họ ra sao. Thuyết phục họ hãy vì tương lai của con cháu mình mà nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo. Khuyên họ sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách và các trợ cấp xã hội khác của nhà nước trong chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Đồng thời, tháo gỡ những khó khăn, xử lý kịp thời những bất cập phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chủ trương xoá đói giảm nghèo ở địa phương. Khơi dây ý chí vươn lên thoát nghèo của các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã A và phát huy hiệu quả sự đầu tư của Nhà nước trong công cuộc xoá đói giảm nghèo.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

14. Tình huống số 14

14.1. Mô tả tình huống

Trên địa bàn thôn E, xã F có dấu hiệu một số quần chúng, trong đó có cả hội viên Hội Cựu chiến binh bị kẻ xấu lợi dụng kích động về chính sách đền bù, tái định cư, đã không nhận đền bù, không bàn giao mặt bằng thi công dự án B, chuẩn bị kéo ra UBND xã F gây áp lực. Các đối tượng đang tập hợp lực lượng, chuẩn bị xe kéo, băng rôn, cờ… gây sự chú ý của đông đảo nhân dân trong xã. UBND xã F cần phải xử lý sự việc trên như thế nào để đảm bảo tình hình an ninh trật tự và đảm bảo lợi ích chính đáng của nhân dân trong xã.

14.2. Phân tích tình huống

Dự án B được UBND xã phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày. Dự án hoàn thành sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội thôn E nói riêng và xã F nói chung. Tuy nhiên, công tác đền bù giải tỏa còn tồn đọng một số điểm nghẽn nên tiến độ công trình bị chậm trễ so với kế hoạch đề ra. Hơn nữa, còn xảy ra khiếu kiện kéo dài và tụ tập đông người gây áp lực đối với chính quyền cơ sở gây bất ổn về an ninh trật tự.

Do vậy, cần phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, chính quyền và các tổ chức đoàn thể cấp cơ sở, cũng như các cấp có thẩm quyền có liên quan để tháo gỡ nút thắt ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án.

14.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã F chưa tốt; nhận thức của các hộ dân về lợi ích của Dự án B chưa đầy đủ; chính sách giải tỏa, đền bù có thể chưa hợp lý dẫn đến việc các hộ dân chưa đồng thuận trong việc hiến đất, gây khó khăn cho việc thực hiện Dự án B.

Hậu quả, xảy ra khiếu nại, khiếu kiện tranh chấp đất đai giữa người dân thôn E và UBND xã F, thậm chí còn xảy ra tình trạng tụ tập đông người trước trụ sở

UBND xã F để gây áp lực, gây mất an ninh trật tự và còn ảnh hưởng đến tiến độ thi công dự án B; ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của chính quyền đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong việc triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án B theo quy định của pháp luật.

14.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ những quy định của Luật Đất đai năm 2013 về nguyên tắc bồi thường đất khi nhà nước thu hồi được quy định tại Điều 74; các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất được quy định tại khoản 2, Điều 83; bảng giá đất và giá đất tại khoản 3, Điều 114; việc giải quyết khiếu nại về đất đai tại Điều 204.

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất. Theo đó, UBND cấp tỉnh được quy định mức giá đất cao hơn nhưng không quá 30% so với mức giá tối đa của cùng loại đất trong khung giá đất. Trong khi giá đất thị trường luôn biến động hàng ngày thì khung giá đất theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước lại có tỉnh ổn định trong một thời gian nhất định.

Điểm đ, khoản 2, Điều 5, Mục 1, Chương II, Nghị định 167/2013 ngày 12/11/2013 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, xử phạt xử phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng.

Căn cứ Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2002 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng.

Căn cứ Thông tư số 09/2005/TT-BCA ngày 05/9/2005 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng.

14.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân thôn F, xã F tự nguyện nhận tiền đền bù giải toả để phục vụ công tác thi công Dự án B nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã F chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và thôn E thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tìm hiểu những hộ có thái độ quá khích, có hành động kích động những hộ khác phản đối chủ trương chung là ai, mục đích thật sự là gì… để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn các hộ dân nếu có những thắc mắc, không đồng tình với chính sách giải tỏa, đền bù… của Nhà nước thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã E để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của các hộ dân, UBND xã F phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được lý do không chấp nhận chủ trương, nguyện vọng của các hộ dân thôn E…, UBND xã F tổ chức đối thoại giữa các hộ dân và chủ đầu tư. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về lợi ích của Dự án B; về chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho các hộ dân đối thoại với chủ đầu tư về giá cả đền bù, chính sách tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở hài hòa lợi ích của đôi bên.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

15. Tình huống số 15

15.1. Mô tả tình huống

Xã A đã được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới cách đây 5 năm. Tuy nhiên, từ khi khu công nghiệp X được hình thành trên địa bàn, doanh nghiệp và công nhân tập trung về đông nên có một số vấn đề bất cập nảy sinh, trong đó có tình trạng ô nhiễm môi trường sống. Gần đây, việc tập kết rác thải sinh hoạt gần các dãy nhà trọ, gần các ngã ba, ngã tư đã gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của người dân địa phương. Trong các cuộc họp dân, tiếp xúc cử tri, rất nhiều ý kiến nêu lên bức xúc này nhưng tình hình vẫn không được cải thiện.

15.2. Phân tích tình huống

Tình trạng tập kết rác thải sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường là một trong những vấn đề nóng trong các khu dân cư trên địa bàn xã A. Nếu không xử lý rác thải kịp thời sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ của người dân trong các khu dân cư.

15.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã A chưa tốt; nhận thức của các hộ dân ở xã A về vấn đề ô nhiễm môi trường chưa đầy đủ; quy hoạch các điểm tập kết rác thải có thể chưa hợp lý dẫn đến việc phát sinh các điểm tập kết rác thải tự phát ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và sức khỏe của người dân ở xã A.

Hậu quả là gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan và ảnh hưởng đến sức khoẻ của nhân dân trong các khu dân cư ở xã A.

15.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

15.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Điều 80, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Chương VIII, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và Điều 88 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải;

Căn cứ Nghị định 19/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ điểm c, điểm d, khoản 1, Điều 20, Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Theo đó, hành vi thu gom, thải rác thải sinh hoạt trái quy định về bảo vệ môi trường bị xử phạt: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng, trừ vi phạm quy định tại điểm d khoản này; Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị.*

Căn cứ Nghị định 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường;

Căn cứ Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

15.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân xã A tự nguyện để rác thải sinh hoạt và rác thải sản xuất đúng nơi quy định nhằm góp phần bảo vệ môi trường tại các khu dân cư trên phạm vi toàn xã.

15.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và các ấp thành lập các tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân trên phạm vi toàn xã. Thực hiện tuyên truyền,

vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường; quy hoạch của UBND xã về các điểm tập kết rác thải và kế hoạch của xã A về việc triển khai thực hiện thu gom, xử lý rác thải trên phạm vi toàn xã.

Tìm hiểu nguyên nhân phát sinh các điểm tập kết rác thải tự phát trong các khu dân cư để có cách xử lý phù hợp. Nếu có bất cập trong công tác quy hoạch điểm tập kết rác thải thì tổ công tác hướng dẫn các hộ dân làm đơn kiến nghị gửi đến UBND xã để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của các hộ dân, UBND xã phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng phân bố các điểm tập kết rác thải trên địa bàn xã, nắm bắt được nguyên nhân phát sinh các điểm tập kết rác thải tự phát trong các khu dân cư …, UBND xã tổ chức đối thoại giữa các hộ dân về việc tập kết rác đúng nơi quy định. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về sự cần thiết phải tập kết rác đúng nơi quy định nhằm đảm bảo mỹ quan và đảm bảo vệ sinh môi trường tại các khu dân cư.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

16. Tình huống số 16

16.1. Mô tả tình huống

Gia đình ông A là hộ dân tộc thiểu số nghèo tại xã H, mặc dù nhận được nhiều chính sách ưu đãi và được nhà nước hỗ trợ về vốn để phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo. Nhưng vì lười lao động và nghiệm rượu nên ông A thường xuyên vào rừng Quốc gia B săn bắt thú để bán lấy tiền chi tiêu cho gia đình và để ăn nhậu. Lực lượng kiểm lâm rừng Quốc gia B và UBND xã H đã nhiều lần nhắc nhở, xử phạt song ông A vẫn "ngựa quen đường cũ". Ông A thường nói với mọi người rằng, "không săn bắn thì cả nhà tôi sẽ chết đói".

16.2. Phân tích tình huống

Ông A là người đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp và có hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước để vươn lên thoát nghèo

nhưng do không chí thú làm ăn, nghiện ngập rượu nên ông A thường xuyên vào rừng săn bắt thú để có tiền ăn nhậu và trang trải cuộc sống gia đình. Hành vi ấy của ông A là vi phạm pháp luật, cần phải ngăn chặn và xử lý để bảo vệ động vật hoang dã trong rừng Quốc gia B.

16.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã H chưa tốt; nhận thức của ông A về thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo, phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo vệ rừng và động vật hoang dã chưa tốt. Hậu quả là gia đình ông A luôn sống trong tình cảnh túng thiếu và nghèo khổ. Hơn nữa, nhiều thú rừng ở rừng quốc gia B đã bị ông A săn bắn trái phép. Việc làm đó của ông A ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ rừng và bảo vệ động vật hoang dã ở rừng quốc gia B.

16.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện thực tiễn công tác xoá đói giảm nghèo; thực hiện chính sách đối với người đồng bào dân tộc thiểu số; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ rừng và động vật hoang dã của địa phương đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

16.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ khoản 3, Điều 9, Luật Lâm nghiệp năm 2017 quy định hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong kĩnh vực lâm nghiệp:

Tại khoản 4, Điều 5 quy định đơn vị để xác định tính thiệt hại do hành vi vi phạm hành chính gây ra: *Động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc loài thông thường; động vật rừng, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB; sản phẩm của động vật rừng thuộc Danh mục thực vật rừng, động*

vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB; thực vật rừng ngoài gỗ và sản phẩm gỗ xác định trị giá bằng tiền Việt Nam, đơn vị tính là đồng.

Điều 6 quy định về áp dụng xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 13 và Điều 20 quy định hành vi khai thác rừng trái pháp luật và các mức xử phạt vi phạm hành chính theo nhóm phân loại.

Điều 16 quy định hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng và các mức xử phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng tuỳ theo giá trị động vật rừng. Bên cạnh đó, còn có các hình thức phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài ra, người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm nếu tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ được quy định tại Điều 190, Bộ luật hình sự năm 2009.

16.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục ông A tự nguyện chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác xoá đói giảm nghèo và chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ rừng và động vật hoang dã nhằm góp phần thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở địa phương.

16.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã H chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và thôn/ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của gia đình ông A. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục gia đình ông A thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xoá đói giảm nghèo, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; bảo vệ rừng và động vật hoang dã.

Tìm hiểu nguyên nhân thật sự gia cảnh túng thiếu, nghèo khổ của gia đình ông A và động cơ săn bắt thú rừng của ông A… để có cách xử lý thích hợp. Trên cơ sở đó, tổ công tác thuyết phục, vận động ông A cai nghiện rượu bia, chí thú làm ăn chăm lo cuộc sống gia đình. Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để gia đình ông A được hưởng các chính sách ưu đãi về vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước mà vươn lên thoát nghèo. Phân tích, giải thích cho ông A và gia đình biết được hành vi săn bắt thú rừng là vi phạm pháp luật. Hành vi ấy không chỉ bị xử phạt hành chính mà còn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nếu đối thoại đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp. Trường hợp ông A vẫn ngoan cố tái phạm, đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

17. Tình huống số 17

17.1. Mô tả tình huống

Tại các vùng kinh tế khó khăn của xã C, việc học tập của học sinh ít được các gia đình quan tâm, hầu như chỉ phó thác cho nhà trường và thầy cô giáo. Các gia đình thường bắt con nghỉ học để phụ giúp việc nhà. Đến mùa điều, trường Tiểu học và THCS B của xã có gần 50% học sinh nghỉ học để đi hái điều phụ gia đình hoặc đi hái điều thuê để kiếm tiền. Khi thầy cô giáo tới vận động thì phụ huynh cho rằng "Đi học không có tiền, đi hái điều mới có tiền".

17.2. Phân tích tình huống

Trên các địa bàn sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số xã C thường hay xảy ra tình trạng cho con em nghỉ học để phụ giúp gia đình trong mùa thu hoạch. Mặc dù, Đảng và nhà nước đã có nhiều chính sách hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực để hỗ trợ cho đối tượng thuộc diện đồng bào dân tộc thiểu số ở xã C nhưng vẫn còn xảy ra tình trạng phụ huynh cho con em nghỉ học để đi hái điều trong mùa thu hoạch. Việc làm ấy của phụ huynh người đồng bào dân tộc thiểu số xã C là vi phạm Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2014. Cần phải ngăn chặn kịp thời tình

trạng trên để trẻ em người đồng bào dân tộc thiểu số có đủ điều kiện nâng cao trình độ văn hoá, đó là hành trang quan trọng để các thế hệ con em họ theo kịp nhịp độ phát triển chung của xã hội.

17.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể chưa tốt; nhận thức của các hộ dân là người đồng bào dân tộc thiểu số xã C về thực hiện chính sách giáo dục và Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em chưa tốt nên họ đã tự ý cho con em mình nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình.

Hậu quả là việc học hành của con em người đồng bào dân tộc thiểu số xã C sẽ bị gián đoạn. Điều đó không chỉ ảnh hưởng lâu dài đến tương lai con em của người đồng bào dân tộc thiểu số mà còn ảnh hưởng đến công cuộc xóa đói, giảm nghèo của xã C.

17.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền được chăm sóc, được giáo dục của con em người đồng bào dân tộc thiểu số theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xoá đói giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2014.

17.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học quy định tại Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg ngày 21/12/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng chính sách đối với học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Căn cứ Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 09/5/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. Theo đó, trẻ em mẫu giáo 3 - 5 tuổi đi học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 10% mức lương cơ sở/trẻ/tháng (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn tại trường.

Căn cứ khoản 7 và 8, Điều 7, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2014 quy định nghiêm cấm các hành vi: *Lạm dụng lao động trẻ em, sử dụng trẻ em làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại, làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động; cản trở việc học tập của trẻ em.* Theo đó, việc cho trẻ nghỉ học đi hái điều là vi phạm pháp luật.

Lấy một số tấm gương tiểu biểu, điển hình vươn lên thoát nghèo nhờ việc học hành đến nơi đến chốn trong cộng các dân tộc thiểu số của địa phương để nêu gương; tạo lập mục tiêu, động lực để bà con đồng bào dân tộc thiểu số cố gắng khắc phục khó khăn trước mắt, chăm lo việc học hành của con em vì cuộc sống con em họ sau này.

17.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân đồng bào dân tộc thiểu số tự giác chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác xoá đói giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2014 để con em họ có điều kiện học tập tốt nhất.

17.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã C chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã, trường Tiểu học và THCS B và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân người đồng bào dân tộc thiểu số cho con em nghỉ học trong mùa thu hoạch. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục họ ủng hộ thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người đồng bào dân tộc thiểu số.

Tìm hiểu lý do tại sao họ lại cho con em mình nghỉ học giữa chừng để phụ giúp gia đình… để có cách xử lý thích hợp. Trên cơ sở những quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với người đồng bào dân tộc thiểu số, tổ công tác vận động các phụ huynh học sinh để các em tiếp tục cắp sách đến trường. Thông qua các tấm gương vươn lên vượt khó trong cộng đồng, thuyết phục họ hãy vì tương lai con em mình mà đừng làm ảnh hưởng đến việc học của các em. Đồng thời, giải thích cho phụ huynh các em thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học hành và đó cũng là con đường duy nhất để thay đổi cuộc sống của con em họ.

Khuyên họ đừng vì những lợi ít nhỏ nhoi trước mắt mà cản trở việc học của con em. Nếu có những trường hợp đặc biệt khó khăn thì chính quyền địa phương và nhà trường cần tích cực hơn nữa trong việc giúp đỡ họ. Đồng thời kêu gọi cộng đồng, nhất là các nhà hảo tâm cùng với chính quyền và nhà trường tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất để hỗ trợ gia đình các em.

Nếu đối thoại giữa tổ công tác với các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số đạt được kết quả thì yêu cầu họ cam kết để căn cứ thực hiện. Nếu các bên vẫn chưa thống nhất thì tổ công tác tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

18. Tình huống số 18

18.1. Mô tả tình huống

Xã A giáp biên giới Campuchia, điều kiện kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, xã A lại thường xuyên xảy ra tệ nạn cờ bạc và ngày càng diễn biến phức tạp. Trong các dịp lễ tết hoặc ma chay, các hình thức cờ bạc truyền thống như: đánh bài, bầu cua, đá gà… ăn tiền được tổ chức công khai. Ngoài ra các hình thức bài bạc công nghệ cũng hình thành như chơi game bắn cá, trò chơi có thưởng trên mạng Internet. Hơn thế nữa, địa phương cũng là điểm nóng xảy ra tình trạng các con bạc lén lút tập kết để đi sang Campuchia để đánh bạc. Tình hình trên đã gây bất ổn về tình hình an ninh trật tự ở địa phương.

18.2. Phân tích tình huống

Xã A là địa phương thường xuyên xảy ra tệ nạn cờ bạc, mà cao điểm là các dịp lễ Tết, lễ hội, lễ cưới, ma chay… không chỉ cờ bạc dưới hình thức truyền thống mà còn cờ bạc thông qua các trang website trên không gian mạng. Cứ mỗi dịp Xuân về, những người có máu đỏ đen thường hay vùi mặt vào những sới bạc để cầu may mắn cho riêng mình. Dù cho đã hết đợt nghỉ Tết nhưng với tâm lý tháng Giêng là tháng ăn chơi nên các sới bạc vẫn cứ hoạt động âm ỉ.

18.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn cờ bạc ở xã A còn nhiều hạn chế. Người dân ở xã A chưa nhận thức đầy đủ hậu quả nghiêm trọng do tệ nạn cờ bạc gây ra.

Hậu quả là tệ nạn xã hội cờ bạc ở xã A ngày càng diễn biến rất phức tạp dưới nhiều hình thức khác nhau. Hệ lụy của tệ nạn này là nhiều người rơi vào tình cảnh tán gia bại sản, phát sinh tệ nạn trộm cướp tài sản, gây mất an ninh trật tự công cộng… ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

18.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống công khai, minh bạch và đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

18.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ Điều 321, Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội đánh bạc. Theo đó, người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua thắng bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng , đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Nếu phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 3 năm đến 7 năm: Có tính chất chuyên nghiệp; tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên; sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông,

phương tiện điện tử để phạm tội; tái phạm nguy hiểm. Đông thời, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

18.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân xã A tự giác chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, cụ thể là vấn nạn cờ bạc ở địa phương nhằm xóa bỏ loại hình tệ nạn này và các hệ lụy khác do nó gây ra, góp phần thiết thực trong việc giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

18.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã A chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, diễn biến tệ nạn xã hội cờ bạc trên địa bàn xã để có cách xử lý thích hợp.

Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh công tác tuyền truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tệ nạn cờ bạc trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các cuộc họp thôn, tổ, khu dân phố. Tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình ở cơ sở để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các tụ điểm cờ bạc trên địa bàn xã. Kiên quyết đấu tranh triệt phá các ổ nhóm, đường dây tổ chức hoạt động và xử lý nghiêm minh các đối tượng phạm tội cờ bạc.

Định kỳ hàng năm, yêu cầu các đối tượng vi phạm đã bị xử lý viết bản cam kết không tái phạm. Nếu trường hợp nào đã xử lý mà còn tái phạm thì tổ công tác tiếp tục tuyên truyền, vận động, thuyết phục họ từ bỏ cờ bạc, đồng thời cũng cần xử phạt nghiêm minh theo quy định pháp luật hiện hành.

19. Tình huống số 19

19.1. Mô tả tình huống

Anh A và chị B kết hôn đã được 20 năm, sinh được 2 con, một trai, một gái, hiện có 2 con đang tuổi đi học. Hàng ngày chị tần tảo bán rau kiếm sống, anh thì làm nghề chạy xe ôm, cuộc sống của gia đình anh chị tuy rất khó khăn nhưng khá đầm ấm. Gần đây, dịch bệnh xảy ra phức tạp khiến thu nhập của cả gia đình bị giảm sút, anh A đánh số đề mong cải thiện thu nhập, nhưng chẳng những không kiếm thêm được tiền mà còn thua lô đề khiến đời sống càng khó khăn. Buồn chán, anh A thường xuyên uống rượu rồi về nhà to tiếng, chửi bới, xúc phạm, thậm chí "thượng cẳng chân, hạ cẳng tay" với vợ, con. Chị B do cuộc sống vất vả, làm việc mệt mỏi nên đôi khi cũng nặng lời, xỉa xói chồng… Hai con của anh chị vì thế mà học tập sa sút.

19.2. Phân tích tình huống

Hoàn cảnh gia đình anh A và chị B rất khó khăn, đang phải nuôi 2 con ăn học. Trong khi đó anh A lại vướng vào tệ nạn xã hội (nghiện ngập lô đề, rượu bia). Hai vợ chồng anh A và chị B vì thế mà thường xuyên lời qua, tiếng lại rất khó nghe, thậm chí anh A còn đánh đập chị B, gây mất trật tự thôn xóm.

19.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, thuyết phục của Đảng uỷ, chính quyền, đoàn thể xã về phòng, chống các tệ nạn xã hội chưa tốt nên vấn nạn bạo lực gia đình, cờ bạc, rượu bia vẫn còn xảy ra. Bởi anh A chưa nhận thức đầy đủ tác hại của rượu, bia, lô đề và các quy định pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình. Hậu quả, đã xảy ra mâu thuẫn, bất hoà trong gia đình và ảnh hưởng xấu đến việc học hành của các con.

19.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình để các con anh A có điều kiện phát triển tốt nhất có thể.

19.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa* vụ thương *yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các* công *việc trong gia đình".*

Căn cứ Luật số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016 của Quốc hội khóa 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Trẻ em năm 2016).

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 nghiêm cấm: "*Các hành vi bạo lực gia đình sau: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khoẻ, tính mạng; Lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm…".*

Căn cứ khoản 1, Điều 49 và Điều 51, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình quy định: "*Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình"*.

19.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục vợ chồng anh A và chị B tự giác giữ gìn hạnh phúc gia đình, tránh xa các tệ nạn xã hội để chăm lo cho con cái.

19.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các thành viên gia đình anh A. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục vợ chồng anh A hàn gắn tình cảm để bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Tìm hiểu nguyên nhân rượu bia, lô đề, chửi bới, đánh đập vợ con của anh A và nguyên nhân chị B hay nặng lời, xỉa xói chồng … để có cách xử lý thích hợp.

Sau khi nắm bắt được lý do mâu thuẫn gia đình anh A, UBND xã tổ chức hòa giải xung đột, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh A. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục vợ chồng anh A hãy vì các con mà sống tốt hơn, không nên cãi vã to tiếng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con cái.

Giải thích cho anh A thấy được tác hại của tệ nạn lô đề và tác hại của rượu, khuyên anh A hãy từ bỏ ngay để giữ hạnh phúc cho gia đình. Khuyên vợ chồng anh A nên chăm chỉ làm ăn để lo cho các con và hãy yêu thương nhau để làm gương cho các con. Hãy đồng sức, đồng lòng chăm lo hạnh phúc gia đình. Thay vì xỉa xói, chửi bới nhau thì hai vợ chồng nên dành thời gian đó để bàn bạc cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Nếu vợ chồng anh A vẫn chưa thống nhất thì tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

20. Tình huống số 20

20.1. Mô tả tình huống

Trong thời gian xảy ra dịch bệnh viêm đường hô hấp do chủng mới virus Corona (Covid-19) gây ra, tại khu cách ly tập trung A trên địa bàn xã B xảy ra tình trạng người thân những người bị cách ly tụ tập đông người trước các khu cách ly A để tiếp tế, gây mất trật tự xã hội và gia tăng nguy cơ lây nhiễm, bùng phát dịch trong cộng đồng. Khi được lực lượng chức năng vận động, giải thích, họ không chấp hành mà còn to tiếng xúc phạm các cán bộ đang làm nhiệm vụ. Địa phương đang phải tập trung mọi nguồn lực để phòng, chống dịch, còn phải giải quyết những vụ việc trên khiến áp lực công việc ngày càng lớn.

20.2. Phân tích tình huống

Trong khi cả hệ thống chính trị, chính quyền, nhất là cơ quan y tế đang khuyến cáo người dân hạn chế ra đường, nghiêm cấp tụ tập đông người, tuân thủ nghiêm các quy trình phòng chống dịch, thực hiện khai báo y tế, đeo khẩu trang, rửa tay bằng dung dịch sát khuẩn… để phòng, chống dịch Covid - 19. Trong thời điểm đó, những người đi về từ vùng dịch được cách ly tập trung tại khu cách ly tập trung A trên địa bàn xã B.

Với tâm lý sợ người thân của mình thiếu đồ ăn, nước uống và các vật dụng sinh hoạt cá nhân nên những người thân của những người bị cách ly tại khu cách ly tập trung A trên địa bàn xã B đã đến tiếp tế rầm rộ. Hiện tượng tập trung đông người tại khu cách ly tập trung A trên địa bàn xã B đã gây mất an ninh trật tự, an

toàn xã hội và làm gia tăng nguy cơ nguy cơ lây lan dịch trong cộng đồng, ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch của địa phương.

20.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền của cấp uỷ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã B về các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 chưa tốt. Do người dân chưa nhận thức đầy đủ tính chất và mức độ nguy hiểm của đại dịch Covid - 19. Hậu quả là để xảy ra tình trạng tập trung đông người trước khu cách ly A, gia tăng nguy cơ lây nhiễm bệnh trong cộng đồng và ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch của xã B. Nếu sự việc trên không được xử lý kịp thời và hiệu quả sẽ để lại hậu quả khó lường nếu 1 trong những người đi tiếp tế bị nhiễm Covid - 19.

20.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại khu cách ly.

20.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ điểm đ, khoản 2, Điều 5, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP của Chính phủ về vi phạm quy định về trật tự công cộng. Theo đó, hành vi tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất trật tự công cộng thì phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Căn cứ Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2002 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng.

Căn cứ Thông tư số 09/2005/TT-BCA ngày 05/9/2005 của Bộ Công an hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 38/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng.

20.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục đám đông tự giác chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 theo hướng dẫn của Bộ Y tế nhằm đảm bảo an toàn cho người tiếp tế, người bị cách ly và không gây ảnh hưởng đến công tác phòng, chống dịch ở xã B.

20.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã B chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và Ban quản lý khu cách ly tập trung A thành lập tổ công tác triển khai thực hiện tuyên truyền, vận động những người tập trung tiếp tế trước khu cách ly hiểu được tính chất, mức độ nguy hiểm của dịch Covid - 19. Giải thích để họ thấy được những biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19 là cần thiết và cấp thiết để bảo vệ sức khoẻ, tính mạng của người dân. Việc tập trung quá đông người trước khu cách ly rất dễ lây nhiễm dịch Covid - 19.

Thông báo cho họ biết tình hình người thân bên trong khu cách ly A vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt cá nhân và nhu yếu phẩm thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày; UBND xã B và các cấp có thẩm quyền đã và đang tiếp tục hỗ trợ tích cực trong việc đảm bảo nhu cầu cuộc sống của những người đang được cách ly để họ yên tâm.

Chia sẻ với họ việc tự giác tiếp tế là rất có ý nghĩa, rất cần thiết nhưng nó thực sự có ý nghĩa khi hàng tiếp tế được chuyển vào bên trong đảm bảo các quy định của nhà nước trong thời điểm dịch bệnh đang có nhiều diễn biến phức tạp. Thuyết phục họ nên tuân thủ các quy định về khoảng cách, tránh tình trạng chen lấn, xô đẩy gây mất trật tự an ninh và an toàn xã hội. Khẳng định với họ rằng, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid - 19 sẽ nhanh chóng triển khai các phương án tiếp tế hiệu quả, thiết thực và đảm bảo hàng hoá tiếp viện sẽ đến đúng người nhận trong thời gian sớm nhất có thể.

Hướng dẫn họ thực hiện đảm bảo các biện pháp phòng, chống dịch Covid - 19. Đồng thời, thành lập bộ phận tiếp nhận đồ tiếp tế để người dân thuận lợi tiếp viện cho người thân của họ trong khu cách ly một cách hiệu quả nhất.

Qua sự việc trên, cần phải rút kinh nghiệm trong khi xây dựng phương án cách ly tập trung. Tăng cường thêm lực lượng tại các chốt trước khu cách ly. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân

nhận biết được tính chất và mức độ nguy hiểm của dịch bệnh; để họ tự giác và ý thức hơn trong việc tiếp tế.

21. Tình huống số 21

21.1. Mô tả tình huống

Ông A và ông B là hàng xóm của nhau ở tại xã F. Nhà ông B ở trong, nhà ông A ở ngoài, 2 nhà cùng sử dụng lối đi chung và đây cũng là lối đi duy nhất vào nhà ông B. Con ông B là anh C thường tụ tập bạn bè ăn nhậu tại nhà vào mỗi chiều tối thứ bảy. Lần nào ăn nhậu cũng mang loa kẹo kéo ra hát hò ồn ào, náo nhiệt, xe cộ để lộn xộn, ngăn cả lối đi chung. Ông A nhiều lần nhắc nhở anh C và ông B về việc này để không làm ảnh hưởng đến chòm xóm, nếu không ông sẽ rào đường, không cho đi chung ngõ nữa. Tuy nhiên, anh C vẫn tiếp tục tổ chức ăn nhậu, thậm chí còn lớn tiếng thách thức khi ông A phàn nàn. Đáp lại lời thách thức của anh C, cứ mỗi chiều tối thứ bảy ông A lại kê bàn ghế ra ngõ ngồi uống nước gây cản trở việc đi lại của hộ gia đình ông B. Mâu thuẫn, xích mích giữa gia đình ông A và ông B ngày càng gay gắt gây mất trật tự an ninh trong xóm, thậm chí còn xảy ra xô xát giữa anh C và gia đình ông A.

21.2. Phân tích tình huống

Anh C thường tụ tập bạn bè ăn nhậu tại nhà vào mỗi chiều tối thứ bảy gây ồn ào, náo nhiệt, xe cộ để lộn xộn, ngăn cả lối đi nên xảy ra mâu thuẫn, mất hoà khí giữa 2 gia đình ông A và ông B. Mâu thuẫn giữa 2 gia đình trở nên gay gắt, thậm chí dẫn đến xô xát là vì những lời thách thức của anh C trước những nhắc nhở của ông A và vì ông A đáp trả lại những lời thách thức của anh C bằng việc kê bàn ghế ra ngõ ngồi uống nước gây cản trở việc đi lại của hộ gia đình ông B.

21.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật đến các công đồng dân cư của Đảng uỷ, chính quyền và các tổ chức đoàn thể xã F chưa được tốt nên còn xảy ra tình trạng tụ tập ăn nhậu và sử dụng loa kẹo kéo hát karaoke trong khu dân cư gây ảnh hưởng đến người khác. Do anh C còn thiếu hiểu biết kiến thức pháp luật quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; quy

định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình. Do gia đình ông A và ông B chưa nắm bắt được quy định về lối đi chung. Hậu quả là xảy ra mâu thuẫn giữa hai gia đình, gây mất tình làng nghĩa xóm, gây mất an ninh trật tự trong khu dân cư.

21.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của 2 gia đình trong việc sử dụng lối đi chung, bảo vệ môi trường và phòng, chống tệ nạn xã hội trong khu dân cư theo quy định của pháp luật.

21.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Căn cứ tại khoản 1, 2, 3, Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 quy định quyền lối đi chung.

Căn cứ Điều 17, Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Quy định phạt cảnh cáo đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng tuỳ vào mức độ vượt quy chuẩn kỹ thuật. Thậm chí còn có hình thức phạt bổ sung và khắc phục hậu quả do hành vi này gây ra.

Căn cứ Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định vi phạm quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình:

Điểm c, khoản 2, Điều 5 quy định phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi say rượu bia gây mất trật tự công cộng.

Khoản 1, Điều 6 quy định xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau.

Căn cứ khoản 1, Điều 318, Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội gây rối trật tự công cộng quy định: *Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc*

đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm.

21.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục 2 gia đình ông A và B tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng lối đi chung, bảo vệ môi trường và phòng chống tệ nạn xã hội nhằm giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trong khu dân cư.

21.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

Mâu thuẫn giữa 2 hộ gia đình ông A và B xảy ra sau thời điểm có lối đi chung. Do vậy mấu chốt của sự việc là hành vi vi phạm hành chính về tiếng ồn. Trước hết cán bộ địa phương và tổ hoà giải triệu tập các bên có liên quan để giải thích cho họ hiểu những hành vi vi phạm hành chính về tiếng ồn, hành vi gây mất trật tự công cộng làm ảnh hưởng đến hàng xóm, láng giềng.

Khơi dậy truyền thống tốt đẹp về tình làng nghĩa xóm của dân tộc ta. Đồng thời thuyết phục anh C chấm dứt việc ăn nhậu gây ồn ào, náo nhiệt, xe cộ để lộn xộn, ngăn cả lối đi để tránh xảy ra tranh chấp, xung đột ngoài ý muốn.

Nếu trường hợp xảy ra tranh chấp về lối đi chung mà hòa giải không thành thì tổ hoà giải cơ sở hướng dẫn các bên trình tự, thủ tục khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu mở lối đi trên bất động sản liền kề.

Qua sự việc trên, cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở cần rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền các văn bản pháp luật mới để nâng cao nhận thức pháp luật của nhân dân.

22. Tình huống số 22

22.1.Mô tả tình huống

Ông bà A sinh được 3 người con gái, cả ba người con đều đã xây dựng gia đình và ra ở riêng. Khi mất, ông bà A có để lại di chúc chung, chia đều toàn bộ di sản gồm ngôi nhà và diện tích đất đang ở cho 3 người con gái. Sau khi cả bố và mẹ

mất, do ở xa và muốn có chỗ để thờ tự và cũng là nơi để cả ba chị em gặp nhau vào những ngày giỗ chạp, lễ, tết, người con gái thứ 2 và con gái út thỏa thuận giao toàn bộ phần di sản thuộc quyền thừa kế của mình cho người chị cả quản lý. Do mải cờ bạc, lô đề, người chị cả muốn bán toàn bộ nhà đất đó nhưng cả hai em gái đều không đồng ý và tuyên bố nếu chị bán thì cả hai người sẽ đòi lại phần của họ đã giao cho người chị quản lý, bất đồng trong gia đình ngày càng lớn, hai người em gái đã tìm đến UBND xã Z đề nghị giúp đỡ.

22.2.Phân tích tình huống

Do vướng vào tệ nạn xã hội mà người chị cả muốn bán tài sản thừa kế theo di chúc do ông bà A để lại cho 3 người con gái. Theo quy định của pháp luật, người chị cả chỉ được bán 1/3 tổng số tài sản theo di chúc, nhưng người chị cả lại muốn bán hết. Hành vi trên của người chị cả là vi phạm pháp luật.

22.3.Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền thừa kế; phòng, chống tệ nạn xã hội của cấp uỷ Đảng, chính quyền xã Z chưa tốt. Do người chị cả mải cờ bạc, lô đề và muốn bán toàn bộ nhà đất nên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn giữa 3 chị em gái trong gia đình.

22.4.Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của cả 3 chị em trong việc kế thừa tài sản theo quy định của pháp luật.

22.5.Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó quy định về thừa kế được quy định tại từ Điều 609 đến Điều 623.

Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Di chúc của ông bà A ngày… tháng… năm...;

Giấy uỷ quyền sử dụng đất của 2 người em cho chị cả ngày… tháng… năm...

22.6.Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục 3 chị em gái ông bà A hoà giải mâu thuẫn trên cơ sở các quy định của pháp luật về quyền thừa kế nhằm hàn gắn những rạn nứt về tình cảm do tranh giành tài sản gây ra.

22.7.Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã Z chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… 3 chị em con của ông bà A. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục 3 chị em con của ông bà A hoà giải mâu thuẫn.

Tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn giữa người chị cả với 2 người em út… để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn 3 chị em con của ông bà A nếu có những thắc mắc, không đồng tình trong việc sử dụng tài sản kế thừa do cha mẹ để lại thì làm đơn gửi đến UBND xã để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị, khiếu nại của 2 người em, UBND xã Z phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nắm bắt được lý do người chị cả muốn bán tài sản, nguyện vọng của 2 người em út…, UBND xã tổ chức đối thoại giữa chị cả và nắm bắt được lý do người chị cả muốn bán tài sản, nguyện vọng của 2. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục người chị cả không được bán tài sản vì đó là tài sản chung của 3 chị em.

Nếu đối thoại giữa 3 chị em đạt được kết quả thì lập thành biên bản để làm căn cứ thực hiện. Nếu 3 chị em vẫn chưa thống nhất thì tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

Thuyết phục chị cả vì tình cảm chị em, khi 2 người em đã tin tưởng giao toàn bộ phần di sản thuộc quyền thừa kế của mình cho chị cả quản lý thì chị cả

phải quản lý di sản cho tốt . Trường hợp chị cả muốn bán có thể thỏa thuận với các em cho mình bán đất được hưởng thừa kế của mình theo di chúc. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận, hòa giải viên hướng dẫn các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết khi quyền lợi của mình bị xâm phạm theo quy định của pháp luật.

23. Tình huống số 23

23.1. Mô tả tình huống

Dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X liên tục thay đổi chủ đầu tư và "đắp chiếu" hơn 20 năm qua. Dự án treo đã làm cho hàng chục hộ dân phường Y rơi vào tình cảnh bế tắc trước sự xuống cấp của hạ tầng giao thông và nhà ở tạo nên một khu "ổ chuột" giữa lòng thành phố. Vừa qua có một số hộ dân đã tiến hành sửa chữa, cơi nới nhà ở để khắc phục sự xuống cấp của các căn nhà thì bị lực lượng chức năng đến lập biên bản, xử phạt. Các hộ dân rất bức xúc nên xảy ra tranh cãi, xô xát với các cán bộ làm nhiệm vụ. Tình hình rất căng thẳng, phức tạp.

23.2. Phân tích tình huống

Dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X "đắp chiếu" hơn 20 năm qua đã gây khó khăn cho các hộ dân ở phường Y trong việc xây dựng nhà ở, cũng như kinh doanh, trồng trọt và phát triển kinh tế gia đình. Sự bế tắc, bức xúc của người dân phường Y có 1 phần trách nhiệm rất lớn của UBND phường Y nói riêng và các cấp có thẩm quyền có liên quan đến dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X nói chung. Cần phải có sự vào của quyết liệt của các cấp có thẩm quyền để dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X trở nên hiện hữu và xoá bỏ ngay khu "ổ chuột" giữa lòng thành phố.

23.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do người dân phường Y ở trong khu quy hoạch dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X tiến hành sửa chữa, cơi nới nhà ở để khắc phục sự xuống cấp của các căn nhà. Do cán bộ phường Y xử phạt hành chính các hộ dân trong khu quy hoạch nên đã xảy ra tranh cãi, xô xát. Mà nguyên nhân sâu xa xuất

phát từ những hạn chế, bất cập trong công tác quy hoạch dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X. Hậu quả là xuất hiện một khu "ổ chuột" giữa lòng thành phố và xay ra mâu thuẫn giữa người dân và cán bộ phường Y.

23.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các hộ dân trong việc triển khai công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

23.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Luật đất đai năm 2013 quy định: "Người chịu trách nhiệm trước nhà nước đối với đất được giao để quản lý" tại Điều 8; "Nguyên tắc bồi thường thu hồi đất" tại Điều 74; "Hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất" tại Điều 83; "Bảng giá đất và giá đất" tại Điều 114; "Việc giải quyết khiếu nại về đất đai" tại Điều 204.

Luật đầu tư năm 2020.

23.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân tự nguyện nhận tiền đền bù giải toả để phục vụ công tác thi công Dự án nhằm góp phần thiết thực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

23.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND phường Y chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của phường và khu phố thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng… của các hộ dân đang sinh sống trong khu dự án. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục các hộ dân đang sinh sống trong khu dự án ủng hộ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tìm hiểu mâu thuẫn giữa các hộ dân trong khu dự án với cán bộ phường Y bắt nguồn từ nguyên nhân nào để có cách xử lý thích hợp.

Hướng dẫn các hộ dân nếu muốn tiến hành sửa chữa, cơi nới nhà ở để khắc phục sự xuống cấp của các căn nhà thì cần phải xin ý kiến của phường; hoặc có

những thắc mắc, không đồng tình với chính sách giải tỏa, đền bù… của Nhà nước thì làm đơn khiếu nại gửi đến UBND phường để giải quyết.

Sau khi có đơn kiến nghị của các hộ dân, UBND phường phân công cán bộ thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan, kiểm tra hiện trạng đất, nhà ở gắn liền với đất; nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các hộ dân; nguyên nhân dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X bị "đắp chiếu"…, UBND phường tổ chức đối thoại giữa các hộ dân và chủ đầu tư. Nội dung xoay quanh việc thuyết phục các hộ dân về lợi ích của Dự án; về chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện cho các hộ dân đối thoại với chủ đầu tư về giá cả đền bù, chính sách tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành và trên cơ sở hài hòa lợi ích của đôi bên.

Hiện nay, các dự án treo là một trong những vấn đề gây nhiều bức xúc và gây lãng phí rất lớn về đất đai. Các quy định hiện hành về thu hồi đất các dự án treo còn thiếu tính khả thi vì khi nhận đất, các nhà đầu tư đã trả tiền sử dụng đất, đóng thuế và đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình cơ bản. Do vậy, muốn thu hồi lại thì địa phương phải hoàn trả lại chi phí cho chủ đầu tư.

Để xoá sổ dự án treo, cần thiết phải điều chỉnh, thay đổi cơ chế thu hồi đất đối với các dự án treo bằng cơ chế tăng thuế, nộp tiền sử dụng đất bổ sung hoặc tăng tiền thuê đất đối với các dự án treo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các dự án; quy định chặc chẽ lộ trình thực hiện dự án được phê duyệt; điều chỉnh thời gian và số lần gia hạn giấy phép; điều chỉnh thời gian chậm trễ bị thu hồi… Như vậy, các dự án treo sẽ bị thu hồi nhanh chóng mà không bị vấp váp và rắc rồi về tài chính như hiện nay.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác dân vận, tuyên truyền và vận động nhân dân thực hiện chủ trương đền bù giải toả phục vụ các dự án đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phân tích, giải thích để những trương hợp không chịu nhận đền bù hiểu trách nhiệm và nghĩa vụ công dân trong việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Đề cao tầm quan trọng, hành động cao đẹp và ý nghĩa của việc thực hiện chủ trương giải toả đền bù

đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thuyết phục các hộ dân ở phường Y chấp thuận đền bù để không gây cản trở tiến độ thực hiện dự án Khu đô thị mới - Công viên trung tâm thị xã X.

Nếu họ vẫn cương quyết không chấp hành thì thực hiện cưỡng chế, đồng thời hướng dẫn họ các thủ tục khiếu nại chuyển các cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định hiện hành.

24. Tình huống số 24

24.1. Mô tả tình huống

Hộ gia đình bà A ở thôn I, xã K nuôi rất nhiều lợn với quy mô lớn nhưng hệ thống tiêu thoát nước, khí thải không đảm bảo, nước và khí thải được thải thẳng trực tiếp vào đường thoát nước của xóm làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và những hộ xung quanh. Dù đã được Đảng uỷ, UBND và các tổ chức đoàn thể xã K nhắc nhở nhiều lần nhưng hộ gia đình bà A vẫn không khắc phục, thậm chí tình trạng ô nhiễm ngày càng nặng hơn, gây bức xúc, ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng, nhất là vào những hôm trời nắng nóng hoặc mưa to, nước tràn lên đường. Đảng uỷ, UBND và các tổ chức đoàn thể xã K cần phải làm gì để khắc phục tình trạng trên.

24.2. Phân tích tình huống

Vì thiếu hiểu biết kiến thức pháp luật quy định về việc chăn nuôi tập trung và bảo vệ môi trường nên hộ gia đình bà A gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường do xả thải trực tiếp chất thải chăn nuôi chưa qua xử lý ra môi trường. Điều đó bắt nguồn bởi công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Luật Chăn nuôi và Luật bảo vệ môi trường ở xã K chưa tốt. Điều đó đã gây ra sự bức xúc trong cộng đồng dân cư ở thôn I, xã K. UBND xã K cần phải vào cuộc xử lý để chấm dứt ngay tình trạng ô nhiễm môi trường để cộng đồng dân cư thôn I không phải ngửi thấy mùi hôi thối do chất thải chăn nuôi lợn của hộ gia đình bà A gây ra.

24.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chăn nuôi trên địa bàn xã K chưa tốt. Do bà A chưa nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân trong việc

chăn nuôi tập trung. Hậu quả, hộ gia đình bà A xây dựng chuồng trại chăn nuôi lợn trong khu dân cư không đảm bảo quy trình, kỹ thuật thiết kế theo quy định, nhất là khâu xử lý chất thải. Gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng dân cư thôn I.

24.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của hộ chăn nuôi trên cơ sở tôn trọng quyền được hưởng không khí trong lành của những hộ khác theo quy định của pháp luật.

24.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Điều 251, của Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 quy định nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải: "Chủ sở hữu nhà, công trình xây dựng khác phải làm cống ngầm hoặc rãnh thoát nước để đưa nước thải ra nơi quy định, sao cho nước thải không chảy tràn sang bất động sản của chủ sở hữu bất động sản liền kề, ra đường công cộng hoặc nơi sinh hoạt công cộng".

Khoản 1, 2, 3, 4, 5, Điều 59, Điều 60 của Luật Chăn nuôi 2018 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2020) thì việc xử lý chất thải trong chăn nuôi trang trại được quy định cụ thể như sau:

"1. Chất thải chăn nuôi bao gồm chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ, nước thải chăn nuôi, khí thải và chất thải khác.

2. Việc xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trước khi sử dụng cho cây trồng hoặc làm thức ăn cho thủy sản;

b) Chất thải rắn có nguồn gốc hữu cơ chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng;

c) Vật nuôi chết vì dịch bệnh và chất thải nguy hại khác phải được xử lý theo quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường.

3. Việc xử lý nước thải chăn nuôi được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Nước thải chăn nuôi đã xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được sử dụng cho cây trồng;

c) Nước thải chăn nuôi chưa xử lý khi vận chuyển ra khỏi cơ sở chăn nuôi trang trại đến nơi xử lý phải sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

4. Tổ chức, cá nhân sở hữu cơ sở chăn nuôi trang trại có trách nhiệm xử lý khí thải từ hoạt động chăn nuôi đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải chăn nuôi.

5. Việc xử lý chất thải khác phải tuân thủ quy định của pháp luật về thú y, bảo vệ môi trường".

Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi.

Điều 82 của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình.

Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Nghị định số 55/2021/NĐ-CP ngày 24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

24.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục hộ gia đình bà A chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi và bảo vệ môi trường nhằm góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường ở trong khu dân cư.

24.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã K chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và thôn I thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi lợn của hộ gia đình bà A gây ra. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục hộ gia đình bà A chấp hành các quy định của pháp luật về chăn nuôi và bảo vệ môi trường.

Tìm hiểu xem hộ gia đình bà A có nắm được những quy định của pháp luật về chăn nuôi và bảo vệ môi trường hay chưa để có cách xử lý thích hợp.

Giải thích để hộ gia đình bà A biết những quy định của pháp luật về nghĩa vụ của chủ sở hữu trong việc thoát nước thải; về việc xử lý chất thải trong chăn nuôi trang trại; về yêu cầu bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình và quy định hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Vận động, thuyết phục và hướng dẫn hộ gia đình bà A có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc thoát nước thải, khí thải ra môi trường đảm bảo theo quy định của pháp luật để tránh ảnh hưởng đến đời sống của cộng đồng trong khu dân cư.

Nếu đối thoại với hộ gia đình bà A đạt được kết quả thì lập thành biên bản để căn cứ thực hiện. Nếu hộ gia đình bà A vẫn chưa thống nhất thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi và bảo vệ môi trường thì tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền và thuyết phục hộ gia đình bà A để tìm ra hướng giải quyết phù hợp.

Sau nhiều đợt tuyên truyền, vận động, nhắc nhở, cảnh cáo mà hộ gia đình bà A vẫn không khắc phục hậu quả thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo Nghị định số 179/2013/NĐ-CP quy định hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

25. Tình huống số 25

25.1. Mô tả tình huống

Nhà anh A và chị B là hàng xóm, ở sát vách nhau. Anh A có sắm dàn máy karaoke và loa công suất lớn. Anh A hay rủ rê bạn bè tụ tập ăn nhậu và hát karaoke tại nhà. Có nhiều hôm hát đến 12 giờ đêm. Chị B đã nhiều lần đề nghị anh A giảm

bớt tiếng ồn nhưng anh A không hợp tác. Tình trạng cứ kéo dài, 2 bên lời qua tiếng lại và mâu thuẫn ngày càng tăng.

25.2. Phân tích tình huống

Nhà anh A và chị B là hàng xóm, ở sát vách nhau. Anh A có sắm dàn máy karaoke và loa công suất lớn. Anh A hay rủ rê bạn bè tụ tập ăn nhậu và hát karaoke tại nhà. Có nhiều hôm hát hò đến tới 12 giờ đêm.

25.3. Xác định nguyên nhân và hậu quả

Do công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Nghị định 167/2013/NĐ-CP và Nghị định 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ của chính quyền cơ sở chưa tốt. Do sự thiếu hiểu biết về pháp luật và do thói quen ăn nhậu, hát hò của anh A. Hậu quả của sự việc trên là xảy ra mâu thuẫn giữa anh A và chị B, gây mất tình làng nghĩa xóm, gây mất an ninh trật tự thôn xóm, ảnh hưởng đến đời sống của gia đình chị B và những người ở xung quanh.

25.4. Nguyên tắc xử lý tình huống

Xử lý tình huống phải đảm bảo nguyên tắc pháp lý, công khai, minh bạch; đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường.

25.5. Căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn

Theo khoản 1, Điều 6, Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình: "Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng trong khoảng thời gian từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau".

Điều 17, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vị phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường: Phạt cảnh cáo đối với hành vi gây tiếng ồn vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng tuỳ vào mức độ vượt quy chuẩn kỹ thuật. Thậm chí còn có hình thức phạt bổ sung và khắc phục hậu quả do hành vi này gây ra.

Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày24/5/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vị phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điểm c, khoản 2, Điều 5, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

Căn cứ thực tiễn: Hành vi anh A hay rủ rê bạn bè tụ tập ăn nhậu và hát karaoke tại nhà đến tới 12 giờ đêm. Vậy là anh A và bạn bè anh A đã vi phạm Nghị định số 167/2013/NĐ-CP, Nghị định số 155/2016/NĐ-CP và Nghị định số 55/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

25.6. Mục tiêu giải quyết tình huống

Tuyên truyền, vận động, thuyết phục để anh A hiểu trách nhiệm của mình trong việc sử dụng dàn máy karaoke và loa công suất lớn tại nhà nhằm góp phần thiết thực trong việc giữ gìn an ninh trật tự trong khu dân cư.

25.7. Phương hướng giải quyết tình huống, hướng khắc phục và tổ chức rút kinh nghiệm cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở

UBND xã chỉ đạo các bộ phận chức năng phối hợp với Mặt trận, đoàn thể của xã và ấp thành lập tổ công tác để thực hiện việc nắm bắt tình hình diễn biến mâu thuẫn, xung đột giữa nhà anh A và chị B. Thực hiện tuyên truyền, vận động, thuyết phục anh A thực hiện tốt những quy định của pháp luật về việc sử dụng dàn máy karaoke và loa công suất lớn tại nhà.

Thuyết phục anh A sử dụng dàn máy karaoke và loa công suất lớn tránh làm ảnh hưởng đến hàng xóm và tuân thủ theo quy định của Chính phủ. Nếu anh A còn tái phạm thì lập biên bản và xử phạt hành chính theo quy định hiện hành. Đồng thời, tiếp tục tổ chức các đợt tuyên truyền, thuyết phục và đối thoại với anh A để tìm ra hướng giải quyết phù hợp nhằm chấm dứt vấn nạn sử dụng dàn máy karaoke và loa công suất lớn tại nhà gây ồn ào, ảnh hưởng đến cộng đồng.

Để xử lý vấn nạn này, cần phải giáo dục, nâng cao ý thức của mọi người dân đối với cộng đồng, xã hội. Trước hết các chính quyền địa phương cấp cơ sở phải tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến mọi công dân trong từng khu dân cư, tổ dân phố, xóm ngõ vì sự bình yên chung. Bên cạnh đó, các cơ quan có thẩm quyền như Văn hóa -Thông tin, Công an, chính quyền địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của mình đã được pháp luật quy định cũng phải đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các cá nhân, tổ chức như các nhà hàng, quán karaoke, những người mua bán sử dụng loa gây ồn nếu vi phạm.

Hành vi gây tiếng động lớn, làm ồn ào, huyên náo tại khu dân cư, nơi công cộng chúng tôi cho rằng cần tăng cường biện pháp về xử lý hành chính thật cao và nghiêm để đánh vào ý thức, nhận thức của những người vi phạm vì hành vi nhậu say, hát hò, gây rối trật tự công cộng có thể áp dụng hành vi gây rối trật tự công cộng được quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu xây dựng cẩm nang xử lý tình huống dành cho cán bộ cấp cơ sở với mục tiêu nghiên cứu, xây dựng các tình huống mẫu, hướng dẫn quy trình, phương án giải quyết tình huống một cách khoa học, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý trong công tác lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở.

Việc rèn luyện kỹ năng được xem là yêu cầu tất yếu trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Việc bồi dưỡng, hướng dẫn kỹ năng, quy trình, cách thức giải quyết tình huống từ thực tiễn ở cơ sở là nội dung quan trọng, cần kíp đáp ứng với yêu cầu và nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, công chức ở cơ sở hiện nay.

Thực tiễn hoạt động lãnh đạo, quản lý ở cấp cơ sở phải giải quyết rất nhiều tình huống bất ngờ, phức tạp, đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở không ngừng học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng giải quyết tình huống để tránh những trường hợp lúng túng hoặc giải quyết không hiệu quả, không kịp thời sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín của người cán bộ, chính quyền địa phương và lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền, đoàn thể ở cơ sở.

Đề tài là công trình nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn cao, vừa bồi dưỡng kỹ năng, đổi mới phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường, vừa bồi dưỡng kỹ năng học tập, cách tiếp cận và rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống cho học viên. Có thể xem đây là công trình nghiên cứu được đúc kết từ những kinh nghiệm quý báu từ thực tiễn công tác nghiên cứu, giảng dạy của nhà Trường cùng sự phối hợp, cộng tác của các cấp, các ngành, địa phương cơ sở đã quan tâm, hỗ trợ nhà trường trong quá trình khảo sát thực tiễn, nhận diện, xây dựng các tình huống từ những vấn đề phát sinh, mâu thuẫn, các vấn đề khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn ở cơ sở.Đây được xem là công trình, là cẩm nang công tác, có ý nghĩa thiết thực, tiện lợi cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở ở tỉnh Bình Phước hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2018), *Quy định số 109-QĐ/TW ngày 03/01/2018 của Ban Bí thư về công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên*

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ.*

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 quy định về thi hành Điều lệ Đảng.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2021), Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng

5. Ban Dân vận Trung ương (2005), *Cẩm nang công tác dân vận,* NXB.Chính trị quốc gia

6. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị*

7. Bộ Nội vụ (2017), *Thông tư 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

8. Bộ Tài nguyên và Môi trường *(2021), Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai.*

9. Cẩm nang tra cứu nhanh những tình huống thường gặp trong công tác Đảng, Nxb: Hồng Đức.

10. Chính phủ (2010), *Nghị định 06/2010/NĐ-CP ngày 25 /01/2010 quy định những người là công chức.*

11. Chính phủ (2010), *Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 quy định về quản lý biên chế công chức*

12. Chính phủ (2010*), Nghị định 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức*

13. Chính phủ (2010), *Nghị định 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức*

14. Chính phủ (2011*), Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức*

15. Hoàng Chí Bảo, Lưu Văn Sùng (chủ biên), (2002): *Tập bài giảng xử lý tình huống chính trị*, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Ngọc Uyển (1998), *Tâm lí học quản lí*, NXB Giáo dục

17. Quốc Hội (2008), *Luật cán bộ, công chức 2008*

18. Quốc Hội (2009), *Luật Dân quân tự vệ*

19. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp 2013*

20. Quốc Hội (2013), *Luật đất đai*

21. Quốc Hội (2013)*, Luật hòa giải ở cơ sở*

22. Quốc Hội (2019), *Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015, sửa đổi bổ sung năm 2019.*

23. Luật Hộ tịch 2014.

24. Nghị định 123/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hộ tịch

25. Luật Tiếp công dân 2013.

26. Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016.

27. Luật khiếu nại năm 2011

28. Luật Tố cáo năm 2018

29. Luật Cán bộ, Công chức năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

30. Sổ tay Bí thư chi bộ và đảng viên giải đáp những tình huống thường gặp về nghiệp vụ công tác Đảng(2019), Nxb: Thế Giới.

31. TS. Nguyễn Thị Thúy Dung, *Kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề trong quản lý*

32. TS. Cao Thanh Vân - TS. Đinh Ngọc Giang (Chủ biên), *Xử lý tình huống công tác cán bộ của Đảng, Nxb: Chính trị quốc gia,*

33. Vũ Dũng (chủ biên), (2008), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Từ điển bách khoa.